

Howard E. Wasdin & Stephen Templin

Hồi ký của một tay súng bắn tỉa

Nhông bị mất chưa biết về biệt đội đã tiêu diệt trùm khủng bố Osama Bin Laden



SEAL TEAM SIX



Howard E. Wasdin & Stephen Templin

Hồi ký của một tay súng bắn tỉa

Những bí mật chưa biết về biệt đội đã tiêu diệt trùm khủng bố Osama Bin Laden



SEAL TEAM SIX



Howard E.Wasdin & Stephen Templin

HỒI KÝ CỦA MỘT TAY SÚNG BẢN TĨA

Bản quyền tiếng Việt © 2012 Công ty Sách Alpha

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Hồi ức của một ST6er

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Cách đây đúng một năm, cả thế giới rúng động khi Tổng thống Mỹ, Barack Obama tuyên bố đã chính thức tiêu diệt được trùm khủng bố Osama Bin Laden – kẻ đứng đầu danh sách truy nã toàn cầu của Mỹ suốt 10 năm qua. Đây là một sự kiện gây chấn động không chỉ với nước Mỹ mà còn đối với toàn thế giới. Sự kiện này đã làm dấy lên làn sóng nghi vấn về tính xác thực của thông tin và những câu hỏi đi kèm về đội ngũ bí mật đã tiêu diệt thành công trùm khủng bố nguy hiểm nhất thế giới này.

Thực tế, công chúng gần như sẽ không bao giờ có được câu trả lời chính xác cho những câu hỏi này. Danh tính của khoảng 20 binh sĩ Mỹ tham gia chiến dịch được giữ kín. Họ thật sự là những người anh hùng nhưng sẽ không có bất cứ một lễ vinh danh nào dành cho họ. Tuy nhiên chúng ta biết chắc chắn rằng họ thuộc Đội số 6 của biệt đội huyền thoại SEAL – một lực lượng bí ẩn và tinh nhuệ nhất của Hải quân Hoa Kỳ.

SEAL là lực lượng đột kích mạnh nhất của Mỹ và cũng được coi là mạnh nhất trên thế giới. Thông thạo hơn một ngôn ngữ, có khả năng trà trộn vào bất kỳ môi trường nào, có khả năng tác chiến ở mọi địa hình, sử dụng tốt mọi vũ khí, đặc biệt là hoạt động chiến đấu đột kích đêm... Đó là những đặc điểm ưu việt của Biệt đội SEAL số 6.

Những thành viên thầm lặng của Biệt đội SEAL số 6 đã tham gia hàng trăm điệp vụ bất khả thi. Nhiều người trong số họ đã bỏ mạng. Họ được cả xã hội tôn vinh nhưng không ai biết họ thực sự là ai, tất nhiên, trừ những viên chức cao cấp.

Nhưng thật may mắn, trong cuốn sách bạn đang cầm trên tay, là một phần những bí mật về SEAL mà Howard E. Wasdin, thành viên Biệt đội SEAL số 6, hé mở cho bạn. Đạo qua từng trang của cuốn sách, giống như bạn đang xem một bộ phim tư liệu hiếm hoi và quý giá về cuộc đời của những người lính biệt kích Mỹ. Với lối viết bản năng kết hợp phong cách tiểu

thuyết ly kì hồi hộp của Tom Clancy, Wasdin đã tái hiện lại những chi tiết đầy cam go và thử thách trong các cuộc luyện quân hà khắc để gia nhập SEAL.

Tất cả các thành viên của SEAL đều phải kinh qua những bước chuẩn bị khốc liệt, bao gồm 6 tháng huấn luyện tác chiến cơ bản dưới nước ở Coronado, California. Trong “Tuần lễ Địa ngục”, các tân binh chỉ được ngủ tổng cộng 4 tiếng trong suốt 5 ngày rưỡi chạy nhảy, bơi trong nước lạnh buốt và lội trong bùn lầy. Có khoảng 80% số ứng viên không vượt qua được vòng này và ít nhất có một người chết.

Với những ai thành công, họ sẽ được huấn luyện thêm sau đó. Sau nhiều năm là thành viên SEAL bình thường, các ứng viên của Biệt đội SEAL số 6 được huấn luyện nhảy dù từ độ cao 9.000m với mặt nạ và tác chiến chiếm lại một tàu du lịch bị tấn công. Chỉ có một nửa số thành viên của SEAL hoàn thành được khóa huấn luyện này...

Trong từng trang của cuốn sách, Wasdin đưa ra mô tả cũng như cảm nhận riêng của mình về chiến dịch Mogadishu mà ông trực tiếp tham gia và bị thương: nhiều kỷ niệm đau lòng, nhưng cũng không thiếu những hồi ức giàu tính nhân văn và đẹp như cô tích.

Mời bạn hãy bước vào cuộc hành trình giàu màu sắc và cảm xúc cùng Biệt đội SEAL số 6.

Hà Nội, tháng 5 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ALPHA

Phần I

Tôi thích bắn súng và tôi yêu săn bắn, nhưng chắc chắn tôi không bao giờ thích giết hại ai cả. Tuy nhiên, đó là công việc của tôi. Nếu tôi không giết những kẻ nhần tâm đó, họ sẽ ra tay sát hại nhiều lớp người trẻ khoác lên mình những bộ quần áo lính thủy đánh bộ như chúng tôi.

– Trung sĩ Carlos Hathcock,
lính thủy đánh bộ.

Chương 1. Tiếp cận và tiêu diệt

Khi Hải quân Mỹ cần sử dụng lực lượng tinh nhuệ nhất của mình, họ chọn lực lượng đột kích SEAL; khi lực lượng SEAL cần sử dụng lực lượng tinh túy nhất của mình, họ chọn Đội SEAL số 6. Lực lượng SEAL của Hải quân Mỹ có nhiệm vụ chống khủng bố và chống chiến tranh du kích (tương tự như nhiệm vụ của lực lượng Delta thuộc Bộ binh Mỹ) và cũng có lúc phối hợp với Cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ (CIA). Đây là lần đầu tiên câu chuyện của một lính bắn tỉa thuộc Đội SEAL số 6 được thuật lại. Và đó là câu chuyện của tôi.

Những người lính bắn tỉa đều tránh bộc lộ bản thân. Mặc dù chúng tôi ưu tiên tấn công thay vì trở thành mục tiêu bị tấn công, nhưng một vài kẻ thù vẫn nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Chúng tôi dựa vào sức mạnh của mình để khai thác điểm yếu của đối phương, tuy nhiên trong suốt thời gian diễn ra cuộc Chiến tranh vùng Vịnh lần I, tôi đã bị thương và nằm đơn độc trên phần đuôi nhô ra của con tàu địch có sự hiện diện của nhóm thủy thủ làm việc cho Saddam Hussein. Một lần khác, dù là bậc thầy về nghệ thuật ngụy trang và ẩn nấp, nhưng tôi lại phải nằm phơi mình trên đường băng của một nước thuộc thế giới thứ ba với những lỗ đạn trên cả hai chân, chân phải gần như bị đứt lìa bởi đạn súng AK-47. Đôi khi chúng tôi phải đối mặt với những gì mà mình vẫn luôn cố tránh.

Tờ mờ sáng ngày 18 tháng Chín năm 1993 tại Mogadishu, Somalia, Casanova và tôi bò qua một bức tường còn sót lại ở đó, rồi trèo lên sân

thượng của một tòa nhà 6 tầng. Mới tờ mờ sáng, nhưng ở khu vực xung quanh tòa nhà đã có người đi lại. Đàn ông, đàn bà và trẻ con đang tận hưởng những giây phút bình yên trên những con phố. Tôi ngửi thấy mùi từ những lò lửa mới nhóm lên bằng phân động vật khô hay bất cứ thứ gì mà người ta có thể để đốt. Chúng được dùng để nấu bất kỳ loại thức ăn nào mà người dân Somali tìm thấy. Thủ lĩnh phiến quân Aidid hiểu rõ được tầm quan trọng của việc kiểm soát nguồn cung lương thực, cho nên cứ mỗi lần thấy một đứa trẻ chết đói, tôi lại đổ lỗi điều đó cho Aidid, vì trò chơi quyền lực tàn độc của hắn đã tàn phá cuộc sống của người dân nơi đây.

Tòa nhà chúng tôi đang trú ngụ nằm ở giữa khu phức hợp Pakistan. Người Pakistan rất thân thiện và tôn trọng chúng tôi. Vào giờ uống trà, một cậu bé phục vụ luôn mang tới cho chúng tôi một cốc trà. Sữa dê mà họ cho vào trong trà thậm chí còn giúp tôi sáng tạo ra một hương vị trà mới. Âm vị và hương vị của những người chăn dê trong khu phức hợp này chạm tới cảm xúc của tôi khi tôi cùng Casanova trườn tới mép ngoài đỉnh tòa nhà. Chúng tôi nằm sấp ở đó và hướng tầm mắt về một gara lớn phía trước, đó là một tòa nhà không nóc của một xưởng sửa chữa các loại phương tiện. Vây quanh gara này là khung cảnh của một thành phố ẩm đạm. Những con người Somali nặng nề lê bước, đầu và vai nặng trĩu như sắp sụp xuống. Sự bất lực bủa vây khuôn mặt họ, sự nghèo đói biến họ thành bộ da bọc xương. Do đây vẫn còn là khu vực “tốt hơn” so với những nơi khác ở thành phố này, nên những tòa nhà đa kích cỡ cũng được tôn tạo đôi chút. Ở vùng này cũng xuất hiện cả những ngôi nhà kiên cố bằng bê tông, thay vì chỉ có những tòa nhà cấp bốn bằng tôn và gỗ phổ biến trên khắp các thành phố và khu vực nông thôn ở đất nước này. Tuy nhiên, mùi hôi thối từ xác người chết và rác rưởi, trộn lẫn với “mùi” tâm trạng vô vọng của người dân nơi đây tràn ngập trong không khí. Vâng, đúng là sự vô vọng cũng có mùi vị. Người ta sử dụng khái niệm “các nước đang phát triển”, nhưng với Somali, khái niệm đó nghe thật chối tai. Thứ “đang phát triển” tại Somali lúc này chính là đói nghèo và chiến tranh. Tôi nghĩ khái niệm “các nước đang phát triển” chỉ là cách khiến những người vẽ ra nó cảm thấy được an ủi hơn. Dù chúng ta có xem đói nghèo và chiến tranh là gì đi chăng nữa, thì thực sự đó vẫn là hai điều tệ hại nhất có thể tưởng tượng ra.

Tôi đo khoảng cách chính xác tới một số tòa nhà. Khi thực hiện thao tác bắn tỉa, hai yếu tố chính mà bạn cần xem xét chuẩn xác đó là độ lệch ngang và

độ lệch cao thấp của đường đạn. Do hiện giờ gió không đủ mạnh để có thể làm lệch trái hoặc lệch phải đường đạn, nên tôi không phải quan tâm nhiều đến độ lệch ngang. Độ cao thấp thay đổi tùy thuộc vào tầm bắn (khoảng cách tới mục tiêu). Do hầu hết các mục tiêu của tôi đều ở cách xa từ khoảng 200m (từ gara trước mặt) tới 650m (tương đương với khoảng cách tới điểm giao nhau phía sau gara), nên tôi thường điều chỉnh kính ngắm ở mức cách 500m. Cách này cho phép tôi điều chỉnh súng cao hay thấp tùy thuộc vào tầm bắn. Khi súng nổ, giữa các phát bắn, bạn sẽ không có thời gian điều chỉnh kính ngắm để lấy tầm bắn chuẩn.

Chúng tôi bắt đầu trinh sát vào lúc 6 giờ sáng. Trong khi chờ tín hiệu của đồng nghiệp, tôi đã hình dung ra những cảnh tượng khác nhau trong đầu mình: có thể một tên sẽ xuất hiện chỗ này, rồi một tên khác xuất hiện chỗ kia và tiếp tục như thế. Khi đó tôi sẽ xác định mục tiêu, ngắm bắn và thậm chí còn làm động tác lên cò tượng trưng, phát đạn lướt xuyên qua hơi thở ổn định của tôi và theo đúng đường đạn đã vạch ra, trong khi vẫn đang dán chặt mắt vào mục tiêu. Sau đó tôi giả lên đạn lại, trở lại quan sát qua kính ngắm Leupold 10-power, tiếp tục tìm kiếm thêm vài tên khốn nữa. Đã hàng nghìn lần tôi bắn thử cũng như bắn thật, kể cả trong thời tiết ẩm ướt hay khô ráo, trong bùn lầy hay trong tuyết phủ; từ công sự tự đào trong lòng đất, ẩn mình sau những cánh cửa sổ khép hờ trong thành phố, hay gần như ở bất cứ nơi nào mà chúng tôi nghĩ ra. Những điều chúng tôi luôn được nghe ngay từ ngày đầu tham gia huấn luyện tại SEAL thực sự đúng đắn: “Thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu”. Ngày hôm nay, tôi có trách nhiệm phải đảm bảo không một ai trong những người đồng đội thuộc Lực lượng Delta phải rơi một giọt máu nào khi tôi yểm trợ cho họ đột kích vào gara. Trong tác chiến, sự an toàn tuyệt đối của đồng đội tôi cũng quan trọng như sự bình an của chính tôi vậy.

Mục tiêu lần này của chúng tôi là Osman Ali Atto – chuyên gia, cố vấn tài chính quan trọng của Tướng Aidid. Dù ngay từ lần trinh sát trước, cả Casanova và tôi đều có thể xác định được mục tiêu, nhưng cấp trên yêu cầu chúng tôi phải chờ mật vụ CIA xác nhận về đặc điểm nhận dạng của hắn trước khi nổ súng.

Tôi không được phép quên thực tế trở trêu hiện tại đó là phải thực hiện nhiệm vụ bắt sống Atto thay vì tiêu diệt hắn, dù hắn và cấp trên của hắn đã

giết chết hàng trăm nghìn người dân Somali vô tội. Tôi có cảm giác rằng nếu tiêu diệt Atto và Aidid, chúng tôi có thể kết thúc xung đột, nhanh chóng mang lương thực đến cho người dân và bình an trở về nhà.

Khoảng 8 giờ 15 phút sáng, cuối cùng mật vụ của chúng tôi cũng ra tín hiệu theo quy ước định sẵn. Mật vụ này làm điều đó vì đã được CIA đối đãi rất hậu hĩnh. Điều đầu tiên mà tôi học được khi làm việc với CIA là sức mạnh của đồng tiền có thể xô đổ mọi sự trung thành.

Nhận được tín hiệu, cả Casanova và tôi đều lên đạn sẵn sàng. Trực thăng Black Hawk (Điều hâu) và Little Bird (Chim nhỏ) bay rợp trời. Vào thời điểm đó, các thành viên Delta đã bắt đầu xuất kích. Quả thực, môi trường tác chiến trong đô thị đã cung cấp cho quân địch rất nhiều lá chắn, nhiều chỗ ẩn nấp và đường rút lui. Tất cả những gì mà một tên địch phải làm là nổ một vài loạt đạn vào trực thăng hoặc xe Humvee, rồi nhảy ngược lại vào trong tòa nhà và quẳng vũ khí đi. Thậm chí nếu hắn có tái xuất hiện, thì hắn cũng không còn bị coi là quân địch khi không mang vũ khí. Mọi chuyện diễn ra rất nhanh và môi trường tác chiến không có chỗ cho lòng vị tha.

Những người lính của Delta nhanh nhẹn tụt dây vào bên trong gara, lính Ranger cũng rất nhanh leo dây xuống bủa vây quanh gara, trong khi những lính bắn tỉa của Delta hiện diện trên trực thăng Little Bird bay lượn phía trên bảo vệ lực lượng trực tiếp tác chiến tấn công. Người của Atto chạy tán loạn như bầy ong vỡ tổ. Ngay lập tức, lực lượng dân quân của đối phương xuất hiện từ các tòa nhà xung quanh và nổ súng vào trực thăng.

Thông thường khi tác chiến, các lính bắn tỉa phải phối hợp với những người xác định mục tiêu. Người này sẽ nhận dạng, ước tính khoảng cách tới mục tiêu và truyền thông số cho các lính bắn tỉa để triệt hạ kẻ thù. Tuy nhiên, lần này chúng tôi không có thời gian để thực hiện thao tác đó vì đang tác chiến trong thành phố. Trong môi trường tác chiến này, kẻ địch có thể xuất hiện ở bất cứ đâu. Thậm chí tồi tệ hơn là bọn chúng nguy trang làm dân thường. Chúng tôi buộc phải căn cứ vào động tĩnh của hắn. Thậm chí nếu lỡ hắn có xuất hiện với súng trên tay, hắn ta vẫn có thể là người của phía chúng tôi. Chúng tôi phải đợi cho đến lúc hắn hướng vũ khí về phía những đồng đội của chúng tôi. Đến lúc đó chúng tôi mới chắc chắn được rằng hắn ta cần phải bị tiêu diệt. Chúng tôi không có thời gian chỉnh sửa hoặc thực hiện

phát bắn thứ hai. Hiện tại cả Casanova và tôi đều được trang bị súng bắn tỉa .300 Win Mag.

Sử dụng kính ngắm Leupold 10-power, tôi thấy một phiến quân nấp ở cửa sổ cách tôi khoảng 500m và đang nã súng vào trực thăng. Tôi thở đều, lấy lại nhịp tim ổn định và hướng tâm kính ngắm vào hắn, những hành động tiếp theo diễn ra theo yếu lĩnh động tác sẵn có: báng súng ghì chặt vào vai, má áp vào một bên kính ngắm, mắt tôi tập trung vào tâm kính ngắm thay vì tên địch, từ từ lên cò (thậm chí dù cò rất nhẹ, lực kéo khoảng 2 kg). Tôi cảm nhận được sự chính xác ngay từ cú giật của súng. Viên đạn đâm xuyên từ bên trái sang bên phải ngực tên địch. Hắn quay cuồng, oằn mình rồi ngã vật xuống nền nhà và nằm đó mãi mãi. Tôi nhanh chóng quay lại với kính ngắm và tiếp tục rà tìm mục tiêu. *Cuộc chiến lại tiếp tục.* Tất cả những ý nghĩ khác biến mất khỏi tâm trí tôi. Ngay lúc này chỉ có súng Win Mag bên cạnh, tôi tiếp tục rà tìm mục tiêu trong phạm vi đảm nhiệm. Casanova cũng đang thực hiện nhiệm vụ tương tự của mình.

Một tên phiến quân khác sử dụng AK-47 xuất hiện từ cửa một tòa nhà cách tôi khoảng 300m và hướng súng về phía những người lính Delta đang thực hiện cuộc tấn công vào gara. Tôi chắc chắn hắn ta nghĩ rằng ở vị trí hiện tại của mình, hắn an toàn trước lực lượng tấn công. Tuy nhiên hắn không thể thoát khỏi tầm ngắm của tôi bởi vì khoảng cách 300m không phải là một trở ngại lớn. Tôi hạ hắn từ phía sườn trái và tất nhiên viên đạn bay ra ở phía bên phải. Hắn gục xuống ngay ở cửa thoát hiểm và không bao giờ biết ai đã hạ mình. Khẩu AK-47 nằm im lìm bên cạnh xác hắn. Một tên khác cố tiến tới chỗ hắn để giành lại khẩu súng, song một phát đạn từ súng Win Mag của tôi đã ngăn không cho điều đó xảy ra. Ngay sau mỗi lần thực hiện một phát bắn, tôi lập tức quên mục tiêu cũ để chuyển sang mục tiêu khác.

Trong và ngoài gara, khung cảnh hỗn loạn thấy rõ. Mọi người chạy tán loạn khắp nơi. Trực thăng Little Bird và Black Hawk che phủ bầu trời, tiếng cánh quạt rít gió đình tai nhức óc, nhưng tôi vẫn đang ở trong thế giới riêng bé nhỏ của mình. Ngoại trừ nhiệm vụ và những mục tiêu tôi quan sát được từ kính ngắm, hiện giờ chẳng có gì khác tồn tại cả. Hãy để những người lính của đơn vị thực hiện tác chiến làm nhiệm vụ của mình bên trong gara. Nhiệm vụ của tôi là tiếp cận và tiêu diệt quân địch.

Đây không phải là lần đầu tiên tôi hạ kẻ thù vì đất nước mình. Hiển nhiên, đó cũng không phải là lần cuối cùng.

Tôi tiếp tục rà tìm mục tiêu trong vài phút. Cách tôi khoảng 800m có một tên xuất hiện với súng phóng lựu RPG. Hắn chuẩn bị bắn trực thăng của chúng tôi. Nếu tôi hạ được hắn, đó chắc là mục tiêu bị hạ ở khoảng cách xa nhất trong suốt sự nghiệp cầm súng của mình, nhưng nếu tôi thất bại thì sao...

Chương 2. Mỗi phát súng, một tên địch?

Một năm trước, tôi đóng quân tại căn cứ tại Đội SEAL số 6 ở bờ biển Virginia, Virginia. Trong thời gian trực chiến, tôi để tóc dài hơn so với quy định của lính Hải quân, vì thế tôi có thể đi đến bất cứ nơi đâu trên trái đất này mà không sợ bị phát hiện ra là một quân nhân. Tôi thường cạo râu nhẵn nhụi. Mặc dù trong lần triển khai dàn quân tới Na Uy cùng Đội SEAL số 2, tôi đeo râu giả, nhưng thực sự tôi không thích để râu mọc trên mặt tẹo nào.

Trong thời gian chờ lệnh triệu tập, tôi luyện tập tại khu nhà được gọi là “nhà tiêu diệt” (kill house) – khu vực được sử dụng để huấn luyện chống khủng bố trong đô thị và tại trường bắn.

Sau giai đoạn trực chiến sẽ là khoảng thời gian ba tháng huấn luyện cá nhân, khi đó chúng tôi được phép rời đoàn và đến các trường học như Trường bắn Bill Rogers, Trường lặn, leo tự do hay bất cứ nơi nào mà chúng tôi phải đến. Điều tuyệt vời khi là thành viên Đội SEAL số 6 là tôi có thể theo học tại hầu hết mọi ngôi trường tốt nhất, ở bất cứ đâu nếu tôi muốn. Giai đoạn huấn luyện cũng là cơ hội tốt cho chúng tôi tranh thủ nghỉ ngơi, có thể là một kỳ nghỉ ngắn với gia đình – những dịp như thế đặc biệt quý giá đối với người vừa trở về từ những nhiệm vụ ở nước ngoài. Sau đó, chúng tôi có ba tháng tập trung để huấn luyện theo đội hình chung tại trường học lặn, nhảy dù và bắn súng. Sau mỗi nội dung huấn luyện, chúng tôi tham gia tác chiến giả để áp dụng những kỹ năng vừa học được.

Một buổi tối nọ, tôi ngồi trong một nhà hàng Pizza được gọi là Phòng chờ (giống như địa điểm mà Charlie Sheen và Michael Biehn đã đứng bên ngoài để tranh luận trong phim *Navy SEAL* (tạm dịch: Biệt đội hải sự)) và nói chuyện về golf với Blake, cậu con trai 7 tuổi của tôi và một anh chàng lắm chuyện vui tính có biệt danh là Smudge. Giai điệu của ban nhạc *Def Leppard* phát ra từ máy hát. Chúng tôi thưởng thức món xúc xích tiêu, lạp xưởng và bánh pizza hành – những món ưa thích của tôi. Trong giai đoạn

trực chiến, tôi không được phép uống quá 2 cốc bia. Ở Đội SEAL số 6, chúng tôi phải tuân thủ nghiêm túc các quy định ngặt nghèo.

Đồ uống ưa thích của chúng tôi là bia Coors Light. Mỗi khi đi chơi theo nhóm, tôi và đồng đội đều ngụy trang thành vận động viên của Đội nhảy dù nghệ thuật Bia Coors Light. Chuyện ngụy tạo ấy được dùng để giải thích cho việc vì sao 30 gã trai lực lưỡng, đẹp trai, lại vào quán với dép tông, quần soóc, áo ba lỗ và dao Spyderco CLIPIT ở túi trước. Mỗi khi chúng tôi vào quán, tức thì những gã trai ở đó đều chuyển sang dùng bia Coors Light, rồi sau đó đám phụ nữ cũng chuyển sang dùng đồ uống này. Đáng lẽ hãng Coors nên tài trợ cho chúng tôi mới phải! Vỏ bọc này rất an toàn vì chúng tôi có thể trả lời mọi câu hỏi về nhảy dù biểu diễn. Không những vậy, trong quán, chúng tôi chỉ nói chuyện tầm phào nên chẳng ai quan tâm.

Khoảng 7 rưỡi tối, ngay trước khi thưởng thức xong món Pizza với bia Coors Light, tôi nhận được tin nhắn: *T-R-I-D-E-N-T-0-1-0-1*. Đây là mật mã có nghĩa: “Có mặt tại căn cứ Đội SEAL số 6.” Mật mã luôn báo cho tôi biết cần phải đến căn cứ nào. Lần này tôi phải lên máy bay ngay.

Tôi sẽ nhận túi quân trang của mình trên máy bay. Mỗi chiếc túi đều được buộc và sơn màu sắc theo mã cho từng nhiệm vụ cụ thể. Nếu trước đó tôi không gói ghém chính xác mọi thứ, tôi sẽ không nhận được đúng túi quân trang của mình. Khi tham gia tác chiến, mỗi chúng tôi phải quên đi những chiếc giường êm ái, thay vào đó là những túi ngủ để ngăn nước ngấm vào bên trong. Giấc ngủ tuyệt vời của lính bắn tỉa thực tế chẳng dễ chịu chút nào.

Trong suốt thời gian trực chiến, chúng tôi thực hiện chế độ tập trung trong một giờ. Dù ở đâu đi chăng nữa, tôi cũng chỉ có không quá một giờ trên máy bay và ngồi nghe tóm tắt nhiệm vụ. Giờ thì thời gian đã bắt đầu đếm ngược. Hai cha con tôi nhanh chóng lên xe – một chiếc Pontiac Grand Am màu bạc. Tôi lái xe về nhà ở ngay phía cuối con đường xuất phát từ Phòng chờ. Về đến nhà, vợ tôi, Laura vắn vẹo: “Anh đi đâu đấy?”

Tôi nhún vai trả lời: “Anh không biết”.

“Thật không đấy”, Laura hỏi.

“Không biết; và nếu có biết thì anh cũng không thể nói cho em biết được. Gặp lại em sau nhé.”

Smudge đón tôi tại nhà và thả tôi xuống phi trường của Căn cứ Không quân – Hải quân Oceana. Mặt tôi đảo quanh một chiếc máy bay C-130 mà bên trong tối thui. Có một vài máy bay phản lực được trang bị thiết bị hỗ trợ cất cánh (JATO) nhằm giúp nó cất cánh khỏi đường băng và vút lên không trung rất nhanh. Đây là thiết bị cần thiết khi máy bay của bạn đang là mục tiêu bị tấn công. Nếu có sự đồng hành của JATO, tôi biết ngay rằng nơi tôi sắp phải tới không dễ chịu chút nào. Tuy nhiên, lần này máy bay chúng tôi không được trang bị JATO.

Tôi có mặt trên máy bay sớm hơn nhiều so với giờ chót là 8 giờ rưỡi. Bên trong máy bay, đèn bị tắt hết. Dưới ánh sáng màu đỏ từ chiếc đèn pin, tôi quan sát và chắc chắn những chiếc túi quân trang của mình đã được chuyển lên cũng như đảm bảo chúng đã được sắp xếp chính xác. Tôi cố ghi nhớ vị trí của chúng để quay lại lấy khi bắt đầu thực hiện nhiệm vụ.

Ba lính bắn tỉa khác tham gia cùng tôi là Casanova, Gã Mập lùn (Little Big Man) và Sourpuss. Trong đội SEAL, hầu hết mọi người được gọi theo biệt danh. Tôi bị một số người gọi là Waz-man. Số khác thì thích gọi tôi là Howie, nhưng nếu họ gọi tôi bằng cái tên thứ hai tôi sẽ không bao giờ trả lời. Thường thì mỗi biệt danh được đặt theo một hành động ngớ ngẩn nào đó của chủ nhân mang biệt danh, giống như việc phải có lý do thì một anh chàng mới bị gọi là “Drippy” (sướt mướt). Cũng có những cái tên khó đọc như Bryzinski lại được mọi người gọi thành “Alphabet”. Một người bạn của chúng tôi ở Đội 2 lại được gọi là “Tripod” (Ba chân).

Casanova là bạn bắn phối hợp ăn ý của tôi. Chúng tôi đã làm bạn với nhau kể từ khi còn là học viên ở Trường đào tạo lính bắn tỉa tại Quantico, Virginia. Casanova đúng là gã sát gái. Đàn bà ném váy vào mặt anh ta còn nhiều hơn là ném xuống thảm phòng ngủ. Gã Mập lùn có tiếng là anh chàng phức tạp, điều này lý giải tại sao anh ta luôn kè kè con dao Randall có chuôi lớn bên hông. Mọi người thường trêu anh ta là “tiểu nhân, đại đao”. Sourpuss là một tay lính kỳ cựu nhưng không có điểm gì đặc biệt. Anh ta là người duy nhất trong đội chúng tôi không bao giờ pha trò hay thích thú với chuyện pha trò, chỉ chăm chăm sớm trở về với “vợ yêu” và có vẻ như chẳng quan tâm gì đến nhiệm vụ sắp tới hay những gì diễn ra với chúng tôi.

Sourpuss cũng suốt ngày kêu ca nên chẳng ai trong chúng tôi có cảm tình với anh ta cả.

Cả bọn chúng tôi cùng ngồi trước một bảng kẹp giấy ngay cạnh buồng lái. *Chỉ có bốn chúng tôi, có lẽ là một phi vụ tâm cỡ thế giới.* Người đàn ông đang tóm tắt nhiệm vụ là người tôi chưa từng gặp bao giờ, có lẽ ông ta đến từ Bộ Chỉ huy Đặc nhiệm Liên quân (JSOC). Ông ta trông có vẻ quá nghiêm túc. Có nhiều khi trong lúc đang được giao nhiệm vụ, có tiếng cười khúc khích vang lên trong đội. Người giao nhiệm vụ có thể đùa một câu về anh chàng vừa cười với giọng hơi châm chọc, kiểu như: “OK, chúng ta sẽ đi tuần tra tại đây khoảng vài giây. Đây là nơi anh chàng Jimbo xả nước lần thứ nhất. Rồi đằng kia sẽ là nơi cậu ấy làm bậy lần hai.” Nhưng lần này, không có cú pha trò nào cả. Tất cả đều im lặng.

Sau thất bại trong nỗ lực giải cứu 53 người Mỹ bị bắt làm con tin tại Đại sứ quán Mỹ ở Iran năm 1980, người ta thấy rõ rằng Lục quân, Hải quân, Không quân và Lính thủy đánh bộ không thể phối hợp tác chiến hiệu quả trong các nhiệm vụ tác chiến đặc biệt. Năm 1987, Bộ Quốc phòng Mỹ quyết định tập hợp tất cả các lực lượng tác chiến đặc biệt của các quân binh chủng thành một đội, kể cả những đơn vị tinh nhuệ như Đội SEAL số 6 và lực lượng Delta. JSOC là cơ quan lãnh đạo chúng tôi.

Người chỉ huy từ JSOC lật tám bản đồ để chuyển sang một bức ảnh chụp từ trên cao và nói: “Được rồi, thưa các anh, đây là chiến dịch TCS.” Hóa ra Thiếu tướng William F. Garrison, người đứng đầu JSOC điều chúng tôi đi thực hiện nhiệm vụ Điều kiện và Tiêu chuẩn (Task Conditions and Standard - TCS). Tướng Garrison lại chơi khăm chúng tôi rồi. *Liệu chúng tôi có đủ sức làm được những điều mà bản thân tuyên bố - bất cứ việc gì, bất cứ khi nào, dưới mọi điều kiện, bao gồm cả tiêu diệt mục tiêu cách mình 800m không?*

Người của JSOC tiếp tục: “Các bạn sắp thực hiện nhiệm vụ HALO đêm nhắm vào một mục tiêu định sẵn.” HALO có nghĩa là *bay cao bung thấp*, tức là chúng tôi sẽ nhảy ra từ máy bay và rơi tự do xuống gần mặt đất mới bung dù. Cách nhảy dù này cho phép người dưới mặt đất chỉ nghe hoặc thấy máy bay đang bay quanh khu vực đó mà thôi. Đối với cách nhảy *bay cao bung cao* (HAHO), chúng tôi sẽ nhảy ra từ độ cao gần 10.000 m, rơi tự do khoảng 5 giây rồi bung dù và tiếp tục bay lượn khoảng 65 km nữa trước khi

tiếp đất, cách nhảy dù này giúp chúng tôi tránh bị phát hiện hơn. Trong một lần nhảy dù huấn luyện tại hai thành phố Phoenix và Tucson, Arizona – nơi cách địa điểm hiện tại hơn 160 km, chúng tôi rơi cách nhau khá xa. Khi nhảy HAHO, bạn phải đối mặt với cái lạnh cắt da cắt thịt ở độ cao gần 10.000m và cái lạnh đó còn kéo dài khá lâu. Khi xuống đến mặt đất, tôi phải kẹp tay vào nách để sưởi ấm. Nhưng lần này chúng tôi nhảy HALO nên cái lạnh không còn là vấn đề nữa.

Người hướng dẫn của JSOC chỉ cho chúng tôi xem lộ trình bay, điểm nhảy dù và quan trọng hơn là điểm đáp đất. Tại vị trí đáp, chúng tôi phải thực hiện các thao tác giấu dù. Ông ta thông báo cho chúng tôi địa điểm cất dù sau khi tiếp đất. Khi ở trên lãnh thổ của địch, chúng tôi thường đào hố để chôn dù, nhưng do đây chỉ là một cuộc thao diễn, nên chúng tôi không phải đào hố chôn những chiếc dù trị giá vài nghìn đô-la này.

“Đây là tuyến đường các anh sẽ hành quân vào.” Ông ta thông báo chúng tôi chỉ có tối đa 10 phút để tiêu diệt mục tiêu khi nó xuất hiện tại cửa sổ. Nếu đến muộn hoặc bỏ lỡ thời điểm mục tiêu xuất hiện hay bắn trượt, chúng tôi sẽ không có cơ hội thứ hai. Một viên đạn, một tên địch.

Chúng tôi cởi bỏ đồ dân sự. Giống như mọi thành viên khác của Đội SEAL, tôi cũng thực hiện nhiệm vụ đột kích với trang phục dân sự mà không có áo chống đạn. Khi thực hiện nhiệm vụ bắn tỉa, tôi thường mặc quần xanh chất liệu polypro hiệu North Face, kể cả khi tác chiến vào mùa đông, để chống muỗi. Chúng tôi mặc quần áo rằn ri xanh lá cây và ngụy trang từ đầu tới chân. Với bút tất, tôi chọn loại tất len. Sau thời gian huấn luyện tác chiến mùa đông với Đội SEAL số 2, tôi hiểu được giá trị của một đôi tất tốt, vì thế tôi luôn mua những đôi tất dân sự tốt nhất và đi giày cao cổ. Tôi cất mũ ngụy trang vào trong túi quần để dùng khi hành quân. Mũ ngụy trang có vành rộng và móc đính xung quanh vành để gắn cành cây ngụy trang. Ở ngăn đựng dao trên thắt lưng, tôi găm con dao hiệu Swiss Army, đây là loại dao duy nhất tôi sử dụng khi thực hiện tác chiến bắn tỉa. Tôi sử dụng bộ đồ nghề quân trang nhỏ như hộp trang điểm của phụ nữ để bôi xanh (đậm và nhạt) mặt mình. Tôi cũng dùng nó để bôi vào tay, nhưng chỉ khi không đeo đôi găng tay phi công có tác dụng giữ ấm hiệu Nomex mà thôi. Đốt thứ nhất của ngón cái và ngón trỏ ở găng tay phải đã được cắt đi vì nó giúp tôi có cảm giác tốt nhất để điều chỉnh kính ngắm, lên đạn cũng như khi lên cò.

Vũ khí đeo hông của tôi là súng ngắn Hải quân mang số hiệu SIG SAUER P-226 9mm. Các bộ phận bên trong của loại súng này có lớp sơn bề mặt chống ăn mòn phốt phát, màu sắc của súng tương phản nhau với hình ảnh của chiếc mỏ neo được khắc ở thanh trượt. Hộp tiếp đạn của nó chứa được 15 viên. Được thiết kế riêng cho lực lượng SEAL, nó là loại súng ngắn tốt nhất mà tôi từng sử dụng. Thực tế tôi đã thử hầu như tất cả các loại súng hàng đầu của lực lượng SEAL. Hiện tôi đang có một hộp tiếp đạn lắp sẵn ở súng và hai hộp nữa đeo ở thắt lưng. Những trang thiết bị khác gồm bản đồ, la bàn và một đèn pin chiếu ánh sáng màu đỏ. Trong tác chiến thật, chúng tôi có thể sử dụng máy định vị GPS, song lần này Tướng Garrison muốn kiểm chứng kỹ năng sử dụng bản đồ và la bàn của chúng tôi. Chúng tôi cũng mang theo túi nhỏ đựng các thiết bị y tế được gọi là túi y tế.

Không mang áo chống đạn khi tiến hành nhiệm vụ bắn tỉa thực địa như lần này, thay vào đó chúng tôi phải vận dụng khả năng nguy trang của mình. Nếu thực hiện nhiệm vụ trong đô thị, chúng tôi sẽ mặc áo chống đạn và đội mũ bảo hiểm.

Mỗi người đều mang theo nước được đựng trong CamelBak. Đó là một bóng nước đeo ở sau lưng, có ống hút chạy qua vai để người sử dụng có thể hút nước uống mà không phải dùng đến tay.

Chúng tôi dùng loại súng trường Winchester Magnum .300. Loại súng này có đường đạn ít bị ảnh hưởng bởi yếu tố bên ngoài, đường cong của đạn đạo thấp và tầm bắn xa. Nó có sức mạnh hạ gục đối phương lớn hơn nhiều so với các loại súng trường khác. Nếu phải tiêu diệt mục tiêu cứng, ví dụ như động cơ của một phương tiện nào đó, tôi sẽ sử dụng súng trường 50 caliber, nhưng với mục tiêu là người, lựa chọn tốt nhất là Win Mag .300. Tôi đã lắp sẵn bốn viên đạn vào súng. Khi tiếp cận mục tiêu, tôi sẽ thêm viên đạn thứ năm vào ổ đạn. Hiện giờ trên người tôi đang có 20 viên đạn loại này nữa.

Tôi sử dụng kính ngắm bắn tỉa loại Leupold 10-power. Power là chỉ số phản ánh số lần mục tiêu ở gần mình. Như vậy thì với chỉ số 10-power, mục tiêu trong kính ngắm sẽ bằng 1/10 so với khoảng cách trên thực tế. Ký hiệu chấm millimet trên kính ngắm giúp tôi điều chỉnh khoảng cách. Chúng tôi cũng được trang bị thiết bị ống nhòm đo khoảng cách bằng tia laser chính xác gần như tuyệt đối, nhưng trong nhiệm vụ lần này chúng tôi không được

sử dụng thiết bị đó. Phía trên kính ngắm Leupold, tôi gắn thêm một kính ngắm ban đêm KN- 250.

Mặc dù Đội SEAL số 6 cũng có lúc sử dụng đạn xuyên thấu và đạn xuyên thấu đốt cháy, nhưng với nhiệm vụ lần này chúng tôi sử dụng loại đạn match – loại đạn tròn đối xứng. Loại đạn này đắt gấp bốn lần đạn thông thường và có tác dụng sát thương tương đương như loại đạn Win Mag do Winchester sản xuất.

Đối với các nhiệm vụ khác, chúng tôi sẽ mang theo máy liên lạc vệ tinh mã hóa LRT-5, nhưng đêm nay là tác chiến ngắn, do đó chúng tôi không phải báo cáo về trung tâm. Chúng tôi chỉ việc *xâm nhập, nổ súng và rút lui*. Chúng tôi mang theo máy liên lạc MX-300. Chữ X ở đây không phải là viết tắt của từ tiếng Anh “*excellent*” nghĩa là “tuyệt vời” mà nó là viết tắt của từ “*experimental*” – “thử nghiệm”. Loại máy liên lạc này vẫn có thể hoạt động dù bị ướt hay khi ở nhiệt độ thấp. Từ vị trí bắn tia, chúng tôi có thể trao đổi qua bộ đàm và dễ dàng tìm thấy nhau. Đội SEAL số 6 luôn sử dụng những trang thiết bị đời mới tối tân nhất.

Là chuyên gia nhảy dù, tôi có trách nhiệm kiểm tra dù của anh em. Đó là loại dù MT-1X, chữ X ở đây cũng không phải là từ viết tắt của từ “*excellent*”.

“Còn 30 phút”, chỉ huy nhóm nhảy dù thông báo.

Nếu có nhu cầu đi vệ sinh, thì tôi có thể “giải quyết” nhờ một chiếc ống tiêu được gắn trên tường. Tôi không có nhu cầu, vì thế tôi tranh thủ chớp mắt.

“Còn 10 phút”, thông báo cất lên.

Tất cả đều thức giấc.

“Còn 5 phút”. Lúc này thang ở phần đuôi của chiếc C-130 từ từ được hạ xuống. Tôi kiểm tra lại lần cuối dù của từng người. Chúng tôi di chuyển về phía thang nhưng chưa bước xuống thang.

Khi thang được hạ xuống, âm thanh quá ồn khiến chúng tôi không thể nghe thấy gì. Lúc này chúng tôi phải sử dụng ngôn ngữ cử chỉ. Khi còn 3 phút,

tôi quay mặt về phía thang. Nhớ lại bức ảnh chụp từ trên cao vừa xem khi tóm tắt nhiệm vụ, tôi nhìn xuống dưới để đảm bảo rằng máy bay đang bay qua khu vực mà chúng tôi phải xuống.

“Còn một phút”. Lúc này mọi thứ trên mặt đất có vẻ quen thuộc hơn. Tôi rất tin tưởng vào phi công, nhưng do đã nhiều lần trước đây tôi phải cuộc bộ, nên tôi muốn xác nhận lại điểm hạ cánh.

“Còn 30 giây!” Máy bay hơi rung lắc. Tay trái của tôi giữ chặt vào thang, tay phải ra tín hiệu. Hướng ánh mắt vào bên trong máy bay, tôi giơ năm ngón tay lên, rồi đấm mạnh về phía bên phải nhằm ra tín hiệu chỉ đạo nhảy. Người chỉ huy yêu cầu phi công bẻ lái sang phải 5 độ. Nếu tôi giơ hai lần năm ngón tay, anh ta sẽ bẻ lái 10 độ. Tôi chưa lần nào cần phải bẻ lái hơn 10 độ cả, thậm chí có nhiều khi còn không cần phải điều chỉnh. Thật tuyệt khi được bay với phi công giỏi.

Đèn trên thang chuyển từ đỏ sang xanh. Lúc này chính là thời điểm để quyết định nhảy. *Tất cả chúng tôi mất khoảng 5 giây để nhảy khỏi máy bay.*

Tôi ra tín hiệu cho đồng đội. Gã Mập lùn là người đầu tiên nhảy ra khỏi máy bay, hiện tại đang ở độ cao khoảng 3.000m. Chúng tôi thường nhảy theo thứ tự từ nhẹ nhất đến nặng nhất để tránh trường hợp vị trí người nặng nhất đáp đất cách xa những người còn lại. Người nhảy tiếp theo là Sourpuss, rồi tiếp là Casanova. Tôi là người nhảy cuối vì với cương vị nhóm trưởng, tôi phải đảm bảo rằng tất cả đồng đội đều đã ra khỏi máy bay, hay trợ giúp khi có người bị mắc kẹt... Khi ở trên không, ba lô dù được buộc dây luôn ra phía trước ngực. Đã có lúc tôi nghĩ: *Lạy Chúa cho cái thứ quái quỷ này hoạt động.* Có lẽ trong khoảng 100 lần nhảy đầu, tôi đã luôn cầu nguyện: *Cầu Chúa, xin hãy bung dù ra.* Đến bây giờ, tôi đã có hàng trăm lần rơi tự do và tôi luôn tự gấp dù của mình. Một số người gặp phải tình huống dù chính không bung, do đó phải sử dụng dù phụ, nhưng tôi không nằm trong số đó. Dù của tôi luôn mở đúng lúc. Tôi chưa bao giờ bị thương, dù chỉ là một ngón chân, mặc dù tôi đã nhảy tổng cộng 752 lần.

Tôi điều chỉnh cơ thể để đáp xuống gần vị trí quy định. Sau khi rơi tự do khoảng gần một phút, tôi bung dù khi cách mặt đất khoảng 1.000m. Ở độ cao khoảng 800m, dù của tôi đã bung ra hoàn toàn. Tôi nhìn ngược lên để kiểm tra dù và nói lỏng dây nối với ba lô cho dễ thở. Hai chân giúp tôi cân

bằng sức nặng của ba lô. Tôi bật thiết bị nhìn đêm (NOD) của mình lên. Ánh sáng hồng ngoại rực sáng phía sau mũ bảo hiểm của chúng tôi. Bình thường thì ánh sáng này được tạo ra từ những thanh nhựa phát sáng (glow stick). Thanh nhựa được uốn cong cho đến khi những hạt thủy tinh dễ vỡ ở bên trong vỡ ra, sự pha trộn của hai hợp chất hóa học này tạo ra ánh sáng đó. NOD phát ra ánh sáng hồng ngoại mà mắt thường không nhìn thấy được. Chúng tôi chỉnh hướng bay xếp chồng lên nhau. Phía trên Gã Mập lùn là Sourpuss, trên Sourpuss là Canasova. Trên nữa là tôi. Vị trí dù của chúng tôi xếp theo hình bậc thang khi hướng tới mục tiêu.

Khi gần tới mặt đất, tôi tách dù ra khỏi nhóm và từ từ hạ thấp độ cao. Tôi nói lỏng ba lô để nó không kéo ngã tôi khi tiếp đất. Gã Mập lùn tiếp đất đầu tiên. Do không có tác động của gió, dù của anh ta nghiêng 10 – 12 độ và ngay lập tức bị vùi trong cát bụi. Anh ta nhanh chóng thoát ra khỏi dù và sẵn sàng vũ khí, trong khi Sourpuss là người tiếp theo hạ cánh. Tương tự, Sourpuss cởi dù và chuẩn bị vũ khí. Casanova và tôi hạ cánh tiếp sau ngay trên dù Gã Mập lùn và Sourpuss. Cả bốn chúng tôi cùng hạ cánh trên một khu vực có diện tích rộng bằng một phòng khách. Gã Mập lùn và Sourpuss mỗi người canh giới một bên góc 180 độ, trong khi Casanova và tôi cởi dù. Sau khi tất cả đã giấu xong dù, tôi dẫn đầu cả nhóm thoát khỏi khu vực này. Giám sát viên của JSOC đang đầu đó quanh đây chờ đợi nhằm phát hiện ra việc chúng tôi đi đường tắt. Cảm giác cảm dỗ cứ xúi chúng tôi chơi trò bịp này, khi đó cả bốn chúng tôi có thể tháo dù cùng một lúc mà không phải bắt hai người đứng canh giới và có thể chúng tôi sẽ tiết kiệm được năm phút trong tổng thời gian tác chiến của mình. Tuy nhiên việc làm đó quá mạo hiểm và không đáng nếu bị giám sát viên phát hiện. Chúng tôi đều hiểu rằng tốt hơn là nên tập trung như đang ở trên lãnh địa của quân thù. Thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đỏ máu.

Gió thổi mưa tấp vào mặt chúng tôi. Thời tiết này đúng là lý tưởng để dung thứ cho những sai lầm chiến thuật, khi chỗ này xuất hiện tiếng động, rồi chỗ kia là một cử động đột ngột. Chúng tôi hành quân khoảng gần 1 km, sau đó dừng lại ở điểm tập kết. Gã Mập lùn và Sourpuss canh giới, trong khi tôi và Canasova mở ba lô, lôi ra áo ghi lê và quần áo ngự trang trông giống như một tán lá nặng nề được làm từ vải lòng thòng. Mỗi chúng tôi đều tự tay làm ra trang phục của mình, mỗi người có 2 bộ, một để dùng khi tác chiến trong rừng và một trên sa mạc. Tôi thay mũ tai bèo ngự trang bằng mũ lưới

traị nguy trang. Trong lựa chọn trang phục, yếu tố quan trọng là phải làm sao để giúp mình hòa vào môi trường xung quanh. Trong môi trường tác chiến đô thị, màu trang phục thường tối để giống với màu đất, do đó quần áo có hai tông màu sẽ rất hiệu quả, quần dài nguy trang màu tối như rừng nhiệt đới và mũ nguy trang sáng màu cát sa mạc.

Casanova và tôi kiểm tra màu sơn tác chiến của nhau: tay, cổ, tai và mặt. Khi sơn màu lên da, điều quan trọng là phải làm cho mình xuất hiện trái ngược hoàn toàn so với một người bình thường, tức là biến màu tối thành sáng và biến màu sáng thành màu tối. Điều đó nhằm đảm bảo cho các phần của khuôn mặt tạo thành bóng (như là hốc mắt) biến thành màu xanh nhạt và những điểm phát sáng (trán, má, mũi, lông mày và cằm) biến thành màu xanh đậm. Nếu mặt của lính bắn tỉa vô tình bị phát hiện, thì nó không nên giống như một khuôn mặt. Chúng tôi phải biến mất và trở nên vô hình.

Chúng tôi chia làm hai cặp và đi theo hai tuyến đường khác nhau tới điểm đích. Thậm chí nếu một cặp có lỡ mất thời cơ, thì cặp còn lại vẫn có thể hoàn thành nhiệm vụ. Tôi và Casanova âm thầm tiến lên xuyên qua màn đêm tới đích. Mỗi người dò dẫm từng bước tiến về phía trước, hai bàn chân luôn thẳng hướng, loại bỏ tất cả mọi chướng ngại vật, cảm nhận được cả những cành con hay bất cứ thứ gì mà chúng tôi giẫm lên. Tiến từng bước ngắn, tôi dùng cạnh ngoài bàn chân, chậm chậm chuyển từ mũi bàn chân sang gót bàn chân tiến về phía trước.

Chúng tôi tới khu vực trồng, theo xác định là cách mục tiêu khoảng 900m. Casanova và tôi dựng lều trên mặt đất. Do vẫn giữ cự ly với nhau nên chúng tôi không bị trông giống như những đốm sáng đang chuyển động khi bò thấp. Chúng tôi phải di chuyển đủ chậm để không bị phát hiện, nhưng cũng phải đủ nhanh để kịp đến nơi và nổ súng. Tôi cẩn thận giữ cho nòng súng trường không cắm xuống đất vì bụi bắn sẽ làm giảm độ chính xác của nó, nhưng đồng thời cũng không để nòng súng chĩa lên trời vì sẽ làm lộ vị trí của chúng tôi. Tôi nằm sấp, tay và chân phối hợp nhịp nhàng trườn về phía trước. Mặt tôi sát đất đến mức mà nó đẩy cả bùn đi theo khi tiến lên. Mỗi lần trườn, tôi tiến được khoảng 15 cm. khi tôi và mặt đất gần như hòa làm một, tôi xóa bỏ hết tất cả mọi suy nghĩ khỏi đầu. Trong suốt quãng đường đó, tôi thường tự nhủ: *Tôi và mặt đất là một, tôi là một phần của Mẹ Đất.*

Nếu tôi thấy mục tiêu hay đội tuần tra, tôi sẽ không nhìn trực tiếp hay nghĩ về nó. Chúng ta biết rằng loài hươu đực thường hít hít và nhảy chồm chồm trên mặt đất vì nó chỉ có thể ngửi thấy mùi của bạn chứ không thể xác định được vị trí của bạn. Nó hít hít và nhảy chồm là nhằm bắt bạn phải chuyển động để nó xác định vị trí của bạn. Con người không có khả năng bắt mùi như loài hươu, song họ có giác quan thứ sáu: biết mình có bị theo dõi hay không. Tất nhiên thì một số người có khả năng cảm nhận tốt hơn người khác. Khi bạn nghĩ là mình đang bị theo dõi và nhìn quanh để xác định ai đang làm điều đó, tức là bạn đang sử dụng giác quan này. Các tay súng bắn tỉa nếu không muốn đánh thức giác quan này của kẻ thù thì nên tránh nhìn trực tiếp vào mục tiêu. Khi đến thời điểm nổ súng đến, tất nhiên là tôi sẽ nhìn thẳng vào mục tiêu qua tâm ống ngắm; thậm chí ngay cả lúc đó thì tôi cũng chỉ nên tập trung vào tâm ống ngắm mà thôi.

Tôi ngừng lại trong giây lát rồi tiếp tục trườn.

Cuối cùng khi mục tiêu cách chúng tôi ước lượng chừng gần 500 m, chúng tôi đã tới được điểm bắn cuối (FFP). Lúc này là 2 giờ 20. Tôi kéo khăn trùm lấy ống ngắm nhằm không để xuất hiện đường sáng do đèn tôi và ống ngắm ban đêm tạo ra. Nếu bạn chưa từng nằm trong một vũng đầm với áo ghi lê ướt sũng, trong tiết trời mưa tầm tã với gió rít gào, trong khi phải liên tục giương mắt nhìn vào ống ngắm và thực hiện công việc của mình, thì bạn hẳn đã bỏ lỡ mất những giây phút tuyệt vời nhất của cuộc đời.

Trước mặt chúng tôi là một ngôi nhà cũ kỹ. Đầu đó trong căn nhà này là mục tiêu của chúng tôi. Casanova và tôi thảo luận về tầm bắn, tầm nhìn... Chúng tôi sử dụng mã màu cho từng phía của ngôi nhà, bao gồm màu trắng cho mặt trước, màu đen cho mặt sau, màu xanh lá cho phía bên phải và màu đỏ cho phía bên trái của ngôi nhà. Màu dùng để mã hóa các phía bắt nguồn từ mã hóa tàu thủy, trong đó xanh lá nhạt dùng cho mạn phải của tàu, màu đỏ cho mạn trái. Chữ cái theo phát âm được dùng cho từng tầng, gồm Alpha, Bravo, Charlie, Delta... Cửa sổ được tính từ trái qua phải theo thứ tự một, hai, ba... Nếu ai đó di chuyển qua cửa sổ ở mặt trước trên tầng thứ hai, tôi sẽ ám hiệu về cái cửa sổ là: Trắng, Bravo, một. Do đó chúng tôi dùng nói chuyện tào lao để trao đổi một cách ngắn gọn và hiệu quả. Những khóa mã này quen thuộc đối với thành viên của Đội SEAL số 6, giúp chúng tôi nhanh chóng hiểu ý của nhau dù trước đó chưa từng cùng làm việc.

Chúng tôi cũng có một công thức, bao gồm các yếu tố kích thước, hoạt động, địa điểm, đơn vị, thời gian và trang bị của kẻ thù (viết tắt là SALUTE). Thông tin tuần tra của kẻ địch rất quan trọng đối với đội đột kích. Ví dụ, đội đột kích có thể xông vào ngay lập tức sau khi đội tuần tra đó trở vào trong. Nếu đội tuần tra chỉ có hai người, đội đột kích có thể sẽ quyết định bắt sống khi chúng đang tuần tra, hoặc ba lính bắn tỉa có thể ngay lập tức hạ hai tên lính tuần tra ở bên ngoài và mục tiêu ở bên trong. Nếu đây là tình huống giải cứu con tin, chúng tôi sẽ ghi nhớ địa điểm con tin đang bị giữ, địa điểm của bọn khủng bố, của bọn chỉ huy, giờ ăn, giờ ngủ... Chúng tôi vẫn đang phải ngâm mình trong nước, lạnh lẽo và khổ sở, song chúng tôi không bị bắt phải thích điều đó mà là phải làm điều đó.

Tôi dùng ống nhòm tính toán kích thước khung cửa sổ theo đơn vị milimet. Biết rằng cửa sổ thường có chiều cao khoảng 1 m, tôi nhân kích thước đó với 1.000, sau đó chia theo vạch milimet trên ống ngắm để xác định tầm bắn.

Một giám sát viên xuất hiện và hỏi “Tầm bắn tới mục tiêu là bao nhiêu?”

“600 m” là câu trả lời của tôi.

Một người trùm mũ kín đầu, mặc chiếc áo măng tô quân đội xuất hiện ở cửa sổ – đó là mục tiêu, nhưng chỉ là một hình nộm. Thường thì chỉ một lính bắn tỉa trong cặp đôi nổ súng, những người còn lại có nhiệm vụ ghi lại thông tin, xác định mục tiêu và bảo vệ xung quanh. Nhưng lần này cả bốn chúng tôi đều nổ súng. Tướng Garrison muốn biết liệu mỗi người có làm được điều mà chúng tôi đã cam kết hay không. Tôi nghe tiếng súng nổ từ cặp kia. Mỗi người chỉ có duy nhất một lần bắn thử, gọi là phát đầu. Cú bắn đầu tiên luôn kém nhất vì viên đạn xuyên qua nòng súng lạnh. Sau khi viên đạn thứ nhất làm ấm nòng súng, thì phát bắn tiếp theo sẽ chính xác hơn, nhưng Tướng Garrison không cho chúng tôi bắn phát thứ hai. Quân thù cũng đâu cho chúng tôi thực hiện điều đó.

Một giám sát viên kiểm tra mục tiêu nhưng không thông báo kết quả cho chúng tôi. Rồi phát đạn thứ hai nổ, tương tự đội tôi không hề biết kết quả. Bây giờ đến lượt cặp chúng tôi. Casanova nằm bên phải tôi, đủ gần để tôi có thể nghe được tiếng anh thì thậm chí cần. Khoảng cách cũng đủ gần để chúng tôi xem chung một bản đồ. Với vị trí hiện tại, Casanova có thể xác

định được vệt khói do đường đạn tạo ra cũng như quan sát được viên đạn găm vào mục tiêu, nhờ đó anh sẽ giúp tôi chỉnh đường đạn chính xác cho phát bắn thứ hai. Tuy nhiên, chúng tôi phải chấp nhận năm ăn năm thua với một phát bắn duy nhất. Chỉ mới sáu tiếng trước thôi, tôi đang ngồi thưởng thức món pizza nóng hôi trong Phòng chờ ấm áp cùng con trai tôi. Còn giờ đây tôi đang ở trong khu rừng lạnh lẽo và ẩm ướt, giữa một nơi vô định và chỉ được nổ súng một lần duy nhất vào mục tiêu. Hầu hết mọi người chẳng ai có ý niệm gì về cường độ huấn luyện và yêu cầu cao về trách nhiệm đối với công việc của một lính bắn tỉa.

Báng súng trường nằm chắc chắn trong hốc vai phải của tôi. Tay bắn của tôi ghi chặt tay nắm báng súng, trong khi ngón tay cò từ từ áp sát cò súng. Khuỷu tay phía sau giúp tôi giữ cân bằng. Má tôi tiếp xúc vững chắc với vùng ngay trên tay nắm báng súng, tôi hít một hơi thật sâu. Sau khi thở ra một phần, tôi nín thở – một kỹ năng mà người nhái làm rất tốt, giữ cho phổi ổn định để nó không làm lệch đường đạn của tôi. Tôi phải nín thở đủ lâu để chỉnh tâm ngắm trúng mục tiêu, nhưng cũng không được phép quá lâu đến mức có thể làm mờ tầm nhìn và gây căng cứng cơ bắp. Ngón tay tôi từ từ tăng cò - păng.

Tôi cũng không chắc liệu mình có bắn trúng mục tiêu hay không. Điều này không giống như trong phim, khi mà viên đạn có thể làm đổ vật mục tiêu ngay lập tức. Trên thực tế, viên đạn đi xuyên qua thân thể nhanh đến mức mà có những lúc người bị bắn còn không cảm nhận được là họ bị bắn, giống như những gì mà tôi được chứng kiến rất nhiều ở Somali, với loại đạn 223.

Sau khi Casanova thực hiện phát bắn, chúng tôi bò thoát khỏi khu vực theo một lộ trình khác so với khi xâm nhập. Nếu ai đó đã phát hiện ra dấu vết của chúng tôi và chờ chúng tôi quay lại trên chính con đường đó thì họ sẽ phải đợi dài cổ. Chúng tôi hành quân tới khu vực hạ cánh đã xác định và chờ ở đó cho tới lúc trời sáng.

Khi trời sáng, chúng tôi lộ diện để trực thăng đón. Giám sát viên cung cấp mã hiệu thông báo nhiệm vụ đã chính thức kết thúc: “Tuna, Tuna, Tuna.” Giờ thì chúng tôi có thể xả hơi được rồi, chúng tôi đứng thẳng dậy, vươn vai, bẻ khớp xương, tự thư giãn và đùa giỡn với nhau.

Một chiếc trực thăng Black Hawk đón chúng tôi tại một sân bay dã chiến, sau đó thả chúng tôi ở một sân bay gần đó. Tại đó chúng tôi lên máy bay.

Sau khi về tới Đội SEAL số 6, cả bốn chúng tôi chưa được về nhà ngay. Chúng tôi phải trả lời thẩm vấn, sau đó lau chùi vũ khí trang thiết bị, kiểm tra hư hại và sửa chữa nếu cần. Rồi sau đó sắp xếp trang thiết bị chuẩn bị cho lần tập trung kế tiếp để tập dượt hoặc tác chiến thật. Công việc này khiến chúng tôi mất khoảng ba giờ để chuẩn bị sẵn sàng trang thiết bị cho những phi vụ tiếp theo.

Bốn chúng tôi đi tới phòng chỉ dẫn phi công số 1100 để báo cáo với tâm trạng như những kẻ bại trận. Tướng Garrison cùng với đội trưởng Đội SEAL số 6, chỉ huy Đội Anh cả Đỏ (Red Team), phụ trách Đội Anh cả Đỏ và khoảng 8 tới 10 cán bộ chủ chốt khác của các đơn vị lân cận ngồi trước mặt chúng tôi. Tướng Garrison là một người không chọn con đường binh nghiệp mà chính quân đội đã chọn ông. Trong suốt cuộc Chiến tranh Việt Nam, ông đã tới đó hai lần và được tặng thưởng Huân chương Anh dũng bội tinh với Ngôi sao Đồng *Bronze Star* vì lòng dũng cảm và Huân chương với Trái tim Đỏ tía *Purple Heart* vì những thương tật trong chiến đấu. Ông đã tham gia vào Chiến dịch Phượng Hoàng (*Phoenix Program*) nhằm triệt phá mạng lưới lãnh đạo của VC. Sau đó, ông làm việc trong Cơ quan hoạt động hỗ trợ của tình báo quân đội Mỹ và lực lượng Delta từ năm 1985 đến 1989. Đó là một người đàn ông cao dong dỏng, tóc nâu được húi cua. Ông ta ngâm phân nửa điều xì gà đen xẹt trên mồm. Đó là vị tướng trẻ tuổi nhất trong quân đội từ trước đến nay.

Đội trưởng của chúng tôi không thường xuyên tham gia vào các buổi trả lời thực hành huấn luyện, nhưng ông luôn muốn đảm bảo rằng những chàng lính hải quân của mình an toàn và quan trọng hơn là có phần trong buổi ăn tối cùng với Tướng Garrison.

Phụ trách Đội Anh cả Đỏ là Denny Chalker, có biệt hiệu là Snake – người từng là lính nhảy dù Airborne thế hệ 82 của quân đội; trước khi là tham gia Đội SEAL số 6, ông cũng là thành viên của đội SEAL và thuộc đơn vị chống khủng bố mang tên Echo Platoon của Đội 1. Ông là một chiến binh thực thụ.

Chúng tôi báo cáo tóm tắt về hoạt động trên máy bay, việc nhảy dù và về toàn bộ nhiệm vụ tấn công và hạ mục tiêu. Giám sát viên đã bí mật theo dõi khu vực hạ cánh xác định của chúng tôi. Họ thấy hai trong số chúng tôi cảnh giới trong khi hai người còn lại giấu dù. Thật may là chúng tôi đã thực hành giống như trong tác chiến thật. Tướng Garrison phát biểu: “Tin vui là kỹ năng tác nghiệp của lính bắn tỉa đơn vị anh rất tốt. Các anh đã ẩn nấp, di chuyển, hòa vào môi trường, đến được vị trí, quan sát và hoàn thành phát bắn. Nhưng điều đó chẳng có nghĩa lý gì khi tất cả các anh đều bắn trượt mục tiêu. Anh báo với giáo viên giám sát là mục tiêu cách 600 m, trong khi thực tế là cách 742m. Một trong số các anh bắn trượt xa đến tận bậu cửa sổ. Niềm hy vọng duy nhất của các anh là quân địch chết vì đau tim hơn là vì bị bắn.”

Cả bốn lính bắn tỉa chúng tôi nhìn nhau, mặt mày xỉ xuống giống như vừa bị sút vào bụng.

Khuôn mặt của đội trưởng chảy xuống.

Tướng Garrison vẫn giấu chúng tôi hai điều. Thứ nhất là lính bắn tỉa thuộc Đội Anh hai Vàng (Gold Team) cũng không thực hiện nhiệm vụ thành công. Chỉ huy nhảy dù của họ không chỉ đúng địa điểm cần nhảy, do đó lính bắn tỉa của Đội Anh hai Vàng phải hành quân xuyên qua rừng trên quãng đường dài 13 km để tới mục tiêu. Tuy nhiên khi họ tới được mục tiêu thì đã quá muộn, vì thời gian cửa sổ mở trong 10 phút đã hết từ lâu. Thậm chí họ còn chẳng bắn được phát đạn nào.

Bí mật thứ hai là lực lượng Delta của Tướng Garrison cũng thất bại.

Nhưng vấn đề tồn tại lớn hơn là ở chỗ tại sao Đội SEAL số 6 phải đột nhập vào máy bay khi nó đang chuẩn bị cất cánh trong khi Delta thực hiện việc đó tốt hơn? Rồi tại sao Delta lại phải đột nhập tàu khi nó đang di chuyển trong khi Đội SEAL số 6 có thể làm việc đó tốt hơn?

Chương 3. Tuổi thơ khốn khó

Ngay từ khi còn là một đứa trẻ, tôi đã học cách chịu đựng áp lực. Mẹ sinh tôi vào ngày 08 tháng Mười một năm 1961 tại phòng khám Weems Free, bờ biển Boynton, Florida khi bà mới 16 tuổi – một bà mẹ trẻ con nuôi một đứa trẻ. Bà quá nghèo để đến viện khám thường xuyên. Vì thế tôi được sinh non trước hai tháng, và cân nặng chỉ khoảng 1,5 kg với đôi mắt màu nâu đỏ và mái tóc đen. Phòng khám nơi tôi sinh ra tồi tàn đến mức không có cả một cái lồng kính nho nhỏ cho một đứa bé sinh thiếu tháng như tôi. Tôi bé đến mức chiếc nôi trẻ em quá lớn với tôi, nên thực ra mẹ đã đưa tôi về nhà trong một chiếc hộp đựng giày. Chiếc xe đẩy ở nhà cũng quá lớn, nên mọi người sử dụng một chiếc ngăn chặn bát đĩa, lót thêm ít vải xuống dưới làm chỗ cho tôi ngủ.

Mẹ tôi tên là Millie Kirkman, người gốc Scotland. Mẹ là người lạnh lùng, bà hiếm khi thể hiện cảm xúc cũng như sự nhanh nhạy với cuộc sống, bà làm việc quần quật suốt ngày tại một xưởng may để nuôi mấy anh em tôi. Có lẽ tôi thừa hưởng tính khí lạnh lùng và bảo thủ – với quan điểm “không chấp nhận từ bỏ nếu cho rằng mình đúng” từ mẹ mình – quả thật là một sai lầm.

Khi tôi lên chín, mẹ cho tôi biết rằng cha đẻ tôi là Ben Wilbanks, ông đã ruồng rẫy và bỏ rơi chúng tôi. Đó là lý do mà tôi luôn thù ghét ông ấy. Ký ức tuổi thơ đầu tiên mà tôi có được là khi tôi bốn tuổi, tại vùng biển West Palm, Florida. Giữa đêm hôm khuya khoắt, tôi bị đánh thức bởi một gã to lớn nồng nặc mùi rượu tên là Leon – người đang hẹn hò với mẹ tôi. Mẹ tôi gặp hắn khi bà làm hầu bàn tại một trạm dừng xe tải. Cả hai vừa trở về từ một buổi hẹn hò. Đang nằm ở giường trên cùng, Leon xốc tôi dậy, vắn vẹo tôi vì sao ngày hôm đó tôi làm sai một vài việc. Rồi sau đó hắn tạt tai tôi, đâm vào mặt tôi và cả vào mồm khiến tôi chảy cả máu mồm. Đó là cách mà Leon giúp mẹ tôi dạy đứa con trai của bà sống tử tế hơn.

Nhưng đó mới chỉ là sự khởi đầu và không phải khi nào nó cũng diễn ra vào ban đêm. Bất kể khi nào về nhà, hắn ta lại cho mình cái quyền dạy dỗ tôi.

Tôi sợ đến phát khiếp mỗi lần biết mẹ sắp hẹn hò, toàn thân tôi run như cây sậy. Tim tôi như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Lần này sẽ tệ thế nào đây? Nếu Leon đến nhà khi mẹ tôi sửa soạn đi đâu đó, hoặc khi mà cả hai vừa trở về từ một cuộc hẹn hò thì trận chiến có thể diễn ra. Leon khá “dễ tính” trong việc chọn thời điểm cho tôi ăn đòn.

Vào một ngày sau khi tan lớp từ trường mẫu giáo, tôi chạy trốn. Tôi cố tình đi nhầm tuyến xe buýt của trường. Gã này sẽ không thể đánh ta nữa đâu, ta thoát rồi. Xe buýt đưa tôi ra khỏi làng, tới nơi mà tôi không xác định được. Lúc này chỉ còn vài đứa trẻ trên xe. Xe dừng lại và một đứa đứng lên, rồi tôi theo nó xuống xe. Thành bé cuộc bộ trên con đường bản thủ về nhà. Lúc đó tôi chẳng biết phải làm gì, tôi mới chỉ năm tuổi và không có chút hiểu biết nào. Tôi đành đi đúng theo con đường bản thủ đó cho đến khi tôi gặp mặt một ngôi nhà. Tôi cứ luẩn quẩn quanh ngôi nhà mà không biết phải làm gì ngoại trừ suy nghĩ phải tránh xa con đường lớn ngoài kia.

Sau khoảng 2 giờ, một người đàn ông và một người đàn bà về tới ngôi nhà và phát hiện tôi đang trốn ở hè sau để tránh bị phát hiện từ phía đường lớn. Người phụ nữ hỏi: “Cháu tên gì?”

“Howard ạ”.

“Chắc cháu đói rồi.” Họ đưa tôi vào nhà và cho tôi ăn.

Sau khi ăn xong, người phụ nữ nói: “Này cháu, cô chú phải liên lạc với bố mẹ cháu để đưa cháu về nhà.”

Tôi hoảng sợ, “Không, không được. Xin cô chú đừng gọi mẹ cháu. Có cách nào để cháu được ở lại đây với nhà cô chú không?”

Họ cùng cười ồ lên.

Tôi không hiểu việc đó có gì buồn cười, nhưng tôi không kể cho họ hoàn cảnh của mình. “Đừng, xin cô chú đừng gọi mẹ cháu. Cháu ở với cô chú được không?”

“Không được cháu yêu à. Cháu không hiểu rồi. Mẹ cháu chắc đang lo đến chết đấy. Số điện thoại nhà cháu đâu?”

Thực tế là tôi không biết.

“Thế cháu sống ở đâu?”

Tôi cố hướng dẫn cho họ đường đến nhà tôi ở Hồ Worth, Florida, nhưng xe đã đi qua quá nhiều đường quanh co và ngã rẽ nên tôi không thể nhớ được. Cuối cùng họ đành đưa tôi quay lại trường, tại đó họ thấy dì tôi đang tìm tôi.

Kế hoạch trốn chạy của tôi thất bại. Tôi nói dối mẹ tôi là mình đi nhầm xe.

Khoảng một hai năm sau, mẹ tôi lấy Leon.

Rồi thời gian ngắn sau đó, cả nhà tôi chuyển tới Screven, Georgia và chúng tôi cùng tới gặp quan tòa. Ngồi trên xe, mẹ tôi bảo: “Khi gặp quan tòa, ông ta sẽ hỏi con rằng con có muốn bác Leon làm bố của con không. Hy vọng con sẽ trả lời là có.” Trong cuộc đời tôi, Leon là điều cuối cùng trên thế giới này mà tôi muốn, nhưng tôi biết chắc là tốt nhất nên chấp nhận, vì nếu không tôi có thể sẽ bị giết khi về nhà. Do đó tôi làm theo lời mẹ nói.

Ngày hôm sau, trước khi đi học bố mẹ tôi dặn hãy “nhớ bảo với bạn bè ở trường là từ nay con không còn là Wilbanks nữa, giờ con là Wasdin.” Tôi răm rắp làm theo lời họ.

Giờ thì tôi đã là con riêng của vợ Leon và phải giáp mặt với ông ta suốt ngày. Khi một con sư tử đực chiếm được một con sư tử cái và những đứa con của nó, sư tử đực sẽ giết tất cả. Leon không giết tôi, nhưng tôi phải trả giá cho bất cứ điều gì mà tôi không thực hiện chính xác như lời hắn nói. Nhiều lúc ngay cả khi làm đúng, tôi cũng phải chịu trận.

Vườn nhà tôi trồng rất nhiều cây hồ đào và việc của tôi là phải hái quả hồ đào. Leon làm nghề lái xe tải, nên nếu mỗi khi hắn về mà nghe thấy tiếng quả hồ đào bẻ dưới bánh xe, thì tức là tôi phải chịu lỗi. Hắn chẳng thèm quan tâm là sau khi tôi đã lượm hết thì lỡ có quả nào rơi xuống hay không. Lỗi của tôi là không chăm chỉ và không biết việc. Khi đi học về, tôi phải tới thẳng phòng ngủ và nằm ra giường để cho Leon dùng roi da đánh tôi không thương tiếc.

Ngày tiếp theo ở trường, tôi phải cố gỡ quần lót ra khỏi lớp máu khô và đóng vảy ở mông để ngồi xuống khi đi vệ sinh. Tôi chưa bao giờ tin vào Chúa, nhưng cũng đã có lúc tôi cầu xin Người: “Xin Người hãy giết chết Leon.”

Chịu đòn quá nhiều, tôi đã đạt đến ngưỡng không còn sợ mỗi khi chiếc roi da từ tay gã đàn ông nặng hơn 100 kg quật lên lưng, lên mông và chân tôi. Hãy nằm yên. Đừng lăn lộn. Làm thế không thay đổi được gì đâu. Hãy chịu đựng nó. Tôi cứ nằm trên giường, mắt nhắm nghiền lại và hình dung tới những vết thương. Việc tôi cứ nằm chình ình như cái xác chết càng khiến Leon thêm điên tiết.

Phi vụ bắn tỉa đầu tiên của tôi là sau mùa Giáng sinh, khi tôi bảy tuổi. Một thằng to con hơn so với tuổi lên 10 của nó, tên Gary, là đầu gấu ở trường đánh một trong những đứa bạn của tôi. Chiều hôm đó, tôi tự tập thêm bốn chiến hữu. Chúng tôi thừa biết là Gary quá to lớn nên không thể đánh lại hẳn được, nhưng lúc đó chúng tôi đứa nào cũng có súng BB cho ngày Giáng sinh. Tôi bảo: “Sáng mai mang súng tới trường. Chúng mình sẽ đợi nó ở góc cây cạnh sân trường và bắn nó khi nó đi ngang qua.” Để đến trường, Gary phải đi qua một con đường hẹp, chính việc này tạo thuận lợi cho chúng tôi chọn điểm phục kích hẳn. Ngày hôm sau, cả hội chúng tôi cùng đợi hẳn. Chúng tôi có lợi thế chiến thuật là đông người, có vũ khí và lại ở cao hơn. Khi Gary vừa vào khu vực nã đạn, chúng tôi nổ súng vào hẳn. Có thể bạn sẽ cho rằng Gary sẽ tháo chạy ngay từ phát đạn đầu tiên, nhưng nó không chạy. Nó đứng chịu trận như đang bị một đàn ong tấn công. Nó cứ ôm lấy vai, lấy lưng và lấy đầu mình. Chúng tôi tiếp tục bắn. Lúc đó, một bà giáo ở trường tên là Waters chạy tới và quát ầm lên. Rồi một giáo viên nữa quát nạt và chúng tôi chạy tán loạn ra khỏi góc cây. Gary nằm oằn mình dưới đất và thở dốc ra như khóc. Tôi thấy tội cho nó vì đầu nó – nơi bọn tôi nhằm vào là chủ yếu, đang chảy máu, nhưng tôi cũng thấy là nó đáng bị đánh như thế vì hôm trước nó đã đánh bạn tôi. Áo của Gary lộn cả về đằng lưng. Một thầy giáo dùng khăn tay để băng mặt cho Gary.

Cả bọn chúng tôi bị triệu tập lên phòng Hiệu trưởng. Cảnh sát địa phương cũng có mặt ở đó, cố không bật cười vì trò đùa của chúng tôi. Tôi giải thích, “bạn ấy lớn hơn tất cả bọn em, nhưng hôm qua bạn ấy đã đánh bạn Chris.” Trong suy nghĩ của mình, tôi không hiểu là chúng tôi sai ở chỗ nào. Nhà

trường tịch thu súng của chúng tôi và mời bố mẹ chúng tôi tới. Hiển nhiên bố dượng đã cho tôi ăn đòn toi tả khi về nhà.

Một vài năm sau, trước khi tham gia vào SEAL, tôi về nhà vào kỳ nghỉ phép của lính Hải quân. Tôi ngồi trên xe do Gary lái, giờ hắn là lái xe cho bố tôi. Gary hỏi tôi: “Cậu nhớ lần bắn tôi bằng súng BB không?”

Tôi gượng gạo trả lời: “Ừ, nhớ. Cậu biết đấy, lúc đó mình đều là trẻ con mà.”

“Không, không, không sao mà.” Gary chỉ vào vai trái và bảo: “Chỗ này giờ cũng ổn rồi.”

Tôi sờ vào vai trái của cậu ta – và tôi cảm nhận được hình viên đạn BB dưới làn da cậu ấy.

“Đôi khi những vết đạn làm tôi đau đấy”, giọng cậu ta rất thật: “Có lúc nó khiến tôi đau ở đầu, lúc lại đau ở vai”.

“Ôi anh bạn! Tôi vô cùng xin lỗi!”

Sau đó chúng tôi cùng uống bia và cảm thấy buồn cười về chuyện đã xảy ra.

Khi lên tám tuổi, tôi quay lại Florida với dượng mình cùng một vài người khác để làm nghề bán rong, tức là rong ruổi khắp mọi nẻo đường bán hàng trên một chiếc xe tải nhỏ không mui. Tôi ngồi phía sau bán hàng trong khi một gã nghiện rượu cổ đỏ ửng tên là Ralph Miller lái xe. Hắn thường dừng xe ở cửa hàng rượu. “Tao dừng đây để vào mua ít nước cà chua. Mà thích uống không?”

“Chắc là có.”

Hắn vào mua một bình nước cà chua cho tôi. Tiếp đó hắn mua một ít nước cà chua màu nhạt, mùi thơm thơm trộn lẫn với hành, cần tây, vài thứ gia vị khác và một tý chút nước trái cây Mott Clamato. Ralph thích uống loại này.

Một lần khi đang ngồi trên thùng xe tải, tôi lén nhìn vào phía trong cabin. Ralph mở khóa túi quần và lôi ra một chai rượu vodka, rồi trộn rượu vào

nước Clamato. Làm thế có gì hay ho nhỉ? Gã này lại làm hỏng thức uống Clamato ngon lành này rồi!

Chúng tôi lái xe quanh những khu vực nguy hiểm nhất của thị trấn để bán dưa hấu, dưa vàng. Một lần khi xe của chúng tôi dừng lại ở một thị trấn tên là Dania, có hai gã đến thùng xe hỏi giá dưa. Một gã lấy một quả dưa, đặt vào trong xe hẵn rồi bước về phía cabin như để trả tiền cho Ralph.

Đoàng!

Tôi quay lại và thấy gã đó đang hướng một khẩu súng lục ổ quay .38 vào Ralph. Chân của Ralph đang chảy máu. Ralph run rẩy đưa cho gã đó ví tiền.

Gã cầm súng hất hàm hỏi Ralph: “Mày nghĩ tao không dám bắn mày chắc?”

Tôi toan chạy khỏi xe.

Tên còn lại quát tôi: “Ngồi yên”.

Sau đó gã hướng súng vào tôi.

Tôi nhảy qua hàng ghế trên thùng xe và giật mạnh báng súng, lo sợ bị bắn bất cứ lúc nào. Tôi chạy nhanh đến mức mà chiếc mũ cao bồi màu đỏ nho tôi mua từ cửa hàng giá rẻ Grandma Beulah bay khỏi đầu. Trong một thoáng tôi đã nghĩ tới việc quay lại nhặt mũ, song tôi quyết định không vì nếu tôi quay lại, gã kia sẽ bắn tôi.

Tôi trốn quanh hai mô đá và thấy Ralph lê người tới buồng điện thoại ở trước cửa hàng tạp hóa. Tôi rất mừng vì Ralph vẫn còn sống. Ralph gọi một xe cứu thương.

Cảnh sát tới ngay trước khi xe cứu thương xuất hiện. Nghe cảnh sát thẩm vấn Ralph, tôi biết rằng Ralph bị hai tên cướp yêu cầu đưa tiền chứ không phải là đưa ví. Do đó Ralph mới bị bắn.

Trong khi Ralph vào viện để băng bó vết thương thì cảnh sát đưa tôi vào đồn cảnh sát Dania. Nhân viên điều tra thẩm vấn tôi, rồi đưa tôi quay lại hiện trường để nghe tôi thuật lại sự việc. Họ có chút nghi ngờ song cũng

nhận thấy là tôi còn quá nhỏ và lại bị sốc vì phải chứng kiến những điều vừa xảy ra.

Đó là lần đầu tiên tôi được tiếp xúc với những người lính chuyên nghiệp. Họ dành thời gian cho tôi, kể cho tôi nghe về công việc của một cảnh sát và cho tôi biết họ đã phải làm gì để trở thành cảnh sát. Một viên cảnh sát chống ma túy cho tôi xem những loại ma túy khác nhau mà họ thu được trên đường. Họ để tôi đi quanh đồn cảnh sát, rồi một y tá ở phòng bên chỉ tôi toàn bộ trang thiết bị. Nhân viên y tế thậm chí còn cho tôi chơi trò trượt tuyết. Tôi sẽ mãi không bao giờ quên được họ.

Đêm hôm đó, tôi được một nhân viên điều tra đưa về nhà ông ấy để ngủ lại vì họ vẫn chưa tìm ra được bố tôi. Vợ ông ta hỏi tôi: “Cháu đã ăn gì chưa?”.

Từ sau bữa sáng đến giờ tôi chưa ăn gì, vì thế tôi đáp: “Chưa, thưa bà.”

“Thế cháu có đói không?”

“Hơi đói ạ.”

“Được rồi, để cô làm gì đó cho cháu ăn nhé!”

Ông cảnh sát nói: “Bọn anh đưa nó vào đồn từ chiều nay, nhưng chẳng ai nghĩ tới việc cho nó ăn cả.”

“Các anh không biết nó là một đứa bé đang tuổi ăn tuổi lớn à?” Bà ta mang ra cho tôi một đĩa đồ ăn.

Tôi ăn ngấu nghiến. Ước gì tôi có thể ở với những con người này mãi mãi... Ăn xong, tôi đi ngủ. Sáng hôm sau tôi được gọi dậy lúc 5 giờ, viên cảnh sát đưa tôi quay lại đồn. Tại đó bố dưỡng và bác Carroll đang chờ tôi.

Hai người có một vườn dưa hấu, nơi tôi làm việc sau giờ học và trong suốt mùa hè. Hai người này chỉ biết đến công việc. Khi không làm ở nông trại, họ làm nghề lái xe tải. Kể từ khi tôi làm việc phụ thêm với gia đình, mối quan hệ của tôi và dưỡng (nay đã bỏ rượu) đã tốt hơn.

Ở miền Nam Georgia, nơi cái nóng có thể đạt đến gần 40 độ C và độ ẩm lên đến gần 100%, tôi thường đi khắp vườn dưa để thu hoạch những quả dưa

hầu nặng đến gần 15 kg, xếp tất cả thành một hàng dọc và lăn dưa qua bên kia đường, sau đó chuyển lên thùng xe tải. Một trong số những người lớn tuổi hơn tôi sẽ lùi xe tải tới một xe moóc 18 bánh và tôi giúp họ chất dưa lên xe. Sau khi chuyển hàng ngàn quả dưa lên xe, sáng sớm hôm sau tôi theo xe tải lên vùng Columbia, miền Nam Carolina để bán dưa. Tôi có khoảng hai tiếng để ngủ trước khi quay về.

Khi có vài tiếng tiếng rảnh rỗi, gia đình tôi cũng đi picnic. Từ một trong những chuyến đi như vậy, tôi đã tự học được cách bơi qua những chỗ nước lặn ở sông Little Satilla. Trước đây tôi chưa biết chút kỹ thuật bơi nào, nhưng cũng phần nào cảm nhận được khi tắm ở nhà. Cả nhà tôi tới đó vài lần vào cuối tuần để bơi, câu cá vược, cá thu, cá chim cổ đỏ và cá mang xanh.

Cũng có lúc sau khi làm việc ở vườn dưa xong, cả nhóm chúng tôi cùng tới bơi trong làn nước đen ngòm ở hồ Grace. Do tác động của axit tannic từ cây thông và các loại rau khác nên nước ở cả sông Little Satilla và hồ Grace đều đen tới mức mà vào những ngày đẹp trời, bạn cũng không thể thấy chân mình dưới nước. Vào mùa hè, chuồn chuồn bay tới đây để săn muỗi. Từ bìa rừng bao quanh hồ, tiếng kêu của sóc hòa lẫn tiếng vịt và tiếng gà tây rừng. Những dòng nước đen ngòm đó luôn ẩn chứa vẻ đẹp bí hiểm.

Khi lên 14 hay 15 tuổi, tôi điều hành nhóm công nhân vườn dưa. Tôi thường đi từ vùng người da trắng sinh sống, theo một con đường mòn tới Quarters – khu vực sinh sống của người da màu. Tôi chờ từ 15 đến 20 người làm đến vườn dưa ngày hôm đó, phân công công việc và cùng làm với họ, nhưng thực chất thì họ làm việc nhiều gấp đôi tôi.

Sau một ngày làm việc, cả nhóm chúng tôi lại tới hồ Grace để tổ chức thi bơi xem ai bơi được xa nhất tính từ chân cầu. Những chuyến đi picnic của gia đình giúp tôi cải thiện được khả năng bơi lội của mình. Khi bơi dưới làn nước đen nâu, miệng tôi khép hờ và thở ra một ít. Khi tôi lên bờ, có người còn bảo: “chắc là cậu xì hơi rồi, làm sao mà cậu nín thở lâu thế được!” Những lúc như vậy là dịp hiếm hoi tôi được thoải mái và vui vẻ. Thịnh thoảng vào buổi tối, chúng tôi đốt lửa trại và chuyện trò.

Bố dượng không ngăn cấm chúng tôi dành vài giờ đi bơi hay câu cá, nhưng chúng tôi không bao giờ được đi săn. Ông cũng có lần cho tôi bắn súng, nhưng đi săn thường phải mất cả ngày. Như vậy thì sẽ bỏ bê công việc. Ông

ấy chỉ chú tâm đến công việc. Nếu tôi làm sai hay lười biếng, ông sẵn lòng cho tôi ăn đòn.

Ở trường cấp hai, một hôm, tôi bị đau chân khi chơi đá bóng trong giờ thể dục. Thầy giáo tôi bảo “Để thầy xem hông em có việc gì không!” Ông kéo quần tôi xuống để kiểm tra hông phải và ông nhìn thấy dấu vết còn lại từ trận đòn của dựng tôi, kéo từ phần dưới lưng tới phần đùi. Ông giáo há hốc mồm và thốt lên: “Ôi! Chúa ơi...” Sau khi kiểm tra xong, ông kéo quần tôi lên và không nói thêm lời nào nữa. Trong những ngày tiếp theo, cuộc sống gia đình tôi vẫn vậy. Nhưng tôi cứ có cảm giác lúng túng vì đã có người phát hiện ra bí mật của mình.

Dù cho những chuyện đã xảy ra, tôi vẫn yêu bố mẹ mình. Đó không phải hoàn toàn là lỗi của họ vì họ không được học hành và không biết cách dạy dỗ trẻ con. Họ đã làm tất cả để cả gia đình đủ ăn đủ mặc. Theo Tháp nhu cầu của Maslow, chúng tôi không bao giờ đạt tới tầng tự thể hiện bản thân (tầng thứ 5 trong tháp) vì chúng tôi hiện đang ở đáy tháp – chỉ có để có đủ cơm ăn áo mặc. Về cơ bản, bố mẹ tôi không bao giờ dùng những lời cay nghiệt. Họ là những người tin vào Chúa. Chủ nhật nào mẹ cũng đưa mấy anh em tôi tới nhà thờ. Họ thấy cách nuôi dạy con cái của mình chẳng có gì sai cả.

Là anh cả của mấy anh em, bố dựng muốn tôi chăm sóc các em gái của mình là Rebecca, Tammy và Sue Anne. Cô em Tammy nói luôn miệng và hay tác oai tác quái. Từ khi vào học cấp một, không biết đã bao nhiêu lần tôi phải bênh vực cho cái tội vạ miệng của nó. Khi tôi đang học lớp 5, cô bé chửi một cậu bé học lớp 8. Hậu quả là cậu ta đâm thẳng vào mặt tôi, tặng cho tôi một quầng đen trên mắt, một chiếc mũi gãy và một cái răng sứt. Khi về nhà, bố tôi là người tự hào nhất mà chẳng quan tâm đến việc Tammy đã làm những điều xằng bậy và gây sự đánh nhau. Tôi trông chẳng khác nào một con vật hiến tế. Tuy nhiên, tôi biết dù cho cậu bé kia có đánh tôi tàn bạo đến đâu, nhưng nếu tôi không cho cậu ta đánh, thì chắc chắn dựng tôi còn đánh tôi tàn bạo hơn nhiều.

Vào một buổi chiều khi tôi 17 tuổi và đang nghỉ hè ở nhà, tôi vừa đi làm cả ngày ở vườn dưa về, tôi tắm tấp, sau đó ra phòng khách ngồi, chỉ mặc mỗi chiếc quần đùi. Một lát sau, Tammy đi đâu về, vừa đi vừa khóc.

Tóc vẫn còn ướt, tôi hỏi: “Có chuyện gì đấy?”

“Đầu em bị đau.”

“Sao mà đầu em lại đau?” Tôi sờ đầu em nó và thấy một cục u ngay trên đỉnh đầu. Tôi hỏi: “Ở đây có đau không?”

Tammy kể: “Bọn em đang chơi bóng rổ ở nhà thờ. Khi em vừa ghi điểm, Timmy nhặt bóng lên và ném bóng vào người em nên em ném ngược vào người nó. Nó chộp được em rồi khóa đầu em lại. Sau đó nó đấm vào đầu em.”

Tôi ra ngay khỏi phòng. Giờ thì tôi như con bò tót đối mặt với màu đỏ, nhưng tôi hoàn toàn tự chủ. Tôi rời khỏi nhà, qua cổng, vọt qua hàng rào xích và chạy thẳng tới nhà thờ First Baptist. Lũ trẻ cùng cha mẹ chúng đang rời nhà thờ sau giờ học Kinh thánh mùa hè. Một người trợ tế đứng ở phía cửa nhà thờ. Tôi phát hiện ra Timmy – người đã đánh em gái tôi. Tôi và nó cùng tuổi.

Nó quay lại đúng lúc thấy tôi đi tới. Timmy hét toáng lên “Howard, chúng ta cần nói chuyện đã.”

“Không cần đâu, thằng chó chết.” Tôi giáng một cú vào má phải, rồi quật ngã nó. Tôi chộp lấy đầu và ngồi lên lưng Timmy rồi đánh nó như tử, miệng văng tục liên hồi. Tất cả những gì tôi nghĩ tới lúc này là em gái của tôi đang khóc với một cục u trên đầu.

Một người trợ tế cố lôi tôi ra, song nên nhớ tôi đang 17 tuổi và luôn làm việc quần quật từ nhỏ tới giờ. Phải thêm một số người trợ tế nữa mới kéo được tôi ra.

Cha Ron xuất hiện. “Howard, dừng lại.” Tôi tin và tôn trọng cha Ron. Cha giống như người anh tinh thần của cả thị trấn này vậy.

Tôi dừng tay. Cha Ron là người đã dừng được cuộc ẩu đả.

Đen đũi thay, vụ việc này lại châm ngòi cho một mối thù. Bố của Timmy là một kẻ giống như bị tâm thần, trong khi dạng tôi là người nóng tính. Ông

ta không bao giờ chùn bước trước ai.

Gã tâm thần lái xe tới nhà tôi.

Dượng tôi gặp gã ở trước cửa nhà.

“Tôi mà gặp thằng nhãi con ông ở đâu đó thì nó sẽ không tự về nhà được đâu.” – tâm thần dọa.

Dượng tôi đi vào nhà và chộp lấy khẩu súng ngắn. Khi ông vừa bước ra trước nhà thì gặp ông nội tôi đi cùng Cha Ron đến. Bố tôi định nhắm thẳng vào mông của gã tâm thần. Song nội tôi và Cha Ron đã ngăn ông lại.

Những tuần tiếp theo thực sự rất căng thẳng với tôi. Đi đâu tôi cũng phải để ý phía sau xem có gã nào theo mình không. Timmy cũng có hai anh trai nữa. Tôi phải tụ tập anh em lại để bảo vệ mình và không bao giờ dám đi đâu một mình.

Cha Ron gặp mặt cả bố và nội tôi ở nhà thờ. Hóa ra mọi chuyện diễn ra không phải như những gì phát ra từ cái mồm lấu cá của em gái tôi. Tammy đã gây chuyện gì đó với Timmy. Sau đó Timmy chỉ dùng ngón tay cốc đũa vào đầu Tammy. Tôi đã từng nghĩ đó là cú đấm vào đầu thay vì những gì diễn ra trong thực tế. Cha Ron khuyên chúng tôi nên bỏ qua vụ việc.

Giờ thì tôi biết là rắc rối to rồi.

Nhưng bố tôi lại bảo: “Này con trai, nếu là bố thì bố cũng làm tương tự, ngoại trừ việc văng tục liên mồm giống như con làm trong sân nhà thờ.”

Tôi xem hành động đó như là để bảo vệ phẩm giá. Mặc dù bố tôi cũng có lỗi, song với ông, bảo vệ gia đình luôn rất quan trọng và tôi quý trọng ước muốn bảo vệ tôi của ông.

Cha Ron là người gắn kết cộng đồng này và chính cộng đồng này đã giúp hình thành tính cách của tôi.

Bên cạnh Cha Ron, một người khác cũng có ảnh hưởng đến tôi là bác Carroll – anh trai của bố. Ông ấy không phải là người nóng tính và dù không phải là người học nhiều, song ông rất thông minh, đặc biệt trong đối

nhân xử thế. Bác Carroll có bạn bè ở khắp nơi. Chính bác đã dạy tôi lái xe tải vì bố Leon không đủ kiên nhẫn để dạy tôi. Bố Leon có thể nổi giận ngay cả lần đầu tôi bốc nhầm dưa, lái xe sai hay bất cứ lỗi gì. Trong khi bác Carroll lại dành thời gian để giải thích mọi thứ cho tôi. Khi tôi học lái xe 18 bánh, bác Carroll bảo: “Không, Howard à, đáng lẽ cháu không nên quay trục xe ngay lúc này. Cháu nên tăng vòng quay thêm một ít đã. Rồi bây giờ thì về số và tiếp tục đi.” Tôi học được nhiều điều từ bác Carroll. Tôi và bố Leon có thể cùng lái xe từ bờ biển West Palm, Florida tới Screven, Georgia, liên tục 8 tiếng mà chẳng mấy khi nói chuyện với nhau. Hai bố con tôi không có chuyện gì để nói với nhau hết. Nếu có, thì đó là những câu đại loại như, “Con muốn đi tắm không?”. Ngoại trừ những nhu cầu cá nhân hay ăn uống, hai cha con chẳng nói gì nữa. Bố mẹ tôi thường bảo chúng tôi là “Con cái là để ngắm, không phải để nghe.” Nhưng họ cũng không phải hoàn toàn xấu. Nếu chúng tôi ra đường và nói ra điều gì, trong khi không ai hỏi mình thì khi về nhà, chúng tôi biết điều gì sẽ dành cho mình. Bác Carroll là người duy nhất thể hiện tình thương đối với tôi. Bác thường quàng tay ôm lấy vai tôi khi biết dượng lại đánh tôi một cách tàn nhẫn vào chân. Bác luôn động viên tôi, thậm chí là chỉ bằng một lời nói yêu thương lúc cần thiết. Nếu tôi và bác cùng đi xe, hai bác cháu sẽ dừng lại để ăn sáng và ăn trưa tại nhà hàng. Trong khi với dượng, hai bố con sẽ đi vào một cửa hàng tạp hóa và mua một ít xúc xích với phô mát rồi lên xe để làm thành món bánh sandwich. Leon không muốn dừng lại lâu. Đáng quý nhất là bác Carroll luôn động viên tôi. Ảnh hưởng của bác với tôi thậm chí là còn hơn cả Cha Ron. Nếu không có họ, có lẽ tôi đã có những hành động ngu xuẩn. Thậm chí là tự kết liễu đời mình.

Những năm trung học, tôi học trở thành chuyên viên tin học tại Quân đoàn Huấn luyện Sĩ quan Dự bị Trung cấp (JROTC) của Không quân. Tôi yêu JROTC, yêu cả những quy định, cơ cấu của tổ chức này cũng như bộ quân phục đẹp đẽ. Tôi luôn là một học viên xuất sắc: cả trong xếp loại sĩ quan cũng như trên cương vị là chỉ huy tổ quân kỳ. Điều đó cho tôi công việc để làm và cũng để vượt lên trên người khác. Khi đèn được bật lên, tôi hiểu được rằng tôi có thể dễ dàng trở thành người xuất sắc nhất.

Tuy nhiên khi tiếp xúc với phụ nữ, tôi lại là kẻ đến sau. Vào tháng Mười, tức là một tháng sau sinh nhật 18 tuổi của tôi, tôi hỏi bạn mình: “Hôn kiểu Pháp thì phải làm thế nào nhỉ? Cậu làm thế nào?”

“Howard, thế này nhé, sắp lại cô ta, đặt môi mình lên môi nàng, luồn lưỡi vào trong, rồi sau quần chặt lấy nàng.”

Tôi cần phải có một bạn nhảy đi cùng đến buổi khiêu vũ của JROTC. Một anh bạn cùng đơn vị của tôi có em gái tên là Dianne, mọi người đều gọi cô ấy là Dee Dee. Tôi chẳng mấy khi nghĩ về cô ấy, nhưng giờ thì tôi đã nghĩ đến việc có thể cô ấy sẽ cùng tới buổi khiêu vũ với mình. Lo lắng và hồi hộp, tôi mời Dee Dee: “Em đi tới buổi khiêu vũ cùng anh nhé?”

“Dạ vâng,” – cô ấy đáp.

Sau khi khiêu vũ xong, cô ấy bảo tôi “Minh đi tới nhà Đèn ma đi.” Tôi đưa cô ấy tới nơi người ta đồn là có bóng ma không đầu của một công nhân đường sắt lang thang trên đường ray tìm kiếm gì đó, tay cầm một chiếc đèn lồng.

Khi tôi dừng xe, người tôi như cứng lại. Khi nào thì mình nên đặt môi lên môi cô ấy? “Luồn lưỡi vào và quần lấy cô ấy” nghĩa là cái quái gì? Mình có nên luồn lưỡi theo vòng tròn không? Mình nên làm gì? Tôi cứ cố thoát ra khỏi những suy nghĩ đó. Tôi định bảo với Dee Dee, em này, chúng ta nên về thôi. Nhưng cô ấy đã tiến sát đến gần tôi, chờ đợi. Mặt cô ấy ngay trước mặt tôi. Rồi cô ấy chủ động hôn kiểu Pháp. Chẳng cần nói gì nữa, đây rõ ràng chẳng phải là môn học Vật lý lượng tử, như thế là ổn. Chúng tôi thành một đôi cho đến mùa xuân năm sau.

Buổi hòa nhạc mùa xuân sắp diễn ra, nhưng một gã nào đó đã mời Dee Dee trước tôi rồi. Suốt giờ học môn Kinh tế học, tôi cố mời Laura, bạn của Dee Dee cùng tới buổi hòa nhạc – đó là cuộc hẹn đầu tiên của chúng tôi. Laura đáng người đẹp và nãy nở. Khi buổi hòa nhạc kết thúc, chúng tôi đã hôn nhau lần đầu tiên ngay trong ô tô. Laura hôn tôi và tôi không cưỡng lại. Bởi tôi lớn lên trong một gia đình không có sự biểu hiện của tình thương, nên sự quan tâm của Laura dành cho tôi vô cùng ý nghĩa.

Nhĩ về quãng thời gian thanh niên, tôi vẫn nhớ phi vụ trinh sát đầu tiên của mình. Khi ở Screven, Georgia, chúng tôi không phải làm gì nhiều, nên thỉnh thoảng lại tự tạo niềm vui cho mình. Có một lần vào tối thứ Sáu, Greg, Phil, Dan và tôi lái xe xuống phía bờ sông. Chúng tôi thấy một cái va li cũ có lẽ là rơi ra từ xe của ai đó. Chúng tôi mở ra và chỉ thấy một ít quần áo trong đó. Chúng tôi quăng nó lên thùng xe tải của Greg và chẳng nghĩ gì về nó cả.

Khi chúng tôi dựng trại ở bờ sông, cùng ngồi quanh đồng lửa uống bia với thịt bê nướng thì một con mèo ghè lở và gầy nhom xuất hiện. Nó chắc là mèo hoang nên chẳng dám đến gần chúng tôi, nhưng con mèo chắc là đói lắm. Chúng tôi ném cho nó một miếng bê nướng, con mèo vồ lấy và nhai ngấu nghiến. Một người trong chúng tôi bắt chước động tác của loài mèo thì con mèo nổi quạu ngay – móng vuốt và răng nó nhe ra. Tôi nghiệp con mèo. Chúng tôi dùng cái va li làm cái bẫy bắt mèo bằng cách chổng nắp va li lên và cho một miếng bê nướng vào trong. Khi con mèo mò vào trong va li, chúng tôi thả nắp va li xuống và kéo khóa lại. Chúng tôi cười toáng lên, rồi khi nghe con mèo kêu như điên dại trong chiếc va li càng làm chúng tôi khoái trá hơn. Con mèo cứ kêu cho đến khi kiệt sức.

Tôi chợt nảy ra một ý kiến. “Anh em biết là khi thấy cái va li, bọn mình đã muốn mở nó ra như thế nào? Vậy nếu mình đặt cái va li dọc đường, thì ai đó bắt gặp cũng sẽ dừng lại và mở nó ra.” Thế là chúng tôi mang cái va li ra phía đường và dựng nó ở gần một cây cầu. Sau đó chúng tôi nắp ở gần đó bằng cách nằm sát mặt đất trên một con dốc ở gần đường. Chúng tôi đợi một lúc thì có một chiếc xe chạy qua. Song xe này không phát hiện ra. Đúng là lái xe không thèm quan sát gì.

Rồi chiếc xe khác tiến tới và đèn phanh sáng lên. Sau đó nó vượt qua cái va li, quay một vòng chữ U và quay lại. Nó vượt qua chỗ chúng tôi nằm và quay tiếp một vòng chữ U, cuối cùng nó dừng lại sát cái va li. Một bà béo da đen bước ra và nhặt lấy cái va li. Sau khi quay về xe và đóng cửa, chúng tôi nghe tiếng nói chuyện rất rôm rả, tưởng như họ vừa nhặt được một hòm châu báu vậy. Chiếc xe di chuyển. Đột nhiên, đèn phanh xe bật sáng và cả rung lắc như người đứt hơi. Ba trong bốn cửa xe mở tung ra, rồi ba người nhảy phốc ra khỏi xe chửi rủa âm ỉ.

Chúng tôi cố nín cười.

Một người trong bọn họ vứt cái va li xuống sườn đồi.

“Đuổi nó cút khỏi ghế sau đi!” một người khác hét toáng lên.

Một người khác chộp lấy một cái gậy và chọc vào trong xe để đuổi con mèo ra. Cuối cùng thì con mèo cũng thoát được ra ngoài.

Chúng tôi chẳng mong là họ mở cái va li ở trong xe khi xe đang chạy vì chúng tôi không ý định làm hại ai. May là không ai bị thương. Từ vụ này, chúng tôi có thêm một câu chuyện để kể cho vui vào ban đêm. Tôi dám cá là những người đó sẽ không bao giờ dám nhặt bất cứ thứ gì trên đường nữa. Đó cũng là lần đầu tiên tôi thực hiện hoạt động quan sát bí mật.

Khi tốt nghiệp trung học, tôi đã cao trên 1m80 và dành dụm đủ tiền để mua một chiếc ô tô, theo học tại một trường công giáo là Đại học Cumberland ở Williamsburg, Kentucky. Nhưng chuyện đi làm để dành tiền cho chiếc Ford LTD màu xanh đời 1970 của tôi đã xôi hỏng bỏng không vì Tammy đã ngốn hết khoản tiền mua xe của tôi trước khi tôi rời khỏi nhà, do đó tôi phải đi bằng xe buýt. Trước khi bước lên xe, mẹ tôi bảo bố: “Anh ôm Howard đi.” Sau đó bà bảo tôi: “Lại ôm dựng đi con.” Leon dang rộng hai cánh tay và hai bố con tôi gượng gạo ôm nhau. Đó là lần đầu tiên hai bố con tôi ôm nhau. Tiếp đến tôi ôm nhẹ mẹ mình. Tôi lên xe mà lòng vui sướng vì đã thoát khỏi chốn địa ngục này.

Chương 4. Chiếc tàu ngầm Nga và người anh hùng mặt xanh

Đến tuổi 20, sau khi học một năm rưỡi đại học, tôi đã sử dụng hết những đồng tiền cuối cùng mà khó khăn lắm tôi mới kiếm được và không còn khả năng để tiếp tục theo học. Thời điểm đó không có sẵn nhiều sự trợ giúp tài chính trong khi tôi đã cảm thấy mệt mỏi với việc giặt quần áo bằng các mẫu xà phòng thừa và không còn muốn phải tìm kiếm những đồng tiền lẻ vương vãi để có thể mua một bữa tối là món xúc xích với giá 1 đô-la 3 chiếc ở một cửa hàng gần đó. Tôi quyết định tìm đến các nhà tuyển quân tại một trung tâm mua sắm ở Brunswick, Georgia, với hy vọng có thể gia nhập quân đội để tiết kiệm đủ tiền và quay trở lại trường học. Treo bên ngoài văn phòng tuyển lính hải quân là một tấm áp phích in hình một lính thủy trong bộ đồ ướt nhẹp của lực lượng Tìm kiếm và Cứu nạn (SAR). Sau đó, tôi đăng ký dự tuyển vào lực lượng Tìm kiếm và Cứu nạn của Hải quân.

Trước khi bước chân xuống tàu, tôi quyết định cưới Laura.

Mẹ bảo tôi: “Con hãy nói với Cha Ron trước đã”.

Tôi biết Cha thuyết giáo của chúng tôi không thích Laura. Tôi biết Cha không đồng tình với tôn giáo Đa thê (Mormon) của cô ấy. “Không đâu mẹ ạ, con sẽ không làm vậy đâu. Con sẽ không nói chuyện với Cha Ron. Con yêu Laura và con sẽ cưới cô ấy.”

Dượng bước vào phòng tôi, dùng hai tay đẩy vai làm tôi lùi lại vài bước. Ông thường thích chứng tỏ sự uy quyền bằng những cử chỉ mạnh mẽ như vậy. Nếu tôi nhìn vào ông hay bước lên phía trước, ông sẽ cho rằng đó là dấu hiệu khiêu khích. Tôi đã học được cách cúi đầu và đứng yên tại chỗ. “Nếu mày không nghe lời mẹ về mỗi chuyện con con ấy, mày hãy gói ghém đồ đạc và bước ra khỏi nhà tao”.

Tôi không tin vào tai mình.

“Cái gì, mày nhìn tao hả,” ông nói. “Mày muốn thách thức tao à?, thử xem. Tao sẽ bước qua mày như là bước qua liều thuốc tầy!” Thuốc tầy được sử dụng để chống táo bón và đó là cách người miền Nam Georgia muốn nói là: “Tao sẽ bước qua mày như bước qua đồng phân ngỗng ấy.” Đó là lần cuối cùng ông ấy đe dọa tôi.

Tôi gói ghém đồ đạc vừa một chiếc va li nhỏ, bước ra cửa, xuống đường và đi đến máy điện thoại công cộng. Khi tôi gọi đến nhà Laura, bố mẹ em bảo em ra đón tôi.

Gia đình Laura cư xử rất khác gia đình tôi. Con cái và bố mẹ cùng trò chuyện cởi mở. Bố mẹ em rất chu đáo với con cái. Ông bố thậm chí còn chúc các con một buổi sáng tốt lành. Điều đó làm tôi rất xúc động. Tôi yêu những gì gia đình họ có cũng như là tôi yêu Laura vậy.

Bố mẹ Laura để tôi sống cùng gia đình họ cho đến khi tôi tìm được một công việc tạm thời trong ngành xây dựng và có một căn hộ nhỏ. Nhiều tháng sau khi tôi bỏ nhà đi, ngày 16 tháng Tư năm 1983, Laura và tôi làm lễ cưới tại nhà thờ. Bố mẹ tôi bắt buộc dĩ tham dự đám cưới nhỏ ấy bởi vì ở thị trấn nơi chúng tôi sinh sống, mọi người sẽ coi thường nếu họ không đến dự. Sau khi Laura và tôi thề nguyện, bố tôi trao cho tôi một tờ 100 đô-la và bắt tay tôi mà không nói lời nào, không “Chúc mừng” cũng chẳng “Quý tha ma mất mày đi”. Không cần nói bạn cũng biết, bố mẹ tôi không ở lại để chờ đến màn cắt bánh.

Chuyện gần gũi yêu đương Laura đến với tôi một cách tự nhiên như bản năng, nhưng việc nói lời yêu và nắm tay cô ấy thật là khó khăn. Tôi cứ từ thái cực này chuyển sang thái cực khác, chẳng tìm được gì dung hòa cả. Tôi thiếu hình mẫu về vai trò một người chồng và một người cha. Bố tôi không bao giờ ôm mẹ tôi hay nắm tay bà cả. Có thể là ông có làm điều đó khi tôi không ở gần, nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy. Phần lớn câu chuyện của họ chỉ là về công việc hay bọn trẻ chúng tôi mà thôi.

Ngày 6 tháng Mười một năm 1983, tôi đến một doanh trại huấn luyện tân binh của Hải quân ở Orlando, Florida. Hai ngày sau, tất cả chúng tôi đều cạo trọc đầu và người thì sặc mùi vải bông mới hồ. Khi tắt đèn đi ngủ, tôi bảo cậu bạn ở chiếc giường phía sau: “Này cậu, hôm này là sinh nhật tớ đấy.”

“Thế à, chúc mừng sinh nhật.” Rồi anh ta chẳng nói thêm lời nào. Cũng không có ai khác lên tiếng cả. Có vẻ như là mọi người còn thăm dò thái độ của nhau.

Việc thiếu tính kỷ luật và thiếu thái độ tôn trọng của các tân binh làm tôi ngạc nhiên. Vì thế nhiều người gặp rắc rối vì quên nói “Vâng, thưa Ngài” hoặc “Không, thưa Ngài”. Tôi thì đã được dạy dỗ là không được quên phép cư xử và phải để tâm vào từng hành động nhỏ. Những anh chàng đó được giao thêm một số việc (hít đất, lau và đánh sàn) và trông họ làm như những kẻ có trí tuệ chậm phát triển ấy. *Sửa soạn giường ngủ và gấp gọn đồ lót không phải là một hoạt động đòi hỏi kiến thức và sự phối hợp.* Tôi đã được dạy cách sửa soạn giường ngủ và gấp đồ lót của mình.

Người chỉ huy và tôi trở nên gần bó bởi vì anh đã từng đảm nhiệm công tác Tìm kiếm và Cứu nạn với tư cách là một thành viên đội bay – một công việc mà tôi mơ ước. Anh giao cho tôi phụ trách một nửa doanh trại. Sau khi kết thúc gần 4 tuần ở trại huấn luyện, ¼ số tân binh vẫn chưa đạt. Tôi không hiểu lý do tại sao nữa.

Những tân binh còn quá yếu kém sẽ phải trải qua kỳ Huấn luyện Tăng cường (IT). Tôi trình bày với Đại đội trưởng: “Thưa anh, tôi muốn được tham gia kỳ IT để chuẩn bị cho bài kiểm tra sức khỏe Tìm kiếm và Cứu nạn của mình.” Tôi không còn nhớ chính xác những yêu cầu của bài thi SAR thời kỳ đó, nhưng bài thi hiện nay đòi hỏi các thí sinh phải bơi 500m trong vòng 13 phút, chạy 2,5 km trong 12,5 phút, hít đất 35 lần trong 2 phút, thực hiện đứng lên – ngồi xuống 50 lần trong 2 phút và lên xuống xà 2 lần. Nếu trượt phần kiểm tra này, tôi sẽ khó có khả năng gia nhập lực lượng Tìm kiếm và Cứu nạn của Hải quân.

Đại đội trưởng nhìn tôi cứ như là đầu tôi đang mọc sừng vậy. “Wasdin, cậu có biết họ làm gì ở IT không?”

“Những tân binh chưa đạt chuẩn nói với tôi là ở đó họ luyện tập rất căng thẳng.”

Anh ta cười to.

Sau bữa tối, tôi đến tham gia IT và chợt hiểu tại sao anh ấy lại cười. Kỳ IT thúc giục chúng tôi năng động hơn. Chúng tôi tập hít đất, đứng lên – ngồi xuống, giơ súng trên đầu và rất nhiều bài tập nữa. Tôi nhìn sang bên trái rồi lại quay sang bên phải và thấy những anh chàng ở cả hai bên đều đang khóc. *Luyện tập khắc nghiệt thật đấy, nhưng tại sao bạn lại khóc?* Tôi đã trải qua những chuyện tồi tệ hơn nhiều. Mồ hôi và nước mắt rớt xuống sàn phòng tập. Mồ hôi tôi đổ xuống, nhưng tôi không khóc. Những học viên IT khác không biết rằng tôi tình nguyện luyện tập. Sau khi xuất hiện ở đó khoảng 7, 8 hoặc 9 buổi tối, mỗi buổi một tiếng đồng hồ, họ muốn tôi thay đổi kiểu cách quái quỷ đó. Nhưng tôi không bao giờ nói điều gì khác với họ. Khi tôi rời trại huấn luyện, chắc họ cho rằng *Wasdin là học viên kỳ dị nhất từng đến đây.*

Tôi tham gia bài kiểm tra Tìm kiếm và Cứu nạn. Ở bể bơi, tôi gặp một người đeo một phù hiệu lạ trên ngực. Lúc đó, tôi không biết ông ấy là người thuộc Đội SEAL của Hải quân và cũng không biết một người lính SEAL là thế nào cả. Nhiều người khác cũng không biết. Khóa IT có lẽ đã giúp tôi chuẩn bị cho bài thi này, nếu không phải là về thể chất thì cũng về tinh thần. Tôi đã vượt qua. Tuy nhiên, tôi chỉ tự tin 70% là mình sẽ được chọn đi học ở trường đào tạo lính bay. *Số phận của tôi nằm trong tay của Hải quân. Họ sẽ giao cho tôi việc gì đây nếu tôi không đậu kỳ thi này?*

Cho đến cuối kỳ huấn luyện ba tháng tại trại huấn luyện hải quân, Đại đội trưởng mỉm cười và trao cho tôi quyết định nhập học trường đào tạo lính bay. “Hẹn gặp cậu trong lực lượng hải quân” – anh nói. Vậy là tôi đã thành công. Đó là ngày tươi đẹp nhất trong đời tôi. Laura đến Florida khi tôi tốt nghiệp khóa huấn luyện và ở lại với tôi suốt mấy ngày cuối tuần. Tôi vẫn phải mặc quân phục ngay cả khi chúng tôi ra ngoài căn cứ. Khi chúng tôi đang ăn tối trong một nhà hàng, một cặp đôi tặng chúng tôi đôi vé thăm quan Disney World và thanh toán luôn hoá đơn của chúng tôi khi họ ra về. Ngày hôm sau, chúng tôi liền chớp cơ hội khám phá Vương quốc diệu kỳ này.

Khi tôi học tại trường đào tạo lính bay ở Pensacola, Florida, không có chỗ dành cho những người đã có gia đình để Laura có thể ở cùng tôi. Ở trường này, tôi phải mặc đồ bay, học cách triển khai các thiết bị cứu nạn ra khỏi máy bay, vượt qua chướng ngại vật và tập đấm bốc trong các trận đấu

nghiệp dư của hải quân. Đến cuối khóa học 6 tuần này, tôi tham dự một tuần huấn luyện “sống còn”. Giảng viên giả định tình huống máy bay của chúng tôi bị bắn hạ và chúng tôi phải làm mọi việc để sống sót: nai nịt lại trang bị, vượt qua sông, dựng một chiếc lều bằng dù và sống chỉ với lượng thức ăn ít ỏi như vài hộp nước sốt và ít táo. Trong suốt ba ngày cuối, chúng tôi chỉ ăn những gì có thể tìm thấy và đưa vào miệng được. Tuy nhiên, tôi vẫn không ăn được những con sâu ấu trùng.

Trận đấm bốc đầu tiên diễn ra vào đêm chúng tôi trở về từ đợt huấn luyện sống còn. Tôi nói với huấn luyện viên, “Tôi vừa ở trong rừng ba ngày mà không ăn uống gì cả. Anh nghĩ tôi có ổn không?”

“Chết tiệt. Tay lính thủy đánh bộ này đang thắng đậm chúng ta. Chúng tôi cần cậu đến đó và đánh bại anh ta”.

Cám ơn nhiều nhé, bạn của tôi.

Các bạn của tôi là Todd Mock và Bobby Powell đến xem trận đấu và ủng hộ tinh thần cho tôi.

Todd đứng ở góc của tôi. Tôi bảo cậu ta: “Giá mà tôi có thêm thời gian chuẩn bị cho trận đấu này.”

“Cậu chỉ cần đánh anh ta nhiều hơn anh ta đánh cậu thôi.”

Lời khuyên hay đấy.

Mỗi trận đấu gồm 3 vòng, mỗi vòng 3 phút. Không di chuyển nhiều, chỉ cần đánh gục đối thủ ở mỗi vòng. Trong vòng đầu tiên, tôi chịu được tay lính thủy đánh bộ và thi đấu ngang cơ. Vòng thứ hai, tôi phản ứng không đủ nhanh và bị đánh hai lần. *Anh ta đang thắng thế.* Tôi cảm thấy cánh tay của mình yếu đi, chiếc găng tay nặng có 0,5 kg mà tôi cảm giác như 20 kg vậy.

Vòng thứ ba, tôi đến cọ găng với anh ta, một thủ tục xã giao lặng lẽ mà những đối thủ đấm bốc thực hiện khi bắt đầu vòng đấu cuối cùng. Tôi ra tay phải và anh ta bất ngờ thoi cho tôi một quả trời giáng. Đau quá. Ôi đau quá. Tôi khụy xuống. Khi tôi đứng lên được thì đã bị đếm đến 8.

Tôi không phải là Rocky – tôi rất sợ lại bị dính đòn. Khi bị đếm đến 8, tôi dồn hết sức tới tấp lao vào tấn công anh ta vì sợ đến chết rằng anh ta có thể lại làm đau tôi nữa. Cuối cùng, tôi thắng. Những người ủng hộ phe hải quân phát cuồng lên. Tôi ngồi trên một ghế đầu ở góc của mình, cảm thấy kiệt sức. Tôi nhìn Todd nói: “Cậu và Bobby sẽ phải vắc mình ra ngoài thôi.”

Họ bê tôi đến bãi gửi xe và đặt vào trong ô tô. Sau khi cởi găng tay, họ lau mồ hôi và đưa tôi đến ăn ở nhà hàng Wendy. Sau đó, họ đưa tôi về doanh trại và để tôi nằm xuống giường.

Sáng hôm sau tỉnh dậy, tôi nghĩ mình đã bị làm sao đó rồi. Mắt sưng phồng lên, một bên mắt thì híp tịt lại. Con mắt kia cũng bị híp một phần. *Quái quỷ gì thế này?* Thế là tôi nằm bệt mấy ngày. May là lúc đó đã gần cuối khóa học nên tôi vẫn tốt nghiệp đúng hạn.

Mặc dù xa cách nhưng Laura và tôi vẫn viết thư cho nhau và thỉnh thoảng tôi gọi điện cho cô ấy. Laura đến thăm tôi vào kỳ nghỉ cuối tuần sau khi tôi tốt nghiệp. Mọi quan hệ của chúng tôi có vẻ tốt đẹp.

Sau đó, Todd, Bobby và tôi lên đường để đến trường Tìm kiếm và Cứu nạn, bắt đầu khóa học 12 tuần. Nơi này thật đáng sợ: Những cái tên viết trên tường, bể bơi khổng lồ trong nhà, cánh cửa giả của chiếc trực thăng H-3 và những giảng viên SAR mặc quần đùi và áo phông xanh.

Ôi, những người này là Chúa trời đấy.

Trường SAR đã thử thách tôi. Sau khi lấy hết sức bình sinh nhảy xuống nước, chúng tôi cảm thấy dễ chịu. Chúng tôi bơi đến thang cứu nạn, gắn thiết bị hoa tiêu vào, giơ tay ra hiệu, bật pháo sáng Mark-13 và luyện tập cứu nạn.

Cho đến cuối khóa học, trong bài thi cuối cùng, tôi phải thực hành một kịch bản cứu nạn. Một viên phi công đang ngồi trên phao cứu sinh, còn một người khác đang nằm úp mặt xuống nước. Trong khu vực bể bơi khổng lồ, tôi nhảy ra khỏi cánh cửa giả của máy bay trực thăng và lao xuống bể bơi rồi hỗ trợ cho người đàn ông đang ở tư thế úp mặt xuống nước. Viên phi công trên phao hét lên với tôi: “Anh bạn, đưa tôi ra khỏi nơi quái quỷ này thôi. Ông ta chết rồi. Đừng lo cho ông ta nữa.”

Khi tôi bơi tới và chạm được tay vào viên phi công đang úp mặt xuống nước, ông ta giật mình tỉnh lại và tóm chặt lấy tôi. Tôi lặn xuống phía dưới – đối với người sắp chết đuối thì việc làm này chẳng khác nào đang đi xuống địa ngục. Sau khi xem xét quanh người viên phi công, tôi bắt đầu kiểm tra dọc sống lưng và không phát hiện dây dù quấn quanh người ông. Ông ta có vẻ ổn và tôi bắt đầu bơi, nhưng ông ta vẫn chẳng nhúc nhích. Tôi kiểm tra lại và nhận thấy cả hai chân của ông ta đều vướng dây dù. Sau khi gỡ dây ra, tôi bơi và đưa ông ta đến phao của viên phi công kia. Viên phi công ở trên phao lúc này lại bắt đầu hét lên với viên phi công ở dưới nước: “Đó là tại anh. Anh xử lý kém quá”.

Tôi không thể đặt viên phi công này vào cùng phao cứu nạn với gã phi công khó chịu kia. Sau khi mở thiết bị nổi cho ông ta, tôi buộc ông ta vào phao và để ông ta nổi trên mặt nước. Bước lên phao, tôi kiểm tra viên phi công khó tính. Tôi đặt ông ta lên thang của trục thẳng và đưa ông ta lên trước. Ông ta đánh tôi, vì vậy tôi như phải đánh vật để đưa ông ta lên. Sau đó tôi buộc mình với viên phi công ở dưới nước để đưa ông ta lên máy bay cùng.

Khi trở lại phòng gửi đồ, tôi thấy một số bạn cùng lớp tôi chưa trở lại. Mãi suy nghĩ về bài thi cứu nạn của mình, tôi đã không nghĩ đến khả năng họ đã thi trượt. Có khoảng 5 hoặc 6 huấn luyện viên đứng quanh tôi và hỏi: “Wasdin, anh làm sai cái gì vậy?”

Quý thần ơi. Tôi trượt khóa SAR rồi, tôi không biết tại sao nữa.

Họ lấy ra một cái móc hình chữ J, vốn được sử dụng để cắt dây dù và cắt rời áo phông trắng của tôi.

Tôi cố gắng nghĩ xem mình đã sai sót điều gì.

“Chúc mừng, Wasdin. Anh vừa tốt nghiệp trường SAR.”

Họ đưa cho tôi chiếc áo sơ mi màu xanh và ném tôi xuống bể bơi cùng với những người bạn đang bơi đứng dưới nước. Tất cả bọn họ cười sảng khoái trước vẻ mặt ngờ nghệch của tôi – bởi vì họ cũng đều vừa trải qua trạng thái tương tự.

Việc tốt nghiệp trường SAR có ý nghĩa đặc biệt hơn việc vượt qua được kỳ huấn luyện ở trại hoặc tốt nghiệp khóa huấn luyện lính bay bởi vì đào tạo SAR thực sự là thử thách đối với tôi, cả về mặt thể lực và tinh thần.

Sau khóa học SAR, thậm chí tôi còn phải học thêm nhiều hơn, với môn Chiến tranh chống tàu ngầm ở Millington, Tennessee. Mặc dù ở đây cũng chẳng có nơi ở cho những người đã có gia đình, nhưng Laura và tôi đã quyết định thuê một căn hộ nhỏ ngoài căn cứ. Khi có bầu, Laura trở về sống với bố mẹ mình cho đến khi em bé ra đời.

Sau đó lực lượng Hải quân điều tôi đến một phi đội huấn luyện ở Jacksonville, Florida để thực hành tổng hợp những gì tôi đã học ở các khóa huấn luyện lính bay, khóa đào tạo SAR và khóa đào tạo Chiến tranh chống tàu ngầm. Khi còn đang ở Jacksonville, tôi nhận nhiệm vụ thực thụ đầu tiên ở Đội HS-7, hay thường được gọi là “Dusty Dogs”, thuộc biên chế của tàu sân bay USS *John F. Kennedy* (CV-67). Mặc dù căn cứ chính của *Kennedy* là ở Norfolk, Virginia, nhưng đội của tôi vẫn nằm tại Jacksonville ngoại trừ khi *Kennedy* được triển khai ra biển.

Sáng ngày 27 tháng Hai năm 1985, Bobby Powell đến phòng của tôi ở doanh trại và thông báo: “Vợ cậu sắp sinh đấy.”

“Trời ơi”, tôi kêu lên. Từ Jacksonville phải mất hai giờ lái xe mới đến được bệnh viện quân sự ở Fort Stewart, Georgia. Tôi gọi điện cho gia đình Laura.

Bố vợ tôi nghe điện thoại: “Vợ con sinh cháu trai rồi”, ông báo.

Vẫn mặc đồng phục bay, tôi lên xe lái hết tốc lực. Mọi việc ổn cho đến khi chỉ còn 20 phút nữa là đến bệnh viện. Đèn cảnh sát chiếu phía sau xe của tôi, đó là đội tuần tra Đường cao tốc Georgia. Tôi tấp xe vào lề đường và dừng lại.

Viên sĩ quan dừng lại phía sau, bước đến cửa xe của tôi: “Đi đâu mà nhanh vậy, con trai?”

Bồn chồn và lo lắng, tôi giải thích: “Thưa ông, vợ tôi vừa sinh con và tôi phải đến bệnh viện.”

“Bằng lái đâu?”

Tôi trình bằng lái.

Ông xem qua nó và nói: “Thế này nhé, tôi sẽ đi cùng anh đến bệnh viện. Nếu chúng ta tới đó và vợ anh thực sự mới sinh con, tôi sẽ trả lại bằng lái cho anh.” Ông ta cho tấm bằng vào túi áo: “Nếu không phải, mời anh về đồn làm việc.”

Ông ta đi cùng tôi đến khu đỗ xe của bệnh viện và cuộc bộ cùng tôi đến phòng của Laura. Trong số những người đến thăm có mẹ tôi. Mặc dù bà vẫn giận vì tôi bỏ nhà đi để cưới Laura nhưng lại rất háo hức với cháu trai của mình. Viên sĩ quan tuần tra dành thời gian trò chuyện cùng bà.

Tôi bế cậu con trai nhỏ đáng yêu của mình lần đầu tiên, tên cu cậu là Blake. Tôi rất tự hào vừa là một người cha vừa là một lính bơi SAR xuất sắc. Cuộc sống thật tốt đẹp. Một lúc sau, tôi phát hiện viên cảnh sát đã biến mất. “Ông cảnh sát đâu rồi mẹ? Con cần lấy lại bằng lái xe”.

Mẹ đưa bằng lái xe cho tôi: “Ông ấy nhờ mẹ chuyển lời chúc mừng con đấy.”

Sau khi Blake đủ lớn, hai mẹ con chuyển xuống Jacksonville để ở cùng tôi.

Ngày 6 tháng Mười năm 1986, một chiếc tàu ngầm hạt nhân Yankee của Nga (K-219) hoạt động ngoài khơi Bermuda bị bực ở hầm chứa tên lửa. Nước biển lọt vào và phản ứng với chất thải nhiên liệu lỏng của tên lửa gây ra một vụ nổ làm ba thủy thủ thiệt mạng. Con tàu ì ạch chạy về hướng Cuba. Lực lượng đặc nhiệm của tàu *John F.Kennedy* điều đội trực thăng chúng tôi theo dõi con tàu. Thường thì chúng tôi chỉ bay cách tàu sân bay khoảng 48 km nhưng vẫn được phép bay xa hơn.

Tôi đi giày, mặc một áo bơi ngắn tay được gọi là “áo ngắn” và một quần đùi cotton màu trắng (quần bó trắng). Nhiều đồng đội của tôi mặc quần bơi, nhưng tôi dự trù khả năng có thể phải cứu nạn cho ai đó nên tôi quyết định mặc quần bó màu trắng này. Ở bên ngoài, tôi mặc đồng phục bay. Chúng tôi phát hiện tàu Nga bằng thiết bị định vị tàu ngầm kích hoạt. Chúng tôi liên tục sử dụng sóng siêu âm để theo sát con tàu.

Đột nhiên, phi công nói: “Nhìn nhiệt kế trên bộ truyền lực rô-tô chính kia.”

“Ôi trời...”. Hộp số nóng đến mức biến dạng.

Phi công cố giữ cho máy bay lơ lửng cho đến khi rơi xuống. Chúng tôi không tiếp nước mạnh như tôi tưởng nhưng vẫn đủ mạnh: “Cấp cứu, cấp cứu...”

Là lính bơi đầu tiên, tôi lao tới viên phi công thứ hai để giúp anh gắn mỏ neo và đưa ra ngoài cửa sổ. Tiếp đó, tôi chờ cho hai viên phi công thoát khỏi máy bay qua cửa sổ thoát nạn phía trước rồi lao tới cuối buồng lái, nơi mà tôi thấy người lính bay đầu tiên đã thoát ra ngoài cửa sườn máy bay. Tôi cởi bộ đồ bay ra, đi chân vệt vào, đeo mặt nạ và ống thở. Cuối cùng, tôi đá tung cái phao ra, bơm căng nó lên và giúp hai viên phi công vào phao. Có một lính bơi cứu nạn khác khoảng 40 tuổi. Thay vì thổi phồng áo phao và bơi đến phao cứu nạn, ông ta lại bám chặt lấy một cái thùng ướp lạnh hông sống sót và trôi dạt ra biển. Vì vậy tôi phải bơi đến đưa ông ta trở lại phao. Một ý nghĩ lo âu xuất hiện: *Tôi sẽ làm gì nếu chiếc tàu ngầm Nga nổi lên từ ngay phía dưới?*

Một chiếc máy bay chống tàu ngầm S-3 Viking bay qua. Tiếng động cơ ầm ì của nó nghe như âm thanh của một cái máy hút bụi. Chiếc máy bay quay trở lại phía chúng tôi ở góc 90 độ, có lẽ là đã nhận ra vị trí của chúng tôi. Ba mươi phút sau, một chiếc trực thăng bay đến. Tôi lấy ra chất phát quang màu xanh, trông như những bánh xà phòng và thả nhanh xuống mặt nước xung quanh phao. Thế là chúng tôi trở thành một mục tiêu xanh không lồ phát sáng giúp máy bay phát hiện ra.

Khi chiếc trực thăng xuống thấp hơn, tôi ra dấu đề nghị họ không đưa lính bơi xuống. Tôi kéo tấm kính trên mũ sắt của các viên phi công xuống để những tia nước do cánh quạt trực thăng gây ra không làm đau họ. Sau đó tôi đưa mọi người tới thang cứu nạn và leo lên cùng với người cuối cùng.

Sau khi rời khỏi máy bay, bơi tới những lính bơi khác và đưa họ đến thang cứu nạn, tôi đã kiệt sức. Bên trong chiếc trực thăng, bạn của tôi, Dan Rucker, cũng là một lính bơi SAR, chỉ ngón tay cái lên trời tỏ ý hoan nghênh.

Chiếc trực thăng cứu nạn của chúng tôi hạ cánh trên tàu sân bay. Chúng tôi bước lên boong tàu. Mọi người hoan nghênh, vỗ vai chúc mừng tôi về vụ cứu nạn đó. Đi bộ dọc theo boong tàu, tôi vẫn đeo bộ chân vịt, trông như một vị anh hùng ngoại trừ chiếc quần bó màu trắng. Bây giờ thì đồ lót của tôi đã là quần bó màu xanh có phát quang. Toàn thân tôi bừng sáng do chất phát quang màu xanh. Điều đó làm tôi lúng túng vô cùng. Tôi sẵn sàng bỏ cả triệu đô-la để có chiếc quần bơi khác. Sau đó, chúng tôi kinh hoàng xem lại toàn bộ cảnh tượng lúc trước được ghi lại trên băng ghi hình của con tàu.

Hai tuần trước khi hợp đồng làm việc của tôi với Hải quân hết hạn, tôi chợt chú ý đến một nhóm 5 người đến từ một đơn vị mà tôi chưa từng nghe đến tên: Lực lượng SEAL. Tôi nhớ là hôm đó họ không phải là một tiểu đội 7 hoặc 8 người theo tiêu chuẩn của SEAL. Họ có vẻ giống một đội lính laze: hai người tìm kiếm mục tiêu bằng laze, hai người nhận dạng mục tiêu và một viên đại úy phụ trách, có lẽ đồng thời đảm nhiệm cả khâu liên lạc. Họ ở trong khu vực bên tàu của lực lượng Tìm kiếm và Cứu nạn chúng tôi nên tôi được tiếp cận họ và hỏi chuyện về SEAL.

Trong Chiến tranh Thế giới II, những người nhái hải quân đầu tiên được huấn luyện kỹ năng trinh thám các bãi biển cho máy bay lưỡng dụng (sử dụng được cả trên bộ và dưới nước) hạ cánh. Không lâu sau đó họ học cách phá bỏ các vật cản dưới nước và họ đã được người ta biết đến với tên gọi là Đội phá hủy dưới nước (UDT). Trong Chiến tranh Triều Tiên, UDT phát triển và tiến sâu hơn vào đất liền với nhiệm vụ cho nổ tung cầu cống và hầm ngầm.

Vài năm sau đó, khi chúng kiến sự nổi dậy của Cộng sản ở khu vực Đông Nam Á, Tổng thống John F. Kennedy – người từng phục vụ trong Hải quân thời kỳ Chiến tranh Thế giới II, và một số vị quan chức khác trong quân đội nhận thấy nhu cầu phải có lực lượng lính chiến phi truyền thống. Hải quân liền thành lập một đơn vị có thể triển khai hoạt động cả trên biển, trên không và đất liền với nhân sự chủ yếu từ UDT. Ngày 1 tháng Một năm 1962, Đội SEAL 1 (Coronado, California) và Đội SEAL 2 (Little Creek, Virginia) ra đời.

Một trong những người lính SEAL đầu tiên là Rudy Boesch, một người New York và là đội trưởng UDT-21. Với mái tóc húi cua trọc lóc, ông hướng dẫn những người lính SEAL mới tại Đội 2 trong huấn luyện thể chất

(PT). Trên tấm thẻ quân nhân của ông, phần viết về TÔN GIÁO có ghi PT. Để duy trì thể trạng, Rudy và các bạn cùng Đội chơi đá bóng trong nhiều giờ – 32 người mỗi đội. Gãy chân là chuyện thường xuyên xảy ra. Những người lính SEAL sử dụng nhiều mẹo để tránh né các hoạt động rèn luyện mà Rudy đưa ra, ví dụ như tìm lý do vắng mặt, đi vệ sinh mà không quay trở lại hay lẩn trốn vào các bụi rậm trong quá trình rèn luyện.

Rudy cũng từng đảm nhiệm chức vụ Trung đội trưởng Trung đội 10, đơn vị từng giải cứu cho Trung đội 7 ở Mỹ Tho, Việt Nam vào ngày 8 tháng Tư năm 1968.

Đến cuối cuộc chiến tranh Việt Nam, Đội SEAL 1 và 2 được trao 3 Huân chương Danh dự, 2 Bội tinh Hải quân, 42 Anh dũng bội tinh với Ngôi sao Bạc, 402 Anh dũng bội tinh với Ngôi sao Đồng (một trong số đó là của Rudy) và nhiều phần thưởng khác. Khi một người lính SEAL bị giết thì 200 kẻ thù bị tiêu diệt. Vào cuối những năm 1970, Rudy giúp thành lập Đơn vị Cơ động 6 (MOB 6) và Đơn vị chống khủng bố của Đội SEAL 2.

Những người lính SEAL trên tàu John F.Kennedy chắc là phát chán lên với tôi, nhưng họ vẫn chia sẻ một vài câu chuyện đáng sợ về Huấn luyện Phá hoại Căn bản dưới nước của SEAL (BUD/S). Họ kể cho tôi nghe về nhảy dù rơi tự do, về lặn với bình dưỡng khí, về bắn súng, cho nổ tung mọi thứ và cả việc đi bắt tôm ở đồng bằng. Họ làm việc rất vất vả và chơi cũng thật nhiệt tình. Tình cảm giữa họ thật thân thiết. Một người nói với tôi rằng chính việc cho phép tham gia BUD/S đã tạo động cơ tái ngũ cho anh. Tôi mong được như họ.

Trong đợt ra quân 6 tháng, tàu John F.Kennedy dừng lại ở Toulon, Pháp, quê hương của tàu sân bay Pháp Charles de Gaulle. Tôi nghiêm túc hỏi chuyện viên đại úy SEAL về tiêu chuẩn để trở thành một người lính SEAL. Tái ngũ hay không tái ngũ – đó chính là lá bài quan trọng không thể bỏ qua để mặc cả với Hải quân. Tôi hy vọng một điều kỳ diệu – gặp đúng người đúng lúc. Tôi đến phòng ngủ của viên chỉ huy của mình và gõ cửa.

Ông mở cánh cửa kêu răng rắc.

“Thưa Tư lệnh Christiansen, nếu được phép tham gia BUD/S trước khi hợp

đồng của tôi hết hạn, tôi sẽ đăng ký tái ngũ, thưa ông.”

“Anh bạn ngốc nghếch vào đây”, ông mở to cửa và nói.

Tôi bước vào, đứng trước mặt ông. Tôi chợt nghĩ rằng có lẽ tôi đã làm ông khó chịu. Trước đó, tôi tưởng mình đã phục vụ trong một đơn vị tinh nhuệ, nhưng bây giờ tôi biết rằng có một đơn vị còn tinh nhuệ hơn thế. Tôi không thể thỏa mãn với vị trí hiện tại của mình được.

“Cậu không biết cậu đang đề nghị điều gì đâu. BUD/S không phải là điều mà cậu thật sự muốn đâu. Hãy nhận tiền, trở về nhà và học cho xong đi. Cậu không biết trở thành một người lính SEAL phải như thế nào đâu”. Ông mất hơn nửa giờ để nói với tôi rằng tôi đang đề nghị một việc điên rồ.

“Xin cảm ơn ông.”

Tôi vẫn ở lại Pháp, nhưng chỉ ba ngày trước khi tôi trở lại đời sống dân sự, viên sĩ quan điều hành (XO), người được coi là cánh tay phải của viên sĩ quan chỉ huy, cho gọi tôi vào và nói: “Anh là một thủy thủ tuyệt vời và chúng tôi muốn giữ anh lại. Chúng tôi cần làm gì để giữ anh lại trong lực lượng Hải quân?”

“Tôi đã nói với Tư lệnh Christiansen, thưa anh. Nếu anh có thể cho tôi tham gia BUD/S, tôi sẽ đăng ký tái ngũ.”

Tôi đến khách sạn, chuẩn bị bay về Mỹ quay lại cuộc sống thường dân. Hôm trước khi tôi lên chuyến bay của hãng Hàng không Pháp, anh bạn Tim xuất hiện trước cửa: “Sáng nay chúng tôi vừa nhận được một bức điện về quyết định cử cậu tham gia BUD/S.”

“Bịa đặt!”

“Nghiêm túc đấy, thuyền trưởng bảo tôi đưa cậu trở lại tàu để ông ấy nói chuyện với cậu.”

Họ đang lừa tôi đây. Đó chắc là một cách chia tay thú vị mà thôi.

Tôi trở lại tàu và bước vào phòng trực nơi các phi công, thủy thủ đoàn và nhiều người khác đang có mặt. Các sĩ quan cấp tá ngồi trên những chiếc ghế bành có kiểu thiết kế dành cho máy bay dân dụng lớn. Một máy pha cà phê và các tạp chí đặt ở trên bàn. Trên “Bàn Cầu cơ” có mô hình các máy bay thể hiện vị trí của các máy bay trên boong tàu. Một thiết bị giám sát màu đen – trắng hiển thị các điểm hạ cánh trên boong. Viên sĩ quan chỉ huy gọi tôi đến trước mặt. Ông trao cho tôi quyết định điều đến BUD/S. Mọi người vỗ tay và tiễn tôi đi.

Quyết định đó còn phụ thuộc vào việc tôi có vượt qua được bài kiểm tra thể lực cho BUD/S ở Jacksonville hay không. Tôi bay về nhà ở Georgia và Laura lái xe đưa tôi xuống Florida. Trong suốt gần 6 tháng phục vụ trên tàu sân bay, tôi không có nhiều thời gian bơi ngoại trừ khi giải cứu đội bay của chiếc trực thăng bị rơi. Trước đó, tôi chủ yếu tập bơi với chân vịt trong khi bài thi không cho sử dụng bộ đồ này. Tôi cũng không luyện tập kiểu bơi nghiêng và bơi ếch cần thiết cho việc huấn luyện của SEAL. Mặc dù tôi không nhớ chính xác tiêu chuẩn thể lực khi những người lính SEAL kiểm tra tôi trước đây nhưng có vẻ cũng không khác lắm với yêu cầu hiện nay: bơi 500m trong 12,5 phút, nghỉ 10 phút, hít đất 42 lần trong 2 phút, nghỉ 2 phút, nằm xuống đứng lên 50 lần trong 2 phút, nghỉ 2 phút, 6 lần lên xà trước khi bỏ tay, nghỉ 10 phút, chân đi ủng và mặc quần dài, chạy trên quãng đường 2,5 km trong 11,5 phút.

12 người chúng tôi trình căn cước và các giấy tờ khác. Sau đó chúng tôi cởi quần áo bên ngoài cho đến quần bơi. Tôi thấy hồi hộp. Khi tiếng còi cất lên, chúng tôi xuất phát. Khi tôi bơi gần đến cuối đường bơi 500 m, một lính SEAL thông báo thời gian còn lại: “30 giây”. Quyết tâm tranh thủ từng giây bơi thật nhanh, cuối cùng tôi chạm đích khi chỉ còn lại 15 giây. Tuy nhiên, một thí sinh khác đã không được may mắn như vậy.

Còn lại 11 người, chúng tôi mặc áo phông, quần dài và đi ủng. Chúng tôi thực hiện phần hít đất và đứng lên nằm xuống. Một lần nữa tôi lại vượt qua. Có hai thí sinh bị trượt.

Sau khi nghỉ 2 phút, tôi nhảy lên bám lấy xà. Áp lực thất bại đôi khi có thể khiến người ta muốn nổ tung. Tôi đạt và hai người khác trượt.

Chúng tôi chỉ còn lại 7 người. Từng phần kiểm tra không quá khó khăn, nhưng thực hiện liên tục, hết phần thi này lại đến phần khác thì quả là thách thức. Chúng tôi bước vào đường chạy. Người lính SEAL chúc chúng tôi may mắn. Một người khác lại trượt. Vậy là 12 người lúc đầu giờ chỉ còn lại 6.

Con số giảm không dừng lại ở đó. Một số thí sinh không đạt đủ điểm cho bài kiểm tra Tổ hợp Kỹ năng Định hướng Quân sự (ASVAB) mà tất cả các ứng viên tiềm năng phải trải qua trước khi được tuyển vào quân đội. Qua các kỳ kiểm tra nha khoa, y tế, không gian bội áp, thêm một vài người nữa phải dừng lại. Một số người lại trượt vì mắt kém hoặc bị mù màu. Một số khác thì do không vượt qua phần kiểm tra tâm lý. Có một bảng câu hỏi tâm lý lặp đi lặp lại một số câu hỏi giống nhau. Tôi không dám chắc là họ đang lưu tâm đến tính tin cậy của bài thi hay là sự kiên nhẫn của tôi. Có một câu hỏi là: “Anh có muốn trở thành một nhà thiết kế thời trang không?” Tôi không biết những người thiết kế thời trang hay là tôi điên khùng nữa bởi vì tôi không muốn là một trong số họ. Một câu hỏi khác là: “Anh có bao giờ nghĩ đến việc tự sát không?” Tôi chưa bao giờ nghĩ đến cho đến khi tham gia phần thi này. “Anh có thích Alice ở xứ sở thần tiên không?” Làm sao tôi biết được? Tôi chưa bao giờ đọc nó cả. Các nhà tiên tri Do Thái cũng sẽ trượt phần thi tâm lý này: “Anh có bị hoang tưởng không?” “Anh có khả năng đặc biệt gì không?”. Sau phần thi viết, tôi gặp nhà tâm lý học và nói với bà những gì mà bà muốn nghe. Tôi đã đạt.

Về phần kiểm tra trong không gian bội áp, căn phòng trông như là một quả ngư lôi lớn vậy. Tôi nghe kể một số người bị ngất khi đang kiểm tra do cảm giác sợ hãi hay do tác động của khí áp hoặc do cả hai. Tôi bước vào bên trong, ngồi xuống và thư giãn: hơi thở chậm, nhịp tim đều. Người sĩ quan chuyên về môn lặn đóng chặt cửa lại. Tôi đi xuống 3 m, 6 m, cảm thấy khí áp gia tăng. Đến khoảng 10 m, tôi ngáp và nuốt khan để làm giảm đôi chút áp suất dồn vào tai. Áp suất trong phòng tương tự như là khi người ta đi vào vùng nước sâu 20m và đứng yên ở đó. Không có vấn đề gì xảy ra. Sau 10 phút ở trạng thái này, viên sĩ quan điều chỉnh giảm dần áp suất cho trở lại mức bình thường.

“Tốt lắm”, ông ta nói.

Trong số 100 thí sinh, tôi là người duy nhất vượt qua tất cả các bài kiểm tra. Tôi hết sức phấn khởi.

Laura và tôi về nhà vừa kịp Lễ Tạ ơn. Đầu tháng Giêng tôi mới đến nhận nhiệm vụ ở BUD/S. Tôi rất vui khi được ở nhà với Laura và Blake trong các ngày nghỉ, cười đùa, ăn món thịt gà tây ấm cùng với khoai tây nghiền nóng và nước sốt còn bốc khói.

Chương 5. Ngày duy nhất để thở là ngày hôm qua

Khi có mặt ở Trung tâm Chiến tranh Đặc biệt của Hải quân ở Coronado, California, tôi đi qua một con đường cát và lần đầu tiên tôi nhìn thấy Thái Bình Dương. Những con sóng khổng lồ lao mãi miết vào bờ. Ôi Chúa tôi. Tôi nhảy vào dòng nước California thơm mát. Không, không thơm mát tý nào, nhất là so với nước ở vùng vịnh Florida nơi tôi từng được huấn luyện. Nó lạnh cóng. Tôi nhảy vọt lên khỏi mặt nước còn nhanh hơn cả khi nhảy xuống. Tôi tự hỏi chúng tôi sẽ phải bơi trong dòng nước đó bao lâu đây.

Trong những ngày chờ tới giai đoạn huấn luyện, thượng sĩ Rick Knepper thuộc SEAL giúp chúng tôi chuẩn bị bằng cách đi bơi vào sáng sớm ở bể bơi và tập các bài thể dục dẻo dai vào chiều muộn trên bãi biển. Ở độ tuổi 40, thượng sĩ có vẻ ngoài của một người trung niên bình thường. Ông lúc nào cũng bình tĩnh luyện tập trong khi chúng tôi thì căng thần và kêu ca. Hình như ông không đổ giọt mồ hôi nào cả.

Thượng sĩ không kể cho chúng tôi nghe về trải nghiệm của ông ở Việt Nam nên chúng tôi phải tìm hiểu thông qua những người khác. Ông đã phục vụ trong Đội SEAL số 1, Trung đội Delta, Đại đội 2. Đại đội ông cho rằng họ hiểu biết về Hòn Tài, một đảo lớn ở vịnh Nha Trang. Nhìn từ xa, hòn đảo dường như chỉ là một hòn đá lớn trên biển làm nơi cho chim làm tổ mà thôi. Nhưng có hai VC, một mỗi vì phải chiến đấu và sống xa gia đình, đã đào ngũ, trốn khỏi hòn đảo này và báo cho tình báo Mỹ về cái trại đầy VC phía sau họ.

Được bóng tối che chở, nhóm 7 lính SEAL của thượng sĩ Knepper đi thuyền cập đảo. Bầu trời thậm chí không có một ánh trăng le lói. Cả nhóm leo tự do lên một vách đá cao 120m. Sau khi lên tới đỉnh, họ bò tiến vào một trại VC. Nhóm 7 người được chia thành hai tổ hỏa lực, tháo giày và đi chân trần để tìm bắt một chỉ huy của VC. Đi chân trần là nhằm để không lưu lại dấu giày Mỹ lộ liễu trên đất, giúp phát hiện các bẫy mìn dễ dàng hơn và dễ rút chân ra khỏi bùn hơn. Mặc dù vậy khi vào đến trại, lính VC đã

khiến những người lính SEAL ngạc nhiên. Một quả lựu đạn lăn đến chân của trung úy Bob Kerrey và phát nổ, thổi tung ông về phía các tảng đá và phá nát nửa chân dưới của ông. Trung úy Kerrey liền thông báo qua điện đài cho tổ hỏa lực kia. Khi tổ này tiến đến, họ bắt được một lính VC trong một trận giao tranh ác liệt. 4 lính VC tìm cách trốn chạy nhưng lính SEAL đã hạ gục họ. 3 người khác chống cự và cũng bị tiêu diệt.

Một y tá SEAL bị hỏng một bên mắt. Một trong số những người lính SEAL băng bó chân cho Kerrey.

Nhóm SEAL bắt được một vài chỉ huy VC, thu được ba túi tài liệu lớn (bao gồm danh sách lính VC trong thành phố), vũ khí và các trang thiết bị khác. Trung úy Kerrey tiếp tục chỉ huy thượng sỹ Knepper và những người khác trong đại đội cho đến khi họ được giải tán. Tin tức thu thập được từ các tài liệu và các chỉ huy VC cung cấp những thông tin quan trọng cho các lực lượng Đồng minh ở Việt Nam. Trung úy Kerrey nhận Huân chương Danh dự. Sau đó ông trở thành Thống đốc và thượng nghị sỹ Nebraska.

Các thầy giáo của chúng tôi nằm trong số những người giỏi nhất trong sự kiện này.

Buổi sáng đầu tiên huấn luyện ở BUD/S, chúng tôi lại phải thực hiện bài kiểm tra thể lực. Sau khi tắm nước lạnh và thực hiện vài động tác hít đất, chúng tôi bắt đầu. Vì sợ trượt phần thi bơi nên tôi xuất phát và sải tay bơi hết tốc lực. Cuối cùng tôi hoàn thành phần thi vừa kịp thời gian. Tiếp theo chúng tôi thi phần hít đất, đứng lên nằm xuống, hít xà đơn và chạy. Một người bị trượt; cậu ta cúi gằm mặt khi giáo viên đề nghị cậu ta đi gói ghém hành lý.

Tối hôm đó, các huấn luyện viên SEAL đứng trước chúng tôi và tự giới thiệu. Cuối cùng, đại úy Moore cho chúng tôi biết rằng chúng tôi có thể bỏ cuộc (nếu muốn) bằng cách đứng sang một bên và rung chuông ba lần.

“Tôi sẽ chờ”, đại úy Moore nói.

Tôi nghĩ đại úy đang đùa nhưng một số bạn học của tôi bắt đầu rung chuông.

Một số bạn học còn lại của tôi là những người thật ấn tượng: một vận động viên ba môn phối hợp có biệt danh là Người Sắt, một cầu thủ bóng bầu dục ở trường đại học Alabama và vài người khác. Một buổi tối nọ khi ở trong doanh trại, tôi soi gương và nghĩ: Những gã này như thể ngựa đua ấy. Mình đang làm cái quái gì ở đây vậy?

Ngày hôm sau, Người Sắt rung chuông. Tôi không thể hiểu tại sao.

Một trong những nội dung huấn luyện tăng cường đầu tiên của chúng tôi là Khóa vượt chướng ngại vật. Một đêm, một lính SEAL phải thoát ra khỏi một chiếc tàu ngầm bị chìm, bám chặt lấy phao cứu sinh vượt qua các con sóng, leo lên vách đá, vượt qua lãnh thổ địch để tới mục tiêu, leo lên một tòa nhà ba tầng, thực hiện nhiệm vụ và thoát ra ngoài. Khóa vượt chướng ngại vật nhằm giúp chuẩn bị cho loại nhiệm vụ đó. Ít nhất một học viên đã bị gãy cổ hoặc lưng trong khi tập luyện – leo lên đỉnh một con tàu chở hàng cao hơn 20m cũng là lúc bạn kiệt sức. Nhiều hoạt động huấn luyện của chúng tôi rất nguy hiểm, việc bị thương là chuyện cơm bữa.

Chúng tôi xếp hàng theo thứ tự họ tên trên bảng chữ cái. Tôi đứng gần cuối hàng, quan sát mọi người xuất phát trước tôi. Khi đến lượt tôi, tôi lao đi như một tên lừa hành trình. Tôi không thể hiểu nổi tại sao tôi lại vượt qua được nhiều người như vậy.

Chạy được một đoạn đường, tôi tới chân một tháp 3 tầng. Tôi nhảy lên, bám theo gờ tường để lên tầng 2 rồi tung hai chân lên. Tôi nhảy lên, bám vào gờ tường để lên tầng 3 rồi lại tung hai chân lên. Sau đó tôi trở xuống. Khi tôi tiếp tục hành trình tới các chướng ngại vật khác, tôi nhận ra có người đang bị kẹt lại trong cái tháp 3 tầng đó. Mike W., cầu thủ bóng bầu dục của trường Đại học Alabama đứng ở đó. Những giọt nước mắt thất vọng chảy tràn trên khuôn mặt vì cậu ấy không thể lên được tầng 3.

Với chất giọng vùng Georgia, huấn luyện viên Stoneclam hét lên: “Cậu có thể chạy đi chạy lại ở sân bóng của trường đại học, nhưng lại không thể vượt lên đỉnh của một chướng ngại vật. Đồ ẻo lả!”

Tôi băn khoăn không biết Mike W. gặp vấn đề gì. Cậu ấy thường sung sức

hơn tôi. Đúng thế mà? (Lung của Mike đã bị chấn thương nặng, nhưng đại úy Bailey vẫn giữ cậu ở lại điều trị trong gần một năm. Sau này cậu trở thành một sĩ quan SEAL xuất sắc).

Một số chàng vốn như ngựa đua lại là những người khóc to nhất. Họ có lẽ đã luôn là số một trong phần lớn cuộc đời, nhưng lúc này, khi lần đầu tiên nếm trải nghịch cảnh – kiểu của BUD/S – thì họ không thể kiểm soát được nữa.

Những con người tự phụ này gặp vấn đề quái quỷ gì vậy nhỉ?

Mặc dù tôi luôn thấy chạy và bơi thật khó khăn, nhưng khóa vượt chướng ngại vật hoá ra lại là một trong những môn tôi ưa thích. Bobby H. và tôi thay nhau chiếm vị trí số một. Huấn luyện viên Stoneclam khuyên một học viên: “Cậu hãy xem Wasdin hạ gục các chướng ngại vật như thế nào đi.”

Tôi thà làm những việc này còn hơn là đi thu hoạch dưa hấu.

Nguy hiểm đã trở thành bạn đồng hành trung thành của chúng tôi. Dù nguy hiểm hay không, các huấn luyện viên của chúng tôi vẫn cất giọng đều đều giảng bài. Tại một lớp học ở Trung tâm Chiến tranh Đặc biệt Hải quân, huấn luyện viên Blah bước lên một chiếc thuyền cao su màu đen dài gần 5m đặt trước lớp tôi: “Hôm nay, tôi sẽ giới thiệu với các anh về bài vượt sóng. Đây là IBS. Một số người gọi đó là Tàu thủy Tí hon (Itty-Bitty Ship), còn các anh có lẽ sẽ đặt biệt danh khác, nhưng Hải quân gọi đó là Thuyền Hoi Nhỏ. 6 đến 8 người các anh có cùng chiều cao sẽ lên một chiếc thuyền. Nhóm cùng thuyền sẽ thành một đội thủy thủ.”

Ông phác lên bảng một bức vẽ đơn giản về bãi biển, đại dương và một vài thủy thủ rải rác quanh chiếc IBS: “Đây là các anh ngay sau khi bị một con sóng tấn công.”

Ông vẽ một thủy thủ trên bãi biển. “Đây là một trong số các anh sau khi bị sóng xô vào bờ. Hãy đoán xem còn gì nữa? Vật tiếp theo sẽ bị xô vào bờ chính là con thuyền.”

Ông Blah dùng tấm lau bảng để mô phỏng con thuyền: “Bây giờ chiếc IBS

nặng 60 kg đã đầy nước và có trọng lượng tương đương một chiếc ô tô nhỏ đang tiến thẳng về phía anh trên bãi biển. Các anh sẽ làm gì? Nếu các anh đang đứng trên đường và một chiếc ô tô nhỏ lao ào ào về phía các anh, các anh sẽ làm gì? Cố gắng chạy nhanh hơn nó? Dĩ nhiên là không. Các anh sẽ chạy ra khỏi đường. Tương tự khi con thuyền lao về phía các anh, các anh sẽ phải thoát khỏi đường chạy của nó. Hãy chạy song song với nó đến bãi biển.”

“Một số người có vẻ buồn ngủ nhỉ. Tất cả các anh hãy nằm xuống và hít đất cho tỉnh táo đi.”

Sau khi hít đất và học thêm một chút nữa, chúng tôi đi ra ngoài khi ánh mặt trời đang nhạt dần. Chúng tôi nhanh chóng đến đứng cạnh các con thuyền của mình và hướng mặt ra biển. Những chiếc áo phao vàng to kèn càng làm bằng sợi bông gòn bọc ngoài các bộ đồng phục chiến đấu (BDU) của chúng tôi. Chúng tôi buộc mũ vào khuyết áo trên cùng bằng một dây nhỏ màu vàng. Mỗi người chúng tôi giữ mái chèo giống như giữ súng trường trong tư thế đứng nghiêm và đợi nhóm trưởng quay lại sau khi nghe giáo viên tóm tắt nhiệm vụ.

Không lâu sau đó, nhóm trưởng quay trở lại và ra lệnh cho chúng tôi. Một tay giữ thuyền và một tay giữ mái chèo, tất cả các đội lao xuống nước. Người thua sẽ phải trả giá bằng chính tính mạng của mình – bạn phải trả giá để có thể trở thành người thắng cuộc.

“Mọi người lên thuyền!”, thuyền trưởng Mike H. của thuyền tôi hô.

Hai người hàng đầu nhảy lên thuyền và bắt đầu chèo. Tôi chạy xuống biển, nước gập gập đến đầu gối.

“Hai người lên thuyền!”

Hai người nữa nhảy lên và bắt đầu chèo.

“Ba người lên thuyền!”

Tôi và người bên cạnh nhảy lên chèo thuyền. Mike nhảy lên sau cùng, dùng

mái chèo điều khiển phía đuôi thuyền: “Khoát chèo, khoáng chèo!”, anh ra lệnh.

Trước mặt chúng tôi, một con sóng cao hơn 2m nổi lên. Tôi dấn sâu mái chèo và lấy hết sức đẩy về phía sau.

“Dấn sâu xuống, dấn xuống, dấn xuống”, Mike ra lệnh.

Con thuyền của chúng tôi vượt lên con sóng. Tôi nhìn thấy một chiếc thuyền khác đã né được đỉnh sóng. Nhưng chúng tôi không may mắn như vậy. Con sóng nhắc tung chúng tôi lên và ném xuống, làm chúng tôi kẹt giữa thuyền và nước.

Khi biển nuốt gọn chúng tôi, tôi đụng phải những chiếc ủng, mái chèo và uống phải nước biển lạnh lẽo. Tôi nhận ra rằng, điều này có thể giết chết tôi.

Cuối cùng, sóng biển đẩy chúng tôi lên bãi biển cùng với phần lớn các thủy thủ khác. Những huấn luyện viên chào đón bằng cách bỏ mặc chúng tôi. Đặt chân đi ủng trên thuyền, đặt tay trên cát để cho trọng lực Trái đất hút lấy người, chúng tôi tập hít đất.

Sau đó chúng tôi tập trung trở lại tiếp tục tập luyện với quyết tâm cao hơn và phối hợp tốt hơn. Lần này, chúng tôi đã vượt qua được tất cả những con sóng lớn đó.

Trở lại bờ, có một học viên với khuôn mặt trẻ măng ở đội khác nhặt mái chèo của mình trên bãi biển. Khi cậu ta quay mặt về hướng biển, một con thuyền không ngập đầy nước biển đang lao vào cậu ta từ hướng bên cạnh.

Huấn luyện viên Blah hét vào loa: “Tránh khỏi đó ngay!”.

Anh chàng chạy trốn khỏi chiếc thuyền đúng như cách mà các huấn luyện viên khuyên chúng tôi không nên làm. Nỗi sợ hãi có thể biến những nhà thông thái thành thằng ngốc.

“Chạy song song vào bờ! Chạy song song vào bờ!”

Cậu học viên tiếp tục cố gắng chạy đọ sức với chiếc thuyền đang lao vùn vụt. Con thuyền lao ra khỏi nước và trượt như một chiếc tàu đệm khí trên nền cát ướt và cứng. Khi ra khỏi vùng cát đó, theo đà con thuyền lao sang vùng cát khô và mềm cho đến khi nó đâm mạnh vào cậu ta, khiến cậu ta gục xuống. Huấn luyện viên Blah, những huấn luyện viên khác và đội cứu thương lao về phía anh chàng bị thương.

Doc, một trong những huấn luyện viên của SEAL, bắt đầu sơ cứu. Không ai nghe thấy “mặt trẻ con” kêu la vì đau. Con thuyền đã làm gãy xương đùi của cậu ta.

Khi chương trình huấn luyện tiếp tục, các môi nguy hiểm càng tăng. Trong nội dung huấn luyện sau, thay vì đưa các con thuyền vào bờ cát khi trời còn sáng, chúng tôi đưa thuyền vào bãi đá cuội phía trước khách sạn del Coronado vào ban đêm, khi những tầng nước biển dội vào chúng tôi từ hai hướng. Có truyền thuyết rằng bãi đá này trước đây vốn chỉ là một tảng đá cho đến khi những cái đầu của các học viên BUD/S “ghè vụn” nó ra.

Mặt trời khuất sau phía chân trời khi chúng tôi hành quân cấp tốc qua Căn cứ Đồ bộ Hải quân bên kia đường. Trên mình là những bộ quân phục xanh giống nhau, chúng tôi hát theo nhịp chân đi, nhìn qua thì có vẻ tự tin nhưng thực ra hết sức căng thẳng. Nếu ai đó sắp phải chết thì quả thực thời khắc đó sắp điếm rồi.

Chúng tôi đến một bể bơi ở tòa nhà 164, cởi quần áo ngoài và để lại quần bơi UDT. Một huấn luyện viên nói: “Các anh sẽ thích nội dung này. Thử thách Đuối nước là một trong những nội dung ưa thích của tôi. Chìm hay bơi, tùy các bạn thân yêu.”

Tôi trói hai chân lại với nhau còn bạn bơi của tôi thì buộc quặt hai bàn tay của tôi ra sau lưng.

“Khi tôi phát lệnh, người bị trói sẽ nhảy xuống chỗ sâu nhất đáy bể”, huấn luyện viên Stoneclam nói. “Các anh phải nhô lên và chìm xuống 20 lần, nổi trong 5 phút, rồi bơi đến phần nông ở cuối bể đằng kia, quay lại mà không được chạm vào đáy, bơi trở lại phần sâu ở cuối bể đằng này, thực hiện một

động tác nhào lộn tiến và lùi dưới nước và nhặt chiếc mặt nạ ở đáy bể bằng răng của mình”.

Phần khó nhất đối với tôi là bơi theo chiều dài của bể và quay trở lại khi hai chân bị trói và tay thì bị buộc quặt ra sau lưng. Tôi phải quẫy như một chú cá heo. Ngay cả như vậy thì tôi thà làm điều đó còn hơn là tỉnh dậy sau khi bị đuối nước và bị xung quanh dè bủ.

Mặc dù tôi hoàn thành nhiệm vụ nhưng một số người khác thì không. Chúng tôi mất một học viên da đen vạm vỡ bởi vì thân thể của cậu ta nặng đến mức ngay lập tức chìm như một hòn đá xuống đáy bể. Một y tá gầy gò có mái tóc đỏ nhảy xuống nước, nhưng thay vì bơi thẳng, anh ta bơi theo hình móng ngựa. Một huấn luyện viên nhắc: “Bơi thẳng đi. Anh làm sao vậy?” Sau đó các huấn luyện viên phát hiện ra rằng Tóc đỏ gần như bị mù. Anh ta đã giả mạo chứng nhận sức khỏe để được nhận vào BUD/S.

Trong số những anh chàng nỗ lực hết sức để được vào đây, có người có tư tưởng bỏ cuộc. Tuy nhiên Stoneclam sẽ không để họ làm vậy.

“Các anh không thể bỏ cuộc lúc này!”, giảng viên Stoneclam kêu lên, “Đây mới chỉ là phần lý thuyết. Quá trình huấn luyện còn chưa bắt đầu đâu!” Chúng ta vẫn chỉ đang trong giai đoạn học lý thuyết mà thôi.

Sau 3 tuần học lý thuyết, chúng tôi bắt đầu bước vào Giai đoạn I – Thích nghi Cơ bản. Quân số lớp tôi tiếp tục giảm do có những người không hoàn thành được nội dung, bị thương và bỏ học. Tôi tự hỏi tôi có thể trụ được bao lâu nữa mà không bị loại vì không hoàn thành nội dung hoặc bị thương. Dĩ nhiên, hình phạt thông dụng nhất là đá đất. Đối với học viên để lộ sự đau đớn lên mặt khi nhận hình phạt, huấn luyện viên sẽ nói: “Anh không thích điều đó à? Được, vậy thêm vài cái nữa.” Đối với học viên không tỏ ra đau đớn cũng vậy: “Anh thích thế à? Thêm một cú nữa này.” Sự nhọc nhằn tiếp tục: hít đất, chạy, hít đất, thể dục mềm dẻo, hít đất, bơi, hít đất, vượt chướng ngại vật... ngày này qua ngày khác, tuần này qua tuần khác. Chúng tôi chạy liền 1,6 km chỉ để ăn một bữa cơm. Hai lượt đi và về nhân với 3 bữa là thành gần 10 km mỗi ngày chỉ để ăn! Chúng tôi dường như không bao giờ có đủ thời gian để hồi sức trước khi đến phần huấn luyện tiếp theo. Nặng nề nhất là việc các huấn luyện viên thường đổ thêm dầu vào lửa bằng những

lời lẽ xúc phạm. Nhiều người trong số họ không cần phải cao giọng lên để nói với chúng tôi: “Bà ngoại lè mề nhưng vì bà già rồi.”

Mỗi chúng tôi dường như đều có gót chân Asin và các huấn luyện viên rất giỏi phát hiện điều đó. Nội dung huấn luyện khó nhất đối với tôi là chạy tám giờ 6,5 km trên bãi biển khi đang mặc quần dài và xỏ giày đi rừng. Tôi thấy khiếp sợ. Cát mềm hút hết năng lượng khỏi chân của tôi và những con sóng tấn công tôi khi tôi cố gắng chạy trên nền cát cứng. Một số người vượt lên trước, một số người chạy giữa và những người khác như tôi chạy đằng sau. Gần như lần nào cũng vậy, ở điểm đánh dấu 3,2 km ở hàng rào Đảo Bắc (North Island) sẽ có một huấn luyện viên cảnh cáo: “Wasdin, cậu đang bị tụt lại đây. Cậu sẽ phải chạy bù trên đường về.” Sau mỗi lần, yêu cầu thời gian càng phải ngắn hơn.

Tôi trượt một vòng chạy 6,5 km, chỉ chậm một vài giây thôi. Trong khi những người khác quay trở lại doanh trại, khoảng 4 - 5 người cũng bị trượt cùng với tôi hợp thành một nhóm tội đồ. Sau khi đã cố gắng hết sức trên đường chạy, tôi biết rằng điều này sẽ vô cùng khó chịu. Chúng tôi chạy nước rút lên và xuống con đường cát, nhảy vào nước lạnh, rồi cuộn lên và lăn xuống con đường cát cho đến khi thân thể ướt đẫm của chúng tôi trông như những viên kẹo đường. Cát chui vào mắt, vào mũi, vào tai và vào mồm tôi. Chúng tôi tập thể dục mềm dẻo, thể dục thể hình và tất cả các động tác nhào lộn cho đến khi cát cào xước da, chảy máu và mọi cơ bắp đều rã rời. Đó là lần đầu tiên và cũng là duy nhất tôi phải làm tội đồ. Tôi có thể mệt đến chết trong vòng chạy tới nhưng nhất định không để điều đó xảy ra nữa. Một học viên có tài bơi như rái cá nhưng lại tham gia nhóm tội đồ hết lần này đến lần khác vì không hoàn thành được bài tập chạy này. Tôi băn khoăn không biết làm thế nào mà anh ấy trụ được tất cả những lần làm tội đồ.

Trong Giai đoạn I, có một nội dung còn kinh khủng hơn cả việc chạy tám giờ trong 6,5 km, đó là Tuần Địa ngục (Hell Week) – phần huấn luyện tối ưu nhất trong huấn luyện những người tốt nhất, loại bỏ những người còn lại. Tuần Địa ngục bắt đầu từ đêm Chủ nhật với cái gọi là “thoát ra bằng vũ lực”. Các khẩu súng máy M-60 xé toạc không khí. Sau khi một huấn luyện viên truyền khẩu lệnh: “Di chuyển, di chuyển, di chuyển!”, chúng tôi bò ra khỏi doanh trại.

Ở bên ngoài, trên khoảng sân trải nhựa đường có diện tích tương đương một bãi đậu xe nhỏ, các khẩu pháo giả phát hỏa, tiếng kêu thét vang lên và sau đó là tiếng bom nổ. Các khẩu M-60 tiếp tục lên nòng. Chiếc máy phun khói tạo ra một màn khói bao phủ toàn khu vực. Những thanh nhựa phát quang xanh bùng sáng cả khu vực ngoài doanh trại. Vòi nước nhằm thẳng người chúng tôi. Mùi thuốc nổ ngọt ngào trong không khí. Loa phóng thanh phát bài “Con đường tới địa ngục” của nhóm nhạc AC/DC.

Nỗi khiếp sợ trùm lên khuôn mặt của nhiều người. Cặp mắt họ thật hốt hoảng. Chỉ khoảng vài phút sau, chuông bắt đầu kêu – có người bỏ cuộc. Bạn không thể nghiêm túc được. Có vấn đề gì đâu? À, các huấn luyện viên đang chạy vòng quanh bắn các khẩu súng máy và làm mọi thứ khác, nhưng không ai tạt vào mặt hay dùng dây thắt lưng để đánh tôi cả. Tôi không thể hiểu tại sao có người đã bỏ cuộc rồi. Tất nhiên là tuổi thơ khắc nghiệt của tôi đã giúp tôi chuẩn bị cho thời điểm này. Không chỉ về thể chất, tôi biết rằng về tinh thần mình cũng chế ngự được nỗi đau và công việc nặng nhọc và tôi có thể làm được nhiều hơn thế. Việc bố tôi đặt kỳ vọng lớn vào tôi khiến tôi cũng phải đặt kỳ vọng cho chính mình. Trong tâm trí, tôi có niềm tin vững chắc mình sẽ không bỏ cuộc. Tôi không nhất thiết phải bày tỏ niềm tin đó bằng lời – lời nói rất rẻ mạt. Niềm tin của tôi là thực. Nếu không có niềm tin mạnh mẽ ấy, hẳn tôi đã thất bại rồi.

Tuần Địa ngục huyền thoại có một sự kiện đáng nhớ diễn ra trên một bến tàu – nơi neo đậu những con thuyền nhỏ của lực lượng Hải quân. Chúng tôi cởi giày rồi nhét tất và thắt lưng vào trong. Các ngón tay của tôi tê cứng và run rẩy đến mức vất vả lắm tôi mới cởi được giày ra.

Mặc bộ quân phục màu xanh xám ô liu, chúng tôi nhảy xuống vịnh mà không có áo phao, giày hay tất. Tôi nằm theo tư thế của một người chết trong khi tìm cách cởi cúc quần. Những lúc cần không khí tôi nhô mặt ra khỏi làn nước lạnh, nhanh chóng hít đầy oxy rồi lại úp mặt xuống nước. Khi bắt đầu chìm quá nhanh, tôi sải bơi hai nhịp và rút quần ra khỏi người. Sau đó tôi kéo khóa quần lại.

Tôi thắt một nút kép ở chiếc quần đã cởi để buộc hai gấu lại với nhau. Sau đó tôi dùng hai tay giữ hông và đập nước cho đến khi toàn thân đứng thẳng lên. Tôi giờ chiếc quần lên, ném ra phía trước và để nó rơi xuống mặt nước

cho không khí ập vào trong các ống quần.

Khi nửa người bên trên của tôi đã được giữ ở chỗ lồi của chiếc phao tự tạo bằng quần hình chữ V của mình, tôi thấy nhẹ nhõm. Tôi đã sợ bị đuối nước đến mức quên mất nước biển lạnh thế nào. Còn bây giờ, khi không còn sợ đuối nước nữa, tôi bắt đầu cảm nhận được cái lạnh.

Một vài người trong chúng tôi đang bơi trở lại bên tàu. Chúng tôi cố gọi họ quay trở lại, nhưng với họ như vậy đã đủ rồi! Rinh, rinh, rinh.

Huấn luyện viên Stoneclam nói: “Nếu có thêm một người nữa trong số các anh rung chuông thì số người còn lại cũng có thể lên bờ. Bên trong xe cấp cứu chúng tôi có chăn ấm và một bình café nóng đấy.”

Sau khi một người nữa rung chuông, Stoneclam nói: “Tất cả mọi người lên đi!”.

“Hu-a!”

Chúng tôi rời khỏi mặt nước và lên bên tàu. Huấn luyện viên Stoneclam nói: “Bây giờ hãy cởi hết đồ và nằm xuống bên tàu. Nếu không có quần đùi, nằm khóa thân cũng tốt.”

Tôi cởi hết quần áo và nằm xuống. Các huấn luyện viên đã xả nước làm sạch bên tàu. Còn Mẹ Thiên nhiên lại thổi những cơn gió lạnh buốt. Tôi cảm thấy như đang nằm trên một khối băng. Sau đó các huấn luyện viên xịt nước lạnh lên người chúng tôi. Cơ bắp của chúng tôi co cứng lại. Sự co thắt này không thể kiểm soát được. Chúng tôi đập người vào sàn thép như những chú cá mắc cạn.

Các huấn luyện viên đang giúp đưa chúng tôi đến những giai đoạn đầu của việc giảm thân nhiệt. Tôi sẽ làm bất cứ việc gì để thấy ấm hơn. Mike nói: “Xin lỗi anh bạn nhé, tôi sắp tè đây”.

“Được, anh tè đi.”

Anh ta tè lên hai bàn tay tôi.

“Ôi, cảm ơn anh bạn”. Cảm giác ấm áp thật là tuyệt.

Nhiều người sẽ cho rằng điều đó thật là gớm ghiếc, bởi vì họ rõ ràng chưa bao giờ biết cái lạnh thực sự là như thế nào.

Đêm thứ Tư, khi đã đi qua được nửa Tuần Địa ngục, tôi nghĩ đến việc bỏ cuộc. Các huấn luyện viên không lãng phí thời gian mà bắt đầu cho chúng tôi bài tập Bước nhảy của Lyon (tên một người lính SEAL ở Việt Nam). Chúng tôi chèo con thuyền bơm hơi màu đen của mình khoảng 250m ra các tháp cao ở vịnh San Diego, lật úp thuyền lại, dựng sườn bên phải lên (gọi là “đổ thuyền”, chèo trở lại bờ, cầm mái chèo chạy 0,8 km, ném mái chèo vào thùng một chiếc xe tải, ngồi theo hình một con rết ở trên vịnh, chèo bằng tay không khoảng 400 m, chạy 600 m, nắm lấy mái chèo để chèo theo hình chân rết 400 m, lên thuyền và chèo ra các tháp cao rồi lại quay vào bờ. Tất cả chúng tôi đã trải qua nội dung Giảm thể nhiệt Giai đoạn II. Giai đoạn I là run rẩy từ mức nhẹ đến mạnh với những ngón tay tê cóng – nhiều người đã trải qua mức giảm thể nhiệt này. Giai đoạn II là run khủng khiếp với mức rối loạn nhẹ. Trong Giai đoạn III, thân nhiệt trung tâm giảm xuống dưới 90 độ F (tương đương khoảng 32,2o C), trạng thái run rẩy dừng lại và bạn trở thành một thằng ngốc lập cả lập cập. Không có Giai đoạn IV – chỉ có cái chết mà thôi. Các huấn luyện viên tính toán nhiệt độ không khí và nước cùng với độ dài thời gian chúng tôi ở dưới nước để làm cho chúng tôi lạnh hết mức mà không gây ra tổn thương lâu dài hay giết chết chúng tôi.

Chúng tôi chỉ được vào phòng khi nhấn chuông. Những người cùng lớp tôi bấm chuông cứ như là Coronado bị hỏa hoạn vậy. Huấn luyện viên đến từ phía sau xe cứu thương và mở cửa. Ở bên trong, các bạn học cũ của tôi đang cuộn người trong những chiếc chăn len và uống socola nóng. Huấn luyện viên Stoneclam nói: “Đến đây, Wasdin. Cậu kết hôn rồi đúng không?”

“Vâng”. Các cơ bắp của tôi kiệt sức không thể di chuyển được nữa, nhưng chúng lại run rẩy khủng khiếp.

“Anh không cần cái này. Lại đây.”

Ông đi cùng tôi đến đuôi mấy xe cứu thương để tôi có thể cảm thấy hơi ấm

của chúng phả vào mặt mình: “Hãy uống cốc socola nóng này đi.”

Tôi giữ nó trong tay. Quả là ấm áp.

“Nếu chúng tôi muốn cậu có vợ, chúng tôi sẽ cấp cho cậu một người.” Ông giải thích: “Hãy đi ra phía đằng kia và rung cái chuông quái quỷ đó đi. Hãy kết thúc chuyện này đi. Tôi sẽ để cho cậu uống chỗ socola nóng đó. Đặt cậu vào trong chiếc xe ấm áp này. Bọc cậu trong một chiếc chăn dày và cậu không phải chịu đựng điều này nữa”.

Tôi nhìn vào cái chuông. Điều đó dễ thôi mà. Tất cả những gì tôi cần làm là kéo cái dây đó 3 lần. Tôi nghĩ về những chiếc xe cứu thương ấm áp có chăn và socola nóng. Sau đó tôi chột nhận ra. Đợi chút đã. Tôi suy nghĩ chưa kỹ càng. Đó chính là sự bỏ cuộc. “Hu-a, thầy Stoneclam!” Tôi trả lại cốc socola nóng cho ông.

“Trở lại lớp của cậu đi.”

Đưa trả lại cho ông cốc socola nóng đó quả là điều khó khăn nhất mà tôi từng làm. Hãy để tôi trở lại và rét cóng dù cho bộ hạ của tôi có bị sút thêm vài lần nữa.

Đội thủy thủ của Mike H. và tôi có 6 người, trước khi 4 người khác bỏ cuộc. Bây giờ chỉ còn có hai chúng tôi cố gắng kéo con thuyền nặng gần 100 kg trở về trại của BUD/S trong khi các huấn luyện viên la mắng chúng tôi vì quá chậm chạp. Chúng tôi chửi bới mấy người bỏ cuộc: “Các anh là đồ chết tiệt.” Sự tức giận của chúng tôi kéo dài ngay cả khi đã về tới trại.

Từ chỗ coi họ là bạn, Mike và tôi quay sang nguyên rủa họ vì đã bỏ mặc chúng tôi. Đó là lý do vì sao việc huấn luyện lại khắc nghiệt đến vậy. Để tìm ra ai sẽ là người trợ giúp bạn trong những điều kiện khắc nghiệt nhất. Sau đêm thứ Tư, tôi không nhớ có ai khác bỏ cuộc nữa không.

Sáng sớm thứ Năm, tôi ngồi trong phòng ăn. Họ sắp giết mình đây. Sau tất cả những gì mà tôi đã trải qua, họ sẽ cắt tôi thành từng mảnh và đóng gói gửi bưu chính về Hạt Wayne, Georgia bởi vì bây giờ tôi không bỏ cuộc nữa. Ở bên trong tôi, có gì đó như sự bùng tình. Những gì chúng tôi làm tiếp

theo không còn quan trọng nữa. Tôi không quan tâm. Chuyện này rồi cũng phải đến lúc kết thúc thôi.

Thiếu sự trợ giúp của những người xung quanh và sự đáp ứng của chính cơ thể mình, điều duy nhất nâng đỡ chúng tôi là niềm tin sẽ hoàn thành nhiệm vụ – hoàn tất Tuần Địa ngục. Trong tâm lý học, niềm tin này được gọi là “hiệu quả tự thân”. Ngay cả khi nhiệm vụ có vẻ bất khả thi nhưng chính sức mạnh niềm tin của chúng ta sẽ giúp chúng ta đạt được thành công. Nếu thiếu niềm tin đó, thất bại là tất yếu. Một niềm tin mạnh mẽ vào nhiệm vụ kích thích khả năng tập trung, tăng cường các nỗ lực, tính bền bỉ và sự quyết tâm. Sự tin tưởng giúp chúng ta nhận thức được mục tiêu (hoàn thành Tuần Địa ngục) và giảm mục tiêu đó xuống thành các mục tiêu khả thi hơn (hoàn thành từng nội dung). Nếu nội dung đó là một cuộc đua thuyền, có thể giảm thành các mục tiêu nhỏ hơn nữa, ví dụ như chèo được thuyền. Sự tin tưởng giúp chúng ta tìm ra cách thức để đạt được mục tiêu, ví dụ như dùng cơ vai to khỏe để chèo thuyền thay vì dùng các cơ cẳng tay bé nhỏ. Sau đó, khi cuộc đua đã xong, chuyển sang nội dung tiếp theo. Nghĩ ngợi quá nhiều về những gì đã và sẽ xảy ra chỉ làm bạn mòn mỏi. Hãy sống với hiện tại và tiến lên từng bước một.

Kể từ tối Chủ nhật cho đến đêm thứ Năm, chúng tôi chỉ ngủ tổng cộng khoảng 3 - 4 tiếng. Thế giới trong mơ bắt đầu lẫn lộn với thế giới thực và chúng tôi bị ảo giác. Tại phòng ăn, trong khi những cái đầu đang gập gù bên đồ ăn và mắt thì trũng sâu vì thiếu ngủ, một huấn luyện viên nói: “Wasdin, tôi muốn cậu cầm lấy con dao cắt bơ này, đi qua đằng kia và giết con hươu ở góc đó.”

Chậm chạp ngẩng đầu lên khỏi bát yến mạch, tôi nhìn sang phía đó và quá hãi thật, có một chú hươu đứng trong phòng ăn. Tôi không thể nghĩ ra được tại sao con hươu lại ở đây hay là nó vào bằng cách nào nữa. Lúc này tôi được giao nhiệm vụ. Tôi bước đến bên nó với con dao Rambo trên tay và sẵn sàng thực hiện động tác chém giết của mình.

Huấn luyện viên Stoneclam hét lên: “Wasdin, anh làm gì vậy?”

“Chuẩn bị giết chú hươu này, thưa thầy Stoneclam.”

“Nhìn xem, đó là bàn đựng khay thức ăn. Là dụng cụ để đưa và nhắc khay thức ăn ra khỏi bếp.”

“Cái...gì? Sao nó lại biến thành một cái bàn đựng khay thức ăn được nhỉ?”

“Hãy đặt cái mông ngu ngốc của cậu xuống và ăn cho xong đi” – huấn luyện viên Stoneclam nói.

Mọi người được một tràng cười lớn.

Sau đó, Mike H., Bobby H. và những người còn lại trong đội chúng tôi chèo thuyền từ Trung tâm Chiến tranh Đặc biệt Hải quân theo hướng Nam đến Công viên Silver Strand. Chặng đường chỉ gần 10 km mà như thể chúng tôi đang chèo tới Mexico vậy. Chèo, ngủ gục, chèo, ngủ gục... Đột nhiên, Bobby gõ vào đáy thuyền và hét lên: “A a a...”

“Cái quái gì vậy?” - Tôi hỏi.

“Con rắn to quá!” – Bobby kêu lên.

Chúng tôi giúp cậu ta giết con rắn. “Rắn!”

Một người dừng lại: “Đó là cái nút thừng.” Chúng tôi đang đánh cái dây thừng dùng để giữ chặt mũi thuyền.

Tất cả chúng tôi nhìn vào chiếc dây thừng và trở lại bình thường.

Năm phút sau, Mike hét lên: “A a a..!”

“Con rắn quay lại à?” – Tôi hỏi.

Ánh sáng từ thành phố chiếu sáng bầu trời.

“Tôi vừa nhìn thấy gương mặt của ba tôi trên những đám mây”, Mike nói.

Tôi ngược lên. Đúng là tôi nhìn thấy gương mặt của cha cậu ấy trên những đám mây. Tôi chưa bao giờ gặp cha cậu ấy và không biết ông trông thế nào,

nhưng tôi nhìn thấy gương mặt người cha của Mike trên những đám mây.

Một người khác trong lớp chúng tôi, Randy Clendening, bị hói. Mọi chỗ: đầu, lông mày, lông mi, nách và cả bẹn nữa - đều nhẵn nhụi. Khi còn nhỏ, cậu ta ăn một vài quả dâu đỏ và sốt cao đến mức tất cả các nang lông đều bị triệt hẳn. (Khi cậu ta tới Đội SEAL 2, có người gọi cậu ta là Kemo – cách gọi tắt của Hoá trị. Cái biệt danh ấy gắn mãi với cậu ta). Trong suốt Tuần Địa ngục, Randy thờ khò khè và nói năng lấp bắp.

“Cậu có ổn không, Randy?” – Tôi hỏi.

“Các huấn luyện viên vừa bảo là ‘cái bộ chế hòa khí’ của tôi bị bần”.

“Ôi, có bộ chế hòa khí bần chắc khiếp lắm.” Tôi đã không nghĩ rằng Randy có dịch ở trong phổi. Các huấn luyện viên đã tính đến việc cho cậu ta tham gia khóa học sau để cậu ta có thể hồi phục nhưng điều đó có nghĩa là cậu ta sẽ lại phải tham gia Tuần Địa ngục từ đầu trong khi chúng tôi sắp xong đến nơi rồi.

Vào thứ Sáu, các huấn luyện viên đưa chúng tôi ra khu vực lướt sóng. Chúng tôi khoan tay ngồi trong giá lạnh hướng ánh nhìn ra biển, cố gắng ở lại cùng nhau. Huấn luyện viên Stoneclam đứng trên bãi biển nói từ phía sau lưng chúng tôi. “Đây là lớp học đáng tiếc nhất mà chúng tôi từng biết. Lớp các anh thậm chí còn không giữ lại được một học viên sĩ quan nào”. Các sĩ quan và tân binh được huấn luyện cùng nhau. “Các anh không ủng hộ họ. Các anh không hỗ trợ họ. Chính do các anh mà không còn sĩ quan nào ở lại. Bài tập cuối cùng này các anh làm chậm nhất từ trước tới giờ. Chúng tôi vừa nhận được chấp thuận của đại úy Bailey cho phép kéo dài Tuần Địa ngục thêm một ngày nữa.”

Tôi nhìn sang Rodney, bạn bơi của mình. Cậu ta dường như đang nghĩ giống tôi: Chết tiệt, chúng ta lại phải làm việc này thêm một ngày nữa. Được thôi, các ông đã quay chúng tôi lâu như vậy, vậy hãy cho chúng tôi làm cái trò ngu ngốc này thêm một ngày nữa đi.

Có một người, tôi không nhớ là ai, không định tham gia thêm một ngày nữa. Cậu ấy muốn bỏ cuộc. May mắn là cậu ấy đã không làm như vậy.

“Quay lại và nhìn vào tôi khi tôi đang nói chuyện với các anh!” – Huấn luyện viên Stoneclam nói.

Cứng đờ như những thầy ma, chúng tôi quay lại.

Viên sĩ quan chỉ huy của chúng tôi đứng đó, đại úy Larry Bailey. Ông đã từng lãnh đạo một trong những trung đội đầu tiên của Đội SEAL 2 ở Việt Nam. Ông cũng từng hỗ trợ việc xây dựng Đội thuyền Đột kích của SEAL. “Chúc mừng các anh. Tôi tuyên bố các anh đã hoàn thành Tuần Địa ngục.”

Một vài người nhảy lên vì vui sướng, nhưng tôi cảm thấy tổn thương ghê gớm với kiểu chúc mừng như vậy. Randy Clendening trào nước mắt nhẹ nhõm; cậu ấy đã vượt qua mặc kệ căn bệnh viêm phổi thường trực trong người. Tôi đứng đó với một cái nhìn căm lạng. Tôi đang làm gì ở đây vậy? Tôi nhìn quanh. Mọi người đi đâu hết rồi? Chúng tôi khởi đầu với 10 hoặc 12 đội thuyền, 6 đến 8 người mỗi đội. Bây giờ chúng tôi chỉ còn 4 hoặc 5 đội thuyền. Tại sao những người đó bắt đầu Tuần Địa ngục nếu họ biết rằng họ không muốn nó? Họ không biết rằng họ không cần nó.

Các nhân viên y tế đưa Randy thẳng đến bệnh xá để kiểm tra sức khỏe. Họ cũng kiểm tra những người còn lại. Một vài người bị viêm da do nhiễm trùng từ các vết cắt ăn sâu vào trong da. Một số người khác thì bị giãn dây chằng ở khung xương chậu, trên hông, đầu gối, gây ra hội chứng đau buốt ở khớp (ITBS). Tất cả chúng tôi đều bị các vết sưng. Bác sĩ kiểm tra xuống bắp chân của tôi và bóp mạnh. Khi ông bỏ tay ra, tôi thấy vết lõm hình bàn tay của ông hằn lên. Họ cũng kiểm tra “vi khuẩn ăn-thịt” (thật ra là vi khuẩn tiết độc tố hủy hoại da và cơ chứ không phải là vi khuẩn ăn thịt). Do chấn thương ở khắp người, từ đầu tới chân, nên chúng tôi là những món ăn ngon cho cái bọn vi khuẩn giết người ấy.

Tôi đi tắm, sau đó uống chút Gatorade. Trong doanh trại, trên đỉnh giá đựng đồ dùng cá nhân gắn với chiếc giường đôi có đặt chiếc áo phông màu nâu. Một người bạn đã tặng món quà đó cho tôi sau Tuần Địa ngục. Chúng tôi dùng tiền trợ cấp để tự mua đồ lót, nhưng chỉ những học viên đã hoàn thành Tuần Địa ngục mới được phép mặc áo phông màu nâu. Tôi vô cùng hạnh phúc khi có chiếc áo đó. Tôi nằm xuống và chìm vào giấc ngủ. Mọi người

theo dõi chúng tôi trong khi chúng tôi ngủ để chúng tôi không bị ngạt thở, sặc nước bọt hay đơn giản là ngừng thở do quá mệt.

Ngày hôm sau, như mọi hôm, tôi lại trườn qua đỉnh cái giá đựng đồ dùng và nhảy ra khỏi giường, tuy nhiên những cái chân không nghe lời tôi. Tôi đập mặt vào bàn, máu từ mũi và mũi chảy ra. Tôi cố gắng gọi điện cho Laura (cuộc gọi do người nhận điện thoại trả tiền) để thông báo với cô ấy là tôi đã qua được Tuần Địa ngục nhưng khi người trực tổng đài bắt máy thì tôi nói không thành tiếng. Phải mấy giờ sau thì giọng nói của tôi mới hồi lại.

Một người lái xe đưa chúng tôi đến phòng ăn bằng một chiếc xe tải nhỏ. Mọi người giúp chúng tôi ra khỏi xe. Khi chúng tôi tập tễnh bước vào phòng, tất cả các con mắt dường như đổ dồn vào chúng tôi. Chúng tôi là những người vừa mới vượt qua “tuần đó”. Đó là tuần lễ lạnh nhất trong 23 năm: có những lúc mưa đá cứ rơi tới tấp xuống chúng tôi. Trong khi ăn, tôi nhìn sang bàn của những người đã bỏ cuộc trong Tuần Địa ngục. Họ tránh ánh mắt của chúng tôi.

Tôi đã van xin một trong số họ đừng rung chuông, nhưng cậu ta đã bỏ mặc Mike và tôi kéo chiếc thuyền đó. Ít nhất thì cậu ta cũng có thể chờ cho đến khi chúng tôi đã đưa được chiếc thuyền đó về doanh trại. Cậu ta bước đến bàn tôi và nói: “Mình xin lỗi. Mình biết mình đã làm cậu thất vọng nhưng chỉ vì mình không thể chịu đựng thêm được một chút nào nữa.”

Tôi nhìn cậu ta: “Biển đi cho khuất mắt tôi.”

Việc huấn luyện tiếp tục một cách chậm chạp, bắt đầu bằng rất nhiều bài tập thể dục mềm dẻo. Sau đó tăng dần tốc độ, giới hạn thời gian chặt chẽ hơn, gia tăng các khoảng cách, bơi dài hơn, chạy xa hơn và thử nghiệm các bài tập vượt chướng ngại vật. Các bài kiểm tra lý thuyết cũng được tiếp tục. Trước Tuần Địa ngục, chúng tôi đã tập trung vào các chủ đề như sơ cứu và chèo thuyền. Bây giờ chúng tôi tập trung vào trình sát thủy văn. Các tân binh như tôi phải đạt 70% trở lên. Mặc dù chúng tôi đã mất tất cả các sĩ quan, nhưng tiêu chuẩn với các sĩ quan là từ 80% trở lên.

Một bài tập mới mà chúng tôi phải đạt là bơi 50 mét dưới nước. Ở bể bơi, huấn luyện viên Stoneclam nói: “Tất cả các anh phải bơi 50m dưới nước.

Các anh sẽ thực hiện một cú nhảy lộn nhào xuống bể, vì thế không được bắt đầu bằng việc lặn mà phải bơi ngang 25m. Chạm tay vào đích và bơi 25m quay trở lại. Nếu các anh nổi lên mặt nước dù chỉ một lần, các anh sẽ trượt. Đừng quên bơi dọc theo đáy bể. Áp lực gia tăng lên phổi sẽ giúp các anh nín thở được lâu hơn, nhờ đó có thể bơi được xa hơn.”

Tôi xếp hàng cùng với nhóm thứ hai gồm 4 học viên. Chúng tôi hoan hô khi nhóm thứ nhất bắt đầu. “Đạt đến sự vô thức tạm thời nhé”, một vài người chúng tôi nói. Đó là một cách tư duy mới ảnh hưởng đến các hoạt động trong tương lai – đẩy thân thể đến trạng thái vô thức.

Đến lượt mình, tôi thở nhanh để làm giảm lượng carbon dioxide trong người và làm thông mạch thở. Trong khi lộn nhào xuống bể, tôi mất vài hơi. Tôi tự định hướng và bơi chậm hết mức. Sau khi bơi 25 m, tôi đã gần tới phía bên kia. Khi quay lại, chân tôi chạm vào bức tường nhưng bị bật lại không mạnh lắm.

Cổ họng tôi bắt đầu co giật vì phổi cần thêm oxy. Đạt đến sự vô thức. Tôi bơi nhanh hết sức nhưng toàn thân chậm lại. Đường nhìn của tôi bắt đầu xám đi cho đến khi tôi nhận thấy mình đang nhìn về đích qua một đường hầm tối đen. Khi bản thân bắt đầu như mê đi, tôi thực sự cảm thấy thanh bình. Nếu tôi từng có ý nghĩ thoáng qua nào đó chuyện đuối nước thì chúng quả là đã biến mất rồi. Tôi cố gắng tập trung vào bức tường. Cuối cùng, tay tôi đã chạm vào nó. Huấn luyện viên Stoneclam chộp lấy dây thắt lưng của tôi và giúp tôi ra ngoài. Tôi đã đạt. Những người khác không may mắn như thế. Hai người đã bị trượt lần thứ hai và bị loại khỏi đợt huấn luyện. (Xin lưu ý là đừng thực hành bơi dưới nước hoặc nín thở ở nhà bởi vì nó sẽ giết chết bạn đấy).

Một bài tập quan trọng khác sau Tuần Địa ngục là thắt nút dây ở dưới nước. Chỉ mặc những chiếc quần soóc UDT, lớp tôi leo cầu thang bên ngoài lên đỉnh tháp lặn và bước vào trong. Ở bên trong, tôi đi xuống vùng nước ấm. Độ sâu là khoảng 20m. Tôi sẽ phải lặn xuống 5m và thắt 5 nút: nút thợ dệt, nút ghế đơn, nút cọc chèo, nút thắt góc vuông và nút kép đối xứng. Những nút thắt này nằm trong số những nút thắt mà chúng tôi phải sử dụng để thực hiện các hoạt động phá hoại. Ví dụ, nút thợ dệt và nút thắt góc vuông có thể dùng để nổi phần đuôi của dây nổ. Chúng tôi đã thực hành những nút này

vài tuần rồi, vì vậy tôi không thấy khó khăn, nhưng đây là lần đầu tiên tôi làm ở độ sâu 5m dưới nước.

Chúng tôi có thể buộc mỗi nút trong một lần lặn, nhưng tôi nghĩ lặn năm lần thì mệt quá. Chúng tôi cũng có thể lặn một lần để thắt 5 nút, tuy nhiên tôi không cho rằng phổi của tôi chịu được. Chúng tôi có thể làm bất kỳ cách nào mình muốn. Tôi chào huấn viên Stoneclam, người đang đeo bình khí nén: “Xin phép thắt nút thợ dệt, nút ghế đơn và nút cọc chèo.” Ông chỉ ngón tay cái xuống đất, lệnh cho tôi lặn xuống. Tôi cũng chỉ ngón tay xuống, cho ông ấy biết rằng tôi đã hiểu. Stoneclam ra dấu một lần nữa và tôi đi xuống 5 m, nơi tôi phải buộc một đường dây điện vào tường. Tôi buộc 3 nút, sau đó ra dấu “xong” với huấn luyện viên. Ông kiểm tra các nút thắt và ra dấu “được”. Tôi tháo chúng ra và ra dấu với ông. Ông xác nhận, chỉ ngón tay cái lên trời – cho phép tôi lên bờ.

Trong lần lặn thứ hai, tôi buộc hai nút cuối và ra dấu “xong”. Huấn luyện viên Stoneclam thậm chí không nhìn vào các nút thắt mà nhìn chăm chăm vào mắt tôi. Tôi nghĩ mình sắp gặp rắc rối gì đây. Tôi chỉ ngón tay cái lên trời để đề nghị được đi lên, nhưng ông cứ nhìn chăm chăm. Độ sâu gây áp lực lên ngực tôi và cơ thể tôi thềm không khí. Tôi biết ông ấy đang chờ đợi điều gì và tôi sẽ không cho ông ấy thỏa mãn. Các huấn luyện viên SEAL đã dạy tôi rất rõ. Tôi có thể tự nổi lên hoặc là cơ thể tôi được kéo lên mặt nước khi tôi đã bất tỉnh. Cách nào cũng được. Ông mỉm cười và ra dấu “lên” trước khi tôi gần như sắp bất tỉnh. Tôi muốn phóng ngay lên trên, nhưng tôi không thể tỏ ra sợ hãi vì lao ngay lên mặt nước không phải là khôn ngoan. Tôi chậm chạp nhô lên. Đạt. Không phải tất cả các bạn lớp tôi đều may mắn nhưng họ sẽ có cơ hội thứ hai.

Trong Giai đoạn II, Chiến tranh Trên bộ, chúng tôi học chiến thuật thâm nhập bí mật, thủ tiêu lính gác, chỉ huy mật vụ/người dẫn đường, thu thập thông tin, bắt giữ địch, tìm kiếm, quản lý tù nhân, bắn súng, gây nổ... Khi còn nhỏ, tôi đã học cách chú ý tới các chi tiết để chắc chắn rằng không còn quả mìn nào dưới đất khi ba tôi về nhà để cái mông của tôi không bị quất roi. Lúc này cũng vậy, sự tập trung vào tiểu tiết sẽ giúp cái mông của tôi không bị bắn trúng hay nổ tung lên. Khả năng chú ý đến tiểu tiết đã giúp tôi chưa bao giờ gặp sự cố trong nhảy dù.

Chúng tôi trở thành những thành viên đầu tiên sống tại doanh trại mới ở ngay phía dưới bãi biển gần khu Coronado giàu có. Một chiều thứ Bảy, tôi ngồi trong phòng mình, đánh bóng đôi giày tác chiến trong rừng với Calisto, một trong hai sĩ quan Peru được huấn luyện BUD/S với lớp tôi. Họ cũng được huấn luyện theo lịch trình của chúng tôi, đúng theo ngày giờ. Cả hai người họ đều đã trải qua BUD/S của Peru, chương trình mô phỏng khóa huấn luyện của chúng tôi. Calisto và bạn mình đã phục vụ gần 10 năm với tư cách lính SEAL, trong đó có cả tác chiến thực. Qua họ, chúng tôi nắm được nhiều thông tin về chương trình huấn luyện.

Tôi hỏi anh ta: “Anh đã là một người lính SEAL của Peru rồi, tại sao anh vẫn tham gia lại khóa học này?”

“Phải đến đây mới trở thành một huấn luyện viên SEAL của Peru được.”

“Tôi hiểu anh sẽ được kính trọng hơn và tất cả...”

“Không phải kính trọng hơn. Nhiều tiền hơn.” Anh ta đi cùng gia đình và cuối tuần anh về với họ trong một căn hộ ở trung tâm. Họ mua nhiều quần Jean màu xanh và gửi về nhà. Anh ta giải thích rằng số tiền mà họ nhận được sẽ làm thay đổi cuộc sống của họ.

Họ là những sĩ quan duy nhất còn lại trong lớp tôi nhưng vì không phải là người Mỹ nên họ không thể chỉ huy chúng tôi. Mike H., binh sĩ hàm E-5, đứng đầu lớp tôi. Anh ấy và tôi cùng cấp hàm nhưng có thâm niên cao hơn. Chúng tôi không có “người ăn bánh” (sĩ quan từ cấp úy trở lên) nào. Các huấn luyện viên cấp hàm thấp có vẻ thích điều đó.

Ở Đảo San Clemente, tôi làm tổ trưởng và một lần đã dẫn tổ của tôi tấn công sai mục tiêu. Calisto chỉ huy chúng tôi lần tiếp theo. Anh ta quả là một hoa tiêu xuất sắc. Chúng tôi tấn công các huấn luyện viên trong khi họ vẫn đang ngồi quanh đám lửa trại mãi mê trò chuyện. Tổ chúng tôi tấn công nhanh đến mức họ thậm chí còn chưa chuẩn bị được các khẩu M-60. Họ không vui. Họ thay đổi lộ trình thâm nhập của chúng tôi, bắt chúng tôi phải đi qua một cánh đồng xương rồng. Sau đó, các y tá phải cầm kìm đến để rút những cái gai ra khỏi chân chúng tôi.

Khi bị chất vấn, các huấn luyện viên giải thích: “Rất tiếc là chúng tôi phải phải các anh đi đường khác, nhưng lộ trình xâm nhập đã bị mất tác dụng”. Các huấn luyện viên luôn là người cười sau cùng.

Chúng tôi chạy trước khi ăn vào các ngày chẵn. Vào ngày lẻ, chúng tôi tập xà. Một hôm, số lần lên xà vừa thay đổi từ 19 lên 20. Tôi nghĩ mình mất trí rồi vì tụt khỏi xà sau khi đã đu được 19 lần.

“Wasdin, anh làm cái quái gì vậy?” - Một huấn luyện viên hỏi. “Mới có 19 thôi.”

Tôi không hiểu ông ấy đang hỏi tôi điều gì.

“Phải đạt 20 lần. Anh phải chắc chắn là anh biết đếm đến 20, nằm xuống và hít đất 20 lần cho tôi”.

Tôi hít đất 20 lần.

“Bây giờ lên lại xà và đu 20 lần.”

Điều đó đã không xảy ra. Ông có lẽ đã có thêm 3-4 lần đếm nữa trước khi cánh tay tôi rời khỏi xà.

“Nhận xuất MRE của anh và ra ngồi với sóng đi.”

Tôi ngồi trong nước biển lạnh giá và ăn một gói MRE (bữa ăn sẵn của quân nhân) lạnh ngắt. Randy Clendening và một vài người khác đến ngồi cùng tôi. Chúng tôi rét tím ngắt người lại.

Gương mặt của Randy vẫn tươi cười.

“Cậu cười cái quái gì vậy?” – Tôi hỏi. “Chúng ta đang ăn bữa MRE lạnh ngắt trong làn nước buốt giá ngập đến tận ngực.”

“Cố gắng làm như vậy mỗi ngày.” Randy luôn chạy kịp giờ nhưng lại trượt các bài tập đu xà. Mỗi ngày cậu ta đều ngồi trong nước biển ngập lên đến ngực và ăn món MRE lạnh ngắt vào mỗi bữa sáng, bữa trưa và bữa tối. Cậu

ấy thích phương pháp huấn luyện này hơn tôi.

Sau đó, dù có thể gặp rắc rối với các huấn luyện viên nhưng tôi vẫn đánh liều đưa thức ăn vào doanh trại cho cậu ta vào những ngày lễ. Những bạn khác cũng lên lấy thức ăn cho cậu ta. Tôi vô cùng kính trọng những người như Randy, người làm việc nghiêm túc hơn tất cả mọi người và bằng cách nào đó đã hoàn thành được BUD/S. Hơn cả những con linh dương đang chạy hàng đầu, hơn cả những con cá đang bơi đầu đàn, hơn cả những chú khỉ đang đánh đu vượt qua chướng ngại vật – những người yếm thể này lại tỏ ra rất cứng rắn.

Một trong những người yếm thể nổi tiếng nhất là Thomas Norris, lớp BUD/S 45. Norris muốn gia nhập FBI nhưng lại bị gọi đi quân dịch. Anh tham gia hải quân với mong muốn trở thành một hoa tiêu nhưng thị lực của anh không đạt. Vì vậy anh tự nguyện huấn luyện SEAL, nơi anh thường chạy và bơi ở nhóm chậm nhất. Các huấn luyện viên đã tính đến chuyện loại anh khỏi chương trình huấn luyện nhưng Norris không bỏ cuộc và đã trở thành một người lính SEAL ở Đội 2.

Tại Việt Nam, tháng Tư năm 1972, một máy bay do thám đi sâu vào vùng đối phương nơi có hơn 30 nghìn NVA (lính miền Bắc Việt Nam) đang chuẩn bị cho một cuộc tấn công dịp lễ Phục sinh. Chỉ có một thành viên phi hành đoàn còn sống sót. Nỗ lực giải cứu viên phi công này là phi vụ giải cứu tổn hại lớn nhất trong Chiến tranh Việt Nam với 14 người hy sinh, 8 máy bay bị bắn hạ, 2 người bị bắt và hai người khác bị kẹt lại trong vùng địch. Vì vậy người ta xác định rằng giải cứu đường không là không khả thi.

Trung úy Norris dẫn đầu một nhóm tuần tra SEAL Việt Nam Cộng hòa gồm 5 người, tìm được viên phi công trình thám và đưa anh này trở về căn cứ tiền tiêu (FOB). NVA trả đũa bằng một cuộc tấn công bằng rocket vào FOB, giết hai lính SEAL Việt Nam Cộng hòa và một số người khác.

Norris và ba lính SEAL Việt Nam Cộng hòa còn lại thất bại trong nỗ lực giải cứu viên phi công thứ hai. Do tình hình bất ổn, hai người trong số họ không tình nguyện thực hiện nỗ lực giải cứu lần tiếp theo. Norris quyết định cùng người lính thứ ba tên Nguyễn Văn Kiệt. Họ làm điều đó nhưng thất bại.

Ngày 12 tháng Tư, khoảng 10 ngày sau khi máy bay đó bị bắn hạ, Norris nhận được một thông tin về địa điểm của viên phi công. Vào một đêm đầy sương, Norris và Kiệt cải trang thành ngư dân và chèo một chiếc thuyền tam bản trên sông. Bình minh lên, họ tìm thấy viên phi công bị giấu dưới những đám rau. Họ giúp anh ta lên thuyền, giấu anh ta dưới lượt lá tre và chuối. Một nhóm lính đối phương trên bờ phát hiện ra, nhưng họ không thể băng qua rừng rậm nhanh như việc di chuyển bằng thuyền trên sông của Norris và cộng sự. Khi ba người tới gần FOB, một nhóm tuần tra NVA phát hiện ra họ và trút những đợt súng máy hạng nặng xuống họ. Norris yêu cầu tiếp viện một cuộc tấn công đường không để chặn đứng kẻ thù và tạo màn khói che mắt họ. Norris và Kiệt đưa viên phi công vào FOB. Ở đó Norris sơ cứu cho đến khi anh ta có thể được chuyển đi. Trung úy Thomas Norris được nhận Huân chương Danh dự. Kiệt nhận được Bội tinh Hải quân, danh hiệu cao nhất mà Hải quân có thể trao cho một người quốc tịch nước ngoài. Tuy nhiên câu chuyện về Norris vẫn chưa kết thúc.

Khoảng 6 tháng sau, anh lâm vào một tình huống khó khăn khác. Trung úy Norris chọn hạ sĩ Michael Thornton (Đội SEAL 1) để thực hiện một nhiệm vụ. Thornton chọn hai người lính SEAL Việt Nam, Đăng và Quân. Một sĩ quan Nam Việt Nam ốm yếu tên là Tài cũng đang ký tham gia nhóm này. Họ mặc quần áo màu đen như VC và mang theo AK-47 với rất nhiều đạn. Cả đội lái một chiếc ghe của Hải quân Nam Việt Nam (không có tàu của Hải quân Mỹ) ra Biển Đông, mở một chiếc thuyền cao su từ chiếc ghe rồi đi vào đất liền để nghe ngóng tin tức. Norris đi đầu, Thornton bảo vệ phía sau và những người lính SEAL Nam Việt Nam đi giữa. Chiếc ghe đã đưa họ đi rất xa về phía Bắc và trong khi trinh thám, họ nhận ra mình đang ở miền Bắc Việt Nam. Đang ẩn nấp, viên sĩ quan người Việt không hỏi ý kiến Norris hay Thornton mà tự ý ra lệnh cho hai người lính SEAL Việt Nam Cộng hòa đánh úp và tóm hai lính VC trong khi chưa chuẩn bị thật tốt. Những người lính này vật lộn với hai lính Bắc Việt. Thornton lao vào và hạ gục một người bằng báng súng để anh ta không thể báo động cho ngôi làng gần đó. Người thứ hai thoát được và báo cho khoảng 60 bộ đội NVA. Thornton kêu lên: “Chúng ta gặp rắc rối rồi”. Những người lính SEAL băng bó cho người lính Bắc Việt bị hạ gục, sau đó bảo Đăng thăm vấn khi anh ta tỉnh lại.

Norris và Đấng nổ súng bắn vào đối phương đang tiến đến gần. Giữa những lần bắn, Norris sử dụng điện đài trên lưng Đấng để gọi yểm trợ hỏa lực hải quân: xác định tọa độ, định vị, phát hỏa khi cần... Người trực tổng đài hải quân ở đầu dây bên kia (tàu của anh cũng đang nằm dưới hỏa lực của địch trong một trận chiến khác) hình như mới nhận việc nên không quen xử lý tình huống yểm trợ hỏa lực cho các lực lượng mặt đất. Norris gác điện thoại để nổ súng tiêu diệt thêm đối phương. Khi anh quay lại điện đài, cuộc gọi của anh đã được chuyển cho một chiếc tàu khác cũng đang nằm dưới hỏa lực của địch và không thể giúp đỡ. Norris và Đấng vừa rút lui vừa bắn về phía đối phương.

Thornton cử viên trung úy Việt Nam đi đằng sau trong khi anh và Quân bảo vệ hai bên sườn. Thornton bắn hạ thêm một vài NVA, ẩn nấp rồi di chuyển sang vị trí khác và bắn thêm vài phát súng nữa. Thornton biết đối phương ở đâu vì họ nhô ra từ cùng một địa điểm, tuy nhiên đối phương thì không đoán được Thornton sẽ xuất hiện từ đâu và có bao nhiêu người cùng chiến đấu với anh. Vừa di chuyển về phía sau, Thornton vừa nổ súng và tiêu diệt những lính Bắc Việt chúi đầu xuống sau những đụn cát.

Sau khoảng 5 giờ chiến đấu, Norris liên lạc được với một con tàu có thể giúp được họ: Tàu Newport News.

Đối phương ném một trái lựu đạn vào Thornton. Thornton ném lại. Đối phương cũng ném trở lại. Thornton lại ném trả. Khi trái lựu đạn quay lại lần tiếp theo, Thornton quay người tránh. Lựu đạn phát nổ. Sáu mảnh đạn cắm vào lưng của Thornton. Anh nghe thấy Norris gọi: “Mike, Mike ơi!” Thornton lăn xuống giả chết. Bốn lính Bắc Việt chạy đến chỗ Thornton. Anh nổ súng vào cả bốn – hai người ngã xuống trước mặt anh, hai người khác ngã rạp về phía sau. “Mình ổn,” Thornton kêu lên: “Chỉ là mấy mảnh đạn thôi mà!”

Những người lính Bắc Việt bỗng yên lặng. Phía họ có tiểu đoàn NVA 283 giúp đánh thọc sườn những người lính SEAL.

Những người lính SEAL bắt đầu nhảy éch để yểm trợ lẫn nhau. Norris nằm xuống trút hỏa lực để Thornton, Quân và Tài rút lui. Sau đó, Thornton và đội của anh làm tương tự để Norris và Đấng lùi ra phía sau. Khi Norris vừa

nâng một khẩu súng chống tăng LAW lên để bắn thì một khẩu AK-47 của NVA bắn trúng mặt anh, làm anh bật tung khỏi đụn cát. Norris cố đứng dậy để phát hỏa nhưng đã ngất đi.

Đặng chạy lại phía Thornton. Hai phát đạn bắn trúng vào chiếc điện đài mà Đặng đang đeo trên lưng.

“Tommy đâu?” – Thornton hỏi.

“Anh ấy chết rồi.”

“Anh chắc không?”

“Anh ấy bị bắn vào đầu.”

“Có chắc không?”

“Nhìn thấy anh ấy gục xuống rồi.”

“Hãy ở lại đây. Tôi sẽ trở lại chỗ Tommy”.

“Không, Mike. Anh ấy chết rồi. NVA đang đến đây.”

“Tất cả các cậu ở đây.” Thornton chạy 500m dưới làn mưa đạn để đến chỗ Norris. Có một vài NVA đang ở gần thi thể của Norris. Thornton nổ súng tiêu diệt họ. Khi đến bên Norris, anh nhận thấy viên đạn đã xuyên qua trán của Norris. Anh ấy đã chết. Thornton vác thi thể của Norris lên vai và chộp lấy khẩu AK. Thornton đã dùng hết tám quả lựu đạn, tất cả số rocket LAW của mình và chỉ còn một hoặc hai ổ đạn. Có vẻ như với anh mọi chuyện cũng sắp kết thúc rồi.

Đột nhiên, một loạt đạn từ tàu Newport News xé toạc không khí và lao đến như một chiếc Volkswagen nhỏ. Khi phát nổ, nó thổi tung Thornton xuống một đụn cát cao hơn 10m. Người của Norris bay qua người Thornton. Thornton đứng dậy và bước tới để nhấc Norris lên.

“Mike, Mike à,” – Norris thì thào.

“Đồ chết tiệt. Cậu vẫn sống à!”

Thornton cảm thấy luồng sinh lực mới bùng lên. Anh nhắc Norris, đặt lên vai và bắt đầu chạy. Đăng và Quân nổ súng yểm trợ.

Pháo của tàu Newport News cho họ chút thời gian, nhưng hết mất rồi. Những loạt đạn của đối phương lại dội xuống họ.

Thornton chạy tới chỗ của Đăng và Quân: “Tài đâu rồi?”

Khi Thornton quay trở lại để đón Norris, viên trung úy Việt Nam ôm yếu đã biến vào dòng nước.

Thornton nhìn 2 người lính SEAL Việt Nam Cộng hòa: “Khi tôi kêu một, Quân bắn một loạt đạn. Khi tôi kêu hai, Đăng bắn một loạt đạn. Ba, tôi sẽ nổ một loạt. Rồi chúng ta sẽ nhảy éch để yểm trợ nhau rút ra biển.”

Vừa bắn vừa rút lui, khi Thornton đến bờ sông, anh ngã xuống mà không nhận thấy rằng bắp chân của mình đã bị trúng đạn. Anh nhắc Norris lên và đưa Norris theo dưới cánh tay của mình. Ở trong nước, anh cảm thấy Norris cử động loạng choạng, thì ra anh đã để đầu của Norris ở dưới nước. Thornton nhắc đầu bạn mình lên. Áo phao của Norris được buộc vào chân theo cách hoạt động của Đội 2. Vì vậy, Thornton cởi áo phao của mình ra và mặc cho Norris, để giữ cả hai người họ nổi lên.

Quân run rẩy trong nước, hông bên phải của cậu ta bị trúng đạn. Thornton túm lấy cậu ta. Quân bám vào áo phao của Norris. Đăng giúp họ đạp nước tiến ra biển. Thornton thấy những viên đạn xuyên qua làn nước. Anh cầu nguyện: Chúa ơi, đừng để viên nào trúng vào con.

Norris tỉnh dậy. Anh không nhìn thấy viên sĩ quan người Việt: “Chúng ta có đủ người không?”. Tì vào người Thornton, Norris nhò lên và thấy viên sĩ quan người Việt đang bơi phía xa ngoài biển. Anh lại ngất đi.

Sau khi bơi đủ xa thoát khỏi tầm đạn của địch, Thornton và hai người lính Việt Nam Cộng hòa nhìn thấy tàu Newport News nhưng nó đã lướt đi vì

nghĩ rằng những người lính SEAL đã chết.

“Boi về phía nam,” Thornton nói. Anh băng đầu cho Norris bằng băng 10x10 cm nhưng không băng được toàn bộ vết thương. Norris đang bị sốc.

Một nhóm lính SEAL khác đi trên một chiếc ghe để tìm kiếm đồng đội. Họ đã tìm thấy viên trung úy người Việt và chất vẩn anh ta. Sau đó họ tìm thấy Thornton, Norris, Đăng và Quân. Thornton điện cho tàu Newport News đến đón.

Khi lên được tàu, Thornton đưa Norris tới phòng y tế. Đội y tế đã làm hết mình để cứu Norris, nhưng cuối cùng các bác sĩ nhận định: “Cậu ấy sẽ không thể hồi phục được nữa.”

Norris được đưa đi cấp cứu ở Đà Nẵng. Từ đó, anh ta được đưa sang Philippines bằng máy bay.

Với hành động đó, Thornton được trao Huân chương Danh dự. Đây là trường hợp duy nhất khi một người được thưởng Huân chương Danh dự vì đã cứu được một người được thưởng Huân chương Danh dự. Những năm sau đó, Thornton giúp thành lập Đội SEAL 6 và trở thành một trong số những người chỉ huy của Đội.

Việc Norris sống sót chứng minh các bác sĩ đã sai. Anh được chuyển tới Bệnh viện Hải quân Bethesda, Maryland. Mấy năm sau đó, anh phải trải qua một vài cuộc đại phẫu khi đã mất một phần sọ và một mắt. Hải quân cho Norris nghỉ hưu, nhưng chỉ có ngày hôm qua là để thở thoi. Norris trở về với giấc mơ thời thơ ấu của mình: trở thành một nhân viên FBI. Năm 1979, anh đề nghị được cấp giấy chứng nhận không thương tật. Giám đốc FBI, William Webster nói: “Nếu anh vượt qua được bài kiểm tra như những người xin vào tổ chức này, tôi sẽ chứng nhận xóa hết thương tật cho anh.” Dĩ nhiên là Norris vượt qua. Sau đó, khi phục vụ trong FBI, Norris cố gắng trở thành một thành viên của Đội Giải cứu Con tin (HRT) mới được thành lập nhưng những viên công chức bàn giấy của FBI không muốn có một người một-mắt ở trong Đội. Danny Coulson, người thành lập HRT, nói: “Có lẽ chúng ta sẽ phải nhận thêm một người một-mắt được trao Huân chương Danh dự của Quốc hội nữa nếu cậu ấy xin vào nhưng tôi chấp nhận rủi ro.”

Norris trở thành đội trưởng một đội đột kích. Sau 20 năm làm việc cho FBI, anh về hưu. Norris là người về đích cuối cùng khi tập chạy và tập bơi ở BUD/S, và chỉ có một mắt khi đến với FBI, nhưng anh luôn giữ lửa ở trong tim.

Những huyền thoại về Norris đã lan đến lớp học viên tham gia huấn luyện BUD/S, tuy nhiên tôi chỉ được biết anh khi tôi đã là một người lính SEAL. Trong một cộng đồng nhỏ và gắn bó như vậy thì tiếng tăm của một người lính SEAL, dù tốt hay xấu, cũng truyền đi rất nhanh. Danh tiếng đó bắt đầu ở BUD/S. Norris vẫn là một người yếm thế trong suốt quá trình phục vụ ở các đội SEAL và FBI. Bây giờ là lúc tôi phải gây dựng thanh danh của mình.

Trong một bài tập chạy đường dài, khi chương trình huấn luyện trên đảo của chúng tôi đã được nửa chặng đường, chúng tôi phải chạy sau một chiếc xe tải có mở nhạc. Tôi mừng tượng thấy mình đang đeo phù hiệu SEAL. Hoặc là tôi về nhà trong một chiếc quan tài, hoặc là về nhà khi đeo phù hiệu ấy. Tôi sẽ vượt qua được đợt huấn luyện. Dường như hình ảnh đó đã giúp đầu óc tôi trở nên minh mẫn. Đó là lần đầu tiên và lần duy nhất tôi đạt điểm tối đa môn chạy. Có một số bạn thường xuyên nhận được mức điểm đó. Điều đó ám ảnh tôi mỗi lần tập chạy.

Trong Giai đoạn III, Giai đoạn Lặn, chúng tôi học định hướng dưới nước và các kỹ thuật phá hoại tàu. Một số bạn lớp tôi gặp khó khăn khi học lặn và các kỹ năng bơi ở bề. Tôi thì gặp khó khăn với kỹ thuật bơi đứng với két nước và giữ ngón tay nổi trên mặt nước trong 5 phút. Thế nào cũng sẽ có một huấn luyện viên ra lệnh: “Giơ ngón tay kia lên, Wasdin.” Và tôi sẽ làm theo.

BUD/S tạo cho chúng tôi niềm tin rằng chúng tôi có thể hoàn thành nhiệm vụ và không bao giờ được đầu hàng. Chưa có người lính SEAL nào từng bị bắt làm tù nhân chiến tranh cả. Thông điệp huấn luyện rõ ràng nhất mà chúng tôi nhận được từ BUD/S là phải quan tâm đến nhau – không được để đồng đội lại phía sau. Chúng tôi được học nhiều nội dung huấn luyện chiến thuật liên quan đến rút lui, tẩu thoát và lẩn trốn. Chúng tôi được dạy phải cứng rắn về tinh thần. Việc huấn luyện được lặp đi lặp lại cho đến khi các cơ bắp có thể tự động phản ứng. Bây giờ ngẫm lại, tôi nhận thấy chúng tôi

được rèn luyện thần kinh thép ngay từ đầu giai đoạn huấn luyện. Kế hoạch huấn luyện của chúng tôi rất tỉ mỉ, thể hiện rõ trong các chỉ dẫn. Khi được tiếp xúc với lực lượng Lục quân, Hải quân, Không quân và Lính thủy đánh bộ, tôi nhận thấy chỉ có Lực lượng Delta là có chỉ dẫn tương tặn như chúng tôi.

Niềm tin vào khả năng hoàn thành nhiệm vụ giúp người lính SEAL vượt qua được những rào cản về môi trường và thể chất, vốn có thể khiến anh thất bại. Chúng tôi thường nghĩ mình không thể bị tiêu diệt. Luôn lạc quan, ngay cả khi đối phương đông hơn và nhiều súng đạn hơn, chúng tôi vẫn tin rằng mình có cơ hội thoát ra, sống sót và trở về nhà để kịp dùng bữa tối.

Tuy nhiên, có những khi người lính SEAL không tìm được đường quay trở lại với Mẹ Đại dương và phải lựa chọn giữa việc chiến đấu tới cùng hoặc đầu hàng. Đối với nhiều chiến binh dũng cảm, tốt hơn là nên lựa chọn đầu hàng để được sống và chiến đấu tiếp – những người lính SEAL rất kính trọng các tù binh chiến tranh đó. Tuy nhiên, là lính SEAL, chúng tôi tin rằng đầu hàng sẽ là chịu thua, mà chịu thua thì không bao giờ là một lựa chọn cả. Tôi không muốn trở thành một dạng con bài mặc cả chính trị để chống lại nước Mỹ. Tôi không muốn chết đói trong trại giam hoặc bị chém và đưa hình lên Internet cho cả thế giới thấy. Quan điểm của tôi là nếu kẻ địch muốn giết tôi, họ sẽ phải giết tôi ngay. Chúng tôi khinh bỉ những tên độc tài muốn điều khiển chúng tôi – những người lính SEAL tự quyết định số phận của mình. Thế giới của chúng tôi là chế độ nhân trị, nơi mà chúng tôi được tự do rời đi bất cứ lúc nào. Nhiệm vụ của chúng tôi là tự nguyện; tôi không thể nghĩ đến một nhiệm vụ nào khác không phải như vậy. Chúng tôi nguyện chiến đấu đến tận hơi thở cuối cùng và cố gắng tiêu diệt càng nhiều sinh lực địch càng tốt.

Laura và con trai Blake – giờ đã biết đi, đến dự lễ tốt nghiệp của tôi. Blake rung chuông cho tôi. Tôi bảo con: “Con sẽ không bao giờ phải tham gia BUD/S bởi vì con đã rung chuông rồi.” Khi đến tuổi thiếu niên, Blake có thể sẽ muốn trở thành một người lính SEAL, nhưng tôi khuyên con không nên làm như vậy. Hàng chục người trong thành phố quê hương tôi có thể sẽ có những đứa con muốn tham gia BUD/S nhưng tôi sẽ khuyên từng người một đừng chấp nhận điều đó. Nếu tôi khuyên được ai đó thì có nghĩa là tôi đã giúp họ tiết kiệm thời gian bởi vì họ không thực sự mong muốn điều đó.

Còn nếu tôi không khuyên được họ đừng tham gia BUD/S thì có lẽ là họ thực sự mong muốn điều đó.

Sau BUD/S, chúng tôi lập tức tham gia huấn luyện đường không ở Fort Benning, Georgia, khu vực tập trung nhiều trường không quân và lục quân. Mùa hè nóng đến mức mà họ phải cho chúng tôi chạy qua vòi phun nước 3 lần mỗi ngày để làm mát người. Mặc dù vậy nhiều người vẫn gục xuống vì sốc nhiệt và mất nước. Một số người lính nói chuyện như thể khóa huấn luyện này là thứ khó khăn nhất thế giới. Họ nghĩ mình sẽ trở thành thành viên của lực lượng lính chiến tinh nhuệ nào đó. Tuy nhiên, với những người đến từ BUD/S thì khóa huấn luyện đường không này chỉ là chuyện nhỏ mà thôi.

“Việc này không khó đâu”, tôi nói, “Ở đây các anh được chị em động viên tinh thần vượt qua kỳ huấn luyện mà”. Tôi cảm thấy cứ như thể chúng tôi có thể hoàn thành hai tuần “huấn luyện tăng cường” của họ chỉ trong hai ngày.

Quy định của Lục quân không cho phép các huấn luyện viên để ai tập hít đất hơn 10 lần. Một huấn luyện viên đường không là một “anh già tốt bụng”, người luôn nhai thuốc lá Red Man trong miệng. Chúng tôi quây quần quanh ông, đề nghị ông cho tập hít đất nhiều hơn.

“Tập 10 cái, các anh hải quân”, ông nói.

Chúng tôi hít đất mười lần rồi đứng dậy.

“Chết tiệt.” Ông nhổ miếng thuốc lá: “Quá dễ.”

Chúng tôi nằm xuống và hít đất thêm mười lần nữa.

“Chết tiệt. Quá dễ.”

Chúng tôi tập thêm 10 lần nữa.

Đến đêm, chúng tôi ra ngoài uống nước cho đến khuya. Đối với chúng tôi, huấn luyện không quân đúng là một kỳ nghỉ.

West Point cho phép các học viên sắp tốt nghiệp lựa chọn trường học trong mùa hè. Một số sĩ quan dự bị chọn trường Không quân. Có những người sẵn sàng đánh giày cho chúng tôi nếu chúng tôi kể cho họ nghe những câu chuyện về BUD/S. Tôi thấy mình như một người nổi tiếng vậy. Bây giờ nghĩ lại chuyện đó tôi thấy buồn cười. Họ là những sĩ quan dự bị từ một trường danh thê nhất của quân đội và họ đang đánh bóng đôi giày binh nhì E-5 của tôi để được nghe tôi kể về BUD/S. Tôi thậm chí còn chưa phải là lính SEAL và chưa từng tham gia trận chiến nào. Những người bạn ở West Point bị những câu chuyện của chúng tôi mê hoặc. Không lâu sau chúng tôi phải rời phòng để đến một nơi rộng rãi hơn bởi vì có quá nhiều người muốn nghe chuyện của chúng tôi.

Đến cuối kỳ huấn luyện không quân, chúng tôi đã hoàn thành năm lần nhảy “người treo trên dây” với dây mở dù tự động, nghĩa là dù tự động mở ra ngay sau khi chúng tôi rời khỏi máy bay mà không cần phải kéo dây dù. Đó là sự thật và còn rất vui nữa – nhưng niềm vui thật sự bây giờ mới bắt đầu.

Chương 6. Đội SEAL số 2

Sau đợt huấn luyện đường không, tôi đến nhận nhiệm vụ ở Đội SEAL của mình. Các đội số lẻ (1, 3, 5) đóng ở Bờ Tây, Coronado, California và các đội số chẵn (2, 4, 8) đóng ở Bờ Đông tại Little Creek, Virginia. Mặc dù còn có sự tồn tại của Đội SEAL tuyệt mật mang số hiệu Đội SEAL số 6, nhưng tôi chưa biết gì về nó cả. Tôi nhận công tác tại Đội SEAL số 2 ở Little Creek.

Trong một buổi tập chạy vượt chướng ngại vật vào thứ Tư, một lính SEAL gần 60 tuổi tên là Rudy Boesch chạy cùng chúng tôi. Tôi nghĩ mình có thể thu thả vì không có huấn luyện viên nào bên cạnh hò hét chúng tôi cả. Cuối buổi tập, Rudy kéo tất cả chúng tôi – những người về đích sau ông – qua một bên và nói: “Gặp tôi ở đây chiều nay nhé.”

Chiều hôm đó, những người về chậm hơn ông, trong đó có tôi, chạy lại vòng vượt chướng ngại vật. Đó thực sự là tiếng chuông cảnh tỉnh. Ngay cả khi đã ở trong các Đội, bạn cũng phải nỗ lực để trở thành người chiến thắng. Sau đó, tôi đã trở thành một trong số những người chạy vượt chướng ngại vật nhanh nhất ở Đội 2.

Không lâu sau, Rudy trở thành cố vấn cao cấp đầu tiên của Bộ Tư lệnh Tác chiến Đặc biệt Mỹ (USSOCOM) mới được thành lập, chỉ huy các đơn vị tác chiến đặc biệt Hải, Lục, Không quân và Lính thủy đánh bộ, trong đó có các đơn vị ở JSOC như Đội SEAL số 6 và Delta. Sau hơn 45 năm phục vụ trong Hải quân, phần lớn thời gian với tư cách là lính SEAL, Rudy nghỉ hưu. Ở tuổi 70, ông tiếp tục thử sức trong chương trình truyền hình Người Sống sót.

Một vài người trong Đội 2 trở về từ một chiếc tàu chở dầu tên là Hercules, một trong hai chiếc có mặt tại vùng vịnh Pec-xích. Họ là một phần trong Chiến dịch Praying Mantis. Khi tàu khu trục Samuel B. Roberts của Mỹ dính ngư lôi của Iran, một trong những nhiệm vụ của SEAL là đánh chiếm giàn khoan của Iran được sử dụng để thực hiện những cuộc tấn công tàu bè trong vùng Vịnh. Theo kế hoạch của SEAL, một chiếc tàu khu trục hải quân

sẽ bắn vào giàn khoan bằng đạn chống tăng để tiêu diệt quân Iran, sau đó lính SEAL sẽ đáp xuống sân bay dành cho trực thăng và chiếm giàn khoan. Đạn đủ là lính trên tàu khu trục lại nạp đạn cháy và đạn hỏa lực cao. Khi chiếc tàu khu trục khai hỏa, quả thực đó là “khai hỏa.” Thay vì án binh bất động, quân Iran lại nhanh chóng nhảy ra khỏi giàn khoan đang bốc cháy. Giàn khoan dầu cháy nóng đến mức lính SEAL không thể đáp máy bay trực thăng xuống. Rồi con tàu từ từ chìm xuống biển. Chúa ơi!

Dick, Mike H., Rob và tôi không tham gia chiến dịch đó vì chúng tôi vẫn phải huấn luyện thêm, nhưng điều đó không ngăn chúng tôi muốn chào mừng những người bạn trở về an toàn. Sau giờ huấn luyện, chúng tôi ra khỏi doanh trại Đội SEAL số 2 qua Cổng số 5 của căn cứ Little Creek và đi đến một câu lạc bộ múa thoát y nhỏ có tên là Body Shop. Vì Body Shop rất gần doanh trại Đội SEAL số 2 nên nhiều người chúng tôi thường tiêu khiển ở đó. Nhân viên bảo vệ là một người mới đang ngồi đợi Bob – một thành viên của SEAL. Một người trong nhóm chúng tôi bảo với anh ta: “Một số người chúng tôi vừa trở về từ vịnh Pec-xích. Anh có thể chúc mừng họ không?” Anh ta làm ngay: “Chúng ta hãy nói lời cảm ơn sâu sắc với những người lính Mỹ vừa trở về từ vùng Vịnh Pec-xích.”

Tiếng vỗ tay hoan hô tràn ngập căn phòng.

Chúng tôi hân hoan đập tay nhau chúc mừng và uống bia.

Ở chiếc bàn phía cuối căn phòng có bốn người Tuynidi, một người nói trôi chảy tiếng Anh: “Tại sao đám người Mỹ lại không quan tâm đến việc của chính họ đi đã?”

Dick không vòng theo lối đi mà tiến thẳng đến chiếc bàn đó qua chỗ các cô gái đang khiêu vũ. Tôi thì đi vòng và khi đến được chiếc bàn đó thì đã thấy Dick đang siết chặt cổ của kẻ lăm mồm đó. Khi chúng tôi đang gây lộn, ba người đi cùng gã lăm mồm lại quay ra chửi rửa hấn. Bốn người chúng tôi bỏ đi trong khi bốn người bọn họ chất thành một đống.

Khi chúng tôi tìm cách ra ngoài, người bảo vệ ngăn lại: “Các anh vừa đánh nhau ở đây. Các anh không thể đi đâu cả.”

Chúng tôi đánh anh ta ngã xuống quày rượu.

Khi đến cửa trước, một sĩ quan cảnh sát xuất hiện. Chắc anh ta ở đâu đó trong câu lạc bộ vì trận ẩu đả chỉ mới bắt đầu có năm phút.

“Thôi nào, các quý ông, chúng ta hãy ngồi xuống với nhau một phút đi.”

Chúng tôi làm theo. Anh bạn này có vẻ điềm đạm đây.

Người bảo vệ đứng dậy và xen vào: “Các anh này là lính SEAL Hải quân. Họ vừa mới vào đây và phá phách nơi này.”

Ồ không. Hẳn ta nhắc đến từ có chữ S rồi.

Viên sĩ quan hoảng sợ, gọi vào máy điện đàm: “Những người lính SEAL đang phá phách ở đây, tôi cần hỗ trợ!”

Chúng tôi đã ngồi xuống bình tĩnh nói chuyện với anh ta. Vậy là đủ rồi. Chúng tôi đứng dậy để đi.

“Đợi đã, các anh không thể đi đâu cả.”

Phớt lờ anh ta, chúng tôi đi ra cửa trước. Ở bên ngoài, một quầng sáng xanh chiếu vào chúng tôi từ điểm đỗ xe. Đội yểm trợ gồm một xe tải cảnh sát lớn có ghi đơn vị K-9 ở bên sườn. Những sĩ quan đầu tiên bước ra khỏi xe.

Chúng tôi bắt đầu giải thích.

Viên cảnh sát từ trong nhà bước ra bất ngờ trở nên dững dưng, cắt ngang lời giải thích của chúng tôi: “Xin lỗi, nhưng các anh phải đi với tôi.”

Anh ta túm lấy ống tay áo của Mike.

Dick tung một cú đấm trời giáng vào cằm viên cảnh sát làm hấn ta ngã phịch xuống.

Thế là các sĩ quan cảnh sát cầm dùi cui đối đầu với bốn người tay trần

chúng tôi. Chúng tôi đánh nhau trong khoảng 10 - 15 phút. Trên tivi, những chiếc dùi cui có thể đập người ta ngã xuống vỉa hè, nhưng với chúng tôi, chúng chỉ đập vào rồi lại nảy ra. Một con chó nghiệp vụ của cảnh sát nhảy lên cắn Dick. Anh túm đầu con chó, bẻ quặt nó, đè nó xuống và thụi cho một cú đấm. Con chó kêu ăng ẳng và bỏ chạy.

Khi đang đánh nhau với hai viên cảnh sát ở trước mặt, tôi cảm nhận được một cú phang vào lưng mình. Quay người lại, giờ nắm đấm ra, tôi nhận ra người vừa dùng dùi cui tấn công tôi là một nữ sĩ quan cảnh sát nhỏ bé. Tôi cảm thấy cú đánh của cô ta chỉ như là muỗi cắn so với những cú đánh của các cảnh sát khác. Vì đó là phụ nữ, thay vì tấn cho một trận, tôi nhắc bổng cô ta lên và giúi cô ta lên trên mui xe.

Lúc này đã có gần 30 cảnh sát đánh nhau với 4 người chúng tôi. Cuối cùng chúng tôi thua và bị còng tay. Chúng tôi kể cho họ nghe chuyện xảy ra. Những gã Tuynidi bước ra khỏi Body Shop và lại nói những lời lăng mạ Mỹ. Thế là nhóm cảnh sát phát bực với viên sĩ quan trong câu lạc bộ: “Anh nghĩ gì vậy? Anh có điên không?”

Việc gì đến thì đã đến rồi. Chúng tôi đã tấn công cảnh sát. Họ tách chúng tôi ra và đưa lên hàng ghế phía sau xe tuần tra. Nữ cảnh sát nhét số điện thoại của cô vào túi áo tôi và nói: “Này, lúc nào đó gọi tôi nhé.”

Ở đồn cảnh sát, họ xử lý sự việc và hẹn chúng tôi ngày ra tòa. Họ liên lạc với chỉ huy của chúng tôi ở Đội SEAL số 2 và không thả chúng tôi cho đến khi Đội SEAL số 2 cho xe đến đón.

Đến ngày ra tòa, tôi cảm thấy lo cho công việc của mình. Tất cả chúng tôi đều mới đến Đội SEAL và sự nghiệp có nguy cơ bị hủy hoại. Trên hàng đầu của phòng xét xử là những viên cảnh sát đang đeo nẹp cổ. Một người bị bó bột ở tay. Một người khác thì chóng gậy. Họ trông thật thiếu não. Còn chúng tôi trông tươi tỉnh trong bộ đồng phục màu xanh.

Được các bạn đồng đội cử trình bày, tôi tường thuật lại câu chuyện. Mọi người trong phòng xét xử có vẻ thông cảm với chúng tôi bởi vì những gì đã xảy ra và cách mà chúng diễn ra.

Vị thẩm phán hỏi: “Tại sao ba người này bị bắt và được thả ngay, còn viên hạ sĩ (Dick) lại được thả muộn hơn?”

Viên sĩ quan K-9 giải thích: “Anh ta bị chó cắn và chúng tôi phải đưa anh ta đi kiểm tra.”

“Làm kiểm tra mất bao lâu?” – Vị thẩm phán hỏi.

“Thưa Ngài, con chó của tôi cắn phải anh ta, vì vậy tôi cũng phải đưa con chó của tôi đến bác sĩ thú y để kiểm tra.”

Cả phòng xét xử phía sau tôi phá lên cười.

Viên sĩ quan K-9 giải thích: “Thưa Ngài, thật sự không có gì buồn cười cả. Tôi đã phải mất nhiều tháng để huấn luyện nó và đến giờ vẫn phải dành 16 giờ mỗi tháng để huấn luyện. Nhưng do bị hạ sĩ (Dick) đánh nên con chó không làm việc được nữa.”

Tiếng cười càng âm ỉ hơn.

Vị thẩm phán gõ búa: “Trật tự. Giữ trật tự tại Tòa!”

Ngoại trừ đôi ba tiếng cười khúc khích ở cuối phòng, tiếng ồn đã lắng lại.

“Bây giờ xin mời bốn anh bước lên bục”, vị thẩm phán nói.

Chúa ơi. Mất việc rồi. Bước thẳng vào tù. Không kiếm được 200 đô-la nữa. Chúng tôi lo sợ.

Vị thẩm phán hơi rướn người về phía trước và nghị án một cách nhẹ nhàng và điềm tĩnh:

“Thưa quý vị, tôi sẽ bác vụ này do nhiệt tình tuổi trẻ và lòng yêu nước của các anh, nhưng đừng bao giờ để tôi gặp lại các anh trong phòng xét xử này nữa.”

Tôi nghe thấy tiếng vỗ tay ở phía sau.

Quay người lại, tôi nhìn những viên cảnh sát ngồi hàng đầu. Họ trông như là vừa bị trộm đột nhập vào nhà vậy. Trên đường về, tôi đi ngang qua viên cảnh sát đeo nẹp cổ và viên cảnh sát chống gậy. Tôi nháy mắt với viên cảnh sát bị bó bột ở tay. Chúng tôi rời khỏi phòng xét xử.

Trở lại Đội SEAL số 2, chúng tôi báo cáo những gì xảy ra với Norm Carley, đội trưởng Đội 2, một người Công giáo Ai-len thấp lùn đến từ Philadelphia, tốt nghiệp Học viện Hải quân và là đội phó thứ nhất (chỉ đứng sau đội trưởng) của Đội SEAL số 6. Norm Carley vừa trở về từ Chiến dịch Praying Mantis ở vịnh Pec-xích. Ông nhìn chúng tôi một lát: “Đã từng có thời chúng ta rất hay ra ngoài và gây lộn với cảnh sát. Nhưng giai đoạn đó kết thúc rất nhanh. Quân đội đang thay đổi.”

Ông đề chúng tôi đi và lời tiên tri của ông đã thành sự thực – quân đội hiện đại đã thay đổi. Ngày 31 tháng Ba năm 2004, Ahmed Hashim Abed, tên khủng bố thuộc nhóm Hồi giáo Al-Qaeda người Iraq, bố trí một trận mai phục các xe tải rỗng đang đi nhận đồ dùng nhà bếp ở sư đoàn không quân 82 của Lục quân Mỹ. Nhóm khủng bố của Abed đã giết chết bốn nhân viên hộ tống xe, rồi đốt xác, phanh thây, kéo lê họ trên đường phố và treo hai thi thể lên cầu Euphrates. Một trong số bốn người đó là Scott Helvenston – một cựu lính SEAL. Ngày 1 tháng Chín năm 2009, SEAL đã tóm được Abed. Ba người lính SEAL bị đưa ra tòa án quân sự với cáo buộc là làm chảy máu lưỡi của hắn. Mặc dù cuối cùng họ vẫn được xác nhận là vô tội nhưng người ta cho rằng lẽ ra không bao giờ nên đưa những cáo buộc kiểu như vậy ra tòa quân sự. Nếu đơn giản là những người lính SEAL đã giết chết Abed thì không còn gì để nói nữa. Bận khó mà có thể kiện ai ra tòa nếu như bạn đã chết.

Trong cùng một tòa nhà với Body Shop có cửa hàng bán lẻ 7-Eleven. Nhà tôi cách đó hơn 3 km. Một lần sau bữa tối, khi đó Blake đã 4 tuổi, tôi lái xe đưa con đến cửa hàng 7-Eleven để mua sữa và bánh mì. Ngay lúc đó, Smudge lái chiếc xe tải nhỏ Ford Bronco với những bánh xe và bộ phận giảm xóc kèn càng vượt qua xe tôi. Chúng tôi làm bạn sau khi tôi cùng cậu ấy phục vụ trong trung đội Foxtrot ở Đội SEAL Số 2. Smudge bước đến và như thường lệ, nhắc bông Blake lên và ôm lấy cu cậu.

Khi Smudge đang bế Blake, tôi bảo Smudge: “Mình chạy vào mua ít sữa và bánh mì. Mình sẽ ra ngay.” Khi tôi quay lại với đồng thực phẩm trên tay, hai người đã biến mất. Tôi nhìn vào trong Body Shop. Bạn gái của Smudge là một vũ nữ ở đó. Ồ không, không được. Khi tôi lao vào, người bảo vệ chào: “Xin chào Howard.”

“Bob này”, tôi nói, “tôi muốn xem con trai tôi có ở đây không.”

Anh ta mỉm cười, cho tôi đi qua mà không phải trả phí vào cửa.

Đi vào trong, câu lạc bộ gần như tối đen ngoại trừ ánh sáng từ sân khấu trung tâm nơi một vũ nữ đang lắc lư người. Smudge đang ngồi bên một chiếc bàn, đặt một chân lên sân khấu trong khi Blake ngồi trong lòng cậu ta. Cô bạn gái ngực trần của Smudge đứng cạnh họ, khom người, vuốt tóc của Blake và xoa cằm của cháu: “Con thật là khá khỉnh quá.” Bộ ngực của cô ta thật khổng lồ, tôi ngạc nhiên là cô đã không làm mất của con trai tôi lời ra.

Tôi túm lấy Blake và hét lên với Smudge khi bỏ đi: “Ôi trời, cậu điên à? Cậu sẽ khiến tôi bị giết đấy.”

Cậu ta không thể hiểu có chuyện gì xảy ra: “Tôi chỉ muốn giới thiệu bé với Cassandra thôi mà.”

Tôi đưa Blake vào xe và hỏi han con trên đường về nhà. Chuyện là thế này. Smudge là một trong những người bạn tốt của tôi và cậu ta yêu Blake – nhưng nếu Laura phát hiện ra, tôi sẽ không bao giờ được phép cho Smudge đến gần cậu con trai của mình nữa.

Đến nhà, thật may là Laura đang bận bịu trong bếp. Tôi đưa Blake về phòng và để cho con say sưa với trò chơi Nintendo Duck Hunt. Sau đó tôi cất gọn chỗ sữa và bánh mì mà tôi chọn mua ở 7-Eleven. Tôi vào phòng khách và như thường lệ nghiên cứu một số chiến thuật hoạt động và các tài liệu huấn luyện SEAL, nhưng mắt tôi cứ canh chừng chiếc đồng hồ, chờ đến giờ đi ngủ của Blake. Nếu tôi là người đưa con đi ngủ, tôi sẽ không bị nghi ngờ ít nhất là đến sáng mai. Thông thường thì tôi vẫn là người đưa con trai lên giường và tối hôm đó khi đến giờ đi ngủ của con, tôi chủ động vào phòng

và đưa con đi ngủ. Sau đó ít hôm, Laura, Blake và tôi lái xe ngang qua Body Shop trên đường đến Đội SEAL Số 2. Quý thần ơi, liệu nhìn thấy nơi này Blake có nhớ lại và kể gì với Laura không đây? “Mẹ này, con gặp mấy người ở đó buồn cười lắm đấy.” Đến cả mấy tuần sau, tôi vẫn lo lắng. May là Blake đã không kể gì cho đến khi thằng bé 12 hoặc 13 tuổi. Và tôi không bao giờ quay trở lại Body Shop nữa.

Blake uống ngum bia đầu tiên khi một anh bạn trong Đội của tôi mời nó. Khi Blake lớn hơn, tất cả chúng tôi cùng chơi golf với nhau. Bài học lái xe đầu tiên của Blake là trên một chiếc xe golf với một trong số những người bạn say ngất ngưỡng của tôi, một bài học vô cùng thú vị với cậu nhóc. Sau này Blake tâm sự với tôi rằng: “Những điều con nhớ nhất về Virginia là được đi chơi lang thang với nhiều chú bác khác nhau.” Đó là những người bác, người chú của Blake ở Đội SEAL, những người thích nghe bài “The Boys Are Back in Town” (Những chàng trai trở lại thị trấn) của Thin Lizzy và thỉnh thoảng cho phép cậu làm những điều mà lẽ ra không nên làm.

Sau vài tháng làm mấy việc vặt vãnh ở doanh trại Đội SEAL Số 2, cuối cùng tôi đã được phép tham gia khóa huấn luyện chuyên sâu về tác chiến trên biển, trên không và trên đất liền, được gọi chung là Huấn luyện Chiến thuật SEAL (STT). Trong khi BUD/S tập trung vào sàng lọc và huấn luyện sinh tồn thì STT tập trung chủ yếu vào huấn luyện. Trong 6 tháng STT, chỉ có 2 người bị loại vì tập không đạt. Chúng tôi học lặn và chiến đấu trên đất liền theo cấp độ tăng cường, trong đó có kỹ thuật cận chiến (CQC).

Khi tôi hoàn thành STT, đội trưởng Đội SEAL Số 2, Norm Carley, mang đến các phù hiệu và gắn một cái cho tôi. Tấm phù hiệu có hình một con đại bàng đang giữ chặt một cái mỏ neo, đinh ba và súng lục của Hải quân Mỹ. Vì nó trông giống một con đại bàng giống Budweiser già nua nên chúng tôi thường gọi phù hiệu của mình là “Budweiser.” Không theo thông lệ của Hải quân là tân binh thì đeo phù hiệu màu bạc, cả sĩ quan và tân binh SEAL đều đeo phù hiệu màu vàng. Phù hiệu này vẫn là một trong những loại to nhất, lòi loẹt nhất của Hải quân. Người chỉ huy giúi mạnh nắm đấm tay lên tấm phù hiệu trên ngực tôi. Sau đó từng thành viên trong trung đội tôi bước đến và đeo phù hiệu vào. Tấm phù hiệu lún sâu vào da ngực tôi, đến mức viên hạ sĩ trưởng nhóm phải giật nó ra khỏi da cho tôi. Những vết hằn vẫn còn sau đó nhiều tuần trời. Bây giờ tôi có thể chính thức chơi với các “bạc tiền

bồi” rồi.

Trung đội trưởng đầu tiên của tôi là Burt. Trong Hải quân, một “người cha biển cả” có trách nhiệm hướng dẫn cho thủy thủ. Mặc dù tôi chưa bao giờ thực sự cần một “người cha biển cả” vì tôi luôn nghe theo lời chỉ dạy của một số người, cả trong công việc và các vấn đề cá nhân, nhưng tôi biết ơn Burt vì ông đã nhận tôi vào trung đội tác chiến mùa đông của ông ngay sau khi tôi rời STT. Thông thường, lính SEAL phải phục vụ ở các trung đội chính quy trước khi tham gia một trung đội tác chiến mùa đông, nhưng Burt đã sớm tin tưởng tôi.

Giống như gần 50% các sĩ quan SEAL – một tỷ lệ rất cao trong quân đội, Burt đã từng là một binh nhì trước khi trở thành sĩ quan, điều mà chúng tôi gọi là “sĩ quan gốc lính.” Có lẽ đây là điều khiến tôi rất có cảm tình với ông. Ông không bao giờ đề nghị chúng tôi làm điều gì mà chính ông sẽ không làm. Ông rất giỏi lập, đánh giá kế hoạch và kết quả thực hiện các chiến dịch. Ông thực sự là người luôn giúp đỡ người khác và một nhà ngoại giao khéo léo. Burt yêu mùa đông – trượt băng, trượt tuyết và nhiều hoạt động khác - và hướng dẫn các Đội sử dụng các thiết bị chiến tranh mùa đông công nghệ cao. Ví dụ, chúng tôi thử nghiệm và đánh giá chất lượng các trang bị viễn chinh của Gore-Tex.

Nhân vật thứ hai sau Burt là Mark, người có chiều cao hơn 1m80. Bố mẹ của Mark di cư từ một nước vệ tinh của Nga. Là người không phô trương, ông không kể cho mọi người về việc ông đã tốt nghiệp MIT, nói được tiếng Nga, tiếng Séc, tiếng Ba Lan và cả tiếng Đức. Mặc dù rất thông minh và biết nhiều ngoại ngữ, ông không bao giờ lên giọng kể cả với chúng tôi. Mark xây dựng những kế hoạch lớn và có thể giải trình chúng một cách đơn giản và rõ ràng, đủ để mọi người ai cũng hiểu được. Tuy nhiên, ông nói hơi ngọng và chúng tôi nhại giọng của ông trong khi ông tóm tắt nhiệm vụ. Sau khi công việc xong xuôi, chỉ cần đưa cho ông vài cốc rượu và mỗi bên một cô gái xinh đẹp thì sẽ không thể hiểu được Mark nói gì nữa.

Ở Đội SEAL Số 2, chúng tôi thực hành huấn luyện thể lực mỗi ngày một tuần và tập chạy vượt chướng ngại vật vào thứ Tư. Còn những ngày khác, chúng tôi chạy bền (PT). Một số người dành thời gian này để chơi bóng rổ hoặc sa vào những trò tiêu khiển vô bổ, nhưng Mark khuyến khích chúng

tôi tập đến một bã người với những bài tập chạy-boi-chạy cự ly dài hoặc nhiều bài cự hình khác. Ông có khả năng chạy như linh dương và boi như cá, làm cho những người trong số chúng tôi ức chế vì không thể đuổi kịp ông, mặc dù chúng tôi vẫn thích làm việc cùng với Mark.

Ở Đội SEAL Số 2, chúng tôi bắt đầu nghe tiếng đồn về Đội SEAL tuyệt mật số 6. Sau thất bại năm 1980 trong nỗ lực giải cứu các con tin Mỹ tại Đại sứ quán Mỹ ở Iran, Hải quân yêu cầu Richard Marcinko thành lập một đội chống khủng bố chuyên nghiệp. Là sĩ quan chỉ huy đầu tiên, Marcinko đặt tên cho đơn vị mới là Đội SEAL Số 6. Ông tuyên nhân sự chủ yếu từ hai đơn vị chống khủng bố của SEAL là Đội cơ động 6 (MOB 6) của Đội SEAL Số 2 ở bờ Đông và Trung đội Tiếng vang (Echo) ở Đội SEAL 1 ở bờ Tây. Họ mặc thường phục, không phải tuân theo quy định lễ tiết khi để tóc dài và râu ria. Các sĩ quan và binh sĩ gọi nhau bằng tên thường và biệt danh, không chào kiểu quân sự. Họ chuyên giải cứu con tin từ tàu, giàn khoan dầu và các vị trí khác trên biển. Bên cạnh đó, họ hỗ trợ an ninh cho các sứ quán và căn cứ quân sự. Trên hết, Đội 6 cũng yểm trợ các chiến dịch của CIA.

Cuộc thử lửa đầu tiên của Đội 6 là vào năm 1983. Sau khi những người Cộng sản liên minh với Cuba và Liên Xô lật đổ chính quyền Grenada trong một cuộc đảo chính đẫm máu, Mỹ phát động Chiến dịch Urgent Fury để khôi phục chính quyền Grenada. Nhằm hỗ trợ Chiến dịch, 12 tay súng của Đội SEAL Số 6 sẽ nhảy dù vào bờ biển của Grenada. Nhiệm vụ đầu tiên này quả là một thách thức lớn ít nhất vì ba lý do. Một là, mặc dù Đội SEAL Số 6 đã được huấn luyện tăng cường về một số chiến thuật chống khủng bố nhưng họ chưa được huấn luyện kỹ năng xuống nước vào ban đêm, một kỹ năng mà nếu dùng thuyền thì thậm chí còn khó hơn nữa. Sứ mệnh này đáng lẽ nên được giao cho Đội SEAL Số 2, những người đã sẵn sàng chiến đấu, nhưng thay vào đó lại được giao cho Đội SEAL Số 6. Hai là, thông tin tình báo còn rối mù. Nhiệm vụ này được vạch ra mà không xem xét đến việc quy ước giờ mùa hè (DST). (Quy ước này thường được thực hiện tại các nước ôn đới hay gần cực, nơi mà vào mùa hè, ban ngày bắt đầu sớm hơn so với mùa đông vài tiếng đồng hồ. Nó có ý nghĩa thực tiễn là giúp tiết kiệm năng lượng chiếu sáng và sưởi ấm, khi tận dụng ánh sáng ban ngày của ngày làm việc từ sớm, giảm chiếu sáng ban đêm nhờ ngủ sớm), hậu quả là sai lệch hàng giờ khiến cho việc nhảy dù xuống nước vào ban ngày trở thành nhảy vào ban đêm. Ngay cả ánh trăng cũng không có. Không ai thông báo

cho người của Đội 6 về những cơn sóng biển cao hơn 3 m, về gió lớn và mưa to. Ba là, có lẽ do các phi công của Không quân không có kinh nghiệm nhảy dù xuống nước nên chiếc máy bay thứ hai đã thả lính SEAL sai địa điểm và xa những người khác.

Kết quả là khi 12 người lính chạm nước, gió tiếp tục thổi bay những chiếc dù và kéo họ theo. Vì mang theo quá nhiều thiết bị và không đủ lực nổi, một vài người chìm dần. Mặc dù khi luyện tập họ sử dụng dù công nghệ cao, nhưng lúc này họ lại dùng loại dù MC-1 cũ. Những người lính tuyệt vọng giữ cho dù khỏi kéo họ tới những địa ngục đại dương. Không có đèn, việc tập hợp mọi người trở nên bất khả thi. Một lính SEAL không ngừng gào thét và nổ ba phát súng vào bóng đêm nhưng không ai đến được với anh. Có tất cả bốn người lính SEAL mất tích. Những người sống sót tìm kiếm nhưng không bao giờ tìm thấy đồng đội của họ là Kenneth Butcher, Kevin Lundberg, Stephen Morris và Robert Schamberger. Vô cùng đau đớn, nhưng những người lính còn lại vẫn triển khai thực hiện nhiệm vụ của mình.

Trực thăng Black Hawk bay một tiếng đồng hồ trong bóng tối rạng sáng để tới giải cứu Toàn quyền Paul Scoon trong khu biệt thự của ông. Không quân Liên Xô vạch thành những đường sáng xanh trên bầu trời. Trên một trong những chiếc trực thăng, 15 người lính SEAL vẫn bình tĩnh cho đến khi đạn pháo của Liên Xô bắt đầu khoan thủng máy bay. Denny “Snake” Chalker và những người chưa bao giờ tham chiến đã không còn bộ mặt phớt lờ nữa. Viên sĩ quan chỉ huy SEAL Wellington T. “Duke” Leonard – một cựu chiến binh Việt Nam, Bobby L., Timmy P. và JJ mỉm cười: “Trúng đạn thì sao nào?”. Sau một hồi căng thẳng, Denny và những người khác mỉm cười – họ còn có thể làm gì khác được? Chiếc trực thăng chở đội trưởng Đội SEAL Số 6 Bob Gormly (người thay cho Dick Marcinko) bị trúng đạn nặng nhất, buộc phải tách ra để cố gắng quay về tàu sân bay trước khi nó rơi khỏi bầu trời.

Chiếc máy bay của Duke và Denny chéch đầu lên tới điểm dừng cao 30m trên không phía trước khu biệt thự trong khi một chiếc khác vòng lại phía sân quần vợt. Một phi công trúng đạn nhưng vẫn tiếp tục lái. Hỏa lực AK-47 từ khu biệt thự dội vào họ. Một người lính SEAL ngã người ra và bắn trả. Rich cũng đã trúng đạn nhưng anh căng thẳng đến mức không nhận

thấy điều đó. Denny tung cuộn thang dây ra và lao nhanh qua những cành thông xuống phía sau khu biệt thự. Duke và những người khác theo sát phía sau, lao qua những cành cây mà Denny chưa làm gãy.

Khi Denny tiếp cận khu biệt thự, từ một cánh cửa, một khẩu AK-47 chĩa nòng vào hướng đi của anh. Denny khai hỏa khẩu súng trường CAR-15 (nguyên mẫu của M-4) cho đến khi anh xác định được mục tiêu – viên toàn quyền Scoon. Duke, mang theo một khẩu súng ngắn giao cho toàn quyền Scoon. Những người lính tiếp quản được tòa biệt thự, nhưng chỉ có viên toàn quyền, gia đình ông và các nhân viên ở bên trong. Họ thiết lập một vành đai bảo vệ. Đạn súng chống tăng (RPG) bay qua đỉnh mái mà không phát nổ.

Đài truyền thông vệ tinh (SATCOM) của họ đã chung số phận với chiếc máy bay chỉ huy bị trúng đạn, khiến họ bị hạn chế về thông tin liên lạc, vì vậy họ phải tiết kiệm pin của các điện đài cầm tay của mình.

Duke nói với mọi người: “Đừng thách thức ai trừ khi họ vào trong khu vực này.” Họ không muốn bắt đầu một cuộc chiến mà họ không thể kết thúc. Giải cứu vị Toàn quyền là ưu tiên hàng đầu.

Khi màn đêm buông xuống, 30 lính và 4 xe thiết giáp tám bánh chở quân của Liên Xô (BTR- 60PB) bao vây khu biệt thự. Duke dùng điện đàm cầm tay MX-360 nhỏ của mình để liên lạc với hạ sĩ Dennis Johnson ở sân bay Port Salines. Viên hạ sĩ chuyển thông điệp của Duke tới một chiếc máy bay chiến đấu AC-130 đang bay phía trên: “Nổ súng 360 độ quanh lâu đài.” Chiếc Spectre cho khẩu súng 40 mm phát hỏa, tiếng nổ khủng khiếp vang lên: bùm, bùm. Kết quả là cuộc tiến công đã tiêu diệt hết đối thủ đang bao vây xung quanh, ngoại trừ hai tên chạy trốn. Không lâu sau chiếc điện đàm MX-360 nhỏ hết điện. Duke dùng điện thoại của viên toàn quyền để duy trì liên lạc.

Hai người Cuba trang bị AK từ ngoài đường tiến vào. Họ nâng vũ khí lên. Thế là những người lính nổ súng: súng ngắn, CAR-15, súng máy nhẹ Heckler & Koch 21, súng máy M-60 và một khẩu súng bắn tỉa a .50 RAI 500. Một người Cuba cố gắng leo qua tường, nhưng anh ta và người đồng đội đều bị hạ gục.

Sáng hôm sau, Lực lượng Viễn chinh của Lính thủy đánh bộ giúp lính SEAL, viên Toàn quyền và gia đình ông ta thoát ra. Họ thấy tro tàn của xe tải, vũ khí và máu bị đốt cháy ở nơi mà máy bay Spectre tấn công và nhận thấy có ai đó đã thu gom thi thể. Trên đường thoát ra, những người lính SEAL tìm thấy một lá cờ Grenada, thế là họ thay vào đó một lá cờ Đội SEAL Số 6, lá cờ luôn được mang theo để dự phòng cho những dịp như vậy. Sau đó, lính SEAL sẽ treo cờ Grenada ở Đội SEAL Số 6 khi họ quay về. Cả đoàn tiến đến khu vực đậu trực thăng. Tại đó một chiếc trực thăng đón tất cả mọi người.

Để thực hiện một nhiệm vụ khác ở Grenada, 12 lính SEAL, dẫn đầu là Trung úy Donald Kim Erskine, đi trực thăng đến một trạm phát thanh để đảm bảo an ninh cho khu vực này cho đến khi Toàn quyền Scoon vào và phát đi một thông điệp tới cư dân trên đảo. Khi đang bay trên bầu trời, lác đác một vài phát súng từ các khẩu súng cầm tay bắn về phía họ, nhưng khi họ tiếp đất, đối phương đã bỏ trống trạm phát thanh. Điện đàm của nhóm Erskine bị trục trặc, không thể liên lạc được với đài chỉ huy – ai đó đã thay đổi tần số mà không thông báo cho lính SEAL biết.

Một lúc lâu sau khi lính SEAL triển khai xong vành đai phòng vệ, một chiếc xe tải chở 20 lính Cuba tiến đến. Lính SEAL lệnh cho họ bỏ vũ khí, nhưng họ không làm theo. Vì vậy những người lính SEAL nổ súng, hết khoảng 1/3 số đạn và tiêu diệt được 10 người. Họ bắt 10 người còn lại làm tù binh và sử dụng gần như tất cả các dụng cụ sơ cứu để băng bó cho những đám tù binh này. Không người lính SEAL nào bị thương.

Một chiếc xe thiết giáp BTR-60PB và ba xe tải leo lên đồi tiến đến trạm phát thanh. Khoảng 40 đến 50 tên địch lao ra. Viên sĩ quan người Cuba quát cây gậy chỉ huy vào mông lính của mình và ra lệnh: “Tấn công”. Erskine và đồng đội phòng thủ trong nhà. Kẻ địch cố gắng đánh thọc sườn họ trong khi chiếc BTR lăn bánh đến cửa trước và khai hỏa pháo 20 mm. Khẩu pháo khoan thủng các bức tường bê tông cứ như là tòa nhà làm bằng giấy vậy.

Một người lính SEAL nạp một viên đạn hỏa tiễn vào nòng súng CAR-15 của mình và gạt chốt an toàn. Anh nhắm vào chiếc BTR và bóp cò, phóng quả đạn đi. 1 kg thuốc nổ có sức công phá lớn đánh thẳng vào chiếc BTR.

Tránh né đạn hỏa lực vượt trội của đối phương, Erskine và những người lính SEAL khác đặt thuốc nổ tại trạm phát thanh và mau chóng chạy ra cửa sau. Đối phương cho rằng lính SEAL chết hết rồi, nhưng họ đã lao qua đồng cỏ phía sau trạm. Đối phương tiến đến gần từ phía sau và từ cả hai sườn. Erskine bình tĩnh dẫn người của mình rút lui theo cách nhảy ếch qua khu vực phòng ngự để tới bãi biển. Anh và một nửa số đồng đội nằm xuống và nổ súng vào đối phương trong khi những người khác rút về phía sau. Sau đó những người phía sau lại nằm xuống và bắn đối phương để Erskine và số người trước rút chạy. Đạn pháo trút xuống đầu họ, một viên thối bay bi-đông của Erskine; mặc dù Erskine cao hơn 1m80 và nặng hơn 100 kg nhưng viên đạn vẫn khiến anh ngã lăn xuống đất. Những người trong nhóm của anh ngay lập tức nằm rạp xuống. Họ quay lại và nổ súng trong khi nhóm kia rút lui. Khi họ tiếp tục nhảy ếch như vậy, một viên đạn khác xé toạc gót giày của Erskine làm anh gục xuống đất. Khi anh đứng dậy và chạy, một viên đạn nữa trúng vào ổ đạn ở thắt lưng của anh và bật ra, anh lại ngã xuống. Viên đạn thứ tư đáng sợ hơn. Nó xé toạc một phần thịt khuỷu tay phải của Erskine, làm anh bật lên khỏi mặt đất trước khi rơi xuống trong bụi mịt mù. Anh có cảm giác toàn bộ cánh tay đã bị thối bay. Đến cuối đồng cỏ, lính SEAL cắt một hàng rào mắt cáo và bò qua. Khi Erskine đếm người của mình, anh gặp phải một cơn ác mộng tồi tệ nhất của một người chỉ huy SEAL – thiếu mất một người. Rồi họ phát hiện ra đồng đội – một nhân viên điện đàm – bị lạc. Erskine và đồng đội nổ súng vào đối phương trong khi cậu nhân viên điện đàm đang kéo lê chiếc đài SATCOM vô dụng qua cánh đồng.

“Vứt cái của nợ ấy đi!” – Erskine hét lên.

Nhân viên điện đàm tháo bỏ chiếc đài ra và dùng khẩu SIG SAUER 9mm đeo bên sườn bắn vài phát vào các bộ phận mã của chiếc đài. Sau đó anh lao theo các đồng đội của mình.

Họ trốn chạy đến một rừng cây. Mặc dù đã hạ được vài người của đối phương, nhưng quân số lính SEAL vẫn ít hơn và cũng gần hết đạn. Họ tiếp tục lần theo một lối mòn và hướng ra biển. Bơi thẳng ra biển có thể khiến họ trở thành mục tiêu cho đối phương. Erskine ra lệnh: “Bỏ tất cả đi, chỉ để lại các dụng cụ cần thiết và bơi dọc bờ biển.” Họ ném súng, ba lô và gần

như mọi thứ trừ súng ngắn, đạn súng ngắn và bộ dụng cụ dùng để đào thoát và lẩn trốn. Họ bơi dọc bờ biển và ẩn nấp dưới những vách đá nhô ra biển để tránh đối phương ở bên trên.

Các lực lượng đồng minh, không biết rằng họ vẫn còn sống, đã nổ súng thổi tung người của đối phương gần nơi họ ẩn nấp. Những người lính SEAL đợi cho đến khi đối phương rút đi hết, rồi mới bơi ra biển. Họ trôi nổi trên biển sáu tiếng đồng hồ cho đến khi được một chiếc máy bay cứu nạn phát hiện và gọi một chiếc tàu hải quân đến đón. Tính đến thời điểm đó, họ đã không ngủ liên tục trong 48 giờ. Sau khi chắc chắn rằng tất cả đồng đội đã lên tàu, Erskine bất tỉnh. Sau đó anh đã hồi phục. Hải quân trao cho anh Huân chương Anh dũng bội tinh với Ngôi sao bạc.

Năm 1985, những tên khủng bố của Tổ chức giải phóng Palestine (PLO) cướp tàu tuần tra Achille Lauro và sát hại hành khách Leon Klinghoffer. Chúng lẩn trốn ở Ai Cập. Khi Ai Cập bí mật đưa chúng lên một chuyến bay đến đại bản doanh của PLO ở Tuynidi, các máy bay chiến đấu của Hải quân Mỹ buộc chiếc máy bay này phải hạ cánh xuống căn cứ của NATO ở Italia. Đội SEAL Số 6 bao vây bốn khủng bố trên đường băng, nhưng phía Italia không cho phép SEAL tiếp cận chiếc máy bay và yêu cầu chuyển 5 tên khủng bố đó cho họ. Sau một hồi thương thảo với quân đội và lực lượng thực thi pháp luật Italia, phía Mỹ đồng ý chuyển những kẻ khủng bố cho phía Italia. Không may là sau đó chính quyền Italia đã trả tự do cho tên cầm đầu Abu Abbas (người sau này bị bắt ở Iraq năm 2003). Mặc dù những tên khủng bố khác phải vào tù nhưng một tên trong số đó được ban cho một vài ngày nghỉ và đã trốn thoát (hắn bị bắt lại ở Tây Ban Nha). Một tên khác đã trốn khỏi Italia khi được phóng thích với cam kết là sẽ không chạy trốn.

Năm 1989, Đội SEAL Số 6 đến Panama để truy bắt ông trùm buôn bán ma túy Manuel Noriega. Noriega trốn trong một nhà thờ Công giáo, nhưng vì không có đường vượt biên, cuối cùng ông ta đã phải đầu hàng.

Grenada, Achille Lauro và Panama chỉ là ba trong số nhiều chiến dịch mà Đội SEAL Số 6 tiến hành trước khi tôi gia nhập.

Tôi tham gia hoạt động đầu tiên với Đội SEAL số 2 ở Machrihanish, Scotland – vùng đất tổ tiên Kirkland (quê hương của mẹ tôi), những người

đã đổi tên thành Kirkman khi nhập cư vào Mỹ. Người dân địa phương Scotland đặt cho Smudge một biệt danh theo tên của một cầu thủ bóng đá nổi tiếng người Anh. Chúng tôi đi cùng với một vài người tới Bảo tàng Tartan ở Edinburgh. Ở đó, tôi phát hiện ra rằng gia tộc của tôi đến từ vùng cao nguyên.

Smudge trêu chọc việc tôi tìm thấy nguồn gốc Tartan của mình: “Ồ, Howard là người cao nguyên.”

“Tuyệt không, chỉ có một người như vậy mà thôi!” Tôi kêu lên.

Ở Scotland, chúng tôi cùng huấn luyện hoặc phối hợp với một số đơn vị tác chiến đặc biệt của nước ngoài như: Lực lượng đặc công nước của Anh, Đơn vị Đặc công Hubert của Pháp, Đơn vị đặc công nước của Đức, Cảnh sát biển Thụy Điển, Bộ Tư lệnh biệt động Hải quân Na Uy và nhiều lực lượng khác. Trong một buổi diễn tập thâm nhập cảng biển ở Đức, tôi đổi một túi MRE lấy khẩu phần ăn của một đặc công Hubert. Đơn vị người nhái đặc công của anh ta khi thành lập đã nhận được sự giúp đỡ rất lớn của một sĩ quan hải quân từng tham gia Chiến tranh Thế giới II tên là Jacques-Yves Cousteau, người nổi tiếng với chương trình tivi của mình về thế giới dưới nước. Khẩu phần ăn của người Pháp gồm có rượu, pho mát và patê. Tôi thấy ngạc nhiên khi họ rất thích thức ăn khô lạnh và món cà phê Maxwell House – chỉ cần thêm nước vào – của chúng tôi. Khi tôi quay về doanh trại ở Scotland, gần như ai cũng xin tôi chút rượu, pho mát và patê đó.

Trong đợt huấn luyện tác chiến mùa đông, tôi có một tháng vui vẻ với các cảnh sát biển Thụy Điển, những người đảm nhiệm trinh thám tầm xa, phá hoại và tấn công kẻ địch xâm phạm bờ biển Thụy Điển. Mặc dù tất cả thanh niên Thụy Điển đều phải đi lính nghĩa vụ một năm nhưng vẫn có nhiều người mong muốn trở thành cảnh sát biển.

Burt, DJ, Steve và tôi bay tới Stockholm, thủ đô của Thụy Điển. Các nhà thờ, cung điện và lâu đài lịch sử cùng với những công viên xanh và các con lạch làm cho Stockholm trở thành một Venice của Bắc Âu. Còn các tòa nhà mới hơn thì có sự kết hợp của thiết kế sinh thái với công nghệ cao và thuyết chức năng. Những người đón tiếp, sắp xếp cho chúng tôi nghỉ tại một khách sạn tuyệt đẹp. Một buổi tối, sau khi huấn luyện, chúng tôi thấy một người

đàn ông thấp lùn, gầy guộc, tóc bông xù đang ngồi ở tiền sảnh với hai “chân dài” ngồi trên hai đùi và một phụ nữ khác ngồi trong lòng. Ai vậy? Hai chúng tôi bước lại gần hơn để xem đó là ai: đó là Rod Stewart. Những gã xấu xí ở nơi nào cũng vậy, đều có thể nuôi hy vọng trở thành một ngôi sao nhạc rock.

Buổi sáng, Burt lái chiếc xe thuê đưa chúng tôi qua một con phà đến căn cứ của Cảnh sát biển thuộc Quân đoàn đổ bộ Thụy Điển có tên hiệu là Trung đoàn Lính thủy đánh bộ 1 tại Berga. Các chiến dịch đầu tiên của chúng tôi bắt đầu ở quần đảo Stockholm. Trong số hàng nghìn hòn đảo ở biển Baltic, đây là một trong những quần đảo lớn nhất. Tôi và bạn chiến đấu khởi hành trên một chiếc thuyền gấp kayak nhẹ hai chỗ ngồi và không có kim loại để tìm kiếm tàu ngầm Liên Xô. Tôi đeo kính Vuarnet – tên được đặt theo vận động viên trượt tuyết người Pháp đạt huy chương vàng Olympic An-pơ – để chống nắng. Chúng tôi đi lên các đảo và tìm kiếm các dấu vết của con người – một trò chơi mèo bắt chuột với người Liên Xô. Đi xuống kayak từ đảo này tới đảo khác trong khi phải đem theo tất cả các trang thiết bị là một công việc tẻ nhạt và vất vả.

Gần một tuần sau, chúng tôi đi cùng với vài viên cảnh sát biển bằng mấy chiếc xe buýt thuê. Họ mang các túi thức ăn lên xe. “Chúng ta sẽ lại đi bao xa nữa?” - tôi hỏi.

“61 dặm.” Những Cảnh sát biển nói tiếng Anh rất tốt.

“Tại sao lại phải mang tất cả thức ăn?”

“Chuyên đi dài mà.”

Chỉ có 61 dặm thôi mà - tôi có trồng cây chuối cũng đi được.

Sau 3 tiếng trên đường, tôi nói với một cảnh sát khác: “Tôi nghĩ chỉ như vậy đã là 61 dặm rồi.”

“Vâng, 61 dặm.”

“Chúng ta đã đi quá 61 dặm rồi.”

Một cảnh sát khác mỉm cười: “61 dặm Thụy Điển.”

Tôi nhăn mặt: “Là bao xa vậy?”

“Ồ...! Khoảng ba trăm tám mươi dặm Mỹ.”

Các anh chơi khăm tôi rồi. Tôi thấy vui mừng vì đã không đề nghị thi chạy 4 dặm với họ.

Chúng tôi đi qua một biển chỉ dẫn “Có nai băng qua” trước khi đến một thị trấn nhỏ đầy tuyết có tên là Messlingin, gần hồ Messlingin đang bị đóng băng. Không thể tìm thấy bất kỳ tấm bản đồ du lịch nào, Messlingin nằm ở khoảng 200 km về phía tây nam của Östersund, miền trung Thụy Điển. Bốn người chúng tôi làm thủ tục nhận phòng tại một khách sạn bằng gỗ có mái nghiêng và những mái hiên nhô ra trông như một biệt thự nhỏ. Một lát sau, những viên cảnh sát đưa chúng tôi đi dầm mình xuống một hồ băng. Mặc dù không bắt buộc nhưng mọi người đều nhảy xuống dòng nước gần như sắp đóng băng. Chúng tôi phải gương mẫu. Đó là truyền thống ngớ ngẩn kiểu “Tôi có thể chịu được kể cả khi có bị sút vào hạ bộ” của Đội SEAL. Chúng tôi quấn dây vào cổ để đeo một dụng cụ phá băng hạ xuống tầm ngang ngực. Tay cầm của dụng cụ này làm bằng gỗ, vừa một nắm tay, còn mũi nhọn của nó dài khoảng 2,5 cm. Chúng tôi phải nhảy xuống hồ băng, giữ nguyên tình trạng và xin phép ra khỏi nước. Nếu được phép, chúng tôi sẽ tiến lên, dùng dụng cụ để phá băng và thoát ra. Lần thử đầu tiên, thanh quản của tôi thậm chí không hoạt động được, nó quá lạnh – tôi liền nhảy phắt ra. Đến lần thứ ba, tôi trấn tĩnh hơn để cho thanh quản đủ thời gian hồi phục chức năng. Tôi rít lên: “Xin phép cho tôi ra”. Sau khi ra khỏi nước, việc cấp thiết đầu tiên là phải làm ấm người.

Tôi nhớ lại thời gian huấn luyện tác chiến mùa đông ở Alaska. Kevin và tôi trở thành bạn chiến đấu của nhau. Anh là một lính SEAL to con, dễ chịu với mái tóc và đôi mắt đen. Được đào tạo để trở thành một y tá quân y, anh có thể đảm nhiệm nhiều tình huống y tế khẩn cấp trong chiến đấu cho đến khi người bị thương được chuyển tới bệnh viện (sau đó, tôi nghe nói anh rời SEAL và trở thành một bác sĩ hải quân đóng ở Tây Ban Nha). Kevin và tôi chọn một con đường khôn ngoan để đi trượt tuyết, đó là con đường qua khu

vực mà chúng tôi cắm trại. Sau đó chúng tôi đi đường vòng quay lại trại. Bằng cách này chúng tôi có thể phát hiện từ xa những người đến chỗ chúng tôi. Chúng tôi dựng một cái lều của hãng North Face dành cho hai người, đặt ba lô xuống trước lều, đánh tuyết thành đống bên ngoài lối vào để có thể rã đông thành nước uống, trong đó có cả nước uống cho buổi trượt tuyết ngày hôm sau. Người ta cần uống nhiều nước hơn vào mùa đông vì phổi dùng nhiều hơi ẩm để làm ẩm hơi thở. Chúng tôi cũng dùng nước uống cho các bữa ăn khô lạnh của mình. Khi qua cửa, chúng tôi cởi bỏ quần áo ướt ra, chỉ để lại quần áo lót polypro, rồi nhóm lò MSR WhisperLite để đun nước. Nhiệt độ tỏa ra từ chiếc lò nhanh chóng làm chiếc lều ấm lên. Kevin có đôi chân không lồ – đôi giày ngoại cỡ của anh không vừa với giày trượt tuyết. Trong khi chúng tôi chờ tuyết tan, Kevin tháo giày và tôi kẹp các ngón chân của anh vào nách mình cho ấm. Những người khác chỉ mong được vào lều, nhưng tôi thì không. Suốt mười đêm, tôi giúp ủ ấm những ngón chân lạnh như đá đó trong nách của mình trước khi nằm đất ngủ trong chiếc túi ngủ.

Thật may là ở Thụy Điển, cách hồ băng chỉ khoảng 50m có một phòng tắm hơi và có cả bia nữa.

Cũng ở Thụy Điển, lần đầu tiên tôi được biết đến xe ủi tuyết – một chiếc xe bọc thép chở người chạy theo các lối mòn trên tuyết. Từ bên trong, những người lính có thể nhằm bắn kẻ địch. Họ gắn một dây thừng ở phía sau xe để kéo theo 10 hoặc 12 người lính đi trên ván trượt tuyết. Móc một cây gậy trượt tuyết vào dây thừng, tôi giữ lấy tay cầm khi chiếc xe kéo tôi đi. Nhiều cảnh sát biển nhờ đó đã trượt tuyết rất thành thạo. Trong số họ có một vận động viên Olympic môn nhảy xa trên tuyết. Dĩ nhiên ở quê hương Nam Georgia của tôi không có dốc trượt tuyết. Thế là tôi bị ngã. Các viên cảnh sát biển trượt phía sau tôi phải cố gắng di chuyển qua tôi. Bốn người trong số họ cuối cùng cũng vấp ngã chồng lên tôi. Sau một hồi, họ bắt đầu tranh luận. Tôi không hiểu hết các từ, nhưng tôi biết họ đang cãi nhau xem ai sẽ phải trượt phía sau tôi. Ba người bạn trong đội của tôi và tôi ngã quá nhiều, làm cho những cảnh sát biển cũng bị ngã theo như những quân bài domino vậy, vì vậy họ chuyển chúng tôi xuống cuối đoạn dây thừng. Nếu có thể quay phim những người lính SEAL trong buổi trình diễn trên băng đó cho chương trình Các đoạn phim tự chuyện hài hước nhất của Mỹ thì có lẽ chúng tôi sẽ chiến thắng.

Do chúng tôi đến đó với tư cách là thành viên hỗ trợ huấn luyện lính nghĩa vụ trẻ nên họ phục vụ chúng tôi như là các sĩ quan, lau và đánh bóng ván trượt tuyết trong khi chúng tôi ăn tối. Vào buổi tối, nếu chúng tôi để giày ngoài cửa, họ sẽ lau và đánh bóng xong trước buổi sớm ngày hôm sau. Họ thậm chí còn lau cả vũ khí cho chúng tôi nữa.

Một điều thú vị nữa là chúng tôi đã học được cách đào hang tuyết. Đối tác cảnh sát biển của tôi là người cao dong dỏng. Anh ta có thể dễ dàng trượt vòng quanh tôi. Chúng tôi đào thẳng vào một đống tuyết, mở rộng lên phía trên và sâu vào trong, tạo một khoảng trần lớn để hơi ẩm bốc lên đó khi nhiệt độ giảm xuống. Viên cảnh sát biển và tôi đặt ba lô ở lối vào để ngăn gió nhưng đưa rìu vào bên trong để phòng trường hợp phải đào tuyết thoát ra ngoài. Từ khoảng trần đó, chúng tôi tạo một mái hình vòm để nước không nhỏ giọt thẳng xuống người.

Chúng tôi cởi đôi ủng bên ngoài trước khi bước vào bên trong. Vì chỉ có bốn lính SEAL nên đối tác của tôi có vẻ thấy hân hạnh khi được làm việc cùng tôi. Anh ta cố gắng lau sạch đôi ủng giúp tôi.

“Không, nó không sao đâu. Tôi làm được mà,” tôi nói.

Anh ta nhìn tôi lạ lùng. Sau đó, anh ta có vẻ vui vì không phải phục vụ tôi.

Chỉ cần một hoặc hai cây nến cũng đủ làm cái hang ấm lên. Bên ngoài, nhiệt độ là -41oC. Ở bên trong, tôi ngồi trên một cái túi ngủ, chỉ mặc quần áo lót dài polypro xanh của Hải quân. Chúng tôi không để cho nhiệt độ trong hang cao hơn 0oC, nếu không cái hang có thể tan chảy, trút nước xuống và sau đó đổ sập lên đầu chúng tôi. Chênh lệch giữa nhiệt độ bên ngoài và bên trong hang khoảng hơn 40 độ làm cho người ta cảm thấy như đang sống ở Bahamas vậy. Nhiệt độ trong hang làm mềm tường và trần hang, vì vậy chúng tôi phải vỗ nện cho đến khi chúng cứng trở lại.

Sau khi sống trong cái hang tuyết đó hai tuần, dùng nơi này để triển khai các hoạt động, chúng tôi đã vỗ tường và trần nhà nhiều đến mức bên trong hang dường như sắp trở thành một ngôi nhà tuyết vậy. Người Thụy Điển rất biết cách đương đầu trong một cuộc chiến – khẩu phần ăn của họ bao gồm

rượu cô nhấc và hỗn hợp socola nóng ngon nhất mà tôi từng được ăn cùng với các món như mì Bolognese và bánh mì lúa mạch đen. Thấy tôi ngạc nhiên, đối tác Thụy Điển đề nghị đổi khẩu phần ăn của anh lấy món MRE của tôi. Tôi đoán là anh đã phát chán vì lúc nào cũng ăn những món đó. Chúng tôi sung sướng thưởng thức đồ ăn của nhau trong cái hang tuyết của mình.

Thực ra một điều thú vị khi huấn luyện với các đơn vị tác chiến đặc biệt nước ngoài là được trao đổi đồ dùng. Từ Mỹ, tôi mang theo nhiều thanh thịt bò lớn không có gia vị để cắt lát và bổ sung năng lượng cho khẩu phần ăn của mình trong thời tiết lạnh giá. Các chàng cảnh sát biển rất thích món đó. Tôi cũng mang theo một chiếc bật lửa Zippo và một viên cảnh sát biển đổi con dao Laplander xinh xắn của mình để lấy nó. Con dao có một tay cầm bằng gỗ, lưỡi dao hơi cong, vỏ dao làm bằng da có hai dây bằng da sổng để buộc vào ba lô của tôi. Trong giá lạnh, chiếc bật lửa Zippo sẽ tiện dụng hơn so với chiếc bật lửa Butan, nhưng tôi thích con dao hơn.

Vào ngày cuối cùng, hai chúng tôi dùng sơn bôi mặt để sơn trắng những điểm nhô ra trên khuôn mặt, nơi có thể tạo ra điểm tối và bóng xám trên mặt như trán, má, mũi, lông mày và cằm. Tất cả chúng tôi rời hang tuyết để tham gia một chiến dịch lớn. Khoảng 100 đến 150 người chúng tôi móc gậy vào dây kéo phía sau các xe ủi tuyết để được kéo tới khu vực mục tiêu của mình. Chúng tôi trượt tuyết đến nơi xa nhất có thể, rồi cởi bỏ ván trượt và ba lô bên trong hàng cây. Chúng tôi ở cách mục tiêu khoảng 300m.

Tôi đi đôi giày đi tuyết NATO được thiết kế công kênh và vụng về. Còn cảnh sát biển có giày đi tuyết nhỏ gọn làm bằng kim loại tổng hợp nên họ vẫn chạy được. Ô, trang thiết bị tác chiến mùa đông của các anh hiện đại hơn chúng tôi. Để lấy một đôi giày như thế, tôi đổi bộ dao đa năng Swiss Army cũ và cái vòng đeo bằng da đã rách mà tôi thường dùng để gài bộ dao vào thắt lưng (vì để nó trong túi quần rất vướng víu). Một cạnh bằng nhựa của bộ dao đã bị vỡ nhưng vẫn còn chiếc cưa, dụng cụ đánh vảy cá và gỡ lưỡi câu, cái kìm bằng da có lỗ xuyên kim, kính lúp, lưỡi dao dài, lưỡi dao ngắn, kéo, kìm nhỏ, cái mở nút chai, tăm và nhíp. Có người cho rằng vì Thụy Điển gần Thụy Sĩ hơn Mỹ nên con dao Swiss Army không phải là thứ đáng giá lắm, nhưng thực tế không phải vậy. Cùng với đôi giày đi tuyết, viên cảnh sát biển thậm chí còn cho tôi thêm một chai rượu sơ-náp. Anh ta

rất vui sướng, có vẻ rất quý tôi vì đã đổi chác như vậy. Sau đó anh mang đi khoe với bạn bè. Bạn bè chỉ trích là anh đã lợi dụng tôi. Nếu anh ấy mang cho tôi đôi giày đi tuyết đó khi tôi đang huấn luyện tác chiến mùa đông ở Alaska, chắc tôi sẽ đổi cả 5 con dao Swiss Army để lấy nó. Khi trở lại Mỹ, tôi sẽ mua một con dao mới.

Chúng tôi tiến lên theo đội hình chữ V ngược với một người ở giữa phía trước và những người còn lại ở hai bên cánh. Một đơn vị khác tiến đến khu vực mục tiêu từ sườn trái. Vừa bắn vào đích, sườn trái và đội hình chữ V phía trước chúng tôi vừa tấn công một công sự giả gồm 10 tòa nhà. Một đơn vị SEAL cơ sở thường giống như một đội thủy thủ với 7 hoặc 8 người. Trong cuộc tấn công quy mô đại đội với hơn 100 lính này, chúng tôi chỉ phải đi theo đội hình.

Cảnh sát biển Thụy Điển và các đơn vị Bắc Âu khác, trong đó có Biệt đội Hải quân Na Uy, dành nhiều thời gian tập trượt tuyết và tác chiến trong môi trường mùa đông hơn lính Mỹ, vì vậy họ vượt trội hơn chúng tôi. Tuy nhiên, công nghệ Mỹ giúp cân bằng thế trận. Bạn có giỏi trượt tuyết thế nào cũng không quan trọng nếu tôi phát hiện ra bạn bằng kính ngắm ban đêm từ khoảng cách 400m. Bạn cứ trượt mà xem.

Tôi nghe kể lại rằng khi tôi đang huấn luyện ở Thụy Điển, nhiều đêm Laura đã đi chơi đến khuya và tiệc tùng với một vài người vợ lính SEAL khác. Khi tôi hỏi, Laura trả lời: “Ồ, chỉ là một hoặc hai lần thôi mà. Em chẳng thấy thích gì.” Tôi tin lời Laura bởi vì tôi tin tưởng cô ấy – tôi không muốn tin vào điều gì khác. Chúng tôi tới nhà thờ vào các ngày Chủ nhật và mọi thứ dường như đều ổn cả.

Con trai Blake của tôi rất thích lang thang với những người lính trong Đội SEAL và họ cũng yêu quý nó, nhất là sau một sự cố đặc biệt khi Blake 4 tuổi. Một hôm, sau buổi làm việc, tôi trở về nhà, thấy Laura ở trong bếp đang vô cùng hốt hoảng.

“Chuyện gì vậy em?” – tôi hỏi.

“Con nhỏ Debbie sang đây chơi và chúng cùng vào bể lội của Blake. Trần truồng!” Debbie bé nhỏ là cô con gái 6 tuổi của người hàng xóm.

“VẬY ĐẤY.”

“Em đã gọi mẹ con bé và kể cho cô ấy. Cô ấy nghĩ điều đó buồn cười. Anh nên nói chuyện với con đi.”

Tôi liền đi xuống hành lang vào phòng con.

Blake đang chơi trò Săn Vịt trên máy Nintendo, bắn những con vịt đang bay bằng khẩu Nintendo Zapper Light Gun.

“Con trai, hôm nay con thế nào?”

“Tốt ạ,” thằng bé trả lời.

“Hôm nay con làm gì?”

“Chơi ạ.”

Tôi để thằng bé chơi tiếp và quay trở lại với Laura trong bếp: “Thằng bé ổn mà. Thậm chí còn không thèm nói đến chuyện đó. Đó không phải là chuyện gì to tát đâu.”

“Ồ không. Anh phải nói chuyện với con. Có lẽ thằng bé cảm thấy khó chịu đấy.”

Tôi liền quay trở lại phòng của Blake. Trên màn hình, một con chó phát hiện những con vịt chết trên cỏ và chúc mừng Blake.

Tôi hỏi trực tiếp hơn: “Hôm nay con có đi bơi không?”

“Có ạ.”

“VẬY À, CÓ AI ĐI CÙNG CON KHÔNG?”

“Có ạ, Debbie đi bơi cùng với con.”

“Con và Debbie cởi hết quần áo ra khi ở trong bể à?”

“Debbie cởi quần áo bơi của mình và bảo con cởi quần áo bơi của con ra.”

“Con có biết là con không nên để mọi người nhìn thấy chim của con không?”

“Có ạ, mẹ bảo con là không để cho mọi người nhìn thấy chim của con.”

“Ồ, vậy Debbie có nhìn thấy con chim của con không?”

“Có ạ, Debbie nhìn thấy chim của con.” Thằng bé cười to.

“Con có nhìn thấy chim của Debbie không?”

Thằng bé ngừng chơi và đặt khẩu súng xuống, giọng nói có âm sắc lo lắng: “Bố biết gì không? Debbie không có chim.” Thằng bé có vẻ lấy làm tội nghiệp cho Debbie: “Bạn ấy có mông ở đằng trước.”

Tôi cố nhịn để không cười đến nổ tung đầu ra. Tôi gọi kẻ cho Smudge và cậu ta cười suýt nữa thì vỡ cả ruột.

Ngày hôm sau, vào buổi chiều, Blake cùng tôi đến phòng nghỉ của Trung đội Foxtrot, Đội SEAL Số 2. Chúng tôi nói về câu chuyện ‘mông phía trước,’ và mọi người đều cười như pháo.

Những năm sau đó vẫn có người lính bông đùa: “Anh bạn, anh có biết gì không? Tối nay tôi sẽ vào thị trấn, hãy tìm cho tôi một cái ‘mông phía trước’ nhỏ bé nào đó đi.” Con trai tôi đã trở thành một giai thoại của Đội.

Khi tôi đang công tác ở Đội SEAL Số 2, bác Carroll của tôi qua đời vì một cơn đột quỵ khi đang câu cá. Tôi vô cùng đau đớn khi trở về nhà dự đám tang ở nhà thờ First Baptist, nơi tôi đã đánh Timmy toi bời trước đây. Họ hàng, bạn bè và nhiều người tôi không biết đã có mặt bên trong nhà thờ. Bác Carroll đã yên nghỉ trong quan tài. Ông luôn yêu thương tôi, dành thời gian cho tôi và giúp tôi trưởng thành. Tôi không rành thủ tục của đám tang lắm: hát Thánh ca, cầu nguyện, đọc Kinh thánh, nghe lời tiễn biệt của Cha

Ron và một bài ca ngợi. Tôi thấy không thể kiềm chế được. Tôi đứng lên và nặng nề bước ra cửa trước. Tôi đứng trên bậc cửa và khóc nức nở. Đây là lần tôi khóc nhiều nhất. Ai đó vòng tay qua người và ôm lấy tôi. Tôi ngược lên nghĩ rằng mình sẽ thấy gương mặt của Cha Ron, nhưng người đang ôm tôi không phải là Cha. Đó là bố tôi. Đây là lần thứ hai ông ôm tôi, không giống như cái ôm miễn cưỡng trước khi tôi lên xe buýt đi học chuyên nghiệp: “Howard à, bố cũng sẽ nhớ bác ấy lắm. Bác ấy luôn dành thời gian chơi với con bởi vì bác ấy biết cách dạy dỗ con hơn bố. Bác ấy kiên nhẫn hơn. Vì vậy bác Carroll luôn dành thời gian với con.”

Sau đó, tôi cố gắng tĩnh tâm trở lại và theo đoàn xe tang đến nghĩa trang an táng bác Carroll.

Ngày 6 tháng Sáu năm 1990, con gái tôi, Rachel, chào đời tại một bệnh viện dân sự ở bờ biển Virginia. Mẹ vợ tôi từ Nam Georgia đến. Tôi đang ở đơn vị Fort A.P., Virginia – một trong số những trường bắn đạn thật lớn nhất Bờ Tây. Tôi lái 224 km theo hướng đông nam để gặp Laura và con gái nhỏ. Tôi vô cùng hạnh phúc khi nhìn thấy Rachel. Mặc dù vậy, thời gian tôi gắn bó cùng Đới cũng nhiều như tình yêu của tôi dành cho con gái tôi vậy. Một số người lính SEAL có thể cân bằng giữa Chúa, gia đình và các Đới. Tôi thì không thể. Các Đới là tất cả. Sau khi ở bệnh viện một hoặc hai ngày, tôi lại đi.

Nhưng bất cứ khi nào trở về nhà, Rachel lại quấn quýt bên tôi. Con bé thích ở cùng tôi và tôi thích được gần con bé. Một lần, khi Rachel lớn hơn một chút, Blake đẩy ngã con bé ở sân sau nhà.

“Blake, vào tủ và lấy thắt lưng ra đây!”

Thằng bé biến vào trong tủ rồi quay lại, trên tay cầm chiếc thắt lưng da lớn nhất của tôi.

“Con trai, tại sao con mang cái thắt lưng to nhất mà con tìm thấy?”

Thằng bé nhìn vào mắt tôi: “Bố, con đã làm một việc tồi tệ. Vì thế con nghĩ con đáng bị tét bằng cái dây lưng to này.”

Có lẽ là thằng bé chỉ đang đùa với tôi. Nhưng tôi không đánh Blake lần đó và cũng không đánh bất cứ lần nào khác sau đó. Nếu có gì không ổn thì đó là việc tôi đã quá nuông chiều Blake. Có lẽ số lần tôi bắt thằng bé nằm lên giường và tát cho một cái thắt lưng chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Tôi để cho Rachel đi chơi với Blake nhiều hơn. Con bé là cục cưng của tôi, còn thằng bé là bạn thân của tôi.

Tôi tiếp tục nghe nhiều hơn về Đội SEAL Số 6, đơn vị chống khủng bố bí mật. Mọi người nói rằng Đội 6 là Đội Mơ ước. Số hiệu 6 là đơn vị bậc nhất, chỉ tuyển những người lính SEAL ưu tú nhất – như Pro Bowl của Liên đoàn bóng đá Quốc gia vậy. Họ làm nhiệm vụ giải cứu con tin và được trả rất nhiều tiền. Lính của họ có thể đến học ở bất cứ trường nào họ muốn. Tiêu hàng nghìn đô-la để tham gia khóa đào tạo lái xe hai tuần ư? Không vấn đề gì. Muốn đi đến trường đào tạo bắn súng của Bill Roger ư? Lại nữa à? Được thôi. Họ sử dụng những trang thiết bị tiên tiến nhất. Họ được yểm trợ cao nhất – một trung đội toàn trực thăng được giao cho họ. Không phải suy nghĩ, tôi muốn được tham gia Đội SEAL Số 6. Khi có điều gì xảy ra, tôi sẽ là người được ra chiến trường đầu tiên.

Chương 7. Bão táp sa mạc

Khi nền kinh tế Iraq suy thoái, Tổng thống Saddam Hussein đổ lỗi cho Kuwait. Iraq tiến hành xâm lược Kuwait ngày 2 tháng Tám năm 1990, và bắt giữ các con tin phương Tây. Liên Hợp Quốc lên án hành động này, yêu cầu Iraq rút quân, áp đặt lệnh trừng phạt kinh tế đối với Iraq và tiến hành cấm vận nước này. Tuy nhiên, dường như mục tiêu xâm lược tiếp theo của Hussein là Ả Rập Xê-út.

Ngày 7 tháng Tám, Chiến dịch Lá chắn sa mạc bắt đầu. Tàu sân bay và tàu chiến Mỹ tiến vào vùng vịnh Péc-xích. Quân đội được gửi tới Ả Rập Xê-út. Liên Hợp Quốc ra tối hậu thư yêu cầu Iraq rút khỏi Kuwait trước ngày 15 tháng Một năm 1991, nếu không sẽ sử dụng bạo lực để buộc họ rút quân. Mỹ thành lập một liên minh gồm 34 nước với sự hậu thuẫn về tài chính của Đức và Nhật.

Trung đội của tôi chuẩn bị trang thiết bị sẵn sàng triển khai tới Machrihanish, Scotland. Khi biết Lá chắn sa mạc sắp trở thành Bão táp sa mạc, chúng tôi bay tới Sigonella, Sicily. Trạm đường không Hải quân của chúng tôi đặt ở căn cứ của NATO, có vai trò là một trục dẫn ra Địa Trung Hải. Ở đó, chúng tôi đợi tàu đến.

Trong khi chờ đợi, tôi thường đi ăn ở một cửa hàng gần căn cứ. Món mì ống cuộn thịt của họ đặc biệt thơm ngon. Một buổi tối, tôi hỏi cô phục vụ cách chế biến món đó. Cô ấy quay vào trong bếp hỏi, sau đó đi ra và hướng dẫn cho tôi. Sau khi ăn ở đó thêm vài lần nữa và lần nào cũng hỏi cách nấu món này, cô nói: “Anh và bếp trưởng nói chuyện nhé.” Cô đưa tôi vào bếp. Tôi nhận ra rằng một gia đình đang điều hành nơi này. Bếp trưởng và tôi uống Chianti (rượu vang đỏ vùng Tuscany) trong khi ông chỉ cho tôi cách chuẩn bị thực phẩm và sau một vài lần viếng thăm, ông dạy tôi cách nấu món Sicilian với thịt viên, xúc xích, mì ống nướng và mì ống cuộn thịt tại gia. Ông có vẻ vui khi tôi thích giúp ông nấu nướng. Phần việc quan trọng nhất trong việc chế biến các món Italia là chế nước sốt, thứ nước chấm có thể phải mất vài ngày mới xong. Trước tiên phải băm nhỏ ớt, hành, tỏi, cà chua và nấm. Sau đó xào chúng lên. Dùng sốt cà chua để nấu một vài loại

rau thơm cho sôi lên, sau đó giảm nhiệt và cho thêm rau. Thêm rượu vang. Việc này có thể mất cả ngày. Làm thịt viên và xúc xích trong khi món nước sốt đang được đun liu riu. Sau đó cho thêm thịt vào nước sốt. Nửa đêm phải thức dậy để cho nước sốt vào tủ lạnh. Hôm sau, bao giờ ăn thì lấy ra khỏi tủ lạnh. Cho đến tận bây giờ tôi vẫn nấu món Sicilian. Vợ chồng tôi thường mời bạn bè và hàng xóm đến thưởng thức món này và hỏi tương lại không khí mà tôi rất thích khi ở Sicily. Thỉnh thoảng khi tôi dắt chó đi dạo ở ngoài đường, một người hàng xóm lại hỏi tôi: “Howard này, khi nào anh sẽ lại nấu cái món Italia đó vậy?”.

Một buổi tối vài tuần sau đó, tôi từ quán ăn trở về và dừng lại đài không lưu để xem vài chương trình ti vi. Trên CNN, họ chiếu hình ảnh những phát súng đầu tiên của chiến dịch Bão táp sa mạc. Tôi chạy ào tới Kho xử lý chất nổ, nơi trung đội của tôi đang ngủ trong các túi ngủ và đánh thức họ dậy: “Này, cuộc chiến bắt đầu rồi.”

Mọi người bật dậy, sẵn sàng chiến đấu. Nhưng rồi chúng tôi nhận ra một điều, Tất cả chúng ta đang háo hức cái quái gì nhỉ? Còn chưa có ai nói chúng ta phải làm gì mà. Thế là tôi túm lấy một cái túi ngủ và chui tọt vào trong.

Sáng hôm sau, chúng tôi nhận được thông báo rằng chúng tôi sẽ đến tàu sân bay John F. Kennedy, nơi tôi đã trải qua kỳ huấn luyện Tìm kiếm và Cứu nạn. Khi con tàu từ biển Địa Trung Hải tới, chúng tôi chuyển trang thiết bị lên tàu: các thùng đạn chống tăng nhẹ bắn phát một 84mm (AT-4), mìn định hướng, đạn dược... nhiều đến mức tưởng như không bao giờ có thể chất hết lên tàu được. Vì không biết mình được giao nhiệm vụ cụ thể nào, chúng tôi đem theo đủ mọi thứ.

Tàu John F. Kennedy dài 320m và cao 60m tính từ mớn nước đến đỉnh cột buồm. Nó có thể chở theo 5.000 nhân viên và chạy với tốc độ 34 hải lý một giờ. Ngoài hơn 80 máy bay, con tàu còn được trang bị hai hệ thống phóng tên lửa có điều khiển Mark-29 dùng tên lửa Sea Sparrow, hai hệ thống vũ khí cận chiến Phalanx để phá hủy tên lửa tấn công của đối phương và hai thiết bị phóng tên lửa Rolling Airframe Missile dùng để phóng đi các tên lửa đất đối không điều khiển bằng tia hồng ngoại.

Tôi gặp lại nhiều bạn cũ của mình ở trên tàu. Thậm chí có cả các phi công nữa. John F. Kennedy đi qua kênh đào Suez tới Biển Đỏ, hướng ra vịnh Péc-xích. Hầu hết mọi tàu đều không bố trí khu vực riêng cho đội SEAL. Chúng tôi ngủ và nhóm họp ở bất cứ chỗ trống nào mà chúng tôi có thể tìm thấy. May là chúng tôi có quan hệ rất tốt với nhân viên của tàu. Bất cứ khi nào họ nhìn thấy chúng tôi mặc đồng phục nguy trang và đeo phù hiệu SEAL đi qua hành lang, họ đều nói: “Tránh đường nào, SEAL đang đi qua đấy.” Chúng tôi cảm thấy mình như là những người nổi tiếng vậy. Chúng tôi cũng cố gắng tôn trọng họ.

Ban đầu không có ai đến chỗ chúng tôi ở trong phòng ăn. Một vài lần sau, mọi người bắt đầu đến ngồi cạnh. Họ hỏi chuyện về BUD/S và những việc khác. Trong ngôi nhà nổi chứa máy bay không lồ này, chúng tôi rèn luyện thể lực vào mỗi buổi sáng. Một số nhân viên của tàu cũng đến và tham gia cùng chúng tôi.

Chúng tôi không theo trường phái Dick Marcinko kiêu ngạo và xa lánh mọi người. Marcinko là người thành lập Đội SEAL Số 6, từng ngồi tù vì tội lừa đảo chính phủ, từng viết cuốn tự truyện Rogue Warrior (tạm dịch: Chiến binh ma cà bông) và sản xuất một trò chơi video. Mặc dù tôi kính trọng ông vì đã thành lập ra Đội 6, nhưng Marcinko khiến chúng tôi coi thường vì ông không tôn trọng những người không phải là thành viên SEAL và những người SEAL không cùng nhóm với ông. Một lần đi máy bay, tôi thấy một viên phi công ngạc nhiên trước thái độ của chúng tôi khi so sánh với thái độ ồn ào, khó chịu, hợm hĩnh của những người lính SEAL của Marcinko. Tôi tệ hơn, Marcinko lừa rút tiền của chính phủ, đặt Đội 6 dưới đám mây u ám của sự nghi ngờ. Ông bị ngồi tù vì đồng lõa âm mưu với một nhà thầu dân sự tính giá cao các loại chất nổ cho chính phủ và bỏ túi số tiền đó. Trong nhiều năm sau đó, chúng tôi phải tìm cách thoát khỏi tai tiếng này. Đặc biệt là ở Đội SEAL Số 6, các chỉ huy kế nhiệm đã làm việc cật lực để xóa sạch những vết nhơ mà Marcinko để lại.

Trên con tàu John F.Kennedy, chúng tôi là khách ở nhà người khác. Họ là những người có trách nhiệm, chăm lo cho con tàu có thể làm cho chuyến đi của chúng tôi trở nên thú vị hay tồi tệ nếu họ muốn. Nếu con tàu bị rò rỉ, chúng tôi phải nhờ vào nhân viên của tàu để bít lỗ rò đó lại. Chúng tôi cư xử với thủy thủ đoàn rất tốt và họ coi chúng tôi như những thành viên của

hoàng tộc vậy.

Tôi không có ý rằng chúng tôi phải nịnh bợ nhau, nhưng tất cả chúng tôi ở cùng một đội. Những người lính không thuộc lực lượng SEAL cũng cùng tuyên thệ lời thề Hải quân rằng “bảo vệ Hiến pháp của nước Mỹ trước tất cả mọi kẻ thù, trong và ngoài nước.” Đối xử với những người đồng ngũ như rác rưởi sẽ phải trả giá vì họ có thể quay lại tấn công mình. Nếu gặp Marcinko trên phố, tôi sẽ tỏ lòng kính trọng vì ông đã thành lập Đội SEAL số 6, nhưng nếu ông thể hiện rằng mọi việc tốt đẹp hơn khi ông còn là sĩ quan chỉ huy thì tôi sẽ nói với ông: “Ông hãy về chơi trò chơi video của mình và tiếp tục ảo tưởng đi.”

Trong suốt hơn một tuần, các phi công từ tàu chúng tôi cất cánh với máy bay chở đầy bom, bỏ lại chúng tôi ngồi xem bom của họ nổ trên CNN. Sau đó chúng tôi đứng lép một bên khi họ trở về với máy bay trống rỗng. Chúng tôi đã tập luyện và tập luyện cho thời khắc này. Đặc biệt là trong đợt tác chiến mùa đông, chúng tôi trượt tuyết hướng đến mục tiêu và dựng đèn hiệu để phi công trên máy bay quan sát được vị trí của chúng tôi. Sau đó chúng tôi sẽ “quét sơn” cho mục tiêu bằng tia laze để những trái bom tìm được điểm đến. Chúng tôi đang mất cơ hội đây. Đeo cặp kính phi công Ray-Ban, tôi đứng trên boong tàu cảm nhận luồng gió nhẹ thoảng qua và hướng mắt về phía đại dương tĩnh lặng, lung linh, nhìn về phía Iraq. Tôi nhìn thấy tàu USS San Jacinto (CG-56), một chiếc tàu tuần dương được trang bị tên lửa Tomahawk. Tàu USS America (CV-66) và tàu USS Philippine Sea (CG-58) cũng trong nhóm chiến đấu của chúng tôi. Tôi được trang bị đầy đủ mà không biết để làm gì cả. Các thành viên thuộc trung đội tôi không phải là những người duy nhất như vậy. Mặc dù Tướng Norman Schwarzkopf đã sử dụng lực lượng đặc nhiệm Anh, Quân chủng Không quân Đặc biệt (SAS), nhưng vào lúc bắt đầu cuộc chiến, ông không sử dụng lực lượng đặc nhiệm của Mỹ. Rõ ràng là ông thiên vị các lực lượng thông thường của Mỹ hơn là các lực lượng đặc biệt như SEAL hay Delta. Thật tệ quá!

Một chuyện bên lề khác, mặc dù SEAL đã luyện tập cẩn thận cách bảo vệ các giếng dầu ở Kuwait, Schwarzkopf vẫn không dùng chúng tôi. Sau đó, khi các lực lượng quân sự liên minh đánh đuổi quân đội Iraq khỏi Kuwait, quân đội của Saddam thực hiện chính sách tiêu thổ, phá hủy tất cả những gì có thể, trong đó có cả việc đốt hơn 600 giếng dầu của Kuwait. Kuwait mất

chừng 5 đến 6 triệu thùng dầu mỗi ngày. Phần dầu chưa cháy hết tạo thành hàng trăm hồ dầu, làm ô nhiễm hàng ngàn hecta đất. Cát trộn lẫn với dầu tạo thành lớp “tarcrete” bao phủ 5% diện tích của Kuwait. Chỉ riêng việc dập tắt những ngọn lửa Kuwait cũng tiêu tốn đến 1,5 tỷ đô-la. Chúng cháy âm ỉ suốt hơn 8 tháng, làm ô nhiễm mặt đất và không khí. Nhiều người dân Kuwait và quân Liên minh mắc các chứng bệnh về đường hô hấp. Những cuộn khói đen dày đặc bao phủ vịnh Péc-xích và các khu vực lân cận. Gió thổi khói về phía đông bán đảo Ả Rập. Trong nhiều ngày, bầu trời đầy khói và những trận mưa đen trút xuống các nước láng giềng. Cho đến nay người ta vẫn còn chứng kiến những tổn thất về môi trường và con người do các đám cháy gây ra. Nếu không phải là do Schwarzkopf đã đánh giá thấp khả năng người Iraq phóng hỏa các giếng dầu, Đội chúng tôi tin rằng mình đã có thể tiêu diệt những tên xấu xa đó trước khi chúng tiếp cận được 600 giếng dầu, làm giảm mức thiệt hại mà chúng gây ra.

Một hôm, vào khoảng nửa đêm, chúng tôi được đánh thức tập trung tại một trong những phòng chờ bên một cánh cửa của chiếc máy bay phản lực. Tình báo cho biết một chiếc tàu hàng cải trang cắm cờ Hy Lạp đang đặt mìn ở Biển Đỏ. Nhiệm vụ của chúng tôi là phải đánh chiếm con tàu đó. Đội SEAL số 6 đã thực hiện kiểu nhiệm vụ này với trực thăng Black Hawk và các thiết bị tiên tiến nhất. Đội SEAL số 2 chúng tôi phải thực hiện nhiệm vụ với những chú ong Sea King SH-3 và tài xoay xở của mình.

Chúng tôi bắt đầu lên kế hoạch thực hiện nhiệm vụ. Cần bao nhiêu trực thăng? Ai lên máy bay? Ai ngồi ở đâu? Chiếc trực thăng nào sẽ bay tới chiếc tàu đó trước tiên? Chiếc nào thứ hai? Chúng tôi bố trí vị trí bắn tỉa như thế nào? Kế hoạch rút lui và lẩn trốn nếu chúng tôi phải thoát ra? Trong khi chúng tôi tiếp tục tiếp nhận thông tin mới, chiếc tàu sân bay đưa chúng tôi gần tới vị trí tấn công hơn.

Tiếng còi tàu vang lên – đã đến giờ ăn trưa. Chúng tôi ăn như thể không biết đến khi nào mới lại có cơ hội ăn nữa. Sau đó chúng tôi đi đến trung tâm thông tin để cập nhật tình hình và tìm hiểu chi tiết của con tàu chở hàng mà chúng tôi sẽ đánh chiếm. Có bao nhiêu tầng? Bao nhiêu phòng? Bao nhiêu thủy thủ? Lượng thông tin cần thiết để lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ là rất lớn.

Khi ở trên không, tôi chuẩn bị các thang cuốn thoát hiểm xách tay để leo trở lại trực thăng khi cần, chuẩn bị cuộn dây thừng bền chắc và các thiết bị khác liên quan đến hoạt động trên không. Tôi thắt một dây nylon dài 30m vào một cái chốt hình chữ U trên một thanh chắn cài vào trần bên trong của máy bay SH-3 – một chiếc trực thăng tác chiến chống ngầm hai động cơ. Do vốn không được thiết kế để thực hiện loại nhiệm vụ này, sau này nó được thay thế bằng Sea Hawk SH-60 – phiên bản hàng hải của Black Hawk. Đội SEAL số 6 có Black Hawk, nhưng chúng tôi, đội SEAL nước sâu, phải thực hiện nhiệm vụ với bất kể thứ gì có được. Tôi đặt một đoạn dây thừng ra gần cửa chiếc trực thăng.

Chúng tôi phân công nhiệm vụ. Là người đảm nhiệm vai trò dẫn đầu đội quản lý tù nhân, tôi phải mang thêm mười chiếc còng tay nhựa trong ba lô ngoài hai chiếc ban đầu theo quy định và xác định địa điểm giữ tù nhân khi chúng tôi đánh chiếm con tàu.

Chúng tôi chuẩn bị trang thiết bị và mặc trang phục đen BDU. Chúng tôi đi giày chiến adidas GSG9 đế mềm và đế bám chắc như giày tennis vậy. Ngay cả khi bị ướt, bạn cũng có thể xỏ giày vào. Cho đến giờ đó vẫn là loại giày ưa thích của tôi. Chúng tôi bịt mũ đen kín đầu và nguy trang phần người bị lộ. Còn với đôi tay, chúng tôi sửa những đôi găng tay hàng không màu xanh của mình bằng cách nhuộm đen rồi cắt đi hai trong số các ngón của chiếc găng tay bên phải: ngón bóp cò cắt đến đốt thứ hai và ngón cái cắt đến đốt thứ nhất. Cắt đi những ngón này sẽ dễ dàng hơn khi bóp cò, thay băng đạn, kéo chốt lựu đạn hơi cay... Những chiếc đồng hồ đeo tay giúp chúng tôi theo dõi thời gian. Ở dây thắt lưng chỗ eo gắn một chiếc mặt nạ phòng độc. Trong chiến dịch Bão táp sa mạc, mọi người đều chuẩn bị sẵn sàng để ứng phó với hơi độc và vũ khí sinh học; thông tin cho biết Hussein vẫn sở hữu vũ khí hoá học và sẽ không ngần ngại sử dụng chúng. Tôi cũng mang theo 2 hoặc 3 quả lựu đạn hơi cay.

Tôi mang theo súng tiểu liên Heckler và Koch MP-5 cùng với một khẩu SIG SAUER 9mm bên hông phải. Tôi để một băng đạn 30 viên trong khẩu MP-5. Một số người muốn mang hai băng, nhưng theo kinh nghiệm của tôi thì có hai băng đạn sẽ làm hạn chế khả năng cơ động và khó khăn hơn khi thay băng đạn mới. Tôi đem theo 3 băng đạn bên đùi trái và 3 băng nữa trong ba lô. Chúng tôi thử vũ khí ở khu vực phía sau đuôi tàu.

Mặc dù trung đội chúng tôi có 16 người nhưng vẫn sẽ để lại lính bắn tỉa trên hai chiếc trực thăng lượn vòng bên trên. Như vậy chỉ có 14 người chúng tôi đánh chiếm toàn bộ con tàu – hai chiếc trực thăng với 7 lính tấn công ở mỗi chiếc. Máy bay của tôi sẽ là chiếc dẫn đầu.

Các thành viên trong đội bay trên chiếc trực thăng đó là những gương mặt quen thuộc – tôi đã làm việc cùng với đội SH-7, trong những ngày đầu tiên khi tôi là một lính bơi SAR. Là người phụ trách những sợi dây, tôi ngồi bên trong cửa chiếc trực thăng, ở giữa những cuộn dây, đặt tay trái lên phần dây dẫn đến đỉnh cần trục và thò ra ngoài chiếc trực thăng. Khi ở trên không, tôi cảm thấy gió ở bên ngoài đang giằng kéo sợi dây ra khỏi tay tôi. Tôi nhắm mắt lại và nghỉ ngơi một chút.

“15 phút”, giọng một thành viên phi hành đoàn vẳng đến tai nghe của tôi, truyền đi thông tin từ viên phi công.

Tôi mở mắt và chuyển thông điệp đó cho các thành viên trong Đội. “15 phút!” và tôi lại nhắm mắt lại.

“10 phút.”

Tôi đã quen với quy trình này.

“5 phút.”

Đã đến gần rồi đây.

“3 phút.”

Chúng tôi chậm chậm tiếp cận con tàu từ phía sau, từ 100 rồi 50 hải lý.

“1 phút.”

Chếch mũi chiếc trực thăng lên một góc, viên phi công kéo phanh. Khi chúng tôi bay là là lượn qua con tàu, ánh sáng còn lại của ngày đủ để tôi quan sát boong tàu. Chúng tôi vào vị trí. Tôi đá chiếc dây dài 30m ra ngoài

cửa và hô: “Dây!” Chiếc dây chạm vào phần đuôi tàu - một khoảng trống không đủ lớn để trực thăng hạ cánh.

“Đi!” Đeo đôi găng tay có những miếng đệm len dày dặn, tôi túm lấy chiếc dây thừng và tụt xuống như trượt trên một cây cột của lính cứu hỏa. Với hơn 50 kg quân tư trang trên lưng, tôi phải nắm thật chắc để không bị rơi bộp xuống boong tàu. Dĩ nhiên, với 6 người sau tôi đang đợi trong chiếc trực thăng, một mục tiêu lớn đang bay, tôi không muốn xuống quá chậm. Đôi găng tay của tôi quả thực đã “bóc khời” trong khi tôi tụt xuống. Thật may là tôi đã tiếp đất an toàn.

Nhưng không may là viên phi công không giữ yên được máy bay ở vị trí phía trên con tàu khi biển động dữ dội, bóng tôi ập xuống và gió rít từng cơn. Khó khăn hơn nữa là vì những viên phi công thường không quen với việc bay lượn trên một mục tiêu trong khi một người nặng 100 kg với 50 kg quân trang của anh ta đang leo dây ra ngoài. Thế là chiếc trực thăng đột ngột bay lên cao. Viên phi công phải sửa sai bằng cách hạ thấp trực thăng cho từng người một tụt dây xuống. Mặc dù trước đó chúng tôi đã luyện tập với các phi công nhưng đó vẫn là một thao tác khó khăn. Nếu phi công không điều chỉnh được thì người đầu tiên sẽ tụt khỏi dây với khoảng 1m dây trên boong tàu, người thứ hai sẽ chỉ còn 1m và sợi dây của người thứ ba sẽ ở ngoài boong tàu. Rồi cũng chẳng mất nhiều thời gian để một anh chàng tội nghiệp rơi tự do không có chỗ bám từ độ cao 3m xuống sàn tàu chẳng lấy gì làm êm ái. Ngay cả đối với các viên phi công Black Hawk giàu kinh nghiệm hơn, đó vẫn là một thao tác khó khăn. Chiếc trực thăng lao đi. Chết tiệt. Tôi ở đó, giữa cuộc chiến, giữa Biển Đỏ, một mình trên con tàu địch xa lạ. Tôi cảm thấy trợ trợ. Nếu tình hình thật sự tồi tệ, tôi có thể chiến đấu theo cách của mình để vượt qua. Nếu tình hình thật sự, thật sự tồi tệ thì Mẹ Đại dương ngay ở đó. Nhảy xuống, rải nhíp bơi và lướt đi. Chiếc trực thăng phải bay vòng, xác lập lại tầm quan sát, tìm cách tiếp cận mục tiêu lần nữa và bay lơ lửng phía trên con tàu. Có lẽ việc đó chỉ mất hai phút thôi nhưng tôi cảm giác cứ như là đã hai giờ trôi qua vậy.

Tôi đưa họng súng MP-5 quét xung quanh trong khi trung đội của tôi nhanh chóng tụt dây xuống. Khi tất cả đã cùng có mặt, chúng tôi vào đội hình chiến đấu. Đội trưởng Mark của chúng tôi, và thông tin viên DJ, dẫn một nhóm đi đến buồng lái để chế ngự và kiểm soát con tàu. Hai tay súng khác

đi đến khu vực phía sau buồng lái để làm chết máy tàu – giữ cho nó bập bềnh trong làn nước. Đội của tôi đến cabin để bắt giữ thủy thủ đoàn.

Bên trong con tàu, chúng tôi tới cabin đầu tiên. Bạn cần mềm trước cứng sau. Giữ im lặng càng lâu càng tốt. Nếu nghe tiếng súng nổ hoặc tiếng một quả lựu đạn hơi cay, tôi sẽ phải hành động. A, khi thật. Bắt đầu nào. Và từ đó tôi sẽ trở nên mạnh mẽ hơn. Tung chân đá vào các cánh cửa và ném lựu đạn choáng vào các phòng. Kiểm soát mọi người. Sử dụng bạo lực thật nhanh và mạnh. Chúng tôi sẽ cố gắng để mức độ bạo lực phù hợp với tình huống. Không hơn, không kém.

Tôi mở cửa và bốn người chúng tôi bước vào trong thật lẹ khi hai người khác ở lại hành lang yểm trợ phía sau. Tốc độ là yếu tố quan trọng khi di chuyển cùng nhau. Hai chúng tôi đánh chiếm bên trái còn hai người kia đánh chiếm bên phải. Hai thủy thủ ở bên trong bị vô hiệu hoá. Chúng tôi đã chiếm được chỗ này. Họ không nói được tiếng Anh nhưng chúng tôi biết một ít tiếng Ả Rập: Xuống.

Họ muốn nói đến vị trí.

Tôi và một đồng đội đứng nép vào tường để yểm trợ trong khi hai đồng đội khác thông báo: “Đi được không?”

“Đi,” tôi trả lời, kiểm soát toàn bộ căn phòng.

Họ tóm được hai thủy thủ trên boong tàu.

Tôi hét to, yêu cầu cho biết liệu phòng lớn bên ngoài có an toàn cho chúng tôi đi ra không: “Ra được không?”

“Ra đi,” một giọng đáp lại từ căn phòng.

Chúng tôi đưa các tù nhân qua hành lang và sang phòng bên cạnh. Đa số mỗi phòng có hai thủy thủ. Một số phòng không có ai.

Chúng tôi bước vào một phòng và bắt giữ các thủy thủ. Tôi hỏi: “Ra ngoài được không?”

“Không,” hai tay súng trong hội trường trả lời.

Bốn người chúng tôi ở lại với hai tù nhân và chờ đợi. Tôi nghe thấy tiếng tranh cãi trong hội trường.

“Wasdin,” một người trong hội trường gọi.

Tôi men theo hành lang và thấy một thủy thủ đang đứng ở lối rẽ phía cuối căn phòng. Trong tay anh ta là một bình cứu hỏa. Một lính bắn tỉa của chúng tôi định tóm lấy vì anh ta không phục tùng.

“Chuyện gì vậy?” – tôi hỏi.

“Gã này không nghe lời,” – Anh lính bắn tỉa nói.

Có thể anh ta nghĩ là chúng tôi đang phá hoại con tàu. “Bỏ xuống đi,” – tôi nói bằng tiếng Ả-rập.

Viên thủy thủ đáp bằng tiếng Ả-rập: “Không.”

Tôi nhìn vào mắt anh ta. Dường như anh ta bối rối, có vẻ không phải anh ta tỏ ra thù địch chỉ vì muốn thù địch. Cho rằng việc này đơn giản là sự hiểu lầm, tôi hạ thấp khẩu tiểu liên MP-5 một chút.

Anh ta ném thẳng chiếc bình cứu hỏa vào tôi.

Chết tiệt.

Tôi né người sang một bên vừa khi chiếc bình cứu hỏa sượt qua đầu tôi. Ngày đó chúng tôi không đội mũ sắt. Nếu tôi không né được thì chiếc bình cứu hỏa đó đã lao thẳng vào mặt tôi rồi.

A, gã này suýt nữa thì đã giết chết tôi bằng một cái bình cứu hỏa. Lúc đó trông sẽ thế nào nhỉ? Tôi đã cố tử tế nhưng đổi lại thì bị đáp trả bằng cái bình cứu hỏa ấy. Tôi vô cùng tức giận. Tôi tóm lấy gã và dí nòng súng MP-5 vào dưới tai phải, đẩy gã lùi lại rồi sút vào mông gã một cú cho bõ tức.

Người bạn của “Ngài Bình cứu hỏa”, một gã nhỏ bé gầy gò, giơ tay lên như định đánh tôi.

Một đồng đội của tôi định túm lấy hắn.

“Không, tớ làm được.” Tôi dùng tay trái giáng cho người bạn của Bình Cứu hỏa một cú đấm ngay dưới mũi làm hắn lùi lại. Lực của cú đập đó đủ làm cho hắn phải đi nẹp lại răng. Gã nhanh chóng trở nên phục tùng, không dám ngo ngoe thêm gì nữa.

Ngay sau đó, Bình Cứu hỏa nhận được một cú đánh trời giáng: tôi vịn cánh tay gã ra sau gáy, túm tóc, khóa tay và nhấc lên cho đến khi cánh tay của gã suýt tuột khỏi khuỷu rồi đá đít gã xuống hành lang. Đồng đội của chúng tôi đưa gã và những tù nhân khác tới nơi giam giữ.

Máu chảy nhỏ giọt từ đầu xuống tai tôi. Bây giờ tôi mới ngấm mệt. Tôi đã cố gắng tử tế và mọi thứ diễn ra như vậy đó. Ngấm lại, Bình Cứu hỏa lẽ ra phải nhận được hai cú vào người và một cú vào đầu. Xem ra tên đáng ghét này vẫn còn chút may mắn.

Chúng tôi thấy nhiều người trên mạn tàu – khu vực rộng gấp hai lần phòng ăn và sự xuất hiện của chúng tôi làm gián đoạn tuần trà Thổ Nhĩ Kỳ và điều thuốc của họ.

Chúng tôi rà soát con tàu gần như từng centimet, từ đỉnh tới đáy, từ đuôi đến mũi. Đội SEAL số 6 thường dùng 30 lính chiến để đánh chiếm một con tàu tương tự. Vì chúng tôi có ít người hơn và không được chuyên môn hoá như Đội 6, chúng tôi phải mất đến 2 giờ. Nhóm của tôi ở lại mũi tàu trong bóng tối cùng với các tù nhân. Từ buồng lái, Mark truyền lệnh cho trung đội chúng tôi. Cậu DJ phụ trách thông tin ở cạnh ông. Không ai bị thương ngoại trừ cái tên ngu ngốc là tôi. Bây giờ con tàu thuộc về chúng tôi. Các tàu chiến vây quanh khi chúng tôi đứng bập bênh trên biển. Những chiếc xuống cao tốc RHIB dập dềnh bên cạnh chúng tôi chở theo Biệt đội Thực thi Pháp luật bảo vệ bờ biển (LEDET), một đơn vị huyền thoại nổi danh về truy bắt tội phạm buôn lậu ma túy tại các vùng biển xa. Xét về tổng thể thì giai đoạn nguy hiểm đã qua.

Chúng tôi gom các tù nhân lại. Thuyền trưởng của con tàu, ở trên buồng lái với Mark, cử người phụ trách kỷ luật xuống để đếm người. Chúng tôi phát hiện ra mình còn bỏ sót một thủy thủ. Có người đang lẩn trốn.

Chúng tôi hỏi các tù nhân xem họ có biết anh ta ở đâu không.

Không ai biết gì cả.

Vì thế chúng tôi phải rà soát lại toàn bộ con tàu chết tiệt. Để lại bốn người canh giữ tù nhân, chúng tôi quay trở lại khu vực phía sau buồng lái và bắt đầu rà soát. Chúng tôi quá mệt khi phải quần thảo lại từng centimet của con tàu mà chúng tôi tưởng rằng đã kiểm soát được. Khi đang tìm kiếm, tôi nhận được điện thoại thông báo đã tìm thấy người kia. Anh ta đang rúc đầu vào giữa các ống dẫn của khoang động cơ để trốn và rất sợ hãi.

Chúng tôi đưa anh ta đến chỗ các bạn của mình ở mũi tàu và tháo còng tay cho tất cả các tù nhân, ngoại trừ Bình Cứu hỏa. Tôi bắt anh ta ngồi trên cái tời, trông giống như một ống cuộn cước có động cơ không lồ, một chỗ ngồi khó chịu nhất trên mũi tàu.

Trong khi đó, Mark nói chuyện qua bộ đàm với một phiên dịch viên trên một trong những con tàu để trao đổi với viên thuyền trưởng đứng bên cạnh Mark.

“Các anh đang đặt mìn phải không? Đặt ở đâu? Các anh đang đi đâu? Các anh từ đâu tới?”

“Chúng tôi không đặt mìn.”

“Nếu không, tại sao các anh lại không chờ theo loại hàng hoá nào? Tại sao các anh đang trên hành trình rời khỏi Ai Cập trong khi lẽ ra các anh phải trở về nhà chứ?”

Những người này không cho chúng tôi câu trả lời xác đáng. Rõ ràng có điều gì đó rất khả nghi.

Bình Cứu hỏa than phiền: “Mông tôi bị đau.”

Đầu tôi vẫn đau nhức. Tên đáng ghét, may mắn là người vẫn có cảm giác đây.

Một tù nhân trên mũi tàu luồn tay vào trong áo khoác tìm khẩu súng trong bao súng khoác vai. Các tay súng trên trục thẳng chữa tia laze cảm ứng hồng ngoại vào anh ta khi chúng tôi ấn nút an toàn của các khẩu MP-5, sẵn sàng bắn tung anh ta. Tuy nhiên không có khẩu súng hay bao súng nào cả, đó chỉ là một gói thuốc lá trắng mà thôi.

“Không, không, không, không,” người tù van vãn. Mắt anh ta nhìn như hai quả trứng rán vậy. Anh ta may mắn vì chúng tôi có nguyên tắc nổ súng rất chặt chẽ, không giống như bốn viên cảnh sát ở New York, những tay đã bắn Amadou Diallo 41 lần khi anh này tìm kiếm chiếc ví của mình.

Một thủy thủ nói được tiếng Anh và chúng tôi trao đổi thông qua anh ta: “Không được di chuyển đột ngột. Không được đưa tay vào trong người vì bất cứ điều gì.”

Bình Cứu hỏa lại rên rỉ: “Mông tôi đau quá.”

Tao đang mong mày cho tao cái cơ để nổ súng đây.

Lát sau, một thiếu niên chạy xồng xộc vào mũi tàu. Chúng tôi ngay lập tức quật ngã cậu ta. Sau khi gọi cho Mark, chúng tôi biết rằng cậu bé là người thuyền trưởng cử đến để lấy chìa khóa làm gì đó. Có lẽ là bất cứ khi nào thuyền trưởng ra lệnh, cậu ta đều vội vã làm ngay, nhưng chúng tôi nói rõ với cậu ta: “Không di chuyển nhanh và không chạy.” Tôi thấy thương cậu bé tội nghiệp bởi vì chúng tôi đã đánh cậu ta quá đau.

Thuyền trưởng và thủy thủ vẫn không cho chúng tôi câu trả lời đúng, vì thế những người lính LEDET, được trang bị súng bắn đạn ghém, lên tàu chào chúng tôi, rồi chúng tôi chuyển giao con tàu và tù nhân cho họ. Họ sẽ lái tàu cập bến ở một cảng biển phù hợp nào đó tại Biển Đỏ, nơi mà câu chuyện về những tù nhân này vẫn chưa kết thúc.

Bình Cứu hỏa vẫn bị còng tay khi LEDET tiếp quản. Tôi mong cho đến tận bây giờ anh ta vẫn cứ bị như vậy.

Công việc của chúng tôi đã xong. Thời tiết trở nên xấu hơn, vì vậy chúng tôi không thể về bằng trực thăng. Thay vào đó, chúng tôi dùng các thang cuốn thoát hiểm để rời con tàu và xuống các xuồng cao tốc RHIB của LEDET. Các xuồng này đưa chúng tôi đến con tàu đổ bộ của LEDET.

Chúng tôi lên tàu vào buổi sớm, như vậy chúng tôi đã thức hơn 24 giờ liền. Lần cuối cùng chúng tôi ăn là bữa trưa ngày hôm trước. Không chỉ căng thẳng về thể xác và giảm lượng adrenaline, chúng tôi còn đói gần chết. Trong phòng ăn, mặc dù chưa đến giờ ăn sáng, họ đã mang cho 16 người chúng tôi một bữa ăn khổng lồ. Tôi không nhớ chính xác họ cho chúng tôi ăn những gì, nhưng có vẻ như họ cho chúng tôi ăn cả bữa sáng và bữa tối cùng một lúc: bánh trứng, thịt dăm bông xay, bánh kẹp bơ sữa, nước cam, cafe nóng, bít tết, súp măng tây có kem, bắp cải luộc, khoai tây nghiền và bánh táo nóng.

Đầu bếp trưởng bước ra và bắt tay từng người chúng tôi: “Tôi vừa chế biến một số món ăn đặc biệt cho các cậu đây. Hy vọng là các cậu thích nó.”

“Tuyệt quá,” tôi nói.

“Chúng tôi vừa mới biết là các cậu đến nên chỉ kịp làm thế này thôi.”

Cuộc trò chuyện diễn ra khi chúng tôi ăn. Hình như tất cả các sĩ quan trên tàu đều có mặt. Họ đối đãi với chúng tôi như là những ông hoàng vậy. Dường như tất cả những ai có thể vào được phòng ăn thì đều đến cả. Mọi người muốn gặp gỡ, nói chuyện và trở thành một phần của đội chúng tôi. Sự thân thiện của mọi người có ý nghĩa rất lớn đối với tôi, làm cho tôi cảm thấy mình thật quan trọng.

Gần đầu giờ chiều, những chú chim sắt đến đón chúng tôi hạ cánh xuống phần đuôi chiếc tàu lưỡng cư, chúng tôi vẫy chào tạm biệt và bay trở về tàu Kennedy.

Sau đó, tôi nhận được Bằng khen của Hải quân, trong đó ghi:

Bộ trưởng Quốc phòng hân hạnh trao Bằng khen cho Kỹ thuật viên Tàu thủy Hạng 1 Howard E. Wasdin, Hải quân Mỹ, vì kết quả công tác như sau: Có thành tích tốt trong thực hiện nhiệm vụ của một chuyên gia chiến dịch đường không của Trung đội SEAL số 2 Foxtrot khi được triển khai đến Biển Đỏ yểm trợ cho Chiến dịch Bão táp sa mạc từ ngày 17 tháng Một đến 28 tháng Hai năm 1991. Trong thời gian này, Hạ sĩ quan Wasdin đã không ngừng thực hiện nhiệm vụ khó khăn của mình với một thái độ mẫu mực và có tính chuyên nghiệp cao. Là một chuyên gia chiến dịch đường không chịu trách nhiệm tất cả các hoạt động sử dụng thang dây trên trục thẳng của SEAL, nỗ lực làm việc không mệt mỏi của anh đã giúp Đội đột kích duy trì khả năng xâm nhập nhanh chóng và hiệu quả các mục tiêu được xác định. Trong một sứ mệnh của SEAL, anh đã khéo léo chỉ đạo một cuộc xâm nhập và là người đầu tiên đáp xuống tàu để yểm trợ hiệu quả cho đồng đội. Anh tiếp tục là người dẫn đầu nhóm canh giữ tù nhân và đã thể hiện kỹ năng chiến đấu giỏi, góp phần quan trọng vào thành công của sứ mệnh. Kỹ năng nghề nghiệp phi thường, sáng kiến và sự cống hiến hết mình cho nhiệm vụ của Hạ sĩ quan Wasdin thể hiện sự tin nhiệm cao đối với bản thân anh và với Quân chủng Hải quân Mỹ.

“Tôi nhận được yêu cầu chọn ba người cho một chiến dịch bí mật, nhưng tình báo không cho tôi biết chiến dịch đó là gì cho đến khi tôi chọn được người,” Mark nói.

Bên ngoài Trung tâm thông tin tàu sân bay (CVIC), Smudge, DJ và tôi đứng ở lối đi khi Mark đi khuất vào bên trong, một lát sau quay trở lại và nói: “Được rồi.”

Chúng tôi bước vào. Có một phòng nghỉ nhỏ bên phải, trong đó có một máy pha café và một tủ lạnh. Cửa bên trái mở ra căn phòng chính có một bàn họp và các ghế xếp xung quanh. Trên một bức tường treo một tấm bảng trắng và phía trước một bức tường khác đặt một chiếc ti vi và đầu video. Hai chiếc ghế dài bằng da màu đen đặt ở bên cạnh. Một viên sĩ quan thông tin của tàu đang đứng ở giữa phòng. Bên cạnh ông là một người mà chúng tôi chưa bao giờ gặp. Tôi không biết ông ta là ma hay quỷ nữa. Không giới thiệu về mình, người đàn ông chào: “Chúc các quý ông một buổi sáng tốt lành.”

“Xin chào Ngài.” Chúng tôi không biết chức vụ của ông, nhưng thà lịch sự quá mức còn tốt hơn là có thái độ bất kính.

“Một tên lửa Tomahawk được phóng đi nhưng không trúng mục tiêu và không nổ. Nó rơi xuống lãnh thổ của một nước bạn, nhưng lại có các lực lượng thù địch ở đó. Chúng tôi cần các anh phát nổ quả tên lửa để quân Iraq không thể lấy được công nghệ vô giá đó. Đồng thời, chúng tôi cũng không muốn họ chuyển số thuốc nổ đó thành các thiết bị nổ cải tiến (IED).”

Chúng tôi trở lại phòng ngủ, nơi đặt giường, tủ cùng một chiếc ghế dài và bắt đầu chuẩn bị quân trang. “Chuyện gì vậy?” Những đồng đội háo hức hỏi chúng tôi.

“Bốn người bọn tớ sẽ tham gia một chiến dịch. Thật tiếc là không thể kể chi tiết cho mọi người được.”

Sự háo hức của mọi người giảm xuống khi họ biết rằng 12 người còn lại không được cùng tham gia.

Tôi dùng khẩu CAR-15 có báng nhỏ và ổ đạn 30 viên 5,56 mm. Bên trong túi, tôi đựng vài tờ một trăm đô-la. Trong túi đựng đồ ở đùi trái, tôi để bộ đồ E&E: đèn pin, đồng hồ chống nước, com-pa, bản đồ, đèn chiếu thấu kính đỏ, chăn giữ nhiệt và khẩu phần ăn MRE. Trong túi bên phải, tôi để bộ dụng cụ sơ cứu: băng gạc 10 x 10 cm có dây buộc, một mảnh vải lụa và một cuộn băng gạc có vaseline dùng để băng các vết thương nhỏ trên ngực – tất cả đều được bọc trong túi nhựa hút chân không để chống thấm nước. Đây là bộ nhỏ nhất, chủ yếu dùng cho vết thương chảy máu do dính đạn. Mặc dù lính SEAL thường có trang phục khác biệt và đem theo nhiều vũ khí nhưng chỗ để bộ sơ cứu thì cũng giống như những lính khác. Như vậy, nếu một tay súng ngã xuống, chúng tôi sẽ không phải chơi trò phỏng đoán nơi để bộ sơ cứu đó để tiến hành băng bó cho anh ta. Dĩ nhiên là tôi cũng có thể dùng bộ của mình để băng bó cho đồng đội bị thương, nhưng sau đó nếu tôi cần cho chính mình thì không còn dụng cụ để làm nữa.

Bốn người chúng tôi lên chiếc máy bay SH-3 Sea King với khuôn mặt được nguỵ trang bằng vệt kẻ và nốt chấm màu cát nâu nhạt. Smudge mang theo 2

kg thứ giống như đất sét màu trắng nhạt có mùi nhựa đường nóng – chất nổ dẻo C-4. Tôi mang theo các ngòi nổ chậm, kíp nổ và bộ phận kích nổ. C-4 không thể nổ tung nếu không phát hỏa một ngòi nổ chậm, đó là lý do tại sao chúng tôi tách biệt hai thiết bị này. Thiết bị mà Smudge mang theo an toàn hơn. Mặc dù chỉ riêng các ngòi nổ chậm thôi thì không đủ để làm nổ tung một bàn tay, nhưng chúng đã từng làm nổ tung một hoặc hai ngón tay bất cần rồi.

Chúng tôi mang theo ít trang thiết bị bởi vì đây sẽ là nhiệm vụ chớp nhoáng. Chiếc trực thăng bay một vài cây số trước khi giảm tốc độ xuống còn 10 hải lý khi ở độ cao 3m so với mặt nước. Tôi bước ra cạnh máy bay, để bộ chân vịt hướng thẳng xuống dưới rồi rơi xuống xuyên qua những tia nước sắc buốt do cánh trực thăng khuấy lên. Tôi không nghe được tiếng rơi tòm của mình trong tiếng ồn ào của lưỡi cánh quạt chém vào không khí trên đầu.

Từng người một trong số chúng tôi nhảy qua cửa bên sườn máy bay xuống biển. Tương tự như việc tụt dây xuống, mỗi người nhảy xuống sẽ làm giảm trọng tải của trực thăng, khiến chiếc trực thăng vút lên cao – và phi công phải chú ý điều chỉnh lại. Người lính SEAL cuối cùng hy sinh tại chiến trường Việt Nam là trung úy Spence Dry. Anh nhảy từ trực thăng xuống, chiếc trực thăng đang bay với tốc độ hơn 20 hải lý một giờ bỗng bốc vút lên cao hơn 10m và làm gãy cổ Dry.

Vừa bơi tôi vừa nhìn xung quanh. Mọi người có vẻ đều ổn cả. Một ánh sáng nhấp nháy từ bờ biển – tín hiệu của chúng tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy lạnh. Chúng tôi xếp thành một hàng và hướng mặt về phía tín hiệu. Tôi bơi nghiêng, đạp nước dài, sâu và chậm để đẩy thân mình đi thật nhanh, cố gắng duy trì hàng ngũ với những người khác. Động tác bơi làm tôi ấm áp hơn. Khi đến vùng nước nông có thể đứng được, chúng tôi dừng lại quan sát bờ biển. Chưa có dấu hiệu nguy hiểm. Tôi gỡ chân vịt ra và móc vào một dây thun buộc quanh lưng. Sau đó chúng tôi trườn vào bờ biển. Smudge và DJ tản ra cánh trái và cánh phải. Tôi yểm trợ cho Mark bằng khẩu CAR-15 khi anh tiến đến chỗ ánh sáng, ở đó là một người Ả Rập có thân hình quả lê. Anh ta là người của chúng tôi. Họ trao đổi theo quy ước. Mark kéo tai trái. Viên mật vụ xoa xoa bụng bằng tay trái. Cho đến nay mọi việc vẫn tốt. Xoay lưng nhân viên này lại, tôi khóa tay anh ta và kiểm tra

khắp người để tìm vũ khí, điện đài hay bất cứ thứ gì không thuộc về anh ta. Có vẻ như không có gì nghi vấn cả. Tôi mở khóa tay cho anh ta.

Mark ra dấu hiệu gọi Smudge và DJ đi vào. Sau khi họ vào cùng chúng tôi, tôi chú ý đến viên mật vụ trong khi chúng tôi di chuyển vào bên trong. Nếu anh ta tỏ ra bồn chồn một cách không bình thường khi chúng tôi đến gần mục tiêu, tôi sẽ biết liệu anh ta có thể đưa chúng tôi vào một trận địa mai phục nào đó không. Nếu anh ta đưa chúng tôi đến một vị trí mai phục, tôi sẽ là người đầu tiên găm một viên đạn vào đầu anh ta. Tôi chưa từng nghe thấy một điệp viên hai mang nào sống được khi dẫn lính SEAL vào trận địa mai phục. Trưởng nhóm Mark bám theo tôi và nhân viên mật vụ, tiếp đó là DJ cùng với chiếc điện đài. Smudge đi sau cùng.

Sau khi di chuyển thận trọng 800m trên cát, chúng tôi dừng lại ở một địa điểm cách một con đường đất 100m và nằm sấp xuống trong khi nhân viên mật vụ nhặt một hòn đá to, bước lên phía trước và đặt bên cạnh con đường. Sau đó anh quay trở lại và cùng nằm sấp xuống với nhóm của chúng tôi. Thân thể ướt sũng của tôi bắt đầu run rẩy. Sa mạc nóng vào ban ngày nhưng lạnh vào ban đêm và nếu bị ướt thì vấn đề càng thêm tồi tệ. Tôi muốn đi tiếp, nhưng không thích thú gì việc bị ăn đạn vì di chuyển quá sớm. 15 phút sau, một chiếc xe địa phương dừng lại bên lề đường (gần tảng đá). Chúng tôi chĩa các khẩu CAR-15 giảm thanh vào chiếc xe. Một người đàn ông mặc áo choàng trắng bước ra khỏi chiếc xe tải và bước đi 100m về phía chúng tôi.

“Dừng lại,” Tôi nói bằng tiếng Anh. “Quay đầu lại.”

Anh ta làm theo.

“Bước lùi về hướng tôi.”

Khi anh ta đến chỗ chúng tôi, chúng tôi tóm lấy, trói lại và lục soát. Sau đó chúng tôi đi cùng người lái xe đến chỗ chiếc xe của anh ta và lục soát nó. Anh ta lái xe 20 phút đưa chúng tôi đến mục tiêu ở đâu đó giữa sa mạc. Anh ta dừng xe lại và đi bộ đoạn đường còn lại cùng với chúng tôi. Quả tên lửa nằm ở đó. Mặc dù nó đã tiếp đất rất mạnh, nhưng trông vẫn như còn nguyên. Chúng tôi lập một vòng cảnh giới bảo vệ trong khi Smudge chuẩn

bị hai túi C-4. Mỗi túi vải xanh lớn đó chứa 1kg C-4 ở đáy. Cậu đặt một túi trùm lên đầu tên lửa và luồn dây khâu miệng chiếc túi vào một cái móc ở đầu túi, thắt chặt lại. Cuối cùng, Smudge làm tương tự như vậy với đầu kia của quả tên lửa.

Cậu vỗ vai tôi rồi thế vào vị trí cảnh giới trong khi tôi ấn một ngòi nổ chậm vào mỗi khối C-4. Không kịp nghĩ ngợi điều gì, tôi chỉ cố gắng không xử lý kém tình huống này. Tôi dứt hai ngòi nổ chậm vào hai kíp nổ hẹn giờ, giữ cho chúng thẳng lên. Sau đó, tôi vặn chặt hai bộ phận kích nổ (M-60) vào hai kíp nổ. Một tay giữ bộ phận kích nổ, một tay tôi kéo đồng thời cả hai dây giạt. Pop! “Sắp nổ rồi.” Tôi có thể ngửi thấy mùi cordite (một loại thuốc nổ không khói) khi các kíp nổ cháy. Có khoảng trên dưới 3 phút trước khi chiếc tên lửa nổ tung.

Tôi cùng đồng đội lao đi. Rất khẩn trương. Chúng tôi nấp sau một gờ cát tự nhiên trông giống như một con lươn giảm tốc khổng lồ. Bùm! Cát trút xuống đầu chúng tôi.

Chúng tôi quay lại chỗ quả tên lửa để chắc chắn rằng nó đã biến thành những mảnh vụn. Mark ra dấu OK và chúng tôi trở lại xe.

Người lái xe đưa chúng tôi trở lại điểm dừng bên con đường có hòn đá, nhưng Mark bảo anh ta đưa chúng tôi đi xa hơn để tránh khả năng dừng lại ở trước một trận địa mai phục. Sau khi người lái xe cho chúng tôi xuống, đợi cho anh ta và viên mật vụ rời đi, chúng tôi quay trở lại bờ biển. Trên bờ biển, DJ gọi trực thăng vì biết chúng tôi đang trên đường về. Chúng tôi đeo chân vịt và xuống nước. Tôi thấy vui vì đã ra khỏi khu vực nguy hiểm và bơi rất nhanh. Ai cũng bơi nhanh. Bơi nhanh làm cơ thể chúng tôi ấm lên. Những gì chúng tôi được dạy ở BUD/S thật chính xác: Mẹ Đại dương là nguồn an ủi và là sự an toàn của bạn.

Khi trực thăng đến gần, chúng tôi xếp hàng cách nhau 5 m, để lộ ra tia thiết bị hồng ngoại được gắn vào các áo phao bơm phồng. Chiếc trực thăng lượn trên đầu, cánh quạt khuấy tung bọt biển. Nước biển mặn tấp vào mặt nạ của tôi. Một chiếc thang cuốn được thả xuống, tôi móc khuỷu tay vào một thanh ngang leo lên. Khi chân tôi đặt lên chiếc thang, tôi chân đẩy người lên chứ không dùng cánh tay để kéo, như vậy sẽ không làm cánh tay tôi rã rời. Khi

lên đến đỉnh thang, tôi dùng tay đu người lên chiếc trục thẳng.

Khi tất cả chúng tôi đã lên máy bay an toàn, một thành viên đội bay kéo chiếc thang lên và chiếc trục thẳng đưa chúng tôi đi. Bên trong máy bay, chúng tôi vỗ lưng nhau và thở phào nhẹ nhõm. Chắc là do con tàu Kennedy đã đi gần chúng tôi hơn nên chuyến trở về không lâu như trước nữa. Chúng tôi đã hoàn thành một nhiệm vụ bí mật mà có người cho rằng vô cùng quan trọng.

Một vài ngày sau, tôi lại đứng ở bên ngoài CVIC. Lần này chỉ có DJ và tôi. Mark gọi chúng tôi vào và một lần nữa, chúng tôi gặp Người Không Tên.

Ông bắt tay chúng tôi và không lãng phí thời gian, ông nói: “Chúng ta vào chuyện luôn nhé?”.

Chúng tôi gật đầu.

Ông giải thích: “PLO lên tiếng ủng hộ cuộc xâm lược Kuwait của Saddam Hussein. Hiện họ đã bắt đầu làm ăn ở Iraq. Người Iran đang hợp tác với PLO để huấn luyện khủng bố tấn công các lực lượng liên minh. Gần đây, họ đã gài một thiết bị IED ven đường và một xe của ta đã vấp phải. Chúng tôi muốn các anh định hướng cho một tên lửa dẫn đường tấn công mục tiêu doanh trại PLO-Iran ở Đông Nam Iraq, sau đó gửi cho chúng tôi một Báo cáo đánh giá thiệt hại chiến trường (BDA).”

Mark thảo luận kế hoạch của ông với chúng tôi, sau đó DJ và tôi ra ngoài để chuẩn bị quân trang. Như mọi lần, chúng tôi phải chắc chắn rằng mình không có gì bắt sáng hoặc gây ra tiếng ồn trên người, do đó chỉ cần một lớp sơn hay một cuộn băng màu cát là mọi việc sẽ ổn. Sau khi chuẩn bị xong hành trang, cuối buổi chiều, chúng tôi lên chiếc máy bay Sea King từ sân bay của tàu John F.Kennedy. Tôi ngủ suốt và tỉnh dậy khi máy bay hạ cánh xuống căn cứ tiền tiêu. Trời đã tối hơn – thời khắc sắp điếm rồi. Một người dân tên là Tom với gương mặt chất phác, mặc quần bò xanh và áo phông xám đưa cho chúng tôi chìa khóa của chiếc Humvee: “Tôi vừa rửa xe bóng loáng rồi đây.”

Tôi nhìn chiếc xe cẩu bản và mỉm cười. Tuyệt.

Vì trời không mây và có trăng khuyết, DJ và tôi có thể quan sát được trong bóng tối. Kẻ thù chắc cũng nhìn thuận lợi, nhưng bầu trời trong sẽ giúp tên lửa tìm được mục tiêu. Sau khi lái 48 km qua sa mạc để tránh đường sá, nhà cửa, các khu vực đông dân cư và các bộ điện thoại, chúng tôi tới một địa điểm có địa hình hơi trũng xuống, khoảng 3m giống y như những gì chúng tôi đã thấy trên bản đồ vệ tinh ở CVIC. Sau khi tạo các dấu vết giả quanh vị trí của mình, chúng tôi dừng lại ở chỗ trũng và xóa dấu vết xâm nhập. Tiếp theo, chúng tôi bọc chiếc xe bằng lưới ngụy trang sa mạc. Chúng tôi nằm cạnh nhau dưới đất, mặt hướng ra các phía khác nhau, lặng lẽ quan sát và lắng nghe để phát hiện khi có người đến. Những phút đầu trôi qua thật căng thẳng. Đó có đúng là bụi rậm không? Có thể họ đang theo dõi chúng tôi. Họ có bao nhiêu người? Liệu chiếc Humvee có khởi động lại được không nếu chúng tôi cần thoát ra? Liệu chúng tôi có chạy kịp không? 30 phút sau, tôi lấy lại bình tĩnh và tiến về phía trước, sử dụng GPS để định hướng.

Vì chỉ có hai người, hỏa lực của chúng tôi sẽ yếu hơn so với một thủy thủ đoàn và chúng tôi cần cẩn trọng hơn để không bị phát hiện. Thính giác của tôi trở nên nhạy bén với từng âm thanh nhẹ nhất. Chúng tôi cúi mình khi bước đi, chậm chạp và lặng lẽ, tránh khu đất cao có thể khiến bóng của mình nổi lên.

Sau gần 5 km, tới chân một quả đồi. Doanh trại PLO-Iran nằm ở phía bên kia. Tôi đi trước DJ và chúng tôi leo gần 200m cho đến khi tới gần một cái dốc. Khi đến gần đỉnh đồi, chúng tôi bò thấp người vòng sang phía bên kia đồi. Cách đó khoảng 1,6 km, tôi nhìn thấy bức tường của một doanh trại hình tam giác có tháp canh ở các góc bao quanh ba tòa nhà lớn bên trong. Tôi cũng nhìn thấy một người lính đối phương đang ngồi cách 60m về phía bên phải của quả đồi với ông nhòm quanh cổ và trên lưng là khẩu súng trường.

Tôi dừng lại và ra hiệu cho DJ bằng một nắm đấm giơ lên: Dừng lại. DJ dừng lại.

Người lính gác vẫn ngồi im.

Sau khi chỉ hai ngón tay vào mắt mình rồi chỉ về hướng người lính gác, tôi

bò trở lại. DJ cũng rút ra. Chúng tôi đi vòng lại sau lưng đồi cho đến khi tìm thấy một cái dốc khác. Lần này khi đi ngang qua, chúng tôi thấy rõ mục tiêu không có lính gác ở gần đó. Mắt chúng tôi tìm kiếm khu vực xung quanh rồi nhìn ra xa hơn cho đến khi trại lính lọt vào tầm mắt. Chúng tôi chỉ có thể nhìn thấy duy nhất những người lính bảo vệ trên các tháp canh.

Trong khi tôi cảnh giới, DJ gửi đi một thông điệp mã hóa qua chiếc đài mang theo để báo cho USS San Jacinto biết vị trí của chúng tôi. Chắc là có một thông điệp khẩn được hồi đáp vì DJ gật đầu, ra hiệu “tiếp tục” cho tôi.

Tôi lấy ra thiết bị chỉ thị mục tiêu hạng nhẹ (AN/PED-1 LLDR) (thực ra cũng không nhẹ lắm) và giá đỡ của nó trong khi DJ bảo vệ vòng ngoài. Sau khi đánh dấu vị trí của mình bằng một đèn hiệu, tôi vẽ tòa nhà giữa trong doanh trại PLO-Iran, đánh dấu nó bằng các nhịp ánh sáng vô hình đã được mã hóa của đèn laze. Ánh sáng này sẽ phản vào mục tiêu và chiếu lên trời để tên lửa Tomahawk phát hiện được.

Tên lửa hành trình dường như bay song song với mặt đất. Một vệt khói trắng vờn quanh cái đuôi đang cháy của nó. Tomahawk dần dần hạ xuống cho đến khi nó đánh trúng vào tòa nhà trung tâm, và 500 kg thuốc nổ phát nổ thành một quả cầu lửa kéo theo những đám khói đen mịt mù. Con chấn động và các mảnh vỡ rơi xuống làm vỡ toác tường của hai tòa nhà khác gần đó, gây ra vụ nổ thứ phát ở một tòa nhà – có lẽ là nơi chứa các chất nổ dùng để sản xuất thiết bị IED. Hai trong số ba tháp canh bị vỡ tung. Qua ống nhòm, tôi nhìn thấy rõ một lính canh văng ra khỏi tháp và bay trong không khí như một con búp bê bằng bông. Bức tường của trại lính chỉ còn là một đồng đồ nát. Tôi không thấy ai chạy ra từ doanh trại. Từ ngọn đồi của chúng tôi, người lính gác chạy bỏ về phía doanh trại, hy vọng tìm thấy người sống sót trong số bạn bè của anh ta.

Chúng tôi thu dọn và đi theo đường khác đến chỗ để xe. Người ta thường dễ trở nên thỏa mãn trên đường về, vì vậy quan trọng là chúng tôi phải thận trọng hơn. Sau khi gỡ bỏ lưới ngụy trang, chúng tôi nhảy lên xe và lái đi. Một lần nữa chúng tôi lại đi đường khác với đường vào lúc ban đầu.

Trên đường lái xe về nhà, tôi phát hiện một vị trí giống như một nửa boongke của địch trôi trên mặt đất. Tôi đi vòng để tránh nó và chiếc

Humvee bị sa xuống cát. Khi tôi cố gắng tăng ga để đưa chiếc xe thoát ra thì bánh xe càng lún sâu xuống làm cho tình hình trở nên tồi tệ hơn.

Đúng lúc đó, một đám lính Iraq đi ra ngoài boongke.

DJ và tôi chĩa súng CAR-15 vào họ.

14 người bọn họ giơ tay lên trời và bước về phía chúng tôi. Tôi không nhìn thấy sự đe dọa trên gương mặt của họ. Họ bần thũ và hôi hám. Da của họ như dính chặt vào xương; không biết là họ đã nhịn đói bao lâu rồi. Họ đặt tay lên miệng, cử chỉ thông dụng quốc tế biểu thị hành động muốn xin thức ăn. Trong cuộc chiến, một số lính Iraq thậm chí còn đầu hàng cả những nhóm quay phim, họ rất sẵn sàng đầu hàng và không muốn chiến đấu.

Trên mặt đất, những tấm vải rách được họ dùng để nút chặt các đầu súng trường nhằm ngăn cát lọt vào. Chúng tôi bước ra khỏi xe và yêu cầu họ dùng tay đào một cái hố. Sau đó chúng tôi ra lệnh thả vũ khí vào đó. Trong khi làm, dường như họ càng sợ hãi hơn, chắc là họ tưởng chúng tôi sẽ hành hình họ ngay sau đó. Chúng tôi ra hiệu cho họ phủ đất lên cái hố. Họ bớt sợ hãi hơn và tuân lời. Có lẽ trong số đó có những người đã có vợ con. Đa số họ đều tầm tuổi tôi. Sự sống chết của họ hoàn toàn nằm trong tay tôi. Họ nhìn tôi như thể tôi là Chúa Trời vậy.

Lòng trắc ẩn dâng trào, tôi đưa cho họ hai khẩu phần MRE mà tôi đã chuẩn bị để làm khẩu phần ăn khẩn cấp trong trường hợp phải đào thoát và lẩn trốn. Với 14 người thì số thức ăn đó không phải là nhiều, nhưng họ chia đều cho tất cả. Một người thậm chí còn ăn cả Chiclets. Ồ, bạn biết đấy, đó thực sự là kẹo cao su bọc đường, nhưng ăn đi. Không sao đâu, cứ ăn đi. Chúng tôi cho họ gần hết số nước uống của mình. Họ khoanh tay và cúi đầu thành kính để cảm ơn chúng tôi. Họ đã rất khôn ngoan không tìm cách chạm vào người chúng tôi hoặc xâm phạm vào không gian cá nhân của chúng tôi.

Những tia nắng đầu tiên xuất hiện phía chân trời. Đã đến lúc phải đi. Chúng tôi yêu cầu đám tù binh đặt tay lên đầu. Tôi đánh dấu vị trí chiếc Humvee trên GPS và đi bộ phía trước trong khi DJ bám theo để bảo vệ phía sau. Nếu có viên phi công nào đó bay qua và phát hiện ra chúng tôi, anh ta sẽ rất ngạc nhiên khi thấy cảnh chỉ có hai người Mỹ cùng 14 tù binh bị bắt giữ

đang đồng hành ở giữa sa mạc. Chúng tôi trông như là những vị thần chiến tranh vậy. Hai lính SEAL Hải quân bắt giữ 14 lính Iraq.

Khi chúng tôi tới căn cứ, Tom cự nự: “Các anh đem cho chúng tôi những gã này làm cái quái gì vậy?”

“Ồ, thế anh muốn chúng tôi làm gì với họ?”

“Giữ họ lại.”

“Chúng tôi không thể giữ họ được.”

Không lâu sau trực thăng đến và chúng tôi để đám tù nhân của mình ở đó. Họ vẫn khoanh tay cúi đầu và cảm ơn chúng tôi. Chiếc trực thăng cất cánh đưa chúng tôi trở lại tàu John F.Kennedy.

Hồi ở BUD/S và cho đến tận lúc đó, tôi cứ nghĩ rằng tất cả những người mà chúng tôi chống lại đều là người xấu. Rằng chúng tôi đạo đức hơn họ. Tôi dùng ngôn ngữ để làm cho việc giết chóc trở nên đáng trân trọng hơn: “tàn phá”, “loại trừ”, “trừ khử”, “kết liễu”, “tổng khử”... Trong quân đội, đánh bom được gọi là “tấn công nhanh gọn mục tiêu quân sự” còn dân thường thiệt mạng thì gọi là “tổn thất phụ”. Thực hiện mệnh lệnh là lý lẽ giúp gỡ bỏ trách nhiệm giết chóc khỏi vai tôi và đặt nó vào một cấp độ cao hơn. Khi tôi ném bom khu doanh trại, tôi càng giảm trách nhiệm của mình bằng việc chia sẻ nhiệm vụ: Tôi đánh dấu mục tiêu, DJ thông báo cho tàu và ai đó thì nhấn nút phóng tên lửa. Không có gì lạ khi những người lính chiến thường “vô nhân đạo hoá” kẻ thù – miệt thị những người Iraq thành “những cái đầu giả rách” và “những kẻ ngu dốt cuội lạc đà”. Trong văn hoá chiến tranh, ranh giới giữa nạn nhân và kẻ chiến rất mong manh. Tất cả những điều này giúp tôi thực hiện nhiệm vụ, nhưng cũng có thể bịt mắt không cho tôi thấy được nhân tính của đối phương.

Dĩ nhiên SEAL đã huấn luyện chúng tôi phải xác định mức độ bạo lực phù hợp với yêu cầu của tình huống, phải được điều chỉnh tăng và giảm giống như điều chỉnh một công tắc đèn vậy. Không phải lúc nào bạn cũng muốn chum đèn sáng lên. Nhưng đôi khi bạn lại muốn làm vậy. Cái công tắc đó vẫn ở trong tôi. Tôi không muốn, nhưng có thể bật nó lên khi cần. Tuy

nhiên, việc huấn luyện không chuẩn bị cho tôi cách thức đánh giá nhân tính trong 14 con người cụ thể đó. Đó là điều mà bạn phải trực tiếp chiến đấu mới có thể cảm nhận được. Không thể là đánh trận giả. Có thể tôi nên găm một viên đạn vào đầu của mỗi người bọn họ và khoe khoang về việc tôi đã tiêu diệt được bao nhiêu tên. Một số người nghĩ về lính SEAL chỉ như là những cỗ máy kích động và giết người không cần suy nghĩ: “Ồ, anh là một kẻ ám sát.” Tôi không thích điều đó. Tôi không tán thành chuyện đó. Nhiều người lính SEAL hiểu rằng nếu bạn có thể thực hiện một chiến dịch mà không gây tổn thất về nhân mạng thì đó là một chiến dịch tuyệt vời.

Nhìn thấy 14 người đó, tôi nhận ra rằng họ không phải là kẻ xấu. Họ chỉ là những kẻ bần cùng gần như chết đói, thiếu trang thiết bị, không có súng, không có tư tưởng, đi theo kẻ người điên rồ nào đó, kẻ đã quyết định xâm lược một nước khác. Nếu họ không đi theo kẻ điên rồ đó thì Vệ binh Cộng hòa sẽ hành quyết họ. Tôi cho rằng họ đã mất ý chí chiến đấu. Và có lẽ họ thậm chí chưa bao giờ có ý chí chiến đấu ngay từ giây phút đầu tiên.

Họ cũng là chỉ là những con người giống tôi. Tôi khám phá nhân tính của mình và nhân tính của những người khác nữa. Đó là một bước ngoặt đối với tôi – đó là lúc tôi trưởng thành. Chuẩn mực của tôi về phải và trái trong chiến đấu trở nên rõ ràng hơn, được xác định bằng những gì tôi làm và không làm. Tôi đã cho 14 người lính Iraq thức ăn và đưa họ tới một nơi an toàn hơn. Tôi không giết họ. Bất kể bạn thắng trận hay thất trận thì chiến tranh vẫn là địa ngục.

Quay trở lại tàu Kennedy, trí óc tôi như đã sáng hơn. Mặc quần soóc và áo phông ngồi trên ghế lau súng, tôi suy nghĩ về cách mình đã gặp kẻ địch gần đến thế. Tôi biết rằng mình có thể đối chọi và đánh bại họ ở một mức độ bạo lực nhất định. Hơn nữa, tôi nhận ra rằng quan trọng là phải hiểu kẻ địch của chúng ta cũng là con người.

Chiến dịch Bão táp sa mạc chỉ diễn ra trong 40 ngày. Chúng tôi giận dữ vì không được đến Baghdad để tham gia kết thúc chiến dịch. Tàu Kennedy dừng lại ở Ai Cập, nơi chúng tôi đưa tất cả trang thiết bị khỏi tàu và nhận phòng một khách sạn năm sao ở Hurghada. Vì không phải là mùa du lịch và chiến tranh mới xảy ra nên chúng tôi là nhóm khách duy nhất. Khi chúng tôi đang ăn tối, trung đội trưởng bước vào và vỗ vào lưng tôi: “Chúc mừng,

Wasdin, cậu đã lên Hạng.” Tôi đã được thăng từ E-5 lên E-6. Với Howard, cuộc đời mới thật thú vị làm sao! Chúng tôi đợi hai tuần để được bay trở lại Machrihanish, Scotland, kết thúc 6 tháng tham chiến.

Tôi không hồi tưởng, không gặp ác mộng, không khó ngủ, không mất khả năng tập trung, không suy nhược và cũng không tự coi thường bản thân vì đã tham gia vào một cuộc giết chóc lần đầu tiên – nhìn thấy người lính bị thổi bay khỏi tháp canh của PLO và rơi xuống đất tử vong. Những cảm xúc đó dường như ít bất gặp hơn trong số binh sĩ các lực lượng đặc biệt. Có thể là do phần lớn những người nhạy cảm với trạng thái căng thẳng đó đã bị loại ra trong quá trình huấn luyện BUD/S và việc huấn luyện căng thẳng đã giúp binh sĩ sẵn sàng hoạt động với cường độ cao trong chiến tranh. Tôi bắt đầu lập cách kiểm soát suy nghĩ, cảm xúc và nỗi đau của mình từ rất sớm – đó là vấn đề sống còn – và điều đó đã giúp tôi ứng phó được với những thách thức trong các đội. Tôi đã chịu đựng được những đau đớn từ sự ác nghiệt của bố dượng tôi, từ Tuần Địa ngục và các kinh nghiệm khác và đặc biệt, tôi đã trải qua chiến tranh.

Mặc dù vậy, thực ra thâm tâm tôi rất lo lắng khi lần đầu tiên giết chóc. Tôi lo lắng không biết liệu mình có làm đúng không. Trên ti vi hay các trò chơi video, dường như giết chóc không phải là chuyện gì to tát cả. Tuy nhiên, tôi đã buộc phải ra quyết định kết thúc sự sống của ai đó. Những người mà tôi giết sẽ không bao giờ gặp lại gia đình họ nữa. Sẽ không bao giờ được ăn hay sử dụng nhà vệ sinh nữa. Không bao giờ thờ nữa. Tôi lấy đi mọi thứ mà họ có hoặc sẽ có. Đối với tôi, đó là một chuyện lớn. Tôi không thể coi nhẹ điều đó được. Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn không coi nhẹ nó. Trong một chuyến về thăm nhà, tôi nói chuyện với Cha Ron: “Khi chiến đấu, lần đầu tiên con đã giết người. Con làm có đúng không, thưa Cha?”

“Con đã phụng sự đất nước đúng theo luật pháp.”

“Chuyện này sẽ ảnh hưởng như thế nào tới con khi thời gian qua đi thưa Cha?”

“Điều đó sẽ không thể có tác động tiêu cực đến tiếng tăm của con đâu.”

Lời lẽ của Cha đã an ủi tôi. Em gái út của tôi, Sue Anne, một nhà trị liệu

tâm lý cho rằng tôi có gì đó không ổn. Tôi không thể xử sự bình thường được nếu không tìm nên điều gì đó. Sue chỉ không hiểu thực tế rằng tôi thực sự thoải mái với quyết định của mình và ổn định về tinh thần.

Có một vài bí mật giữa những người lính SEAL với nhau. Chúng tôi thường xuyên quanh quẩn bên nhau và hiểu rất rõ nhau. Tôi biết màu tóc con gái của một người bạn, cỡ giày của vợ anh ta và mọi việc đang diễn ra. Tôi biết chi tiết về bạn bè của mình nhiều hơn những gì mà tôi muốn biết. Tôi cũng biết ai muốn thử sức sang Đội SEAL số 6.

Smudge, DJ, 4 người khác từ các lực lượng SEAL ở trung đội Foxtrot và tôi nộp đơn xin gia nhập Đội SEAL số 6. Smudge, DJ và tôi vượt qua được vòng xét duyệt hồ sơ, nhưng những người khác thì không được chọn. Một người tỏ ra rất tức giận vì anh là lính SEAL thâm niên hơn tôi. Đơn xin gia nhập của chúng tôi đã được chấp nhận, và khi Chỉ huy trưởng của Đội 6 đến thăm đơn vị chúng tôi, ông phỏng vấn chúng tôi. Trớ trêu là lẽ ra đơn vị chúng tôi chỉ có một người được chấm qua vòng phỏng vấn và cạnh tranh cho vòng tiếp theo, nhưng cả ba chúng tôi đều đạt, điều đó có nghĩa là Đội nào đó khác sẽ có tỷ lệ trượt cao hơn.

Đơn vị cho chúng tôi một khoảng thời gian để tham gia cuộc phỏng vấn vào Đội 6 vốn thường chỉ diễn ra mỗi năm một lần. Tháng Năm năm đó, tôi được tham gia kỳ kiểm tra chính ở Dam Neck, Virginia, mặc dù Đội 6 thường yêu cầu những người xin gia nhập phải có ít nhất 5 năm kinh nghiệm ở SEAL. Những người lính SEAL xếp hàng để được phỏng vấn trông như những đứa trẻ hồi hộp chờ đợi được cưỡi xe trên Đỉnh Vũ trụ ở Disneyland. Những người như chúng tôi bay đến từ Scotland. Những người khác từ California, Puerto Rico, Phillippines và nhiều nơi khác. Đối với một vài người, đây không phải là lần đầu tiên họ được phỏng vấn.

Bên trong phòng kiểm tra, những người phỏng vấn tôi hầu hết đều là lính SEAL có thâm niên – những người lính SEAL thực thụ. Họ thể hiện phong cách rất chuyên nghiệp. Những người phỏng vấn hỏi tôi nhiều về nhận thức các sự vật. Về những trận đánh mà tôi đã tham gia. “Nhược điểm của anh là gì? Anh cần làm việc ở đâu?” Với một người lính SEAL trẻ, thật khó mà có câu trả lời rõ ràng. Nếu bạn không nhận thức được những điều đó và không có ý chí thực hiện chúng thì làm sao bạn có thể tiến bộ được?

Một người thử làm tôi bối rối một chút: “Anh có uống nhiều rượu không?”

“Không.”

“Nhưng anh có đi ra ngoài uống rượu với bạn bè chứ?”

“Vâng.”

“Và anh uống hết mình?”

“Không?”

“Anh có uống nhiều không?”

“Tôi không biết trả lời câu hỏi đó thế nào. Có điều tôi muốn nói rằng tôi không uống đến mức để lại hậu quả.” Tôi không uống đến mức đau đầu, chóng mặt hay say mèm. “Nếu bạn bè của tôi vào thị trấn và uống rượu, 99% là tôi đi với họ. Nếu có việc phải làm, chúng tôi không uống. Vì thế tôi không biết trả lời lại thế nào. Tôi không uống đến mức nguy hại. Tôi uống vì tình bạn.”

Ông ấy mỉm cười: “Tốt.”

Tôi rời khỏi phòng, băn khoăn không biết mình đã làm thế nào. Tiến trình kiểm tra và phỏng vấn là một kinh nghiệm lạ lẫm đối với tôi. Lát sau, một lãnh đạo cao cấp bước ra và bảo tôi: “Đó là cuộc phỏng vấn tốt nhất mà tôi từng tham dự.”

“Nhưng tôi mới chỉ phục vụ ở SEAL được hai năm rưỡi.”

“Anh đã có đủ kinh nghiệm thực tế. Tôi chắc là điều đó sẽ có ích đấy.”

Nếu tôi không tham gia chiến dịch Bão táp sa mạc, có lẽ tôi sẽ phải đợi hai năm rưỡi nữa.

Hai tuần sau, Chỉ huy trưởng Norm Carley gọi Smudge, DJ và tôi vào văn

phòng của mình. Ông cho chúng tôi biết thời điểm trở thành người của Đội Em út Xanh lục (Green Team), việc chúng tôi được tuyển chọn và sẽ được huấn luyện để trở thành binh sĩ Đội SEAL Số 6. “Chúc mừng các anh! Tôi không muốn thấy các anh rời bỏ chúng tôi, nhưng ở Đội SEAL số 6 các anh sẽ gặp rất nhiều điều thú vị đây.”

Chương 8. Đội đặc nhiệm SEAL số

6

Chúng tôi bước vào huấn luyện ở đội Em út Xanh lục. Đây là khóa tuyển chọn vào Đội số 6. Sau khóa huấn luyện, một số người sẽ bị loại. Đa số chúng tôi đều đã ở tuổi ba mươi. Khi đó, tôi vừa tròn ba mươi tuổi. Các huấn luyện viên bám thời gian ghi thành tích chạy và bơi của chúng tôi. Chúng tôi thực hành huấn luyện tác chiến trên bộ, nhảy dù và lặn. Tất cả các khoa mục này đều ở mức độ khó hơn trước. Chẳng hạn, với khoa mục nhảy dù, chúng tôi phải thực hiện khoảng 150 lần nhảy trong bốn tuần, gồm các nội dung: rơi tự do, mở dù ở độ cao thấp (HAHO), nhảy dù xếp chồng... Chương trình huấn luyện của chúng tôi còn có các nội dung: trèo bằng tay không, chiến đấu tay bo, lái xe phòng thủ và tấn công, nội dung học cách tồn tại, lẩn trốn, rèn luyện khả năng chịu đựng và tẩu thoát (SERE). Mặc dù chúng tôi dành khá ít thời gian học các kỹ năng như làm thế nào để đột nhập vào ô tô và khởi động động cơ chỉ bằng một chiếc tuốc nơ vít nhưng chúng tôi lại dành khá nhiều thời gian học cách điều khiển xe và bắn súng trong quá trình xe chạy. Các huấn luyện viên sẽ đánh giá và xếp hạng mỗi nội dung huấn luyện. Cuối cùng là đưa ra tổng số điểm và thứ hạng của mỗi cá nhân.

Với tôi, dễ nhất là khóa huấn luyện vượt vật cản, còn khó nhất là khóa huấn luyện cận chiến trong thành phố do huấn luyện viên John Shaw phụ trách. Không chỉ dừng ở việc học cách mở khóa, chúng tôi còn phải học cách phá các bản lề cửa. Mỗi ngày, số lượng đạn chúng tôi tập bắn lên tới hàng nghìn viên. Theo tôi biết, chỉ riêng số tiền mua đạn loại 9 ly dành cho Đội đặc nhiệm SEAL số 6 hàng năm còn nhiều hơn số tiền mua đạn dành cho toàn bộ Lực lượng lính thủy đánh bộ cộng lại.

Tôi trải qua khóa huấn luyện cận chiến trong thành phố ở một cấp độ khó hơn rất nhiều so với trước đó. Mặc dù đã là thành viên của đặc nhiệm SEAL nhưng tôi không áp dụng được nhiều kiến thức đã học trước đó. Trong một bài huấn luyện, chúng tôi phải đột nhập vào một căn phòng, bắn đón đầu mục tiêu, vừa di chuyển zíc zắc vừa bắn, chạy nước rút và bắn hạ mục tiêu cản đường. Các huấn luyện viên liên tục thay đổi cấu trúc của căn

phòng. Khi thì là phòng lớn, lúc lại phòng bé; khi là phòng hình vuông, lúc lại hình tam giác và bố trí địch ta lẫn lộn. Thậm chí họ còn thay đổi cả nội thất của căn phòng. Chúng tôi luôn luôn phải cẩn thận và tỉ mỉ. Kết thúc khóa huấn luyện, các huấn luyện viên cho chúng tôi xem lại đoạn ghi hình của mỗi học viên.

Tôi luôn sát cánh bên cạnh Bobby Z, một chàng trai cao lớn có mái tóc màu đồng. Đôi khi, chúng tôi gần nhau đến mức tôi cảm nhận được cả luồng gió phát ra từ nòng súng của Bobby Z thổi vào tóc tôi mỗi khi bắn. Chúng tôi đã tạo ra khoảng cách rất lớn với những người còn lại. Sau khi xem lại đoạn ghi hình, chúng tôi thấy cả Bobby và tôi đều không giảm tốc độ khi bắn chạy đổi bên. Đa số mọi người đều di chuyển chậm lại để đón đầu mục tiêu nhưng chúng tôi thì không. Trong nội dung chạy và bơi, Bobby về đích ngay sau tôi.

Trong khóa huấn luyện tại Đội Em út Xanh lục, Bobby và tôi luôn thay nhau dẫn đầu. Kết thúc khóa huấn luyện, tôi xếp vị trí thứ hai. Khi chúng tôi ở trường bắn của John Shaw, một số thành viên của đội Anh cả Đỏ, đội Anh hai Vàng và Đội Anh ba Xanh của Đội đặc nhiệm SEAL số 6 đến xem chúng tôi tập.

Lính SEAL liên tục phải hoạt động trong môi trường nguy hiểm, nhưng Đội đặc nhiệm SEAL số 6 còn hoạt động trong môi trường nguy hiểm hơn nhiều. Năm đầu tiên sau khi thành lập Đội số 6, trong quá trình huấn luyện khoa mục cận chiến trong thành phố, một thành viên của đội đã vô tình bóp cò và trúng vào lưng Roger Cheuy. Sau đó, Cheuy chết trong bệnh viện do nhiễm khuẩn cầu chùm, loại khuẩn tạo ra các độc tố giống với những độc tố có trong những người bị ngộ độc thực phẩm. Thành viên này không chỉ bị đuổi khỏi Đội số 6 mà còn bị đuổi khỏi SEAL. Trong một sự cố khác, cũng trong quá trình huấn luyện khoa mục cận chiến trong thành phố, một viên đạn xuyên qua vách ngăn của nhà tập bắn và trúng vào chỗ nối trong chiếc áo chống đạn của Rich Horn. Viên đạn đã giết chết Horn. Trong một tai nạn ở mục nhảy dù, Gary Hershey cũng đã thiệt mạng.

Sau sáu tháng huấn luyện, khoảng bốn đến năm người bị loại trong tổng số ba mươi người tham gia. Mặc dù chúng tôi bị một số chấn thương, nhưng không ai thiệt mạng cả. Đội Anh cả Đỏ nhặt tôi ngay từ vòng đầu. Logo của

Đội Anh cả Đỏ là hình một người Mỹ da đỏ. Một số nhà hoạt động xã hội coi logo này là hình ảnh xúc phạm nước Mỹ. Nhưng căn nguyên của việc lựa chọn logo này là biểu lộ ý muốn mọi người trong đội phát huy lòng gan dạ và kỹ năng chiến đấu của những người Mỹ da đỏ.

Bây giờ tôi là người của một tổ chức bình phong có cấp trên, có địa chỉ và có cả trợ lý trả lời điện thoại. Khi điền những thông tin để xin cấp thẻ tín dụng, tôi không thể công khai với họ tôi làm việc cho Đội đặc nhiệm SEAL số 6. Thay vào đó, tôi phải cung cấp cho họ thông tin về tổ chức bình phong của mình. Khi công tác, tôi phải mặc quần áo dân sự thay vì quân phục. Từ “Đội đặc nhiệm SEAL số 6” không còn được nhắc đến nữa.

Ngay cả sau khi hoàn thành khóa huấn luyện có quân xanh và được nhận vào Đội số 6, chúng tôi vẫn tiếp tục trau dồi kỹ năng bắn súng tại Học viện Bắn súng tự vệ Mid South ở Mississippi do John Shaw huấn luyện. Trường bắn ở đây rất rộng, các mục tiêu ở cả bên trái, bên phải, có mục tiêu ẩn hiện và nhiều loại mục tiêu khác nữa. Tám chúng tôi rời Đội Anh cả Đỏ đến đó huấn luyện. Đêm thứ Sáu, đêm đầu tiên ở đó, cả tám chúng tôi rủ nhau đến câu lạc bộ thoát y bên kia sông ở Tennessee để xem biểu diễn. Chúng tôi có lái xe riêng. Người lái xe này không phải là người của SEAL, vóc dáng thấp bé và rất thích nghe đài phát thanh. Anh ta tên là Willie nhưng chúng tôi đùa vui gọi anh ta là Wee Wee. Anh ta thích đọc mọi thứ nhưng lại là người ít nói. Wee Wee không vào trong với chúng tôi mà ngồi trong xe đọc sách đợi ở bên ngoài. Chiếc xe tải nhỏ chở chúng tôi có màu đen và các cánh cửa cũng màu đen. Chiếc xe mang biển số của Virginia và các nhíp xe vừa được thay mới. Ghế ngồi được lắp theo yêu cầu của khách hàng, đủ thoải mái cho tám người ngồi. Đội số 6 thường đi những chiếc xe có cửa kính chống đạn, có khả năng chạy khi bánh xe hết hơi, có lắp đèn và còi hú của cảnh sát và có các ngăn đựng vũ khí trong xe. Tuy nhiên, chiếc xe này chỉ đơn thuần là một chiếc xe tải chở người và thiết bị ở Mỹ. Sau khi rời khỏi quán, Wee Wee lái xe đưa chúng tôi về.

Tại một cột đèn giao thông, ba tên đi chiếc xe con bốn bánh, hai ống xả dừng ngay cạnh xe chúng tôi. Chúng tôi thấy Wee Wee đeo kính Clark Kent khi anh kéo cửa kính xuống nhưng lại không nhìn thấy tám chúng tôi ngồi trong xe. Một trong ba tên gào lên: “Này tên khốn da đỏ. Lái xe về nhà ngay! Đừng bao giờ lái chiếc xe mang biển số của Virginia, cái bang chết

tiệt đã từng gây chiến với các bang miền Nam trong cuộc Nội chiến. Đây là vùng đất của Tướng Robert E. Lee”.

Một người trong nhóm chúng tôi hét to: “Mẹ kiếp, bọn khốn này!”

Đèn giao thông chuyển sang màu xanh. Wee Wee lái xe tiến lên phía trước đến cột đèn đỏ tiếp theo và dừng lại. Ba gã đó cũng dừng xe lại cạnh chúng tôi.

“Này, cái thằng nhỏ thó kia. Mày vừa chửi đồng phải không?”. Chúng tưởng Wee Wee chửi chúng.

Một người trong số chúng tôi đáp trả: “Này, bọn khốn. Chúng mày cảm thấy như thế nào khi biết bố mẹ chúng mày là anh em của nhau?”.

Lúc này, ba tên đó vô cùng tức giận và hét lên: “Táp vào lề đường ngay, chúng tao phải dạy cho mày một bài học mới được”.

Mồ hôi trên trán Wee Wee bắt đầu túa ra. Anh kéo kính xe lên cao quá mũi. Chúng tôi cố nín thở để khỏi cười phá lên làm ba tên khốn này sợ và biết chúng tôi ngồi sau xe. Một người trong nhóm nói nhỏ với anh lái xe “Wee Wee, hãy lái xe vào bên đường và dừng xe lại.”

Wee Wee lái xe thêm khoảng hai, ba cây số nữa và dừng lại trước khi đến điểm nút giao các đường cao tốc giữa các bang.

Ba tên khốn cứ lặng lẽ bám theo và dừng cạnh xe chúng tôi. Chúng nhạo báng để Wee Wee tức giận ra khỏi xe.

Chúng tôi đứng ngay sát chiếc cửa đẩy bên hông xe sẵn sàng nhảy ra ngoài tiếp chiến. Tôi để tay lên tay nắm cửa. Ngay khi tôi mở cửa, ba người sẽ nhảy ra chặn bên trái, ba người khác sẽ nhảy ra chặn bên phải. Sau khi bố trí xong, chúng tôi bảo: “Wee Wee, dù bọn chúng đến cửa hông đi”. Wee Wee đã thuyết phục được bọn khốn ra cửa hông để tránh ảnh hưởng đến giao thông.

Bọn khốn đi một vòng quanh xe đến bên cửa chúng tôi đang nắp. Ngay khi

chúng vừa đến, tôi mở bung cửa ra. Như một phép lạ, sáu người trong chúng tôi đã đứng thành một vòng tròn vây ba tên khốn vào giữa. Mắt bọn chúng trợn trừng lên cứ như con người sắp lòi ra khỏi mắt đến nơi vậy.

Một trong ba tên khốn nhỏ miếng thuốc lá đang nhai trong miệng ra và nói: “Thấy chưa John, tao đã bảo mày rồi. Có ngày cái mồm của mày sẽ làm hại bọn tao. Tao nói có sai đâu.”

Trước tiên tôi dạy chúng bài học về lịch sử, “Này, cầm mồm ngay! Thứ nhất, bọn tao không phải là những người da đỏ. Thứ hai, Virginia không phải là một bang của người da đỏ. Thứ ba, Tướng Robert E. Lee là người đến từ Virginia.”

Ba tên khốn đã bình tĩnh trở lại và tên John bắt đầu lớn tiếng.

Chúng tôi quyết định dạy cho chúng bài học về cách cư xử, không ỷ mạnh bắt nạt yếu. Nói chung, chúng tôi đã đánh cho chúng một trận thừa sống thiếu chết. Để cho chúng nhớ, một người trong số chúng tôi ra lệnh “Cởi quần ngoài ra ngay”.

Bọn chúng nhìn chúng tôi đầy vẻ ngỡ ngàng. Tuy nhiên, để không bị đánh nữa, chúng ngoan ngoãn tụt quần ra.

Chúng tôi lấy chìa khóa, khóa cửa xe của chúng lại, ném chìa khóa xe vào bụi cây và thu hết quần và giày dép của chúng. “Hãy đến lối ra phía trước, dừng xe tại cửa hiệu 7-Eleven ở bên tay phải và chúng mày sẽ tìm thấy đồ của chúng mày trong phòng tắm.”

Sáng hôm sau, chúng tôi đang ngồi ở thao trường bắn của huấn luyện viên Shaw nhâm nhi ly cà phê trước khi bắt đầu buổi tập bắn thì một sĩ quan cảnh sát, vốn là một trợ lý huấn luyện của Shaw, lái xe đến và bước ra khỏi xe cảnh sát. Ông đi đến phía chúng tôi. Chúng tôi biết rõ ông vì chúng tôi thường xuyên huấn luyện cùng nên chúng tôi ra đó uống cà phê cùng ông. Ông cũng là một tay đua của dòng xe Harley-Davidson, rất giống chúng tôi. Ông nói: “Lúc một giờ ba mươi sáng nay, tôi nghe được một câu chuyện buồn cười nhất từ trước tới nay”.

Chúng tôi ngây thơ hỏi: “Chuyện gì vậy?”.

“Tôi nhận được một cuộc gọi từ cửa hiệu 7–Eleven báo có ba thanh niên mặc quần đùi đi bộ đến cửa hiệu. Người thu ngân đã khóa cửa lại không cho họ vào. Ba thanh niên này nói họ phải vào bên trong để lấy quần áo của họ. Khi chúng tôi đến, một nửa số cảnh sát trong đồn cũng đi cùng. Tôi thè đấy, đúng là có ba thanh niên mặc quần đùi đang đứng ở đó. Chúng tôi nghe hết câu chuyện lạ kỳ của họ. Chuyện là thế này: có một chiếc xe tải màu đen mang biển số Virginia, loại xe trông giống chiếc xe đang đậu đằng kia kìa – ông giơ tay chỉ vào chiếc xe tải của chúng tôi - đậu bên cạnh xe của họ. Bất thành linh, tám gã khốn, giống hết các cậu, vây lấy họ và đánh cho họ thừa sống thiếu chết mà không nói lý do. Nghe xong chuyện, chúng tôi để ba thanh niên này ở trong cửa hiệu 7–Eleven và tìm đồ cho họ khoảng chừng hai mươi phút nhưng chúng tôi chẳng tìm thấy quần áo của họ ở đâu cả.

Đêm hôm đó, chúng tôi buồn cười quá nên đã quên bém chuyện dừng lại ở cửa hiệu 7–Eleven. Quần áo và giày dép của chúng vẫn còn nguyên trong xe của chúng tôi.

Viên cảnh sát tiếp tục: “Trước khi tôi ra về, một trong ba thanh niên đó nói: ‘John, thấy chưa. Tao đã bảo mà. Cái mồm của mày thế nào cũng có lúc hại bọn tao mà.’ Sau đó, hai tên trong bọn còn đấm tên John ngay trước trạm xăng. Chúng tôi ra can họ và hỏi: “Cái mồm gây ra rắc rối” có nghĩa là gì thì bọn chúng đều im lặng. Viên cảnh sát lắc lắc đầu và hỏi: “Các cậu có tin vào câu chuyện điên rồ này không?”

Tất cả chúng tôi đều im lặng. Sau một phút bối rối, chúng tôi cùng đứng dậy và bắt đầu buổi tập bắn.

Cuối buổi chiều hôm đó, viên cảnh sát nói: “Đối với những kẻ mất dạy đó, cũng cần người đánh cho một trận. Cho dù những người đi trên xe là ai đi chăng nữa thì họ đã cứu ba tên mất dạy đó khỏi những người không giữ được bình tĩnh với những lời nói của chúng.”

Chúng tôi gạt đầu đồng tình.

Mặc dù chưa có kinh nghiệm thực tiễn, tôi luôn đề tâm vào mục tiêu tiếp theo: trở thành lính bắn tỉa. Theo quy định, phải là thành viên của Đội số 6 ít nhất ba năm thì mới được nộp đơn đăng ký thành lính bắn tỉa.

Mùa thu năm 1992, tôi nộp đơn xin học tại Trường đào tạo lính bắn tỉa. Chỉ huy trưởng của Đội Anh cả Đổ Denny Chalker bảo tôi: “Cậu là một đặc nhiệm giỏi nhưng thời gian công tác chưa đủ. Cậu phải phục vụ ở đây ba năm trước khi vào học tại Trường đào tạo lính bắn tỉa, đó là luật bất thành văn. Hơn nữa, chỉ huy nhóm của cậu không muốn mất cậu.”

Mặc dù Đội Anh cả Đổ phải cần từ bốn đến sáu lính bắn tỉa nhưng hiện tại mới chỉ có hai lính bắn tỉa. Một tuần sau đó, Denny nói: “Cậu đã biết tin gì chưa? Chúng tôi thay đổi quyết định rồi – cậu có thể đi học. Chúng tôi sẽ cử cậu và Casanova đến học ở Trường đào tạo lính bắn tỉa.”

Mặc dù chúng tôi vẫn ở Đội Anh cả Đổ nhưng chúng tôi cũng trở thành thành viên của Đội Áo đen (Black Team) bao gồm các tay lính bắn tỉa. Casanova và tôi có quyền lựa chọn theo học ở một trong ba trường. Đặc nhiệm SEAL bắt đầu mở trường đào tạo bắn tỉa riêng. Lục quân có tổ chức Khóa học đánh chặn mục tiêu trong các chiến dịch đặc biệt ở Fort Bragg, Bắc Carolina. Lực lượng Lính thủy đánh bộ có trường đào tạo bắn tỉa ở thành phố Quantico, Virginia. Tôi biết học ở trường của Lính thủy đánh bộ là rất vất vả nhưng đây là trường có truyền thống lâu đời nhất, uy tín nhất và quan trọng hơn cả là trường danh giá nhất trên toàn thế giới.

Do vậy, tôi quyết định đến Căn cứ của Lính thủy đánh bộ ở thành phố Quantico để theo học chuyên ngành bắn tỉa. Căn cứ này có diện tích gần 160 km², ngay gần con sông Potomac, Virginia. Học viện Quốc gia FBI và Học viện Phòng chống Ma túy cũng đặt trụ sở tại đây. Nằm ở góc của căn cứ, cạnh đường cao tốc Carlos Hathcock là Trường đào tạo lính bắn tỉa, một trường có những yêu cầu cao nhất. Trong số rất ít những người được nhận vào học thì chỉ có 50% số họ được tốt nghiệp.

Khóa học kéo dài 10 tuần, chia thành ba giai đoạn. Ngày đầu tiên của giai đoạn I: Thiệt xạ và các kỹ năng cơ bản trên chiến trường, chúng tôi phải trải qua đợt kiểm tra thể lực. Những ai không vượt qua lần kiểm tra này đều bị trả về đơn vị chủ quản ngay lập tức mà không có cơ hội kiểm tra lại lần

hai.

Sau khi các cán bộ đưa ra danh sách những học viên đỗ, chúng tôi vào ngồi trong tòa nhà màu đen với các cửa sổ bị bịt kín được gọi là nhà trường. Ở đây, chúng tôi được phổ biến những nội dung chính của khóa học.

Ngày hôm sau, một Trung sĩ lên lớp cho chúng tôi. Trông anh ta độ ngoài bốn mươi với mái tóc cắt ngắn. Anh ta là thành viên trong Hiệp hội các xạ thủ hàng đầu nước Mỹ. Đây là tổ chức gồm 100 xạ thủ có điểm số cao nhất trong cuộc thi bắn súng trường và súng lục được tổ chức hàng năm. Các huấn luyện viên của chúng tôi gồm cả các cựu chiến binh, các chuyên viên hàng đầu và các nhân viên có năng lực nhất.

Trung Sĩ nhấn mạnh: “Lính bắn tỉa có hai nhiệm vụ. Thứ nhất là hỗ trợ các hoạt động tác chiến bằng cách bắn chính xác, hạ gục các mục tiêu đảm nhận từ vị trí ẩn nấp. Lính bắn tỉa không được phép rời vị trí ẩn nấp để bắn mục tiêu. Việc hạ gục các mục tiêu đảm nhận sẽ góp phần quan trọng vào chiến thắng của cuộc chiến. Nhiệm vụ thứ hai là quan sát và thu thập tin tức. Đây là nhiệm vụ tốn nhiều thời gian.”

Trên trường bắn, Casanova và tôi là một cặp huấn luyện cùng nhau. Chúng tôi luân phiên thay đổi vai trò làm tay súng bắn tỉa và người chỉ thị mục tiêu (tính toán tốc độ gió). Đối với súng trường, chúng tôi buộc phải sử dụng loại súng M-40 của lực lượng lính thủy đánh bộ, súng bắn tỉa Remington 700 cỡ nòng 0,308 caliber với băng đạn năm viên. Gắn trên khẩu súng trường này là chiếc kính ngắm loại Unertl 10. Tôi là người bắn trước nên cẩn thận chỉnh thước ngắm. Sau đó, tôi chỉnh độ bù đường đạn do ảnh hưởng của lực hút trái đất ở cự ly bắn 300m. Nếu thay đổi cự ly bắn, tôi sẽ phải chỉnh lại độ bù của đường đạn.

Casanova nhìn qua kính ngắm điểm loại M-49 được đặt trên giá đỡ ba chân. Nếu không có giá đỡ, độ lệch có thể sẽ lớn do tay cầm kính ngắm bị rung. Casanova sử dụng kính ngắm điểm để đo tốc độ gió. Đây thường được xem là thách thức lớn nhất của các tay súng bắn tỉa.

Thông thường, các tay súng bắn tỉa thông qua lá cờ để tính toán tốc độ của gió dựa vào góc bay. Nếu một lá cờ có góc bay 80 độ, lấy con số đó chia

cho hằng số 4 thì sẽ ra tốc độ gió là 20 dặm/h (32 km/h). Tương tự, nếu góc là 40 độ thì lấy 40 chia cho 4 ra tốc độ gió là 10 dặm/h (16 km/h).

Trong trường hợp không có cờ, lính bắn tỉa phải dựa vào kỹ năng quan sát. Nếu người lính bắn tỉa chỉ cảm nhận là có gió thổi và gió có thể làm làn khói chuyển động thì tốc độ gió dưới 3 dặm/h (4,8 km/h). Nếu gió thổi nhẹ thì tốc độ từ 3 – 5 dặm/h (4,8 – 8 km/h). Nếu gió thổi làm lá rung rinh thì tốc độ từ 5 – 8 dặm/h (8 – 12,8 km/h). Nếu bụi và rác bị thổi bay lên thì tốc độ gió từ 8 – 12 dặm/h (12,8 – 19,2 km/h). Nếu các cây lắc lư thì tốc độ gió từ 12 – 15 dặm/h (19,2 – 24 km/h).

Một lính bắn tỉa cũng có thể sử dụng phương pháp dùng kính ngắm đêm. Khi mặt trời đốt nóng trái đất, không khí gần bề mặt trái đất gợn lên thành các làn sóng. Gió đẩy các làn sóng nóng này di chuyển theo hướng gió. Để thấy được các làn sóng nóng này, các tay súng bắn tỉa cần tập trung vào một vật gần mục tiêu. Xoay ống kính một góc 45 độ theo chiều ngược kim đồng hồ, rồi tập trung vào vùng phía trước vùng mục tiêu để có thể nhìn thấy làn sóng nóng. Gió thổi với tốc độ chậm sẽ tạo ra các làn sóng nóng lớn, còn gió thổi nhanh mạnh sẽ làm tan các làn sóng nóng. Phương pháp xác định tốc độ gió kiểu này đã được áp dụng vào thực tiễn.

Gió thổi trực tiếp từ trái sang phải hoặc phải sang trái có ảnh hưởng lớn nhất đối với đường đạn. Loại gió này được gọi là gió ảnh hưởng trực tiếp. Gió thổi xiên từ trái qua phải hoặc từ phải qua trái được gọi là gió ảnh hưởng gián tiếp. Gió thổi từ trước về sau hoặc từ sau lên trước thì ít ảnh hưởng nhất.

Casanova thông báo cho tôi tốc độ gió: “5 dặm/h (8 km/h), ảnh hưởng trực tiếp, từ trái qua phải”. Cự ly 300m nhân với 5 dặm/h bằng 15; 15 chia cho hằng số 15 bằng 1. Tôi điều chỉnh ô kẻ ngang trên kính ngắm sang trái một khác. Nếu trong trường hợp số chia là hai từ bên phải thì tôi phải chỉnh sang phải hai khác trên kính ngắm.

Tôi bắn phát đầu tiên vào bia cố định – trúng. Sau khi bắn tiếp hai bia cố định và hai bia di động nữa, tôi đổi vai trò sang làm người tính tốc độ gió còn Casanova sang vai trò bắn. Sau đó chúng tôi thu gọn trang bị và chạy lùi lại vạch bắn ở cự ly 500m. Tại cự ly bắn này, chúng tôi tiếp tục lần lượt

thay nhau bắn ba bia cố định và hai bia di động. Sau đó chúng tôi lùi xuống bắn ở cự ly 600m. Thật khó khăn để giữ hơi thở và nhịp tim chậm lại sau mỗi lần chuyển vị trí. Tại cự ly bắn 700 m, chúng tôi một lần nữa bắn ba bia cố định nhưng hai bia di động không chuyển động liên tục mà lúc chuyển động, lúc lại đứng im. Tại cự ly 800 m, hai bia di động không di chuyển nữa mà lắc từ trái sang phải và ngược lại ở một vị trí cố định. Tại cự ly 900m và 1.000 m, cả năm bia đều cố định. Với tổng cơ số đạn là 35 viên thì ít nhất phải có 28 viên trúng bia mới đạt yêu cầu. Ở nội dung này, rất nhiều người không đạt yêu cầu và bị loại.

Sau khi kết thúc nội dung bắn trên thao trường, chúng tôi trở về nhà bắn và lau chùi, vệ sinh vũ khí trước khi bước vào nội dung vẽ phác thảo địa hình. Các huấn luyện viên đưa chúng tôi đến một khu vực và nói: “Hãy phác thảo địa hình khu vực từ mép rừng phía bên trái đến tháp nước phía bên phải. Các anh có 30 phút để thực hiện nhiệm vụ.” Chúng tôi cố vẽ cho bằng hết các chi tiết quan trọng trong khả năng của mình theo thứ tự từ gần đến xa: các vật ở gần phải to hơn các vật ở xa. Ở phía dưới bản phác họa, chúng tôi ghi rõ những thứ chúng tôi nhìn thấy. Các huấn luyện viên xếp hạng chúng tôi dựa vào sự rõ ràng, chính xác và giá trị tình báo của bản phác họa. Cứ đạt được 70% trở lên thì đỗ. Sau đó, họ rút ngắn thời gian của chúng tôi xuống còn 15 phút thay vì 30 phút.

Lính bắn tỉa cũng luôn giữ bên mình một cuốn sổ ghi chép để sử dụng cùng với bản phác họa. Điều này có nghĩa là người lính bắn tỉa phải ghi chép những thông tin cần thiết về địa hình, tọa độ, bụi cây, vật cản và đường cơ động để bổ sung cho bản phác họa.

Chúng tôi cũng tham gia nội dung Ghi nhớ nhanh. Huấn luyện viên đặt lên trên bàn từ 10 đến 12 đồ vật: vỏ đạn 9 ly, đèn hiệu, túi đựng đồ loại Ziploc, bút mực, một chiếc kính hồng, ảnh của một ai đó và một số đồ vật khác nữa. Trong vòng từ 10 đến 15 giây, chúng tôi phải ghi nhớ được mọi thứ ở đúng vị trí đặt trên bàn. Sau đó, chúng tôi vào lớp học, lấy một mảnh giấy và vẽ những thứ chúng tôi nhìn thấy. Cuối cùng, chúng tôi phải mô tả bằng lời những đồ vật này. Đôi khi, chúng tôi phải nói chính xác kích thước đồ vật mà chỉ nhìn chúng bằng kính ngắm hoặc ống nhòm. Nếu tôi không thể nhớ được 70% số đồ vật này thì sẽ bị loại. Chúng tôi cũng phải chui rúc trong các bụi cây, bụi cỏ – tìm một vị trí quan sát trong tình trạng các bụi

cây làm cản tầm nhìn của chúng tôi – sử dụng cây cối để che dấu khỏi bị phát hiện.

Trong Giai đoạn II “Trình sát mục tiêu và bắn súng không biết trước cự ly”, những người đã vượt qua Giai đoạn I có nhiệm vụ bắn hạ 100 mục tiêu ở khoảng cách từ 300m đến 800m. Do chúng tôi không biết chính xác khoảng cách từ vị trí đứng đến mục tiêu nên chúng tôi phải ước lượng. Nếu bắn trúng bia mục tiêu ở viên đạn thứ nhất thì được 10 điểm, ở viên đạn thứ hai được 8 điểm. Chúng tôi không được phép bắn ba viên cho một mục tiêu. Khi hoàn thành, Casanova và tôi sắp xếp lại các mục tiêu và thực hiện lại một lần nữa sau khi đổi vai cho nhau. Chúng tôi phải đạt được trên 70% số mục tiêu cần bắn hạ thì mới đạt điểm chuẩn để được ở lại trường.

Ngoài kỹ năng bắn súng, trường đào tạo lính bắn tỉa cũng dạy chúng tôi nghệ thuật ngụy trang. Chúng tôi phải tự chế tác trang phục ngụy trang cho riêng mình. Trước tiên, chúng tôi chuẩn bị quần áo: chỉ lấy phần trên và phần dưới của bộ quần áo dã chiến. Tiếp theo, sử dụng loại dây chỉ bền như loại cước câu cá lớn nặng hơn 5kg, chúng tôi buộc bộ lưới (chẳng hạn như: võng quân sự hoặc lưới đánh cá) vào lưng và khuỷu tay của bộ quần áo dã chiến. Sử dụng keo dán giày Shoe Goo dễ dàng hơn sử dụng kim chỉ rất nhiều. Tiếp theo chúng tôi cắt một vài miếng vải rộng khoảng 2,54 cm, dài 22,8 cm và buộc vào điểm nút ở phần trên của chiếc áo dã chiến buộc với lưới. Chúng tôi kéo theo chiều dọc từ dưới lên trên để cọ miếng vải sần đi. Dùng một bình sơn phớt, sơn màu cho miếng vải. Casanova và tôi buộc lá cây từ phần đầu gối trở xuống, đây là bộ phận lính bắn tỉa phải di chuyển. Lá cây xòe ra trong quá trình người lính bắn tỉa bò trên mặt đất. Chúng tôi rất cẩn thận không buộc bất kỳ một vật nào quá dài vào để tránh nó lác lư sẽ dễ bị phát hiện. Lá cây là tốt nhất vì chúng bền màu. Cỏ bị úa nhanh nhất – chỉ trong vòng khoảng 4 giờ đồng hồ. Xung quanh báng súng trường, chúng tôi quấn vải màu vàng và buộc thắt nút vuông. Chúng tôi cũng làm tương tự như vậy với phần nòng súng và kính ngắm. Sau đó, chúng tôi dán miếng vải màu xanh đậm đã được cắt trước đó ra bên ngoài. Tương tự, chúng tôi cũng làm như vậy với khẩu M-49, ống nhòm và các trang bị khác.

Vào cuối tuần, lúc được nghỉ, Casanova và tôi tập luyện nghệ thuật giấu mình. Chúng tôi làm các bộ quần áo ngụy trang. Sau đó, mặc vào và nằm ở các địa hình khác nhau, thử tìm cách phát hiện ra nhau. Hầu hết thời gian

rồi, chúng tôi chỉ thực hành kỹ năng giấu mình này.

Phân Trinh sát mục tiêu làm nhiều học viên bị loại nhất. Vị trí của mỗi lần Trinh sát mục tiêu đều khác nhau và chúng tôi phải thay đổi bố cục màu sắc và kết cấu quần áo ngụy trang để hòa lẫn với môi trường xung quanh. Lúc nào trong tay cũng phải cầm theo kính ngắm quang học. Mắt thường được sử dụng để nhìn bao quát địa hình. Ống nhòm được sử dụng để nhìn các vật cận cảnh hơn, tuy nhiên vẫn giúp có được cái nhìn bao quát. Kính ngắm của lính bắn tỉa cho phép quan sát kỹ năng nhất các vật nhưng lại không nhìn bao quát được.

Càng tiếp cận gần mục tiêu, lính bắn tỉa càng phải di chuyển chậm. Khi cách mục tiêu khoảng 3 km, lính bắn tỉa cần di chuyển nhanh nhưng phải êm. Sau khoảng 1 km phải cẩn thận hơn, phải điều chỉnh lớp ngụy trang cho phù hợp với địa hình. Khi còn cách mục tiêu chưa đầy 1 km, lính bắn tỉa phải chú trọng khi di chuyển – bò sát xuống mặt đất. Mỗi lần tay chỉ di chuyển về phía trước khoảng 30 cm và cứ 30 giây mới thực hiện một hành động này.

Đôi khi người đi trinh sát phía trước đánh dấu đường đi. Việc làm này tạo khá nhiều thuận lợi cho người đi sau.

Trong vòng ba đến bốn giờ, chúng tôi phải vượt qua chặng đường từ 800 đến 1.200 m, đến cách vị trí quan sát khoảng 200m. Nếu người ở đài quan sát phát hiện ra chúng tôi trước khi chúng tôi đến cách vị trí quan sát 200 m, chúng tôi chỉ được 40 điểm trên thang điểm 100. Với kết quả như vậy, chúng tôi trượt.

Nếu người Quan sát nhìn thấy bụi cây chuyển động, anh ta sẽ dùng vô tuyến điện gọi báo cho giám sát viên (Walker): “Giám sát viên, sang trái 3 thước. Dừng lại. Sang phải 1 thước. Dừng lại. Một lính bắn tỉa ở ngay dưới chân”. Bất kỳ lính bắn tỉa nào ở trong vòng bán kính 30 cm đều bị bắt giữ. Những người bị bắt giữ thường là chưa đến được vị trí cách người Quan sát 200m. Lính bắn tỉa bị lộ sẽ đứng dậy và đi bộ về xe buýt, đạt 50 điểm và trượt.

Khi đến vị trí bắn, cách người Quan sát trong vòng 200 m, chúng tôi phải

lấy súng ra và bắn vào một khoảng trống ở chỗ người Quan sát. Nếu người lính bắn tỉa không phát hiện ra người Quan sát, không đưa ra tốc độ gió hoặc độ cao chính xác hay không bắn từ bệ bắn chắc chắn, sẽ chỉ đạt được 60 điểm và bị đánh trượt.

Nếu chúng tôi làm được tất cả những điều trên nhưng lại để người Quan sát phát hiện ra tiếng nổ, anh ta sẽ chỉ cho giám sát viên vị trí của chúng tôi và đến bắt chúng tôi. Trường hợp này được 70 điểm và đỡ vọt.

Nếu người Quan sát không phát hiện ra tiếng súng từ đâu, giám sát viên sẽ hô vang ở nơi anh ta nghi ngờ có lính bắn tỉa: “Hãy bắn phát thứ hai!” Đa số học viên đều bị lộ bởi người Quan sát đã nhìn thấy bụi cây di chuyển từ phát nổ thứ hai. Trường hợp này được 80 điểm.

Phần cuối cùng của nội dung trình sát mục tiêu là kiểm tra xem lính bắn tỉa có nhìn thấy tín hiệu từ người Quan sát hay không. Nếu lính bắn tỉa không bị phát hiện ở phát bắn thứ hai nhưng vẫn không quan sát được tín hiệu phát ra từ người Quan sát thì được 90 điểm.

Tôi nói: “Mục tiêu đang đập đập tay xuống đỉnh đầu.”

Giám sát viên nói qua vô tuyến điện với người Quan sát “Các lính bắn tỉa nói anh đang đập tay xuống đỉnh đầu.”

“Đúng, rất tốt. Đứng lên. Tới xe buýt. ‘Trình sát mục tiêu chính xác, được 100 điểm’. Chúng tôi cần ít nhất hai lần trình sát chính xác trong tổng số 10 lần ngoài việc đạt được mức điểm trung bình từ 70 trở lên.

Ngay cả vào mùa thu, nhiệt độ là 21 độ C, nhưng Quantico vẫn nóng như địa ngục khi chúng tôi phải khoác trên người bộ quần áo ngụy trang, kéo theo túi đựng trang thiết bị và bò sát mặt đất. Mọi người đều bị mất nước. Sau khi kết thúc nội dung Trình sát mục tiêu, chúng tôi phải quay trở lại và sục sạo các bụi cây tìm những người bị ngất để đưa họ trở về doanh trại.

Casanova và tôi ở tại một khách sạn bên ngoài căn cứ trong khi lực lượng lính thủy đánh bộ ở trong doanh trại đối diện Trường đào tạo lính bắn tỉa phía bên kia đường. Chúng tôi vẫn đang trong chế độ trực chiến. Nếu máy

nhấn tin của chúng tôi đổ chuông và phải thực thi nhiệm vụ, chúng tôi sẽ phải kín đáo rời khỏi nơi ở đi thực hiện nhiệm vụ mà không được phép để cho nhiều người biết điều gì đang diễn ra. Chúng tôi được hưởng những dịch vụ tốt nhất – đi máy bay hạng nhất và thuê xe ô tô chỉ dành cho hai người. Sau mỗi lần thực hành nội dung Trình sát mục tiêu tại phòng khách sạn, tôi phải giúp kiểm tra một số vùng trên cơ thể của Casanova mà anh ấy không thể tự xem xét, xem có con bọ chét nào không để phòng tránh bệnh Lyme. Nếu không được chữa trị, bệnh Lyme sẽ tấn công vào hệ thần kinh trung ương. Casanova cũng làm tương tự như vậy với tôi. Không có việc nào tế nhị và thân mật hơn việc dùng chiếc nhíp để gắp bọ chét ra khỏi hậu môn của đồng đội mình.

Phải sau ba hay bốn lần thực hành nội dung trình sát mục tiêu, tôi mới hiểu hàm ý sâu xa của việc làm trên: Giờ đây tôi hiểu điều họ muốn tôi làm là nhằm mục đích gì. Đó là để giúp chúng tôi không được để hoàn cảnh tác động, không giận dữ và mờ mắt vì ánh hào quang. Trong một lần trình sát mục tiêu trước đó, tôi bò qua một cánh đồng lúa mạch. Một cậu lính trẻ bò ngang qua tôi rất nhanh.

Tôi thăm thì: “Này, cậu đang di chuyển quá nhanh đấy.”

“Qua ông nhòm, tôi đã nhìn thấy người Quan sát. Anh ta vẫn chưa chuẩn bị xong. Tôi đang chuẩn bị hoàn tất phần thi trước khi người Quan sát tìm kiếm chúng ta.”

Đồ ngu.

Cậu lính trẻ di chuyển quá nhanh cắt qua mặt tôi trong tư thế bò thấp.

Chó chết thật.

Một giám sát viên hét to: “Tất cả các tay súng, nằm im!”

Chúng tôi nằm im.

Người Quan sát nói với giám sát viên đứng ngay trước mặt tôi 30 cm.

Lúc này, cậu lính trẻ ở phía trước tôi 1,5m vì cậu ta bò quá nhanh.

Người Quan sát nói qua vô tuyến điện với giám sát viên “Có một lính bắn tĩa ngay dưới chân”.

“Chính xác. Nào Wasdin, đứng dậy”.

Chó chết thật. Liệu tôi có thể làm gì trong tình huống này? Chẳng nhẽ tôi lại quay trở lại nói với huấn luyện viên rằng “Đó thực sự không phải là tôi mà là cậu lính trẻ”.

Bốn mươi điểm. Điều này làm tôi tổn thương ghê gớm, đặc biệt trong những lần trình sát mục tiêu đầu tiên. Điểm số là vấn đề rất quan trọng. Tôi đã nghĩ đến khả năng tôi có thể trượt vì điểm lần này. Trở về đơn vị ở Dam Neck, Virginia và nói với mọi người rằng tôi vừa bị loại khỏi Trường đào tạo lính bắn tĩa thì thật xấu hổ biết chừng nào.

Mặc dù về mặt lý thuyết, chiến thuật của cậu lính trẻ hoàn toàn ổn nhưng làm tôi phải chịu trận thay là không chấp nhận được. Không cần thanh minh gì với huấn luyện viên, tôi gặp riêng cậu ta ở sau doanh trại và nói: “Cậu có thể nghĩ đó là chiến thuật tốt bởi cậu thấy người Quan sát vẫn chưa chuẩn bị xong, cậu tranh thủ tiến nhanh. Nhưng nhớ đừng bao giờ bò sát bên tôi hoặc trước mặt tôi như thế. Nếu cậu làm tôi trượt một lần nữa, chúng ta sẽ nói chuyện kiểu khác chứ không phải nhẹ nhàng như lần này đâu.”

Cậu ta không bao giờ mắc lại lỗi đó nữa và tốt nghiệp Trường đào tạo lính bắn tĩa cùng khóa với tôi.

Ngay cả sau khi đã đủ điểm đỗ nhưng nếu một lính bắn tĩa lặp lại lỗi đã phạm trước đó, các huấn luyện viên sẽ đánh trượt mà không cần xét đến điểm số. Một số lính bắn tĩa bị trượt bởi họ không làm được những bộ quần áo ngụy trang hòa vào môi trường xung quanh.

Này, chúng ta đã bắt đầu nội dung này được một tháng. Chúng ta đã học cách làm các bộ quần áo ngụy trang từ trước khi bắt đầu nội dung này. Tại sao các cậu không chịu ra ngoài quan sát địa hình và làm những bộ quần áo có thể hòa lẫn vào địa hình ở đó?

Một số học viên có thể làm được các bộ quần áo rất giống với môi trường xung quanh nhưng lại không nằm im được. Tôi thấy nhiều bụi bay lên ở những nơi họ ẩn nấp. Những học viên này bò đến cạnh một cái cây nào đó và nghĩ chiếc cây sẽ giúp họ không bị phát hiện. Các huấn luyện viên gọi đó là “các khối u của cây”. Các huấn luyện viên sẽ đưa mắt nhìn các cây từ trên xuống dưới. Khi phát hiện thấy gốc cây có một khối u. Tất nhiên, tay lính bắn tỉa đó trượt.

Một lính bắn tỉa không chỉ đơn thuần khả năng bắn súng cự ly xa. Một vận động viên bắn súng ở Thế vận hội Olympic có thể bắn súng chính xác ở cự ly xa nhưng không biết cách trinh sát mục tiêu thì cũng không thể trở thành lính bắn tỉa. Ở lần trinh sát mục tiêu thứ bảy, tám và chín, các huấn luyện viên gọi tên một học viên bất kỳ. Nếu các học viên này không đạt điểm tối đa, họ sẽ không đủ điểm để tốt nghiệp. Chúng tôi không bao giờ được gặp lại họ nữa.

Tôi đã kết thúc nội dung này với tổng số điểm là 800 hay 850 gì đó, tính cả lần tôi bị 40 điểm do sự thiếu kiên nhẫn của cậu lính trẻ tuổi.

Giai đoạn III: Các kỹ năng nâng cao ngoài thực địa và thực thi nhiệm vụ, bao gồm cả phần thực hành chiến đấu. Không cần biết chúng tôi đã hoàn thành tốt như thế nào ở các nội dung: bắn súng các cự ly, phác họa địa hình, ghi nhớ nhanh, trinh sát mục tiêu, chúng tôi buộc phải vượt qua phần thực hành chiến đấu kéo dài ba ngày. Ở nội dung này, các huấn luyện viên kỳ vọng ở chúng tôi sự chín chắn và khả năng độc lập tác chiến. Lính bắn tỉa thường hành động theo cặp đôi mà không nhận được chỉ dẫn trực tiếp. Lính bắn tỉa phải có khả năng tự ra quyết định, bao gồm cả quyết định tự điều chỉnh để thích nghi với môi trường xung quanh.

Lợi dụng màn đêm, trong nội dung thực hành chiến đấu, Casanova và tôi tiếp cận thành công vị trí ẩn nấp. Trước tiên, chúng tôi đào sâu khoảng 10 đến 15 m, cẩn thận đánh cỏ và lớp đất bề mặt thành những mảng to rồi đặt sang một bên. Tiếp theo, chúng tôi đào một chiếc hầm hình vuông có kích thước 6 x 6m và sâu 5m. Ở đáy hầm, Casanova và tôi đào một hố để đi vệ sinh dài khoảng 2 m, rộng 1,5m và sâu 1 m, dốc 45 độ để thoát nước mưa và phòng khi lựu đạn rơi vào thì cả hai vẫn lăn được ra ngoài. Cũng để

tránh nước mưa làm sập lở hầm, chúng tôi cố định phần mái hầm bằng các bao cát. Tiếp theo, chúng tôi dọn sạch khu vực trước hố bắn để tì khuỷu tay trong khi ngắm bắn. Sau đó, chúng tôi dùng các thanh gỗ, áo mưa, đá, đất, các mảng cỏ (chúng tôi vừa đánh lúc trước) che chắn phía ngoài hố bắn. Cuối cùng, chúng tôi làm một lỗ thoát hiểm phía sau, được ngụy trang bằng các cành cây. Phía trong lỗ thoát hiểm, chúng tôi gài một quả mìn sát thương phòng khi có người đột nhập.

Chúng tôi ghi chép mọi diễn biến xảy ra ở khu vực mục tiêu, một ngôi nhà nằm lơ lửng với những xe chiến đấu bao bọc xung quanh. Một người tuần tra đi ngay trên đầu chúng tôi nhưng không phát hiện ra chúng tôi. Cứ sau một giờ, Casanova và tôi đổi vai bắn tia và chỉ thị mục tiêu cho nhau. Chúng tôi ăn uống, ngủ nghỉ và vệ sinh cá nhân ngay trong hầm. Khó khăn đối với chúng tôi là phần một người gác để người còn lại ngủ. Vào ban đêm, chúng tôi phải ra ngoài và quan sát diễn biến ở ngôi nhà mục tiêu. Qua bộ đàm, chúng tôi nhận được mệnh lệnh tiêu diệt mục tiêu bên cửa sổ: “Một người đàn ông đội mũ đỏ sẽ xuất hiện bên cửa sổ ngôi nhà vào ngày 8 tháng Mười một. Hạ gục mục tiêu.” Nếu người đàn ông đội mũ xanh xuất hiện. Không được bắn.

Trước khi bước vào nội dung này, Casanova và tôi đã chuẩn bị một chiếc thẻ ghi khoảng cách. Khi đến vị trí trú ẩn, chúng tôi thêm vào thẻ một số chi tiết như đặc điểm địa hình và các địa vật khác. Chúng tôi chia thẻ ra thành ba khu vực: A, B và C. Dùng cánh tay và bàn tay đã quy ước từ trước, Casanova ra hiệu mục tiêu của chúng tôi đã đến khu vực B, kim đồng hồ chỉ 12 giờ, cách 500m. Sau đó, Casanova chỉ vị trí ở trên thẻ.

Tôi giơ ngón cái lên hàm ý đã chính thước ngắm vào mục tiêu. Điểm cắt ngang trên kính ngắm nằm đúng ngực mục tiêu đội mũ đỏ đứng bên cửa sổ. Nếu bắn trượt, tôi sẽ không tốt nghiệp. Casanova vẫn còn cơ hội để hạ gục mục tiêu nhưng tôi thì sẽ trượt. Tôi cẩn thận bóp cò. Trúng mục tiêu. Sau khi bắn, chúng tôi bí mật rút lui ra điểm đón. Quá trình rút lui này chỉ cho phép sử dụng bản đồ và la bàn để xác định hướng, chứ không được sử dụng hệ thống định vị GPS.

Khi trở lại nhà bắn, Casanova và tôi thuyết trình lại những gì chúng tôi thấy trên đường vào và trên đường rút lui và cả thời điểm chúng tôi nhìn thấy.

Chúng tôi sử dụng hình ảnh và bản phác họa địa hình trong quá trình thuyết trình. Nguy cơ bị trượt vắn lơ lửng trên đầu chúng tôi.

Huân luyện viên mang quân hàm Thiếu tá nói với chúng tôi: “Hai cậu đã có bài thuyết trình hoàn hảo. Hàm ẩ nấp của các cậu rất tốt. Đích thân tôi đã đi bộ phía trên hàm ẩ nấp đó. Kỹ năng thuyết trình của các cậu thật tuyệt vời.” Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm. Tất nhiên, kỹ năng thuyết trình của chúng tôi rất tốt bởi chúng tôi đã từng thuyết trình khi còn theo học ở Trường đào tạo các kỹ năng cơ bản dưới nước - BUD/S.

Thật không may cho các học viên bắn tỉa khác, chúng tôi là cặp thuyết trình đầu tiên và bài thuyết trình của chúng tôi lại quá tốt. Tôi đưa mắt nhìn quanh căn phòng và các học viên thuộc lực lượng lính thủy đánh bộ không hào hứng lắm với bài thuyết trình của mình. Một cậu lính khá trẻ thuộc lực lượng lính thủy đánh bộ có khả năng bắn súng tuyệt hảo nhưng người thiếu tá chỉ trích họ rất gay gắt và tôi thấy cậu lính thật đáng thương. Cả cậu và đối tác của cậu đều bị bắt sống khi đang ngủ trong khi lẽ ra một người phải thức canh cho người kia ngủ. Quá trình rút lui ra điểm đón họ cũng để bị lộ. Kỹ năng thuyết trình của họ thật tồi. Nếu một lính bắn tỉa không thể nói rõ được cái anh ta nhìn thấy, thông tin anh ta đưa ra không có giá trị. Trong giới bắn tỉa, chúng tôi gọi hai cậu lính trẻ này là “những người bóp cò giỏi”. Nhiều người có khả năng bắn súng giỏi nhưng như thế chưa đủ để trở thành lính bắn tỉa. Tất nhiên, chúng tôi không gặp lại họ ở buổi lễ trao bằng tốt nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp, tôi trở về Đội Anh cả Đỏ nhưng chỉ có rất ít thời gian ghé thăm gia đình. Tại đơn vị, tôi nhanh chóng bắt tay vào học cách bắn súng bắn tỉa 300 Win Mag với kính ngắm Leupold. Việc chuyển từ bắn loại súng bắn tỉa cỡ nòng 7,62 ly của lính thủy đánh bộ sang loại súng Win Mag của Đội Đặc nhiệm SEAL số 6 chẳng khác gì việc chuyển từ đua xe buýt sang đua xe Ferrari.

Chúng tôi vẫn sử dụng loại kính nhìn đêm KN-250. Kính nhìn đêm khuếch đại ánh sáng có sẵn từ mặt trăng và các vì sao, chuyển hình ảnh thành màu xanh và xanh trắng thay vì màu đen trắng. Nhờ đó, lính bắn tỉa có thể nhìn được vào ban đêm.

Sau đó, chúng tôi được đưa đến Fort Bragg, Bắc Carolina học cách sử dụng súng bắn tỉa có lắp ống giảm thanh CAR-15 trong khi vẫn ngồi trên trực thăng.

Casanova, Gã Mập lùn, Sourpuss và tôi còn bay sang Australia tập huấn cùng đơn vị đặc biệt của Lực lượng Không quân (SAS) nước này. Chúng tôi mua vé máy bay hạng nhất và đi hàng không dân dụng từ bờ Đông nước Mỹ đến bờ Tây nước Mỹ. Sau đó, chúng tôi bay đến Hawaii. Từ Hawaii, chúng tôi hạ cánh xuống sân bay Sydney ở bờ phía Đông của Australia. Từ đó, chúng tôi bay qua lục địa để đến Perth, nằm trên bờ phía Tây. Đó là chuyến bay dài nhất trong đời tôi.

Tại Perth, phía ngoài trụ sở chính của đơn vị đặc biệt thuộc lực lượng Không quân Australia có một tượng đài vinh danh những binh lính của đơn vị này thiệt mạng trong quá trình huấn luyện hoặc chiến đấu. Có khoảng 40 lính được vinh danh ở đây, chủ yếu là thiệt mạng trong quá trình huấn luyện. Sau khi vào doanh trại, chúng tôi để vũ khí vào kho và họ đưa chúng tôi đi tham quan đơn vị. Buổi tối, chúng tôi nghỉ tại một khách sạn bên bờ sông Swan. Perth không nổi tiếng như Sydney, nhưng chi phí rẻ hơn và phong cảnh ở đây đẹp hơn.

Việc thành lập lực lượng SAS của Australia và Anh đều chịu ảnh hưởng của lực lượng SEAL và Delta. SAS có nhiệm vụ chống khủng bố và do thám cả trên biển, trên không và trên bộ. SEAL bắt đầu hợp tác với SAS của Australia từ thời chiến tranh Việt Nam.

Khi chúng tôi ra thao trường tập bắn, lính Australia chủ yếu được huấn luyện hạ gục các mục tiêu di chuyển nhanh ở cự ly 200m. Chúng tôi được huấn luyện hạ gục các mục tiêu cố định ở cự ly xa hơn. Lính Australia sử dụng súng bắn tỉa bán tự động còn chúng tôi sử dụng súng bắn tỉa phát một Win Mag. Khi bộ bốn mục tiêu bay qua, chúng tôi vận hành bằng tay khẩu Win Mag phát một cho mỗi mục tiêu và kết quả chúng tôi chỉ hạ gục được một nửa số mục tiêu cần tiêu diệt. Trong khi đó, lực lượng SAS liên tục bóp cò và hạ gục tất cả các mục tiêu. Chúng tôi đã rút ra bài học quý báu ở nội dung này. Tôi nhận ra rằng, trong môi trường phải cơ động nhanh như tác chiến trong thành phố, tốt nhất nên sử dụng loại súng bán tự động đối với các cự ly từ 200 đến 400m. Khẩu CAR-15 tự động của chúng tôi chỉ bắn

chính xác tối đa ở cự ly 200m.

Khi chúng tôi đi ra bắn mục tiêu ở cự ly 500m và 700 m, lực lượng SAS lại rút ra bài học quý giá cho mình. Bởi khẩu súng trường bán tự động của họ không còn chính xác ở cự ly xa hơn 200 m, trong khi đó những khẩu súng trường bắn phát một của chúng tôi vẫn bảo đảm được độ chính xác cao.

Tôi thử bắn mục tiêu ở cự ly 725m. Một lính SAS gọi qua vô tuyến điện: “Phát đó, anh ta bắn có trúng không?”.

“Có.”

Tôi bắn thêm một lần nữa.

“Anh ta bắn có trúng không?”

“Có”.

Quá trình này lặp đi lặp lại thêm một vài lần nữa và kết quả đều giống những lần trước đó. Tay lính này lắc đầu thè lưỡi tỏ vẻ thán phục. Tối hôm đó, chúng tôi đến một quán bar, cậu lính này mua cho tôi một chai bia Red Back. Đây là loại bia làm từ lúa mạch của Australia. Loại bia này được đặt tên theo tên loài nhện độc ở Australia. Nhện cái ăn thịt nhện đực sau khi giao phối. Loài nhện này còn cắn người và tiêm nọc độc gây ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương của người. Đây là loại bia được lực lượng SAS rất ưa dùng. “Một lính bắn tỉa cừ khôi, anh bạn”, anh ta nói với tôi trong sự ngưỡng mộ.

Vài ngày sau, mang theo súng CAR-15, chúng tôi đi thám hiểm vùng xa xôi hẻo lánh ở Australia khoảng 10 ngày. Một đêm, tại một trang trại rộng 8.000 héc ta, chúng tôi leo lên xe tấn công Rang Rover của lực lượng SAS. Mỗi chiếc xe có một chiếc pít tông đặc biệt ở phía trước lưới tản nhiệt. Ở đó, người ta gắn một gói thuốc nổ để sẵn sàng cho nổ tung chiếc cửa khi cần. Sau đó, các đặc nhiệm có thể nhảy ra khỏi xe và tấn công tòa nhà – một cách thức tấn công thật ẩn tượng. Chiếc xe Rang Rover còn có thể phụt khói ra phía sau để cản đối tượng đuổi theo trên đường rút chạy. Trong quá trình lái xe, chúng tôi bắn các mục tiêu di động: các con chuột túi. Chuột túi

thường ăn cỏ trên vùng đất ở các nông trang, đe dọa sẽ làm hỏng cây trồng và chỉ để lại rất ít thức ăn cho gia súc và còn lây lan bệnh dịch. Ngược lại với hình ảnh một chú chuột túi nhồi bông, đặc biệt khi bị chọc tức hoặc bị dồn vào đường cùng, một con chuột túi hoang dã có thể vỗ người bằng bộ móng vuốt trước và phanh bụng kẻ xấu số bằng bộ móng sau cứng chắc.

Casanova, Gã Mập lùn, Sourpuss và tôi đều sử dụng thiết bị cảm quang nhìn đêm và thiết bị laze gắn trên khẩu CAR-15. Bản mục tiêu di động trên xe đang chạy vô cùng khó khăn. Tôi di tia laze vào những con chuột túi. Trên xe chở các đặc nhiệm SEAL, súng của chúng tôi nổ pằng-pằng-pằng-pằng-pằng-pằng.

Bốn lính thuộc lực lượng SAS đi trên xe của họ chỉ nổ có một phát súng duy nhất: Pằng.

Cứ mỗi lần chúng tôi bắn sáu phát, phía lính Australia chỉ bắn một phát.

Lực lượng SAS nghĩ rằng chúng tôi đã quá lãng phí đạn khi bắn sáu viên đạn cho một con chuột túi. Chỉ đến khi đi kiểm tra số chuột túi chết và khi họ nhìn thấy xác chuột túi nằm ngổn ngang quanh chúng tôi, họ mới hiểu số chuột túi chúng tôi bắn chết nhiều gấp sáu lần họ. Họ thốt lên: “Chà, các anh có các thiết bị hỗ trợ xịn thật.”

Ngày hôm sau, chủ trang trại đi ra và nhìn thấy xác chết của đám chuột túi, họ tỏ vẻ biết ơn: “Các anh đã làm một công việc vô cùng hữu ích. Cảm ơn các anh!”

Trở về doanh trại, chúng tôi ngồi trong một phòng họp khang trang. Các đặc nhiệm rót cho chúng tôi một loại rượu dán nhãn của Trung đoàn SAS lấy từ dưới hầm rượu lên. Khi đã ngà ngà, một người lính thuộc lực lượng SAS nói với chúng tôi anh ta từng tham gia cuộc chiến tranh vùng Vịnh lần thứ nhất với nhiệm vụ giống đơn vị Bravo 20 thuộc lực lượng SAS của Anh. Nhóm Bravo 20 là một nhóm gồm tám người được phái đến hoạt động trong lãnh thổ đối phương, có nhiệm vụ phát hiện, báo cáo các vị trí đồn trú của đối phương, phá hủy các mục tiêu như các tuyến thông tin liên lạc cáp quang. Ngày thứ hai của chiến dịch, một người nông dân lái chiếc xe ủi đã phát hiện ra họ. Nhóm này đã để cho người nông dân đi thay vì bắt giữ hay

giết chết ông ta.

Một vài ngày sau, nhóm Bravo 20 sống sót sau một vài cuộc giao tranh trước khi tan rã. Lực lượng dân quân của Iraq giết chết Robert Consiglio, Vincent Phillips và Steven Lane chết vì bị hạ thân nhiệt. Binh lính Iraq bắt giữ Andy McNab, Ian Pring, Malcolm MacGown và Mike Coburn (lực lượng SAS của New Zealand), người sau này được trả tự do. Chris Ryan lẩn trốn quân Iraq khoảng tám ngày, đi bộ chặng đường hơn 300 km để đến Syria. Sau 30 phút nói chuyện, các đặc nhiệm SAS rơm rớm nước mắt. Thông điệp họ gửi tới chúng tôi là “Nếu bạn bị lộ, tốt nhất hãy giết hoặc bắt giữ người đã nhìn thấy bạn chứ đừng để người đó đi.”

Binh lính SAS đối xử với chúng tôi rất tốt. Họ dạy chúng tôi cách sử dụng một số trang thiết bị và chúng tôi cũng làm vậy với họ. Chúng tôi đều tiến bộ hơn nhiều sau đợt huấn luyện này. Tướng George Patton từng nói: “Chuẩn bị kỹ lưỡng chính là tự mang lại may mắn cho mình.”

Chương 9. Thêm một lần khổ luyện

Sau khi Tướng Garrison phát cờ cho lính bắn tỉa của Bộ Chỉ huy Đặc nhiệm Liên quân (JSOC), chúng tôi hiểu rằng không thể phát nào cũng bắn trúng mục tiêu ở cự li 800m trong mọi điều kiện thời tiết và địa hình. Để hoàn thành cự li bắn này, chúng tôi đã bỏ ra một tháng tập luyện bất kể mọi điều kiện thời tiết, ngày hay đêm, dù mệt mỏi thế nào, ở nơi có độ nghiêng, độ cao khác nhau, ở miền quê và đồng bằng ngay cả khi có người bị mắc bệnh... Bắn súng vào những ngày mưa, ngày lạnh hay khi vừa bò ra khỏi các ống thoát nước, chúng tôi đều thử cả. Chúng tôi đã vững vàng hơn rất nhiều: “Chúng tôi có thể bắn chính xác ở cự li 500m trong mọi điều kiện.” Hàng ngày, các tay súng bắn tỉa đều ra thao trường bắn và bắn 10 viên đạn và phải bắn được những phát chí mạng khiến đối phương gục chết ngay khi trúng đạn. Yêu cầu đặt ra là phải có ít nhất 8 trong tổng số 10 viên trúng vòng 5 phía ngoài và ít nhất có 2 viên trúng vòng 4 phía trong theo kiểu bia của FBI.

Sau quá trình tập luyện, Đội đặc nhiệm SEAL số 6 tổ chức cuộc thi để lựa chọn tay súng bắn tỉa giỏi nhất. Trong số 18 người tham gia, tôi về thứ nhất. Điều này làm cho một số người có thâm niên hơn không mấy vui vẻ. Country, công tác trong đội, có thâm niên nhiều hơn tôi một năm, về vị trí thứ hai. Lớn lên ở Alabama, miền Nam nước Mỹ, Country rất to con, tính tình vui vẻ, có mái tóc màu hạt dẻ và nói giọng miền nam. Anh hay kể những câu chuyện săn bắn thời bé, về những con thú anh săn được, về những thứ phải chuẩn bị trước khi đi săn và về hương vị thịt của các loài thú. Có lẽ Country đã bắt đầu săn bắn từ khi mới 10 tuổi. Kinh nghiệm đôi khi có thể là con dao hai lưỡi. Lính bắn tỉa cần phải quên những thói quen xấu.

Đội đặc nhiệm SEAL số 6 cử Country và tôi hợp thành một đội đến tham dự cuộc thi lính bắn tỉa giỏi khu vực tại Sở Chỉ huy Lực lượng Delta ở Bắc Carolina. Các đội khác trong SEAL cũng cử hai người giỏi nhất đi thi. Tương tự như vậy là các thí sinh đến từ Lực lượng Delta, Biệt kích Ranger, đội Giải cứu Con tin của FBI (HRT), Sở Mật vụ, Sở Cảnh sát Hạt Cumberland và nhiều lực lượng khác.

Hàng sáng trên sân tập bắn của Delta, chúng tôi khởi đầu bằng việc bắn mục tiêu di động là đĩa bay từ lỗ bắn ở cự ly 200m. Đĩa bay được đúc từ bột đá có kích cỡ và hình dáng một chiếc đĩa trứng lòng. Đối với Country và tôi, đây là mục tiêu quá dễ dàng. Khi viên đạn bắn trúng, chiếc đĩa sẽ nát tan thành bụi. Những ai thua cuộc đều phải mua một thùng bia. Các tay súng bắn tỉa của đội FBI và Sở Mật vụ là những người thường xuyên phải mua bia.

Chúng tôi cũng phải bắn các mục tiêu từ lỗ bắn mà không biết trước cự ly và không được sử dụng thiết bị laze để đo khoảng cách. Đây là phần khó nhất. Sau khi mục tiêu xuất hiện, chúng tôi còn phải xác định đó là bạn hay thù. Sau đó, nhanh chóng hạ gục mục tiêu trước khi mục tiêu bay vọt khỏi tầm nhìn. Ở nội dung bắn súng chéch, chúng tôi bắn từ trên cao xuống mục tiêu. Kiểu bắn này đòi hỏi cách tính toán hơi khác so với các kiểu bắn khác.

Ở nội dung khác, chúng tôi phải chạy đến một vị trí, ổn định vị trí và bắn. Country cầm khẩu súng của tôi, chạy lên tòa nhà bốn tầng và ổn định vị trí. Tôi leo cầu thang phía sau Country. Do không phải mang theo vũ khí nên khi vào vị trí bắn, tôi có thể nhanh chóng ổn định nhịp thở – chỉ trong vòng vài giây. Với tôi, việc loại ra khỏi đầu những suy nghĩ vớ vẩn đã trở thành bản năng phản xạ vô điều kiện. Tôi siết cò vào mục tiêu đối diện với tôi ở một tòa nhà khác. Cự ly bắn từ 500m đến 700m. Chỉ một vài đội có thể hạ gục được mục tiêu ở tầm bắn này: Đội đặc nhiệm SEAL số 6, Delta, một số biệt kích Ranger và đội Nhà máy điện hạt nhân thuộc Bộ Năng lượng.

Trước khi bước sang buổi sáng cuối cùng của cuộc thi, Country và tôi luôn dẫn đầu. Buổi sáng hôm đó, chúng tôi đã kết thúc bài bắn chuẩn bị. Chúng tôi bước vào nội dung chính. Tôi chỉ thị một mục tiêu cho Country và anh ta bắn đón đầu hạ gục mục tiêu. Sau đó, tôi chỉ thị một mục tiêu khác.

Country nhắm bắn mục tiêu và khi anh ta bóp cò, mục tiêu con tin vẫn bay.
“Chết tiệt!”

Tôi hỏi “Chuyện gì vậy?”

“Tôi nghĩ là tôi vừa bắn vào mục tiêu con tin.”

Nếu không bắn phát đạn nào, chúng tôi không ghi điểm trong nội dung này nhưng vẫn đủ điểm để về nhất. Mặc dù, đó không phải là cú bắn gây chết ngay tại chỗ nhưng chúng tôi vẫn bị trừ 10 điểm. Cặp đôi bắn tỉa giành chiến thắng thuộc về đội biệt kích Ranger, trong đó có một người cùng học với tôi tại Trường đào tạo lính bắn tỉa ở Quantico. Tôi nghĩ, đội Delta về thứ hai. Đội của Nhà máy điện nguyên tử thuộc Bộ Năng lượng về thứ ba.

Do Country và tôi mất điểm vì lỗi đó nên chúng tôi về vị trí thứ tư và nằm trong nhóm ba đội thua cuộc. Cả Country và tôi đều không hài lòng với kết quả này. Đội HRT và Sở mật vụ đứng ở vị trí cuối cùng. Mặc dù như vậy, nhưng điều quan trọng là biết rút kinh nghiệm từ những sai lầm trong quá trình huấn luyện. Với tôi, những cú bắn sau đó tôi đều phải hết sức nghiêm túc.

Chương 10. Ngôi nhà bí mật của CIA – cuộc săn lùng Aidid

Chưa đầy nửa năm sau khi Casanova và tôi kết thúc khóa học bắn tỉa, chúng tôi nhận nhiệm vụ: Bắt thủ lĩnh phiến quân Mohamed Farrah Aidid và các thủ hạ của y. Được đào tạo tại Moscow và Rome, Aidid đã từng phục vụ trong lực lượng cảnh sát thực dân Italia trước khi gia nhập quân đội và sau đó trở thành một vị tướng của quân đội Somali. Phe cánh của Aidid (Habar Gidir), phe cánh của Muhammad Ali Mahdi (Abgaal) và các phe cánh khác đã hòa nhau lật đổ nhà độc tài Somali. Sau đó, các phe phái này đánh nhau tranh giành quyền kiểm soát Somali. Hai mươi nghìn người Somali đã thiệt mạng hoặc bị thương, sản xuất nông nghiệp đình trệ. Mặc dù cộng đồng quốc tế, đặc biệt là Liên Hợp Quốc thông qua “Chiến dịch Văn hồi Hy vọng – Operation Restore Hope” viện trợ lương thực cứu trợ, tuy nhiên, quân của Aidid đã tịch thu rất nhiều số lương thực này bằng cách hăm dọa hoặc sát hại những người không hợp tác với y. Sau đó Aidid đã bán lương thực cho các nước khác để đổi lấy vũ khí. Nạn đói hoành hành, cướp đi sinh mạng của hàng trăm nghìn người và nỗi thống khổ của người dân ngày càng gia tăng. Mặc dù các nhà lãnh đạo khác của Somali đã cố gắng để đạt được một thỏa thuận hòa bình, nhưng đều bị Aidid từ chối.

Ngày 5 tháng Sáu năm 1993, binh lính Pakistan tham gia nhóm viện trợ nhân đạo của Liên Hợp Quốc đã vào Somali để kiểm tra một kho lương thực tại một đài phát thanh. Khi đó, những người thuộc phe phái Aidid tụ tập biểu tình bên ngoài. Binh sĩ Pakistan vẫn tiến vào và hoàn tất việc kiểm tra. Khi họ đi ra, nhóm người biểu tình đã tấn công và giết chết 24 binh sĩ Pakistan. Sau đó, chúng chặt đứt chân tay, moi ruột moi gan và lột da những binh sĩ xấu số này.

Vụ việc này khiến Đô đốc Jonathan Howe, đại diện thường trực tại Liên Hợp Quốc phụ trách vấn đề Somali, vô cùng kinh hoàng. Ngay lập tức, ông treo giải thưởng 25.000 đô-la cho ai cung cấp thông tin về hành tung của Aidid. Cùng đó, Howe còn nhờ Bộ Chỉ huy Đặc nhiệm Liên quân (JSOC) giúp đỡ.

Ngày 8 tháng Tám năm 1993, người của Aidid sử dụng bom điều khiển từ xa sát hại bốn lính Mỹ. Hành động này được ví như giọt nước làm tràn ly. Tổng thống Bill Clinton bật đèn xanh cho JSOC hành động. Đội thực thi nhiệm vụ gồm bộ tứ bắn tỉa chúng tôi được gom từ Đội đặc nhiệm SEAL số 6, lực lượng biệt kích Ranger, lực lượng Delta, lực lượng đặc nhiệm số 160 và một số từ các lực lượng khác. Lực lượng đặc nhiệm 160, có biệt danh “sát nhân bóng đêm – Night Stalker”, đã lái trực thăng bay nhanh trong đêm ở độ cao thấp (để tránh bị radar phát hiện). Chúng tôi tiến hành chiến dịch Rắn Chứa (Operation Gothic Serpent) theo ba giai đoạn: trước tiên, triển khai quân đến Mogadishu và xây dựng một căn cứ ở đây; thứ hai, theo dõi hành tung của Aidid; thứ ba, nếu chúng tôi không bắt giữ được Aidid thì theo dõi và bắt các trợ thủ của y để lần ra dấu vết.

Tại khu tập trung ở Dam Neck, Virginia, bốn chúng tôi gồm Gã Mập lùn, Sourpuss, Casanova và tôi sẵn sàng lên đường đến Somali. Chúng tôi tập luyện, chuẩn bị trang thiết bị, nuôi tóc và râu dài. Công tác chuẩn bị của chúng tôi có cả việc mã hóa các bộ đàm bằng giọng nói. Đây là phần việc tốn rất nhiều thời gian bởi chúng tôi phải nhập rất nhiều mã và tất cả các mã đều phải giống hệt nhau cho tất cả các bộ đàm cầm tay. Chúng tôi đã thống nhất tần số chung. Là một lính bắn tỉa, tôi phải liên lạc với cộng sự của mình là Casanova và sau đó hai chúng tôi phải liên lạc với bộ đôi bắn tỉa khác là Gã Mập lùn và Sourpuss. Tiếp theo chúng tôi phải liên lạc với cơ sở tiền phương. Tôi đã kiểm tra cẩn thận tất cả các trang bị thiết yếu. Sau đó tôi thử lại súng lần cuối. Mặc dù không biết chính xác nhiệm vụ được giao phó, nhưng chúng tôi đều chuẩn bị cẩn thận tất cả mọi thứ.

Sau khi hoàn tất công tác chuẩn bị, chúng tôi bay đến Fort Bragg, Bắc Carolina – trụ sở của Bộ Chỉ huy các Chiến dịch Quân sự đặc biệt và một số bộ chỉ huy của các đơn vị khác, nằm trong khu vực có diện tích hơn 60.000 héc ta, được bao bọc bởi cây xanh và đồi núi. Ở đó, chúng tôi nhận được thông tin chi tiết hơn về nhiệm vụ của mình. Chúng tôi xếp các hộp thực phẩm chồng lên nhau và chuẩn bị mang theo thì một sĩ quan bảo: “Các anh không cần làm điều đó, chúng tôi mang theo rất nhiều thức ăn rồi.”

Vì vậy, chúng tôi bỏ lại thực phẩm ở doanh trại của lực lượng Delta.

Các giảng viên Viện Ngôn ngữ Quốc phòng đã dạy chúng tôi một số cụm từ

quan trọng trong tiếng Somali: đứng lại, xuống, lùi lại, nhanh lên...

Vài ngày sau, nhận được thông báo chiến dịch có thể bị hoãn nên chúng tôi bay về Dam Neck.

Sau đó, một sĩ quan của lực lượng Delta gọi điện thông báo “Chiến dịch vẫn tiếp tục nhưng không phải để tóc dài và râu rậm.” Vì vậy, chúng tôi cắt tóc, cạo râu gọn ghẽ và bay đến Fort Bragg.

Ngày 27 tháng Tám năm 1993, chúng tôi lên chiếc máy bay vận tải C-5A thường dành cho lính biệt kích. Sau mười tám giờ bay, chúng tôi đáp xuống sân bay Mogadishu nằm trong khu tổ hợp của Liên Hợp Quốc. Lực lượng gìn giữ hòa bình của Ai Cập bảo vệ vòng ngoài. Bảo vệ phía trong là lực lượng gìn giữ hòa bình của Italia, New Zealand, Rumani và Nga đảm trách. Chúng tôi được bố trí ở và sinh hoạt tại một nhà chứa máy bay cũ ở phía tây đường băng. Phía trước nhà chứa máy bay là một tòa nhà hai tầng mái lệch – Trung tâm Hoạt động Chung (JOC). Các ăng-ten đâm tua tua trên mái nhà trông chẳng khác gì gai nhím.

Một viên sĩ quan đưa chúng tôi đến nơi ở của Tướng Garrison. Phía trong căn nhà, Garrison không treo ảnh gia đình hay để những đồ dùng lặt vặt, do đó, ngay khi có thông báo, ông có thể đi mà không để lại bất kỳ một dấu vết nào. Viên trợ tá đã đánh thức ông dậy khi chúng tôi đến. Garrison nhìn chúng tôi một lượt và nói: “Xin chào, sao tất cả đều để tóc ngắn? Tôi muốn tất cả để tóc dài, như vậy mới có thể hòa mình vào dòng người trong thành phố và tác chiến được.”

“Chúng tôi được thông báo ngài muốn chúng tôi cắt tóc ngắn, thưa ngài.” Khi đó, chúng tôi ngờ rằng Delta đã cố tìm cách loại bỏ chúng tôi khỏi các hoạt động, đưa bộ binh đi nhưng lại chỉ dùng hải quân để tác chiến.

Tuy nhiên, Tướng Garrison vẫn cho chúng tôi biết kế hoạch hành động. Ông cho biết bốn chúng tôi sẽ là nhân tố chủ chốt của chiến dịch và giao nhiệm vụ.

Sau cuộc họp với Garrison, chúng tôi liên lạc với Cơ quan Tình báo Tín hiệu (SIGINT) do một sĩ quan thông tin của CIA điều hành. Cơ quan này có

nhiệm vụ thu thập tin tức bằng cách chặn thu tín hiệu giữa con người (tình báo thông tin liên lạc) và những bức xạ điện từ phát ra từ công nghệ đối phương như các thiết bị vô tuyến điện, radar, hệ thống tên lửa đất đối không, máy bay, tàu chiến v.v... SIGINT kết hợp giữa giải mã thông tin mã hoá với phân tích đường truyền: nghiên cứu ai đang đánh tín hiệu đi đâu và bao nhiêu tín hiệu được đánh đi. Họ có thể chặn thu cả trên thông tin di động, vô tuyến điện và thậm chí còn nghe được cả các cuộc hội đàm từ rất xa. Đa số nhân viên trong cơ quan SIGINT đều nói được hai hoặc ba ngôn ngữ khác nhau và có máy bay dành riêng.

Tiếp theo, chúng tôi đến khu ở của CIA trên đỉnh đồi để gặp một đặc vụ CIA, vốn là cựu binh từng tham chiến tại Việt Nam, bí danh là Kền Kền (Condor). Cấp trên trực tiếp của Kền Kền là cụm phó cụm hoạt động, là một người Mỹ gốc Italia có bí danh Báo gấm (Leopard). Họ đều phải báo cáo tin tức lên cụm trưởng cụm tình báo CIA, Garrett Jones, bí danh Trăng Khuyết (Crescent). Jones có thân hình đậm và bộ ria kềm. Khi nói chuyện với nhau, chúng tôi thường ví CIA là “Tín đồ Kitô hữu trong hành động” và đôi khi chính các đặc vụ của CIA cũng dùng biệt hiệu này để tự gọi mình. Ở Somali, họ gặp khó khăn, bởi việc đánh cắp bí mật của một nước vô chính phủ là điều vô cùng gian khó.

Trước khi chúng tôi đến, Washington không cho phép CIA vào hoạt động trong thành phố vì thấy việc làm này quá nguy hiểm. Khi chúng tôi có mặt, CIA đã có thể xâm nhập vào thành phố Mogadishu. CIA giới thiệu sơ qua cho chúng tôi những nét chính về thành phố Mogadishu, trong đó có một số nét về văn hoá và lịch sử. Họ cũng đặt bí danh cho chúng tôi dựa theo cấp hàm: Sierra 1 là Sourpuss; Sierra 2 là Gã Mập lùn; Sierra 3 là tôi và Sierra 4 là Casanova. Ngôi nhà bí mật của chúng tôi sẽ được gọi là Pasha, tước hiệu của một người có chức vị cao trong đế chế Ottoman. Ahmed làm nhiệm vụ phiên dịch cho chúng tôi. Hiếm khi nào Ahmed nhìn thẳng vào mắt tôi khi nói chuyện và có vẻ anh ta là người dễ bị kích động. Viên mật vụ chủ chốt người Somali tên là Mohammed. Mặc dù là người ưa mạo hiểm, ông ta lại rất nghiêm túc trong công việc.

Sau buổi gặp mặt với các đặc vụ CIA trên đồi, chúng tôi trở về nhà chứa máy bay và xin cấp bốn loại lựu đạn: AT-4, lựu đạn cay, lựu đạn phát sáng và lựu đạn nổ. Chúng tôi còn đề nghị cấp một chiếc đèn hiệu loại SST-181

để máy bay bay qua có thể xác định được vị trí của chúng tôi khi cần. Chúng tôi cũng học cách bảo vệ ngôi nhà bí mật của mình trong trường hợp kẻ thù tấn công hoặc cách thoát thân khi kẻ thù đánh chiếm. Đêm đó, chúng tôi ở trong nhà chứa máy bay cùng với lính Mỹ, tổng cộng khoảng 160 người. Mỗi người có một chỗ nằm với diện tích 1,2 x 2,4m. Chỗ tôi ở có 4 chiếc cọc gỗ để mắc màn. Những con điều hâu lao xuống và bắt những con chuột to cỡ con cún con tha lên xà nhà cho bữa tối. Giữa các bức tường thép đều có một khoảng trống nhất định nên luôn có ánh sáng rọi vào. Các cửa ra vào nhà chứa máy bay luôn để mở. Những chiếc trực thăng nằm lặng lẽ trên đường băng, không khí sặc mùi dầu mỡ. Do khu đất chúng tôi ở cao hơn các khu khác nên tôi có thể nhìn thấy ánh sáng lóe lên từ các cuộc đọ súng ở Mogadishu. Có một lá cờ Mỹ treo trên rui nhà phía sau chúng tôi. Tôi có thể cảm nhận được vị mặn của nước biển lẫn trong không khí vì biển ở ngay phía sau nhà chứa máy bay. Mặc dù nơi ở có đầy đủ tiện nghi nhưng cả bốn chúng tôi không được phép ở lại lâu. Aidid đã bắn ba quả đạn cối nổ ngay gần nhà chứa máy bay như một “nhã ý” chúc chúng tôi một đêm an lành. Một người nào đó đã tinh ý quay những bóng điện của nhà chứa máy bay hướng xuống dưới.

Thứ Bảy, ngày 28 tháng Tám năm 1993, chúng tôi mã hoá radio cầm tay loại PRC-112 trước khi xuất phát. Bên ngoài, thời tiết vô cùng khắc nghiệt, đoạn đường nhựa dưới chân như muốn tan chảy khi cuộc bộ đến chỗ máy bay trực thăng. Tôi đeo kính râm Oakley mắt để giảm bớt sự chói chang của mặt trời và kiểm soát cơ thể lấy lại cảm giác yên bình. Mặc dù khi đeo kính râm thì không thể giao tiếp bằng mắt nhưng nó lại giúp nguy trang, dọa người khác, che giấu cảm xúc và ý nghĩ. Giống như một người bạn tốt, kính râm là món đồ chúng tôi luôn mang theo bên mình.

Một số binh sĩ thuộc lực lượng Delta đã ngồi sẵn trên đó và chiếc máy bay sẵn sàng cất cánh để bay huấn luyện.

Phi công thuộc lực lượng đặc nhiệm số 160 đều là những tay lái hàng đầu thế giới. Họ nói với nhóm Delta: “Chào, xin lỗi, chúng tôi phải tiến hành một chiến dịch thực thụ. Các anh biết đó, chúng tôi cần phải để những anh chàng này lên cùng”.

Nhóm Delta làm bầm và tỏ ra không vui: “Lạy Chúa, chúng tôi không

muốn chen chân trong chiến dịch này.” Chúng tôi lên trực thăng và nói “chúng tôi sẽ kể lại với các anh khi quay về.”

Bốn chúng tôi chia nhau ngồi ở hai bên cửa máy bay để, chân để buông ra bên ngoài. Sau khi cài chặt thắt lưng an toàn, chiếc trực thăng bắt đầu cất cánh. Nhóm Delta trở thành các chấm nhỏ xíu khi máy bay đạt độ cao.

Chiếc trực thăng đưa chúng tôi vào sâu trong vùng lãnh thổ của Somali để có thể tìm được đường chính và đường phụ phục vụ cho việc đi và về ngôi nhà bí mật. Mặt trời chói chang và khung cảnh chiến tranh khiến chúng tôi cảm tưởng Mogadishu như chìm trong biển lửa. Các thánh đường Hồi giáo là những kiến trúc duy nhất cả hai bên tham gia cuộc nội chiến không dám động đến. Còn lại đa số các tòa nhà đều bị phá hủy. Người dân sinh sống trong các túp lều có vách làm bằng bùn, mái tôn trong mê cung của những con đường đất. Những đồng bê tông đổ nát, những khối sắt thép bị vụn cong và khung xe cháy nằm rải rác khắp nơi. Quân phiến loạn tay cầm súng AK-47 ngồi trong thùng các xe vận tải quân sự chạy băng băng trên đường phố. Lửa từ các đồng rác, đồng kim loại và lốp xe ô tô ngày càng cháy to. Những cột lửa này trông giống như phát ra từ địa ngục.

Quay trở lại khu biển, chúng tôi do thám tìm địa điểm cất hạ cánh máy bay gần ngôi nhà bí mật để bảo đảm nhanh chóng lên đường khi nhận nhiệm vụ đột xuất. Trong chuyến bay, do thám các vị trí trên bờ biển để khi cần chúng tôi cũng có thể xuất phát bằng đường biển. Vùng biển này có bãi cát màu trắng và nâu nhạt. Hẳn nơi đây đã từng là một khu nghỉ mát lý tưởng.

Kết thúc chuyến trinh sát, chúng tôi lái chiếc Humvee ra khỏi khu ở qua một chiếc lỗ bí mật ở hàng rào phía sau và đi ngược lên đồi. Ở đây, nhân viên của CIA giới thiệu ngắn gọn cho chúng tôi hiểu về tình báo con người (HUMINT). Công nghệ rất hữu ích trong hoạt động gián điệp, nhưng chúng chẳng mấy ý nghĩa nếu không có người dũng cảm đột nhập vào lãnh thổ đối phương. CIA nêu ra những vấn đề hợp lý – con người có thể nghe, nhìn còn công nghệ thì không làm được điều đó và do vậy không hiểu được bối cảnh xung quanh.

Gã Mập lùn sử dụng sơ đồ của Pasha để lập kế hoạch tiếp cận ngôi nhà bí mật và phân công nhiệm vụ cho từng người. Anh ta giao cho tôi nhiệm vụ

tuần tra, cảnh giới và giao cho Casanova nhiệm vụ chỉ đạo hành động trong cuộc chiến. Gã Mập lùn cũng tiến hành thử các thiết bị thông tin liên lạc. Sourpuss rất thích kiểu tập luyện bơi và chạy của Đội đặc nhiệm SEAL số 6, nhưng khi bước vào thực hành, Sourpuss lại tỏ ra kém cỏi cả về tài năng và nghị lực. Lẽ ra phải đóng vai trò trung tâm dẫn dắt và lập kế hoạch, nhưng anh ta lại tự giới hạn vai trò của mình ở mỗi việc bố trí ai là người đứng trên mái nhà Pasha và ở thời điểm nào. Bốn chúng tôi cũng bắt đầu xây dựng một sa bàn về thành phố Mogadishu.

Trước khi xuất phát, Trăng Khuyết đưa cho chúng tôi bản tóm tắt các nhiệm vụ. Mặc dù chúng tôi đã gặp CIA, SIGINT và thông dịch viên của mình, chúng tôi sẽ vẫn phải hợp tác với họ ở huyện Lido, phía bắc tỉnh Mogadishu, gần trung tâm đầu não của kẻ địch. Tại Pasha, chúng tôi sẽ có thêm nhiều người khác tham gia cùng: lực lượng bảo vệ, đầu bếp và các mật vụ – là những người dân địa phương cung cấp tin tức tình báo cho chúng tôi. Trăng Khuyết nói với chúng tôi: “Nếu các anh không thoả mái với bất kỳ người nào, họ sẽ ra đi. Giờ là lúc các anh thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp các anh bị lộ, Tướng Garrison sẽ đưa các anh ra khỏi đó trong vòng mười lăm phút. Chúc may mắn!”

Tờ mờ sáng thứ Hai, ngày 29 tháng Tám năm 1993, chúng tôi bay trên trực thăng Black Hawk khoảng 5 km về phía tây bắc, băng ngang thị trấn để đến sân vận động Mogadiscio. Đây là sân vận động quốc gia của Somali có sức chứa tới 35.000 người, nơi tổ chức các trận đấu bóng đá và các sự kiện khác. Chỉ chưa đầy năm phút chúng tôi đã tới nơi. Do nằm trong khu ở của lính Pakistan nên chúng tôi gọi đó là sân vận động Pakistan. Từ đây, chúng tôi lên ba xe tải của người bản địa. Nhưng do chỉ cần hai chiếc nên chúng tôi sử dụng chiếc thứ ba làm xe hậu cần và cũng phòng sự cố một xe nào đó hỏng trên đường đi. Nhìn những chiếc xe này, tôi cứ nghĩ phải có một phép lạ nào đó thì chúng mới chạy được. Người Somali thường sử dụng đồ dùng cho đến khi hỏng không thể dùng được nữa. Người làm cho đồng sắt vụn này chuyển động được quả là những tay siêu hạng.

Chúng tôi lái xe ra khỏi sân vận động vào thành phố. Không khí trong thành phố sặc mùi nước tiểu và phân người hòa trộn với mùi xú uế bốc từ nạn đói, bệnh tật và tuyệt vọng. Những mùi vị này lớn vờn trong không trung như một đám mây đen bao trùm lên thành phố. Nó làm trái tim tôi nghẹn lại.

Người Somali đổ chất thải thô ra đường phố rồi sử dụng chúng và phân động vật làm nhiên liệu đun nấu bằng những chiếc bếp sắt tròn hoen gỉ. Những đứa bé ở độ tuổi tiểu học mang súng AK-47. Chúng tôi đã được biết bệnh tả đang hoành hành trong thành phố vì nguồn nước bị ô nhiễm. Mogadishu trông như phần còn sót lại của thế giới cô tịch – nhiệm vụ của chúng tôi là phải ngăn chặn những kẻ ác độc và cứu vớt dân lành. Chuyện này không thành vấn đề, chúng tôi là lực lượng SEAL. Đây là điều chúng tôi phải làm.

Lái xe khoảng gần 1 km, chúng tôi đến Pasha. Lính canh người Somali mở cổng để chúng tôi vào. Trước đó, chúng tôi đã phải một mật vụ đưa cho họ chiếc radio để làm công tác chuẩn bị đón chúng tôi. Ở mỗi thời điểm có bốn lính bảo vệ Pasha. Bốn người khác sẽ luân phiên đổi ca. Tất cả những lính canh này đều luôn cảnh giác cao độ.

Những cánh tay gầy nhẳng, khăng khiu của họ làm cho khẩu AK-47 trông to tướng. Họ mặc áo ngắn tay. Chúng tôi phóng nhanh vào bên trong và lính canh đóng cổng lại.

Pasha là tòa nhà hai tầng được bao quanh bằng các bức tường bê tông cứng nhắc. Trước đây, nó là nhà ở của một bác sĩ giàu có. Ông này đã cùng gia đình bỏ chạy khi Somali không còn là nơi an toàn cho họ nữa. Tình trạng đói nghèo ở Somali là nguyên nhân gây ra nạn trộm cướp. Do vậy, người ta đã xây các bức tường bê tông xung quanh ngôi nhà. Các thợ xây đã cắm các chai thủy tinh lên các lỗ trên bức tường khi bê tông còn ướt, sau đó đập bỏ phần đầu của những chai này khi bê tông đã khô. Bất kỳ ai muốn trèo qua bức tường đều phải trèo qua những chai thủy tinh vỡ. Mặc dù biện pháp này khá hiệu quả, nhưng trông bức tường thật mất mỹ quan. Vào một buổi tối, có tiếng súng nổ cách đó hai nhà. Sau đó, chúng tôi được biết đó là tiếng súng chủ nhà bắn tên cướp. Những tên cướp thường xuyên lượn lờ qua chỗ chúng tôi ở bởi khu vực này có nhiều người khá giả sinh sống.

Bên trong, nước được lấy từ vòi nhờ trọng lực chứ không bằng áp suất. Khi mở các van, nước sẽ chảy xuống từ chiếc thùng để trên mái nhà. Tuy nhiên nước chảy rất chậm. Chúng tôi không thể uống nước này nếu chưa cho chạy qua thiết bị lọc Katadyn để loại bỏ các vi trùng gây bệnh. Đôi khi chúng tôi đun nước sôi để dùng, nhưng phần lớn là dùng nước đóng chai. Theo mức

sống của người Somali, chúng tôi là những người khá giả.

Tôi chắc rằng khi vị bác sĩ này bỏ đi, hẳn ông đã mang theo tất cả đồ nội thất còn tốt. Trong nhà chỉ còn lại một chiếc bàn. Tôi có một chiếc giường cỡ 1,2 x 2m và một chiếc chiếu mỏng. Tuy nhiên, so với việc phải sống trong lều và ngủ trong bùn đất như hầu hết mọi người trong thành phố thì cuộc sống của chúng tôi vẫn sướng như vua.

Khi chúng tôi tháo dỡ hành lý ra, một lính canh gầy gò có cân nặng ước chừng 55 kg cúi xuống cầm lấy một túi đồ khá nặng. Tôi đang định xách lên nhưng anh ta nâng nặc đòi tôi để anh ta mang giúp. Anh ta nhắc bổng túi đồ đặt lên vai và bước lên cầu thang.

Đầu bếp người Somali của chúng tôi đến đúng hẹn. Ông ta nấu món ăn halal theo chế độ ăn uống của Đạo Hồi – không thịt lợn, không rượu v.v... Thức ăn Somali là sự kết hợp cách nấu nướng của các nước Somalia, Ethiopia, Yemen, Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ và Italia với nhau. Cách nấu ăn này bắt nguồn từ lịch sử giao thương lâu đời của Somali. Bữa sáng, chúng tôi ăn bánh ngọt nhân kẹp mỏng và có hình thù giống bánh mì. Loại bánh này tên là bánh canjeero. Đôi khi chúng tôi ăn cháo boorash phong cách Italia kèm với bơ và đường.

Bữa trưa, đầu bếp nấu các món ăn từ loại gạo hạt dài basmati. Ông nêm thêm một vài gia vị như hành, tỏi, quế, thì là và cây xô thơm để món ăn hấp dẫn hơn. Chúng tôi cũng ăn cả mì ống baasto kèm với món hầm và chuối, chứ không ăn kiểu mì ống sốt vang.

Đầu bếp ninh nhừ đỗ azuki bằng ngọn lửa liu riu trong khoảng nửa ngày. Sau đó, ông cho đường và bơ vào để nấu thành món ăn tối cambuulo.

Đồ uống ưa thích của tôi là trà Rooibos đỏ, có hương vị thơm và ngọt tự nhiên. Tại Pasha, chúng tôi không bao giờ ăn đồ ăn đóng gói. Giá như biết trước thức ăn ở đây tuyệt vời như thế này, chúng tôi đã chẳng mang theo những gói đồ ăn này.

Mặc dù không được cung cấp đầy đủ những đồ ăn dinh dưỡng cần thiết, nhưng những người lính bảo vệ không bao giờ nghĩ đến việc lấy đồ ăn

chúng tôi không dùng đến. Chúng tôi phải mời, thậm chí phải nói khéo để họ nhận số thức ăn đó. Chúng tôi cho họ tất cả số đồ ăn đóng gói mang theo, ngoại trừ những gói có chứa thịt lợn vì họ theo Đạo Hồi nên không được phép ăn. Tuy nhiên, họ chỉ ăn một ít, còn lại mang về cho gia đình. Ngoài ra, chúng tôi còn cho họ những vỏ chai nước để họ dùng làm đồ đựng nước. Theo phong tục, họ thường bắt tay chúng tôi và sau đó đặt tay chúng tôi lên ngực trái (nơi có trái tim) của họ như một cử chỉ thể hiện sự tôn trọng và biết ơn đối với chúng tôi. Người thông dịch viên bảo chúng tôi rằng những lính bảo vệ rất hạnh phúc khi người Mỹ có mặt ở đây. Họ rất thán phục vì chúng tôi đã rời xa gia đình, mạo hiểm tính mạng đến đây để giúp đỡ họ. Mặc dù một số phương tiện truyền thông cho rằng chúng tôi đến đây để bắt nạt người Somali, nhưng họ đều chẳng tin điều này. Tôi nghĩ đa số người Somali đều muốn chúng tôi giúp họ kết thúc cuộc nội chiến nơi đây.

Nếu tính ra tiền thì chi phí của những bữa ăn này vượt xa số tiền phòng thân Đội đặc nhiệm SEAL số 6 cấp cho chúng tôi. Tôi cuộn tròn những đồng 100 đô-la của mình lại và nhét vào báng khẩu CAR-15. Tôi lên kế hoạch cho riêng mình trong trường hợp buộc phải bỏ trốn khỏi đây. Khi đó, tôi sẽ tìm một ngư dân Somali và thuê anh ta đưa tôi xuống bờ biển Mombasa, Kenya. Ở đây, quân đội Mỹ sẽ bố trí người đón và chăm sóc tôi.

Nhiệm vụ của các mật vụ người Somali là ngày nào cũng phải đến Pasha, do vậy Kèn Kèn đã nói cho chúng tôi một số kí tín ám hiệu để hiểu được hành động của các mật vụ này. Chẳng hạn, bình thường người mật vụ phải đến Pasha từ hướng đông nam, nhưng anh ta lại đến từ hướng tây nam, khi đó chúng tôi phải hiểu rằng anh ta đã bị cưỡng ép làm điều này hoặc anh ta đang bị theo dõi. Lúc này, chúng tôi có nhiệm vụ phải bắn chết cái đuôi đang bám theo anh ta. Người mật vụ của chúng tôi có thể thực hiện một hành động rất đơn giản như dừng lại một vài giây ở một góc quạt nào đó và chúng tôi phải nhanh chóng nhắm đạn tiêu diệt kẻ bám đuôi. Nếu anh ta dừng lại hai lần thì chúng tôi phải nhắm đạn kết liễu cả hai tên theo sau. Quy trình đưa ra ám hiệu của chúng tôi đủ kín kẽ để kẻ địch không thể nhận ra chúng tôi đã ra hiệu cho nhau mặc dù những tín hiệu này rất đơn giản và dễ nhớ. Trước khi hành động, chúng tôi đã ôn lại các ký tín ám hiệu với các mật vụ. Theo bố trí, đặc nhiệm SEAL trên mái nhà có nhiệm vụ kín đáo bảo đảm sự an toàn cho quá trình lui tới của người mật vụ và phát hiện kẻ trà trộn.

Thông thường, khi người mật vụ đến vào buổi tối thì đều cầm theo một chiếc đèn hồng ngoại hoặc đèn nhấp nháy.

Động cơ chung nhất của các mật vụ này là tiền. Mặc dù, đôi khi họ giúp đỡ chúng tôi vì một lý do cao cả nào đó, nhưng đa số đều bị đồng tiền sai khiến. Tuy nhiên, ở một đất nước nghèo đói như Somali thì số tiền chúng tôi phải trả cho họ là không nhiều lắm.

Cùng ngày, bốn lính thuộc Cơ quan Tình báo Tín hiệu (SIGINT) cũng đến. Họ đến bằng con đường khác chúng tôi. Ngay khi đến, họ dựng phòng làm việc trông giống hệt phòng điều khiển phóng tên lửa vào không gian của NASA, có các màn hình, các nút điều khiển, thiết bị chuyên mạch. Họ dựng cột ăng-ten và các thiết bị khác trên mái nhà. Nhìn bên ngoài, nơi này chẳng khác gì trụ sở đài truyền hình CNN.

Gã Mập lùn triệu tập mọi người lại và phổ biến kế hoạch đột nhập và tháo lui. Như mọi khi, gã mang bên mình con dao Randall. Thật đúng là “Người bé, dao lại lớn”. Tôi tóm tắt lại kế hoạch tác chiến. Casanova chia bốn chúng tôi thành hai cặp tuần tra: Tôi cặp với Casanova, còn Gã Mập lùn cặp với Sourpuss.

Tám sa bàn về thành phố của chúng tôi hoàn tất, nó che khuất toàn bộ bức tường lớn nhất trong ngôi nhà. Khi mật vụ nói cho chúng tôi biết khu vực nguy hiểm, chúng tôi sẽ đánh dấu vị trí đó bằng các đinh ghim và mã hoá bằng tọa độ ô lưới để khi cần có thể gọi điện tấn công vào vùng đó.

Trong một bản tóm tắt riêng, một mật vụ đã chỉ cho chúng tôi biết những vị trí lãnh chúa Somali, Mohamed Farrah Aidid có thể trú ẩn. Ngay lập tức chúng tôi đóng các đinh ghim lên các vị trí này trên sa bàn: Khách sạn Olympic, các doanh trại của các sĩ quan v.v... Sau đó, chúng tôi gửi các tọa độ dưới dạng tám chữ số này cho Trăng Khuyết.

Cùng ngày, hai mươi viên đạn cối đã nã trúng sân bay, trung tâm hoạt động chiến thuật và trụ sở CIA. Một viên rơi gần ngay khu ở của CIA và thổi bay tất cả các cửa sổ của căn phòng này. Rõ ràng, thuộc hạ của Aidid đã phát hiện ra các mật vụ lui tới nơi ở của CIA. Cũng trong ngày hôm đó, một loạt đạn nữa lại bắn vào khu chúng tôi ở.

Chúng tôi tăng cường tuần tra canh gác Pasha gắt gao gấp hai lần so với trước đó và giải thích cho mọi người hiểu khái niệm “thu dọn và tẩu thoát”: thu dọn các máy mã của SIGINT, bỏ chúng vào một chiếc ba lô, dùng lựu đạn nhiệt phá hủy các thiết bị khác của SIGINT, ấn định điểm tập trung và sau đó rút lui.

Đêm đầu tiên, Casanova và tôi gác trên mái nhà. Mùi thối giống mùi xác chết động vật ngập tràn trong không khí. Tôi lẩm bẩm: “Chẳng biết mùi quái quỷ gì mà kinh tởm thế”.

Thứ Hai, ngày 30 tháng Tám năm 1993, tôi đưa mắt nhìn những ngôi nhà xung quanh để xem mùi kinh khủng đó bốc ra từ đâu, nhưng mùi đó đã biến mất. Trong khi tôi đang nhâm nhi chén trà ở tầng dưới thì một mật vụ viên đến đưa tin. Tôi mời anh ta cốc trà.

Anh ta lịch sự từ chối.

Tôi cố nài “Không vấn gì đâu, anh cứ uống đi.”

Anh ta chỉ uống một nửa cốc cứ như kiểu tôi ban cho anh ta một vật gì đó vô cùng giá trị vậy. Người Somali luôn hành xử kiểu đó vì không muốn người khác nghĩ họ quá tham lam.

SIGINT thông báo cho chúng tôi là họ vừa chặn thu được một cuộc trao đổi giữa bộ phận điều khiển bắn với bộ phận bắn. Theo đó, các tay súng sẽ bắn từ những vị trí được nguy trang kín đáo, còn lực lượng điều khiển sẽ quan sát xem các viên đạn có trúng mục tiêu hay không. Nếu đạn pháo nã trúng mục tiêu, người điều khiển sẽ đánh giá mức độ thiệt hại của đối phương. Bộ phận điều khiển bắn khuyến bảo “không được nhai lá ‘Khat’ trong khi bắn và khi đánh giá mức độ thiệt hại sau trận đánh”. Khat là một loài cây ở Somali. Lá cây này có chứa chất kích thích tạo cảm giác hưng phấn, làm mất cảm giác thèm ăn và tạo ảo giác. Người dùng sẽ bỏ vài chiếc lá vào miệng và nhai giống như nhai thuốc lá. Đa số các tay súng của Aidid làm nhiệm vụ của mình là để mong được đổi lấy lá Khat. Nhóm người này phải phục tùng Aidid để tiếp tục được cung cấp lá Khat thỏa mãn cơn nghiện, giống như những tên ma cô cho gái điếm hút chích để dễ bề kiểm soát. Do

loại lá này làm mất cảm giác ngon miệng nên Aidid không cần phải cho họ ăn nhiều. Đội quân này rõ ràng không có tinh thần kỷ luật cao. Mặc dù không có điều gì xảy ra trong thời gian này, nhưng sau đó, SIGINT sử dụng vô tuyến điện gọi máy bay đến không kích vào các khu vực quân sự và đã thắng lợi khi diệt được một số trận địa pháo của đối phương.

Tối hôm đó, mùi thối lại bốc ra. “Cái quái gì vậy?” Tôi rời mái nhà, bí mật đi đến ngôi nhà kế bên. Tôi nhìn thấy một cậu thiếu niên đang ngủ trên một tấm đệm ngay dưới mái hiên. Khi cách một đoạn khoảng 10 m, tôi đã hiểu mùi thối bốc ra từ đâu. Sau này tôi mới biết, cậu bé trạc 14 tuổi đó đã giẫm phải mìn ở sân trường. Quả mìn lấy đi cả chiếc chân phải của cậu. Một phần chân trái cũng bị quả mìn thổi bay. Vết thương không được chữa trị đang dần chuyển sang giai đoạn hoại tử. Thuộc hạ của Aidid đã cài đặt chất nổ ở sân trường sát hại hoặc gây thương tật cho trẻ em với mưu đồ không để các em trưởng thành và gia nhập quân đội. Vết thương ở chân của cậu bé bốc mùi quá khó chịu khiến gia đình của cậu không thể chợp mắt nổi. Do vậy, họ mới bắt cậu phải ra ngoài hiên ngủ. Ban ngày, họ lại đưa cậu vào trong nhà. Tôi đã đề nghị CIA cho phép giúp cậu bé. Tuy nhiên, yêu cầu này không được chấp nhận vì họ sợ bị lộ.

Chúng tôi nhận thấy hoạt động trên con đường phía trước Pasha và các tòa nhà bên cạnh rất tập nập từ lúc 22 giờ đêm đến 4 giờ sáng hôm sau. Theo tin tức báo cáo, Aidid thường tung người ra hoạt động vào thời điểm đó, do vậy lúc 3 giờ sáng, lực lượng Delta đã dùng dây thừng tụt ra khỏi ngôi nhà Ligato Lig. Họ bắt được chín người. Nhưng thật không may, tất cả số bắt được này đều là nhân viên của Liên Hợp Quốc và lính canh người Somali. Delta trắng tay trong vụ này.

Thứ Ba, ngày 31 tháng Tám năm 1993, một mật vụ phát hiện thấy Aidid trong một chiếc xe. Trăng Khuyết muốn viên mật vụ triển khai ngay một máy phát sóng di động trong xe, nhưng Kền Kền không muốn hy sinh viên mật vụ này nên đã bác bỏ kế hoạch vì nó quá mạo hiểm.

Aidid lẩn như trạch. Thay vì ở nhà, hắn sống với người thân. Mỗi nơi hắn chỉ ở một, cùng lắm là hai đêm. Khi di chuyển, đôi khi hắn sử dụng cả một đoàn xe mô tô hộ tống, nhưng có lúc hắn chỉ sử dụng một chiếc xe đưa đón. Hắn thường ăn mặc giả gái để tránh bị phát hiện. Trong phe cánh của mình,

Aidid rất được sùng bái nhưng các phe cánh khác lại chẳng ai ưa hẳn cả.

Casanova và tôi ăn vận quần áo giống người dân địa phương và sử dụng chiếc xe Jeep hiệu Cherokee để đi trinh sát. Chiếc Jeep này đã bị va đập một vài lần nhưng nó đã được chúng tôi bí mật bọc thép. Tôi vẫn khăn trên đầu, mặc áo sơ mi hoa kiêu Somali và mặc chiếc váy macawi ra ngoài chiếc quần dã chiến của mình. Nhờ bộ râu tốt lên và nước da ngăm đen mà tôi dễ dàng qua mặt đám lính gác người Ả Rập. Về vũ khí, chúng tôi mang theo khẩu CAR-15 có lắp ống giảm thanh. Chúng tôi để dưới chỗ ngồi và lấy chiếc váy phủ lên. Bên trong túi đồ của chiếc quần dã chiến, tôi còn nhét thêm một khẩu CAR-15 và một khẩu súng lục SIG 226 cỡ nòng 9 mm trong áo sơ mi.

Cùng đó, tôi nhét thêm một con dao gấp, bấm tự động cực sắc vào túi đồ trong chiếc quần dã chiến. Túi bên phải tôi để bộ sơ cứu khẩn cấp.

Theo quy định của SEAL, chúng tôi chỉ được phép ăn vận gọn nhẹ. Điều này luôn chứa đựng đầy rủi ro, chẳng hạn, nếu một con gấu xuất hiện trong rừng, hẳn là chúng tôi không đánh đuổi được nó. Tuy nhiên, ăn mặc gọn nhẹ giúp chúng tôi dễ dàng trà trộn, thuận lợi cho hoạt động thu thập tin tức tình báo. Điều này đòi hỏi chúng tôi phải biết thích nghi với tình huống. Tuy nhiên trong trường hợp bị lộ, chúng tôi được phép nổ súng và bỏ chạy.

Casanova lái xe còn tôi chụp ảnh. Tôi phát hiện ra một vị trí có thể làm chỗ đậu cho trực thăng để lực lượng Delta và người bản xứ đi cùng có thể đổ bộ. Sau đó, chúng tôi còn tìm được tuyến đường giúp Delta đổ bộ bằng ô tô. Ngoài ra, chúng tôi còn tìm ra một điều thú vị khác nữa. Trước đây, mặc dù người của chúng tôi đi bộ hoặc lái xe hay bay lơ lửng trên những chiếc trực thăng để thu thập thông tin, nhưng chúng tôi vẫn băn khoăn tự hỏi chẳng biết người của Aidid vận chuyển đạn pháo cho đội quân của họ bằng cách nào. Nhưng giờ đây, mọi việc đã rõ. Tôi nhìn thấy hai người phụ nữ đi cạnh nhau. Trên tay mỗi người bế một đứa bé. Ngay lập tức tôi xoay ống kính về phía họ và phóng to lên, tôi đã nhìn thấy đầu của đứa trẻ ở trên tay của một người phụ nữ, nhưng trên tay người phụ nữ thứ hai không phải là đứa trẻ mà là hai viên đạn pháo. Suýt nữa cách nguy trang này đã qua mặt được tôi.

Trong quá trình đi do thám, chúng tôi đã tìm ra được phương cách đưa quân

vào và rút quân khỏi Pasha. Ví dụ, khi đến thời điểm đổi quân, chúng tôi lái xe đến một lò mổ lạc đà bỏ hoang ở bên bờ biển, đánh tín hiệu cho một chiếc thuyền chở lực lượng SEAL thay thế và đưa xe cho họ, còn chúng tôi lên thuyền ra tàu. Lực lượng SEAL thay thế không cần phải mang theo nhiều đồ vì chúng tôi đã để lại các thiết bị nặng, công kênh của SIGINT và các vật tư khác ở Pasha.

Lò giết mổ này đồ sộ như một dãy nhà lớn trong thành phố. Trước đây, lò giết mổ do người Nga sở hữu, nhưng đã bị bỏ hoang từ khi xảy ra nội chiến. Họ chỉ lấy thịt và xương lạc đà, những bộ phận còn lại họ đều ném xuống đại dương. Vùng biển dọc theo bãi biển vốn từng được coi là một trong những bãi biển đẹp nhất thế giới, giờ đây đầy rẫy các loài cá mập: cá mập đầu búa, cá mập trắng và cá mập hổ. Tôi chưa bao giờ sợ bơi ở bất cứ nơi nào nhưng lại không muốn bơi ở vùng biển đó. Ngay cả người dân địa phương cũng không muốn làm điều này, nên bãi biển này chỉ dành riêng cho nhu cầu của chúng tôi. Như một món quà, bãi biển rất gần Pasha. Ở dưới biển có thể dễ dàng nhìn thấy lò giết mổ do lò này che khuất cả một vùng bãi biển rộng lớn. Sử dụng những chiếc xuồng Zodiac (loại xuồng cao su gắn mô tơ bên ngoài) hoặc RHIB để vào bờ là điều vô cùng lý tưởng.

Chúng tôi quay trở lại Pasha. Tôi hôm đó, cậu bé ở ngôi nhà kế bên rên la đầy vẻ đau đớn. Tôi hiểu đứa trẻ đã phải chịu đau như thế nào với vết thương như vậy. Phải giúp đứa bé mới được. Casanova, một y sĩ của SIGINT tên là Rick và tôi quyết định đột nhập vào nhà cậu bé. Chúng tôi lấy vải đen bịt kín mặt lại chỉ để hở hai con mắt, mang theo súng MP-5. Không do dự, chúng tôi phá vỡ cửa, trói bố mẹ và người dì của cậu bé lại và đặt họ nằm trên sàn nhà gần tường. Tất nhiên, họ sợ chúng tôi sẽ giết họ. Chúng tôi mang đứa bé vào trong nhà để cha mẹ cậu có thể chứng kiến những điều chúng tôi sẽ làm. Rick mở hộp đựng dụng cụ ra. Chúng tôi rửa vết thương bằng dung dịch sát trùng. Cậu bé vô cùng đau đớn. Chúng tôi đã phải lấy tay bịt miệng cậu lại để giữ cho tiếng la hét của cậu không đánh thức cả khu phố dậy. Cậu bé lịm đi trong cơn đau. Chúng tôi cho cậu uống thuốc kháng sinh, băng bó vết thương lại và tiêm hai mũi kháng khuẩn vào hai bên mông cậu trước khi biến mất vào màn đêm.

Thứ Tư, ngày 1 tháng Chín năm 1993, trong khi quan sát từ mái nhà, chúng tôi thấy một ông lão đánh xe lừa chở gạch vỡ. Khi trở về, ông cũng vẫn chở

số gạch vỡ này. Cái quái gì đây? Chúng tôi đã lệnh cho một viên mật vụ theo dõi ông lão. Viên mật vụ phát hiện ông lão giấu đạn pháo dưới gạch. Chúng tôi báo cáo lên trên và nhận lệnh thủ tiêu ông lão.

Một lính bắn tỉa phải có lý trí mạnh mẽ, có niềm tin vững chắc vào tôn giáo hay một triết lý nào đó để đủ tinh táo không sát hại người bừa bãi. Trong chiến dịch Beltway năm 2002, lính bắn tỉa John Allen Muhammad đã nổ súng giết chết mười người và làm thương nặng ba người dân vô tội. Bắn súng có thể tạo cho con người cảm thấy mình mạnh mẽ. Một lính bắn tỉa giỏi không được phép để những xung lực này tác động chi phối. Mặt khác, khi một lính bắn tỉa không vượt qua được hội chứng Stockholm, người lính đó khó có thể hoàn thành được nhiệm vụ. (Năm 1973, tại Stockholm, Thụy Điển, một nhóm cướp đã bắt giữ các nhân viên ngân hàng làm con tin. Trong thời gian sáu ngày bị bọn cướp bắt giam, nhóm con tin lại trở nên có cảm tình với bọn cướp. Ngay cả sau khi được giải cứu, nhóm con tin vẫn ra sức bênh vực bọn cướp.) Qua một thời gian tìm hiểu lối sống và thói quen, lính bắn tỉa sẽ có hiểu biết tường tận về mục tiêu của mình. Trong một số trường hợp, lính bắn tỉa trở nên có cảm tình với mục tiêu. Tuy nhiên, lính bắn tỉa phải gạt bỏ được điều này. Khi thời gian đến, lính bắn tỉa phải hoàn tất nhiệm vụ của mình.

Trên mái nhà Pasha, Casanova và tôi nấp sau một bức tường. Tôi chĩa khẩu Win Mag về phía ông già, cách chỗ tôi nấp chừng 500m.

Casanova ngắm ông lão qua kính ngắm điểm. “Chuẩn bị. Ba, hai, một, bắn, bắn.”

Mục tiêu trong tâm ngắm của tôi, tôi bóp cò ngay. Tiếng “pằng” đầu tiên, nhưng không phải vào ông lão mà vào con lừa.

Đang mong đợi ông lão sẽ ngã xuống, nhưng lại là con lừa, Casanova chắc lưỡi tỏ vẻ tiếc nuối.

Ông lão bỏ chạy.

Một lúc sau, ông lão chỉ còn là một chấm nhỏ, nhưng con lừa nằm chết ở đó. Không ai ra mang xác con lừa về và nó vẫn mắc vào chiếc xe kéo. Mọi

người bỏ mặc con lừa nằm chổng trơ giữa đường như vậy.

Sau đó, một viên mật vụ cho chúng tôi biết ông lão đó không muốn chờ đạn pháo, tuy nhiên quân của Aidid đe dọa sẽ giết chết cả nhà nếu ông từ chối vận chuyển. Tôi cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm vì đã không hạ sát ông lão.

Cùng ngày, lực lượng của SIGINT chặn thu được cuộc trao đổi trên vô tuyến điện về kế hoạch pháo kích của đối phương vào nhà chứa máy bay. SIGINT biết được tần số liên lạc của lực lượng pháo thủ. Ngay lập tức, họ đã thông báo cho sở chỉ huy để bố trí thời gian cho mọi người ẩn náu trước khi đối phương pháo kích vào. Không ai bị thương trong vụ pháo kích. Trong chiến tranh, báo động trước một vài phút là điều vô cùng quý báu.

SIGINT thường xuyên nghe lén các cuộc trao đổi vô tuyến điện giữa bộ phận bắn và điều khiển bắn của quân Aidid. SIGINT đã triển khai máy bay oanh kích tiêu diệt các trận địa pháo của đối phương. Ngoài ra, chúng tôi còn chuẩn bị sẵn lá Khat cho các pháo thủ nghiện. “Các anh không nhất thiết phải nghiện ngập giống người của Aidid đâu. Lá Khat đây, cầm lấy và nhai đi.” Họ cười nhả nhổ, phô ra những bộ răng ố vàng, đen xỉn. Tôi hiểu, cho người nghiện nhai lá Khat là điều khủng khiếp, nhưng nó có thể cứu họ thoát chết khỏi các cuộc pháo kích và khỏi các cuộc phản kích của chúng tôi. Quân của Aidid giờ đây bắt đầu khó phối hợp với nhau trong các cuộc pháo kích.

Đêm đó, chúng tôi phát hiện một gã vác súng AK-47, đứng trên ban công ngôi nhà phía sau. Tôi mở chốt an toàn khẩu CAR-15 và hướng chĩa đũa vào đầu của hắn. Chúng tôi luôn gắn ống ngắm quang học (ACOG) trên tất cả các khẩu CAR-15. Đây là loại kính ngắm điểm tầm ngắm, chạy nguồn điện 1,5 vôn. Vào ban đêm, nó sáng hơn so với ban ngày gấp 10 lần nên chúng tôi không gặp trở ngại gì khi tác chiến trong đêm tối. Chĩa đũa xuất hiện trong kính ngắm khi đã tìm được mục tiêu. Điểm này tiên tiến hơn nhiều so với kính ngắm laze. Tôi chỉ đợi gã thanh niên đó chĩa súng về phía mình là bóp cò nả đạn, tuy nhiên, hắn không làm vậy. Sau khi nói chuyện với số lính bảo vệ của mình, tôi mới vỡ lẽ. Hóa ra gã thanh niên cầm súng AK-47 đó là một lính bảo vệ của chúng tôi. Hôm đó, anh ta về nhà và bắt chước chiến thuật bảo vệ từ trên mái nhà của SEAL. Tất nhiên, gã đàn ông này chẳng nói cho chúng tôi kế hoạch đó và có lẽ gã cũng chẳng biết đã bị

chúng tôi phát hiện. Chúng tôi bảo anh ta “Cậu suy nghĩ như vậy là tốt, nhưng lần sau nhớ nói cho chúng tôi biết, bởi nếu không hành động ngu dốt đó sẽ làm cậu hối không kịp.”

Sáng thứ Năm, ngày 02 tháng Chín năm 1993, chúng tôi họp bàn kế hoạch và sắp xếp các vị trí trong thời gian tới. Pasha đang vận hành tốt, nên chúng tôi cần phải duy trì bộ máy này sau khi hoàn thành nhiệm vụ và có lực lượng khác thay thế.

Vài ngày sau đó, chúng tôi có được thông tin cần thiết. Aidid rất giàu có. Cô con gái đang học đại học của Aidid có nhiều bạn ở châu Âu, Libya, Kenya và nhiều nước khác. Ai đó đã gọi điện vào máy di động của cô ta và SIGINT đã nghe trộm được. Mặc dù hẳn ta di chuyển liên tục nhưng con gái của y đã mắc sai lầm khi đề cập đến nơi ẩn náu của hắn. Một viên mật vụ đã giúp chúng tôi xác định được ngôi nhà đó. Máy bay do thám P-3 thu nhận được tín hiệu từ đoàn xe hộ tống Aidid, nhưng ngay sau đó đoàn xe ngừng liên lạc và chúng tôi để mất Aidid trong mê cung của các tòa nhà.

Vào buổi tối, Casanova và tôi nằm trên mái nhà Pasha để bảo vệ vòng ngoài. Trong thời gian ở Pasha, chúng tôi hay chơi trò bẫy chuột. Chúng tôi dùng hạt đậu phộng lấy từ gói đồ ăn sẵn để làm mồi nhử. Chúng tôi buộc dây vào một chiếc gậy và gắn một chiếc hộp trên đó. Thông qua kính nhìn đêm, chúng tôi thấy chuột bò vào. Casanova giật dây, nhưng thật tiếc con mồi đã chạy thoát trước khi chiếc hộp rơi xuống đầu nó. Sau đó, chúng tôi cải tiến kỹ thuật bẫy này khoa học hơn. Tôi tháo rời một số chiếc bút bi và sử dụng lò xo bút bi tạo thành đường đi duy nhất dẫn đến chiếc hộp. Bên trong hộp có đặt một vài hạt đậu phộng. Ngay lập tức, một con chuột bò gần đến bẫy và vào trong hộp. Những sợi dây đóng chặt cửa lại và nhốt chặt con chuột trong hộp.

“Bắt được mày rồi”, tôi thì thầm.

Casanova mỉm cười.

“Tiếp theo chúng ta sẽ làm gì?” - Tôi hỏi.

“Giết nó chứ còn gì nữa.”

“Giết nó bằng cách nào?”

“Cậu nói vậy là có ý gì?”

Trong khi chúng tôi mãi bàn về cách giết con chuột thì nó đã thoát ra khỏi chiếc bẫy và chạy mất.

Lần sau đó, chúng tôi làm một chiếc hộp nhỏ hơn để chuột không có nhiều khoảng trống do đó nó sẽ khó trốn thoát hơn. Con chuột bò vào bên trong. Bẫy sập xuống. Tôi giậm mạnh chân xuống chiếc bẫy. Con chuột chết, đồng nghĩa với việc chiếc bẫy cũng bị hỏng. Theo cách này, mỗi chiếc bẫy chỉ giết được một con.

Tôi cảm thấy vui sướng khi đã giết chết được một con chuột. Giờ đây tôi lại tiếp tục làm một chiếc bẫy khác để bắt con thứ hai.

“Này, đến đây,” Casanova khẽ gọi.

“Gì vậy?” Tôi trườn đến chỗ Casanova.

Anh ta chỉ tay về phía ngôi nhà bên kia đường, chỗ chúng tôi đã cắt cử hai lính canh gác từ ngày hôm trước. Ở đó, có ba người đàn ông đang tìm cách vào nhà. Họ đã chọn nhầm nhà trong khu phố. Giá họ tìm cách đột nhập vào ngôi nhà này trước khi chúng tôi cắt cử người canh gác thì chúng tôi sẽ nói Liệu thần hồn, biến khỏi đây ngay. Giờ đây số lính canh của chúng tôi đã ở trong nhà và việc xử lý số người này là trách nhiệm của chúng tôi.

Casanova xử lý gã bên trái còn tôi xử lý gã bên phải. Di chằm đỏ vào mục tiêu đầu tiên của mình, tôi siết cò. Chân của hắn khụy xuống trước khi đổ gục. Casanova cũng diệt gọn mục tiêu của anh ấy. Tên ở giữa được sống lâu hơn hai tên đồng bọn một vài tích tắc vì ngay sau đó, cả Casanova và tôi đều nổ súng diệt hắn. Nếu ba kẻ đột nhập chỉ là những tên trộm thông thường thì chúng đã bị trả một giá quá đắt cho hành động đó.

Sau đó, SIGINT nghe lỏm được câu chuyện tại quán bar ở khu phố đó và biết quân của Aidid đang đi thu thập tin tức. Có thể bọn chúng đang lên kế

hoạch tấn công chúng tôi. Pasha được đặt trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu. Chúng tôi thậm chí bố trí cả tên lửa chống tăng AT-4 và đảm nhận nhiệm vụ bảo vệ vòng ngoài. Hóa ra không phải quân Aidid đi thu thập tin tức mà chúng đi tuyển quân.

Một viên mật vụ nhìn thấy Aidid nhưng không thể xác định chính xác ngôi nhà hắn đang lẩn trốn. Thông tin này là cơn ác mộng đối với chúng tôi. Mặc dù các mật vụ cùng vào cuộc để xác định ngôi nhà nhưng những nỗ lực này bất thành.

Một máy bay của lực lượng SIGINT bay từ châu Âu sang giúp chúng tôi. Chiếc máy bay này đã đến vào buổi tối hôm đó nhằm góp phần lần tìm và xác định chính xác nơi ẩn náu của Aidid. Hoạt động này giúp ích cho chúng tôi rất nhiều. Chúng tôi có thể sử dụng máy phát và đưa ra các cảnh báo hiệu quả hơn. Nó cũng giúp chúng tôi có thể chặn thu thông tin tốt hơn là chặn thu từ tầng thượng ngôi nhà chúng tôi đang ở.

Ngôi nhà lớn ngay bên phải Pasha là nơi cư trú của Đại sứ Italia. Tại đây, viên Đại sứ đã tổ chức một bữa đại tiệc với sự tham gia của đông đảo quân nhân Italia. Italia đóng chiếm tại Somali từ năm 1927 đến năm 1942. Năm 1949, Liên Hợp Quốc giao cho Italia ủy trị một số vùng của Somali. Sau đó, vào năm 1960, Somali giành độc lập. Giờ đây, lính Italia đã thực sự trở thành những thằng khốn khi chơi trò hai mang. Bất cứ khi nào máy bay Black Hawk hoạt động, lính Italia lập tức dùng đèn tín hiệu báo cho dân địa phương biết lính Mỹ đang tới. Nhưng đồng thời, binh sĩ của họ lại sử dụng hình thức tra tấn bằng điện đối với tù binh Somali, hãm hiếp phụ nữ và chụp ảnh ghi lại những chiến tích của chúng.

Liên Hợp Quốc cáo buộc Italia đã hồi lộ Aidid và ra lệnh phải cử người thay Đại tướng Italia Bruno Loi. Chính phủ Italia lại đề nghị Liên Hợp Quốc phải chấm dứt những hoạt động hiếp đáp Aidid.

Giancarlo Marocchino là một trong những nhân vật có ảnh hưởng lớn. Y bỏ trốn khỏi Italia vì tội trốn thuế và đã cưới một cô vợ người Somali trong gia tộc Aidid. Khi Liên Hợp Quốc tịch thu vũ khí của lực lượng bán vũ trang Somali, quân đội Italia đã giao số vũ khí thu được này cho Giancarlo. Người ta ngờ rằng sau đó Giancarlo đã bán lại cho Aidid.

Italia đã rót hàng nghìn tỷ lìa vào Somali dưới chiêu bài viện trợ. Với sự giúp đỡ từ những nhân vật như Aidid, ngay cả khi Aidid chưa trở thành lãnh chúa quyền uy, hầu hết số tiền này đã rơi vào túi của các quan chức Italia và bạn bè của họ. Italia xây dựng đường cao tốc nối liền Bosasso với Mogadishu. Giancarlo Marocchino đã nhận tiền “lại quả” sau dự án này. Marocchino cũng gây dựng được mối quan hệ gần gũi với nhóm phóng viên nhờ việc bỏ tiền bỏ của thết đãi họ trong thời gian lưu trú ở Mogadishu.

Một cựu chiến binh Nga, sống cùng khu phố với chúng tôi, cũng chơi trò hai mang. Trước đây, ông ta được đào tạo qua về tình báo và giờ đây đang hoạt động như một lính đánh thuê. Ông ta làm việc cho cả hai bên miễn là nhận được thù lao. Chúng tôi nghi ngờ ông ta giúp cả hai bên dò tìm các vị trí bí mật và tuyển mộ binh lính. Có vẻ ông ta bắt tay với quân Italia để cùng làm việc này. Gia đình Sicili đã dạy tôi cách nấu ăn là những người rất yêu quý nước Mỹ. Ngược lại, các hành vi của quân lính Italia ở Somali giống như những cú đâm giáng vào chúng tôi.

Chúng tôi đã nhận được báo cáo cho biết có thể Aidid đã mua được loại tên lửa đất đối không Stinger. Đây là loại tên lửa vắc vai có thể bắn hạ được máy bay.

Tôi, Casanova và y sĩ của SIGINT lại một lần nữa đột nhập vào nhà của của cậu bé bị thương ở chân. Lần này gia đình cậu không còn sợ hãi như lần trước đó, tuy nhiên, họ cũng chẳng cảm thấy thoải mái. Chúng tôi còng tay họ lại trước khi chữa trị vết thương cho cậu bé. Vết thương của cậu đã khá hơn nhiều. Lần này, cậu không la hét hay vãi tè ra quần khi chúng tôi rửa vết thương nữa.

Sáng ngày 3 tháng Chín năm 1993, chúng tôi chuẩn bị đến khu quân sự. Những lính bảo vệ người Somali trinh sát đường đi trước khi chúng tôi ra. Trong chuyến đi, lính bảo vệ đã áp dụng chiến thuật tách nhóm. Theo đó, nếu có kẻ bám đuôi, chúng sẽ buộc phải chia đôi lực lượng thành hai ngã khác nhau hoặc đi theo một hướng theo kiểu năm ăn năm thua. Chúng tôi đã được đào tạo cơ bản chiến thuật ở trường học, nhưng những người bảo vệ lại rút ra kinh nghiệm này từ cuộc nội chiến và sẵn sàng áp dụng khi cần. Họ quả là những người rất thông minh.

Khu quân sự được canh phòng cẩn mật với sự bảo vệ của lính bắn tỉa, các tháp canh và các vị trí bắn. Chúng tôi cầm đèn hồng ngoại và bấm máy để báo hiệu chuẩn bị nâng cấp mức độ bảo vệ an ninh cho Pasha. Khi ở đó, chúng tôi có cuộc họp với lực lượng Delta, kể cho họ nghe chi tiết các vụ pháo kích và các điểm nghi ngờ có bố trí lực lượng pháo thủ. Họ trèo lên mái nhà chứa máy bay và bắn do thám: những tay súng bắn tỉa bắn vào những khu vực nghi ngờ có lực lượng pháo thủ và hy vọng lực lượng SIGINT có thể chặn thu được các cuộc trao đổi ở những nơi trúng đạn. Khi Tưóng Garrison phát hiện ra, ông đã mắng chúng tôi một trận thậm tệ. Ông không thích hành động bắn do thám này.

Đêm hôm đó, chúng tôi trở lại Pasha giúp lính bảo vệ hiểu rõ hơn về công việc của chúng tôi và cách thức thực hiện nhiệm vụ. Casanova mang theo đèn hồng ngoại và đi một vòng quanh ngôi nhà. Mắt thường không thể nhìn thấy đèn hồng ngoại. Tôi cho những lính bảo vệ nhìn qua kính nhìn đêm KN-250 nên có thể thấy ánh sáng lấp lánh trên người Casanova. Những người lính canh này há hốc mồm ra vì kinh ngạc như kiểu thể lần đầu tiên thấy vật thể bay lạ (UFO). Họ hạ kính nhìn đêm xuống để quan sát bằng mắt thường, rồi lại nhìn Casanova bằng kính nhìn đêm một lần nữa. Giọng của họ liên thoảng, tay chân khua loạn cả lên như là vừa viếng thăm UFO khiến cả Casanova lẫn tôi đều cười thú vị.

Vào lúc tối muộn, chúng tôi cùng với Cá Đuối (Stingray), đang làm việc dưới quyền của Kền Kền đến trình diễn những tính năng ưu việt của loại đèn nháy hồng ngoại và các thiết bị khác cho viên cảnh sát trưởng xem. Viên mật vụ chủ chốt, phụ trách mảng tuyển quân, đã nói cho viên cảnh sát trưởng phương thức hoạt động của chúng tôi. Kết quả, viên cảnh sát trưởng cảm thấy rất yên tâm và đồng ý cử người cộng tác với chúng tôi. Đổi lại, ông ta nhận được 50.000 đô-la. Tuy nhiên, chúng tôi hiểu, ông ta chỉ cần sử dụng 1.000 đô-la trong số đó là đủ để chi trả cho 20 hay 30 người chịu làm việc với chúng tôi, số còn lại đương nhiên ông ta bỏ vào túi mình.

Casanova và tôi lại đột nhập ngôi nhà của cậu thiếu niên bị thương. Bố mẹ cậu ngoan ngoãn ra chỗ sàn nhà gần tường chứ không cần chúng tôi phải giục. Người dì tay bung khay trà, quỳ xuống mời chúng tôi.

Tôi cầm một cốc lên và mời gia đình cùng uống.

Tuy nhiên họ từ chối.

Lần này chúng tôi mang theo một phiên dịch viên để hướng dẫn gia đình cách chăm sóc cậu bé. Gia đình cậu bé rất nghèo và những cốc trà là điều duy nhất họ có thể làm để cảm ơn chúng tôi. Họ đã từng mời thầy mo về chữa trị nhưng rõ ràng việc làm này chẳng cứu chữa được cậu bé.

Giờ đây, vết thương của cậu không còn bốc mùi nữa, nhưng đôi khi vẫn lên cơn sốt. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn quyết định phẫu thuật thêm cho cậu một lần nữa. Sau đó, chúng tôi đưa cho gia đình một số viên kháng sinh amoxilin. Chúng tôi dặn: “Cho cháu uống ba lần mỗi ngày trong vòng mười ngày”.

Tôi thấy lợi của của cậu bé đang chảy máu. Trong mồm cậu đầy máu.

Người y tá thốt lên: “Cậu ấy bị bệnh sco-bút rồi”. Người mắc bệnh này là do thiếu vitamin C trong thức ăn hàng ngày. Trước đây, các thủy thủ thường hay bị nhiễm căn bệnh này. Bác sĩ phẫu thuật người Scotland tên là James Lind thuộc Hải quân Hoàng gia Anh phát hiện ra rằng những thủy thủ nào hay ăn loại hoa quả như cam chanh thường ít mắc bệnh Sco-bút. Do chanh là loại quả dễ tìm ở các thuộc địa của Anh ở vùng Caribê nên Hải quân Anh đã cung cấp nước trái cây này cho các thủy thủ. Từ đó, thủy thủ Anh có biệt hiệu là “limey”. Limey có nguồn gốc từ chữ lime-juicer, có nghĩa là máy ép nước chanh.

Ngày 4 tháng Chín năm 1993, Casanova và tôi lái xe ra ngoài trinh sát tuyến đường dự phòng, dò tìm trận địa pháo của đối phương và để nắm vững địa bàn hơn. Sau đó, một viên mật vụ cho biết quân của Aidid đã cài hai quả mìn trên đường để phục kích các phương tiện đi lại của Mỹ. Hai quả mìn được cài ở đúng con đường chúng tôi đến gặp lực lượng Delta ở khu quân sự ngày hôm trước. Tôi tin rằng, chúng hẳn đã biết chuyển đi của chúng tôi nhưng chúng đã đón trượt.

Trong khu phố, hàng ngày các bé gái phải đi 1,6 km mới đến được nơi lấy nước và mang về nhà. Ở sân trước, một bé gái chừng bốn tuổi đang tắm cho

đưa em mới hai tuổi của nó. Hầu hết mọi người Mỹ đều không nhận ra họ may mắn đến thế nào! Chúng tôi thầm cảm ơn những hành động của các bé gái này bởi nó làm mọi người ý thức hơn về cuộc sống đang có của mình.

Đến thời điểm này, chúng tôi đã trở thành người nổi tiếng, kiểm soát được khu vực rộng lớn. Khi Casanova thấy các cô cậu học sinh, anh gồng tay và hôn vào đó. Nhóm học sinh bắt chước liền. Một nhóm học sinh tụ tập lại và chúng tôi phát kẹo, socola, bánh Tootsie và kẹo cao su cho các em. Đúng vậy, mặc dù việc làm này làm lộ vỏ bọc của chúng tôi, nhưng Kèn Kèn nghĩ, đây là một việc làm có ý nghĩa để giành được tình cảm của người dân địa phương. Tôi đồng ý với anh.

Tôi mang một túi cam sang cho cậu bé bị thương ăn, nhưng cậu lại không ăn được vì axit xitric làm xót chỗ lợi đang chảy máu. Casanova giữ chặt cậu bé, còn tôi đổ nước hoa quả vào mồm cậu. Sau hai ba lần, cậu bé không còn cảm thấy xót nữa. Cuối cùng cậu khỏi bệnh sco-bút. Để giúp cậu bé, Kèn Kèn nói dối CIA là cậu bé có họ hàng với một viên mật vụ của chúng tôi. Một viên mật vụ mang cho cậu bé đôi nạng, còn tôi cho cậu mượn chiếc xe lăn.

Sau này, cậu bé ra ngoài hiên và nhìn thấy chúng tôi khi đang làm nhiệm vụ bảo vệ trên mái nhà của Pasha. Cậu mỉm cười và vẫy tay chào chúng tôi. Đây là chiến dịch thành công nhất của tôi ở Somali. Để làm việc này, tôi đã không tuân lệnh cấp trên trực tiếp của mình. Đúng là cầu xin sự tha thứ tốt hơn là xin phép làm một việc gì đó.

Aidid bắt đầu vận hành chiến dịch “Con tim và Khôi óc”. Hắn công khai chống lại người Mỹ và bắt đầu tuyển quân ngay trong khu vực của chúng tôi: hắn tuyển tất cả chẳng chừa một ai từ già tới trẻ.

Các mật vụ báo cho chúng tôi biết tuyến đường Aidid sử dụng để vận chuyển tên lửa Stinger: từ Afganistan qua Sudan, Ethiopia vào Somali. Đây là số tên lửa Afganistan chưa sử dụng đến và nằm trong số tên lửa Mỹ cấp cho Afganistan để đương đầu với Nga. Một vài năm sau đó, Chính phủ Mỹ đã bỏ tiền ra mua lại các tên lửa Stinger này với giá 100.000 đô-la một quả mà không nói rõ lý do.

Aidid nhận được sự giúp đỡ từ Al Qaeda và Tổ chức giải phóng Palestine (PLO). Khi đó, chẳng mấy người biết đến tổ chức Al Qaeda. Al Qaeda đã gửi các cố vấn đến huấn luyện cho quân của Aidid chiến thuật phòng thủ tác chiến trong thành phố và cung cấp vũ khí giúp Aidid. Trong thời gian này, Al Qaeda còn dạy quân Aidid cách cải tiến kíp nổ tiếp xúc trên đầu đạn của loại súng phóng lựu RPG thành các thành kíp nổ hẹn giờ. Thay vì phải bắn thẳng vào trực thăng, RPG có thể phát nổ gần cánh quạt đuôi, yếu điểm của các máy bay trực thăng. Nếu bắn RPG từ đỉnh mái nhà sẽ dễ lộ và dễ dàng bị các tay súng trên máy bay tiêu diệt nên Al Qaeda đã hướng dẫn quân Aidid đào hố sâu trên đường. Bằng phương pháp này, họ có thể tránh bị trực thăng phát hiện. Mặc dù ở thời điểm đó, tôi không biết việc này, nhưng rõ ràng các cố vấn Al Qaeda đến Somali thời điểm đó có cả Bin Laden và Mohammed Atef. Tương tự, PLO đã cử cố vấn và gửi phương tiện sang giúp đỡ Aidid. Giờ Aidid muốn nhắm đến mục tiêu là các nhân vật cấp cao trong chính quyền Mỹ.

Lực lượng SIGINT chặn thu được bức điện có nội dung về âm mưu phóng tên lửa tấn công vào Đại sứ quán Mỹ. Hơn nữa, các mật vụ còn cho chúng tôi biết lính Italia làm việc ở các trạm kiểm soát của Liên Hợp Quốc trong thành phố tiếp tục cho phép quân Aidid đi lại tự do. Do đó, quân của Aidid chỉ tìm đến các trạm kiểm soát của người Italia và dễ dàng tự do đột nhập vào sân sau của Mỹ và một số khu vực khác.

Hai trong số các vệ sĩ Aidid muốn bán đúng chủ nhân của họ để đổi lấy món tiền thưởng 25.000 đô-la. Do đó, Báo Gấm muốn gặp họ tại Pasha.

Đề đến được Pasha, Báo Gấm lập kế hoạch di chuyển qua trạm kiểm soát của người Italia đúng gần một nhà máy mì ống cũ kỹ, được gọi là trạm kiểm soát nhà máy mì ống. Tuy nhiên, Báo Gấm lại không biết trạm kiểm soát này vừa được người Italia giao lại cho người Nigeria. Chỉ vài phút sau khi bàn giao, quân của Aidid đã phục kích và giết chết bảy lính Nigeria. Tối hôm đó, tôi nghe thấy âm thanh của một cuộc giao tranh ngay gần Pasha. Rõ ràng, bọn chúng đã bắt đầu đánh hơi thấy vấn đề. Tình huống này đòi hỏi chúng tôi phải khẩn trương hơn.

Chưa đến 8 giờ sáng Chủ nhật, ngày 5 tháng Chín năm 1993, Báo Gấm và bốn vệ sĩ đi trên hai chiếc Isuzu Troopers phóng ra khu Liên Hợp Quốc.

Khi họ tới trạm kiểm soát nhà máy mì ống, một đám đông bu lấy họ. Ở phía trước cách khoảng vài trăm mét, lớp xe cháy và bê tông đổ làm tắc nghẽn con đường. Lái xe của Báo Gấm nhấn ga vượt qua ổ phục kích. Bốn mươi chín viên đạn găm vào xe của họ. Một viên xuyên qua áo và trúng vào cổ Báo Gấm. Người tài xế tiếp tục rồ ga xuyên qua ổ mai phục và đưa Báo Gấm đến bệnh viện trong khu Liên Hợp Quốc. Sau khi truyền gần 5 lít máu và khâu 100 mũi, Tướng Garrison đưa Báo Gấm đến chữa trị tại một bệnh viện ở Đức. Báo Gấm được cứu sống.

Cuối ngày hôm đó, tôi nghe thấy những tiếng nổ của loại súng cỡ nòng 50 caliber, loại đạn có thể xuyên thủng tường, bắn từ hướng tây bắc, cách chỗ chúng tôi chừng 300 – 500m.

Vụ bắn này cộng với vụ phục kích trước đó giúp chúng tôi hiểu rằng mình sẽ bị tấn công. Tình trạng sẵn sàng chiến đấu được ban bố và chúng tôi đều vào vị trí tác chiến. Tôi đã gọi một chiếc AC-130 Spectre đến phòng khi chúng tôi cần sự giúp đỡ. AC-130 Spectre là loại máy bay có thể bay nhiều giờ liên tục, mang hai khẩu pháo Vulcan M-61 cỡ nòng 20 li, một khẩu pháo L/60 Bofors cỡ nòng 40 li và một khẩu bích kích pháo M-102 cỡ nòng 105 li. Các bộ cảm biến tinh vi và radar giúp phát hiện kẻ thù trên mặt đất. Bạn có thể thả một con thỏ trên một sân bóng đá và chiếc AC-130 Spectre sẽ dễ dàng làm thịt con thỏ này. Tôi đã được đào tạo về khả năng của loại máy bay này và cách gọi máy bay đến trút đạn xuống kẻ thù tại thao trường Hurlburt ở Florida. Điều này làm cho tôi rất phấn khích, chúng tôi đã sẵn sàng hạ gục một số binh lính của Aidid. Tuy nhiên, số phận lại mỉm cười với quân của Aidid khi chúng chọn ngày khác để tấn công.

Cùng ngày, chúng tôi phát hiện ra một trong những mật vụ chủ chốt bị lộ và chúng tôi buộc phải đưa anh ta rời khỏi Somali.

Lúc 8 giờ tối, một viên mật vụ báo cáo Aidid đang ở nhà một bà di của hắn. Kèn Kèn điều một máy bay trực thăng đến chợ Cá Đuối và viên mật vụ đến căn cứ và báo cáo vẫn tắt tình hình cho Tướng Garrison biết. Tất cả những người ở Pasha đều rất hưng phấn. Tất cả những gì chúng tôi đã làm ở Pasha – từ việc điều hành các mật vụ, lực lượng SIGINT... đã mang lại thời khắc quý báu này. Tình báo giỏi và màn đêm là lá chắn vững chắc bảo vệ đội xung kích của chúng tôi. Thậm chí, viên mật vụ thậm chí còn có trong tay

sơ đồ của ngôi nhà. Đây là điều lý tưởng cho đội hành động đặc biệt khi tiến hành xâm nhập. Aidid là của chúng tôi.

Tuy nhiên, yêu cầu bị từ chối. Đến giờ, tôi vẫn không biết tại sao. Kèn Kèn và Cá Đuối thực sự bị tổn thương. “Chúng tôi sẽ chẳng thể có được một cơ hội khác quý báu như lần này!”

Những người còn lại cũng chẳng thể tin vào quyết định này. “Whiskey Tango Foxtrot ?!”

Theo bảng chữ cái ngữ âm quân sự, ba từ trên viết tắt là WTF và có nghĩa là “Chó chết thật!”

Tôi rất bực mình vì chúng tôi đã miệt mài làm việc chỉ để đổi lấy kết quả là nhiệm vụ quan trọng bị bỏ qua. Có vẻ như người đáng trách trong vụ này là bộ phận chính trị trong quân đội. Tôi cũng cảm thấy bức xúc trước hành vi đối xử với lực lượng CIA. “Kèn Kèn, tôi thành thật xin lỗi. Tôi không biết cái quái quỷ gì đang diễn ra nữa. Tôi chẳng hiểu nổi tại sao chúng ta lại không thực hiện phi vụ này.”

Kèn Kèn không giận chúng tôi, nhưng anh ta rất hận Tướng Garrison. "Nếu Garrison không cho thực hiện phi vụ này, thì ông ta phải chúng ta đến đây làm cái quái gì? Tại sao lại phải làm tất cả những việc này, tại sao phải ném tiền vào đây, đẩy chúng ta vào nguy hiểm, đẩy các mật vụ vào nguy hiểm."

“Nếu chúng ta vào cuộc”, tôi nói hộ Kèn Kèn nửa câu còn lại “Chúng ta đã có Aidid”.

“Chó thật, cậu nói đúng, lẽ ra chúng ta đã có Aidid”.

Khi đó, tôi cũng tức điên lên với Garrison. Khi quá tức giận, tôi thường trở nên im lặng. Kèn Kèn và tôi đều có chung một nỗi khổ và từ sau vụ việc đó, tôi chẳng nói chẳng rằng. Những người khác biết ý và dành cho tôi một không gian riêng. Tất cả chúng tôi đều tiếc nuối vì bỏ mất cơ hội thực hiện nhiệm vụ.

4 giờ sáng, ngày 6 tháng Chín năm 1993, từ trên mái nhà Pasha, Casanova

và tôi nghe thấy tiếng nổ của xe tăng. Khi đó, chúng tôi vẫn chưa biết Aidid đã có xe tăng, nhưng chúng tôi vẫn dự phòng tên lửa chống tăng AT-4.

Vài giờ sau, Casanova và tôi nói chuyện này với Gã Mập lùn và Sourpuss. Vừa nghe xong, Sourpuss đã phản đối: “Không thể có xe tăng ở đây được”.

“Chúng tôi phải biết mình đã nghe thấy tiếng động cơ gì chứ”, tôi nói.

“Tôi không tin,” Sourpuss nói. “Điều vớ vẩn này có thể gây ấn tượng với CIA đấy, còn với tôi thì không.”

“Đúng thật là...”

Cũng buổi sáng hôm đó, một viên mật vụ bị bắn chết khi vừa bước chân ra khỏi xe của mình.

Chẳng bao lâu sau, viên mật vụ thứ hai cũng bị bắn vào đầu. Viên mật vụ này là anh trai của người giúp việc cho chúng tôi. Anh ta là một người tốt. Anh ta đồng ý làm mật vụ không phải vì tiền mà để giúp phe cánh của anh giành thắng lợi và chấm dứt cuộc nội chiến. Anh mất người hầu phòng chẳng thể che giấu được nỗi buồn to lớn trước sự mất mát này.

Dường như mọi việc vẫn chưa dừng lại ở đây, viên mật vụ thứ ba đã bị quân Italia đánh một trận thập tử nhất sinh.

Chúng tôi nhận được mật báo về việc Aidid đã sở hữu súng phòng không. Phe cánh Aidid tiếp tục lớn mạnh và ngày càng hoạt động tinh vi hơn nhờ sự hậu thuẫn của Al Qaeda, PLO và sự làm ngơ của quân Italia. Người dân bản địa cũng nhận ra sự phát triển này và đều tỏ ra muốn gia nhập vào đội quân của Aidid.

Một mật vụ báo cho Delta biết Aidid đang ẩn náu trong khuôn viên cũ của Nga. Vì vậy, Delta đã theo sau viên mật thám này và bắt mười bảy người, nhưng không có Aidid trong nhóm này. Chỉ có hai trong số mười bảy người bị bắt là nằm trong số những kẻ bị săn lùng. Họ đã bị giam giữ, hỏi cung và rồi được phóng thích. Delta đã có một màn trình diễn tác chiến trước người của Aidid: máy bay bay vào, dùng dây thừng tụt xuống và sử dụng lực

lượng biệt kích Ranger để bảo vệ những người vừa xuống.

Ngày 7 tháng Chín năm 1993, một mật vụ chủ chốt của chúng tôi đến muộn bốn giờ đồng hồ. Chúng tôi nghĩ anh ta đã bị giết chết.

Cuối cùng anh ta cũng xuất hiện “Tôi đến để nhận nhiệm vụ tối nay”.

“Xin lỗi, anh đã bị xóa tên.”

“Xóa tên ư?”

"Nhiệm vụ bị hủy bỏ. Tôi nay không có nhiệm vụ nào giao cho anh hết.”

Buổi tối hôm đó, Casanova và tôi hộ tống Kèn Kèn mang tiền đến cho một mật vụ. Các mật vụ chỉ huy thường giàu có, có tầm ảnh hưởng lớn và sở hữu một số nhân viên dưới quyền. Kèn Kèn đến tận nhà các mật vụ chỉ huy chứ không gọi họ đến bởi ông muốn kiểm tra số lượng và nhận mặt các tân binh, để biết các mật vụ chia cho họ bao nhiêu tiền và giao nhiệm vụ cho họ như thế nào. Cuộc gặp kéo dài khoảng tiếng rưỡi. Trong khi Casanova và tôi đứng bảo vệ bên ngoài, chúng tôi nghe thấy tiếng súng nổ cách đó khoảng 200m về phía bắc.

Gã Mập lùn và Sourpuss nhìn thấy một số người rời khỏi cuộc độ súng, chạy về hướng chúng tôi. Họ dùng vô tuyến điện hỏi: “Có phải các anh đang cần sự giúp đỡ không?”.

“Không, chúng tôi không tham gia.” Nếu chúng tôi bắn pháo hiệu xanh, Gã Mập lùn và Sourpuss sẽ gọi trực thăng, rồi mở đường đến hỗ trợ chúng tôi trước khi trực thăng có mặt.

Khi đêm đã về khuya, chúng tôi trở lại Pasha và tôi đã bắt được con chuột thứ hai.

Ngày 8 tháng Chín năm 1993, biệt kích Ranger báo cáo đã phát hiện một chiếc xe tăng cũ của Nga cách thành phố khoảng hơn 3 km và đã tiêu diệt chiếc tăng này. Tôi nhắc Sourpuss về tiếng nổ của chiếc xe tăng mà Casanova và tôi đã nghe thấy vài ngày trước đó, “Thấy chưa? Đó là xe tăng

đấy. Cậu biết không, chúng gây ra tiếng ồn trong quá trình di chuyển.”

Sourpuss bỏ đi.

Ngày hôm đó, Abe đã trở thành mật vụ chủ chốt của chúng tôi. Chúng tôi đưa cho anh ta một chiếc đèn nháy hồng ngoại và một chiếc đèn hiệu gắn nam châm. Anh ta có vẻ rất tự tin là sẽ tiếp cận được Aidid nên chúng tôi báo động lực lượng Delta để họ sẵn sàng.

“Aidid đang di chuyển,” Abe gọi báo. Tuy nhiên, khi màn đêm buông xuống, Abe đã để mất dấu Aidid.

Mặc dù SIGINT không chặn thu được bất kỳ cuộc trao đổi nào, nhưng một số tiếng nổ vẫn vang lên ở hướng sân bay. Đội pháo thủ của Aidid đã tìm ra được phương thức liên lạc với tổ bắn và tổ điều khiển bắn mà không bị SIGINT chặn thu. Chó thật, chúng đã thay đổi cách liên lạc.

Ngày 9 tháng Chín năm 1993, Tướng Garrison nhận được lệnh tiến hành giai đoạn ba – theo dõi các thủ hạ của Aidid.

Delta cho máy bay lượn trên bầu trời Mogadishu để biểu dương lực lượng: khoảng 10 - 12 chiếc trực thăng Little Bird và 20 - 30 chiếc trực thăng Black Hawk. Các tay súng bắn tỉa ngồi trên những chiếc trực thăng Little Bird trang bị các loại súng, rocket và tên lửa. Những chiếc trực thăng Black Hawk hạng trung cũng trang bị súng, rocket và tên lửa. Các đội đột nhập của Delta và biệt kích Ranger nhanh chóng đu dây tụt xuống mở các cuộc tấn công ngay khi vừa đặt chân xuống mặt đất. Ý tưởng của việc làm này là để chứng tỏ chúng tôi mạnh hơn Aidid và làm cho Aidid ít hấp lực hơn với người dân với hy vọng hẳn không tuyển mộ được lính mới.

Cùng ngày, gần nhà máy sản xuất mì ống – cách sân vận động Pakistan khoảng 2 km, các kỹ sư công binh đơn vị 362 của Lục quân tiến hành dọn dẹp đường tỉnh lộ Mogadishu. Một trung đội xe bọc thép Pakistan bảo vệ họ trong khi Lực lượng Phản ứng Nhanh (QRF) đứng bên sẵn sàng hỗ trợ khi cần. QRF được tập hợp từ Sư đoàn sơn cước số 10 của Lục quân, Trung đoàn Không vận số 101 và Trung đoàn Không vận số 25 và đóng quân ở khuôn viên một trường đại học bỏ hoang và Đại sứ quán Mỹ cũ.

Các kỹ sư công binh đang ủi một vật cản ra khỏi con đường thì một đám đông người Somali ủa đến. Một người Somali rút súng bắn một phát rồi nhảy lên xe tải trắng phóng đi. Các kỹ sư công binh dọn xong vật cản thứ hai. Rồi đến vật cản thứ ba: những lớp xe cháy, đồng sắt vụn và một chiếc rơ moóc. Ai đó đứng trên ban công tầng hai bắn vào họ. Các kỹ sư và lính Pakistan bắn trả. Đối phương bắn mạnh hơn từ tứ phía. Đám đông chuyển các vật cản để chặn số binh sĩ lại. Các kỹ sư gọi trực thăng của lực lượng QRF đến. Trong vòng ba phút, các máy bay trực thăng Cobra đã đến. Hàng trăm người Somali có vũ trang tiến vào từ phía bắc và phía nam, sử dụng súng phóng lựu RPG bắn ra từ nhiều hướng.

Cobra dùng pháo 20 li và rocket 6,8 li nã vào đối phương. Nhiều máy bay khác của lực lượng QRF được điều đến giúp trong khi các kỹ sư tìm cách thoát thân, tháo chạy về hướng sân vận động Pakistan. Lực lượng bán vũ trang của Aidid bắn đạn cối 106 li vào chiếc tăng đi đầu của Pakistan làm chiếc xe tăng bốc cháy. Một chiếc xe ủi chết máy nên các kỹ sư vớt nó lại. Khi 30 lính Somali cố tìm cách chiếm đoạt chiếc xe bỏ lại này, hai quả tên lửa TOW đã quét ngã chúng và phá hỏng chiếc xe. Hai kỹ sư và ba lính Pakistan bị thương trong quá trình rút chạy về sân vận động. Một lính Pakistan tử thương. Tính tới thời điểm đó, đây là trận chiến lớn nhất xảy ra ở Somali.

Theo nguồn tin tình báo của chúng tôi, Aidid có tham gia trận chiến này và hẳn chỉ huy cuộc mai phục ở nhà máy sản xuất thuốc lá gần đó. Hơn một trăm người Somali chết và vài trăm người bị thương, nhưng Aidid đã thắng lợi vì tiếp tục khóa được con đường này, hạn chế được sự chuyển quân của Liên Hợp Quốc. Hơn nữa, các phương tiện truyền thông còn lên tiếng bênh vực Aidid khi phát đi bản tin nhiều “thường dân vô tội” Somali đã thiệt mạng. Tôi ghét các phương tiện truyền thông tự do của chúng tôi. Ngồi một chỗ mà chỉ tay năm ngón thì ai chả làm được. Tổng thống Clinton cũng vô tình giúp Aidid khi tuyên bố tạm dừng các chiến dịch tác chiến tại Mogadishu cho đến khi cuộc điều tra hoàn tất. Chính trị luôn bao trùm lên cuộc sống của người dân Mỹ. Aidid nã pháo vào Pasha. Súng máy và súng bộ binh nổ gần sát chỗ chúng tôi hơn. Chúng tôi vẫn trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao nhất. Lực lượng bán vũ trang của Aidid cũng nã pháo vào trạm kiểm soát của Nigeria ở hải cảng Mogadishu, mới được quân Italia

bàn giao.

Các mật vụ của Kền Kền trà trộn vào cuộc họp được tổ chức ở gara ô tô. Mục đích của cuộc họp là để Aidid khích lệ tinh thần binh lính. Chúng tôi muốn biết Aidid có thực sự xuất hiện ở đó không. Tuy nhiên, hắn đã không đến.

Lúc 5 giờ sáng ngày hôm sau, ngày 10 tháng Chín năm 1993, quân của Aidid đã pháo kích dữ dội hơn vào trạm kiểm soát ở hải cảng Mogadishu.

Cùng ngày, một mật vụ thông báo với chúng tôi rằng người của Aidid đã biết rõ về Pasha. Chúng biết cả những loại xe và loại súng của chúng tôi cũng như biết rõ Kền Kền trước khi chúng tôi xây dựng căn cứ ở Pasha.

Aidid phục kích đoàn phóng viên người Somali của CNN. Người phiên dịch và bốn lính bảo vệ của chúng tôi bị sát hại. Quân của Aidid đã nhầm phái đoàn phóng viên của CNN là chúng tôi. Chúng tôi cũng phát hiện thấy một phóng viên Italia đã dàn xếp để có một cuộc phỏng vấn với Aidid. Một viên mật vụ đã đặt một chiếc đèn hiệu bên trong xe của phóng viên này để chúng tôi có thể lần được dấu vết của anh ta. Hắn tay phóng viên này đã nhận thấy có gì đó không ổn bởi vậy hắn đến nhà một tay trong của chúng tôi thay vì đi gặp Aidid với hy vọng chúng tôi sẽ tấn công vào đó. Thật may, chúng tôi đã cử một mật vụ làm nhiệm vụ xác minh vị trí trước khi tấn công.

Mặc dù vậy, CIA vẫn quyết định vào cuộc. Chúng tôi cũng vậy. Chúng tôi nhận được tin, người của Aidid sẽ phục kích chúng tôi. Thay vì hai đặc nhiệm SEAL làm nhiệm vụ canh giới, hai người còn lại nghỉ ngơi, chúng tôi quyết định bố trí ba đặc nhiệm SEAL canh giới và một người nghỉ ngơi.

Ngày 11 tháng Chín năm 1993, mãi tới 7 giờ sáng hôm sau tôi mới đi ngủ. Đêm hôm đó, không có cuộc phục kích nào. Sourpuss đánh thức tôi dậy lúc 11 giờ và cho tôi biết là quân của Aidid đã áp sát chỗ chúng tôi.

Một viên mật vụ khác cho chúng tôi biết những thằng khốn đang muốn lấy đầu viên chỉ huy đội bảo vệ của chúng tôi bởi chúng đã phát hiện ra Abdi làm tay trong cho CIA. Trong số những người bảo vệ cho chúng tôi có cả

con trai của Abdi. Abdi chịu trách nhiệm thanh toán tiền cho những viên bảo vệ khác; hơn nữa, ông ta còn có trách nhiệm bảo vệ sự sống của họ. Ông là người có địa vị cao trong dòng tộc. Ông đã chấp nhận đẩy gia đình vào nguy hiểm khi làm tay trong cho CIA. Cũng phải nói rằng việc ông đồng ý giúp CIA còn có động cơ kiếm tiền, nhưng động cơ lớn hơn là mở ra tương lai sáng sủa hơn cho dòng tộc. Giờ đây ông đã bị lộ. Sau này chúng tôi phát hiện ra kẻ bán tin là gã người Italia.

Condor gọi điện cho Tướng Garrison. “Chúng tôi bị xâm nhập và chúng tôi cần ra khỏi cái nơi chó chết này.”

Lúc 3 giờ chiều, chúng tôi để lại các thiết bị không cần thiết như những gói đồ ăn sẵn, sau đó tất cả mọi người ở Pasha gói ghém đồ đạc và lái xe đến sân vận động Pakistan. Trực thăng đến đón lúc 7 rưỡi tối và đưa chúng tôi trở lại nhà chứa máy bay ở khu quân sự.

Khi hội tưởng lại, lẽ ra chúng tôi nên đuổi người Italia ngay từ ngày đầu tiên đến Pasha cũng như nên triệt hạ ngay tên lính đánh thuê người Nga. Sau đó, chúng tôi nên tận dụng cơ hội đột nhập vào ngôi nhà bí mật và bắt Aidid. Tất nhiên là nếu cấp trên để chúng tôi bắt Aidid khi hắn đang ăn náu ở nhà bà dì thì tốt biết mấy.

Mặc dù đã mất Pasha nhưng chúng tôi vẫn còn mục tiêu để hành động.

Chương 11. Lùng bắt quân sự của Aidid

Ngày 12 tháng Chín năm 1993, Casanova và tôi bước vào nhà chứa máy bay với râu tóc bờm xờm. Trong suốt thời gian ở Mogadishu, tôi không cắt tóc lần nào. Tại nhà chứa máy bay, mọi người tỏ ra rất vui mừng khi gặp lại chúng tôi. Họ biết chúng tôi đã có mười lăm ngày sống trong lòng địch và họ đã nghe một số điều về những việc chúng tôi thực hiện ở đó. Một số lính biệt kích Ranger chạy đến chỗ chúng tôi và nói: “Rất cảm ơn các anh đã sát cánh bên chúng tôi khi chúng tôi bị mai phục”. Những người khác đều muốn hỏi: “Các anh đã thực hiện sứ mệnh gì vậy?”

Chúng tôi sống chung với lực lượng Delta, đội Điều hành Tác chiến CTT và lực lượng Giải cứu Bán chuyên nghiệp PJ. Đội CCT là lực lượng dò đường trong các chiến dịch đặc biệt của Không quân. Họ có thể nhảy dù xuống một khu vực bất kỳ và thực hiện trinh sát thực địa, điều hành bay, bắn chi viện và chỉ huy, kiểm soát và liên lạc trên mặt đất. Họ đặc biệt hữu dụng với chúng tôi khi gọi chi viện từ trên cao. SIGINT đã thu nhận khá nhiều người trong đội này. Lực lượng PJ của Không quân cũng tham gia các chiến dịch đặc biệt. Nhiệm vụ chủ chốt của đội này là giải cứu các phi công bị bắn rơi trong lãnh thổ đối phương và tiến hành sơ cứu thương trị bệnh. Cả Delta và Đội đặc nhiệm SEAL số 6 đều được bổ sung thêm lực lượng của CCT và PJ. Một chiếc tàu của Đội đặc nhiệm SEAL số 6 gồm tám thành viên có nhiệm vụ tấn công một tòa nhà được bổ sung thêm một PJ làm nhiệm vụ trị thương. Tương tự, đội cũng được bổ sung một CCT mang một chiếc radio trên lưng và làm nhiệm vụ gọi Không quân trợ giúp. Mặc dù, họ không giỏi việc đột nhập bằng SEAL hay Delta, nhưng là những tay chuyên nghiệp trong lĩnh vực của mình – hơn rất nhiều so với SEAL hay Delta. Việc bổ sung họ vào lực lượng SEAL và Delta là sáng kiến tuyệt nhất từ trước tới nay của JSOC. Do trình độ tác chiến của họ không thể so được với SEAL, đặc biệt là khả năng cận chiến trong thành phố nên chúng tôi làm quân xanh để huấn luyện họ. Trong khóa huấn luyện, một PJ và một CCT đã vượt qua kỳ sát hạch. Sau đó, họ lại xoay vòng sang huấn luyện ở Delta. Trong thời gian ở cùng với các đơn vị của Không quân, họ cứ thế

xoay vòng tập luyện cùng Đội đặc nhiệm SEAL số 6 và lực lượng Delta. Tại nhà chứa máy bay, bốn chúng tôi hay cùng với CCT và PJ lang thang ra ngoài chơi vì chúng tôi đã biết họ khi cùng huấn luyện tại Dam Neck, Virginia. Giống như lực lượng Delta, họ thường để râu tóc gọn gàng để trông giống lực lượng biệt kích Ranger. Tuy nhiên, nước da xanh nhò trên đầu đã làm họ lộ tẩy hết.

Đội chúng tôi có một cậu tên Jeff. Cậu ta khá điển trai và có sức hấp dẫn mạnh đối với Casanova. Thậm chí, thỉnh thoảng họ còn ra ngoài chơi cùng nhau. Một CCT khác tên là Dan Schilling. Cậu này ba mươi tuổi, tính tình cởi mở và sống ở Nam California. Dan rời bỏ lực lượng dự bị của Lục quân để gia nhập CCT. Ở giữa nhà chứa máy bay, chúng tôi thường chơi bài trên một chiếc bàn gấp dùng để lập kế hoạch. Dan vẫn hay mời tôi xì gà. Cậu ta rất thích hút loại xì gà Hoàng gia Jamaica Maduros.

Tim Wilkinson bỏ công việc kỹ sư điện để gia nhập PJ. Còn Scotty là chỉ huy của đội PJ.

Gần chiếc bàn lập kế hoạch của lực lượng Không quân, CCT và PJ để một con búp bê, tên là Gina Nữ thần Tình yêu, là món quà sinh nhật cho một lính không quân của vợ Dan Schilling và bạn gái của Jeff. Trên cổ búp bê vẫn còn dính miếng giấy báo giá. Sau một chuyến thăm của các Nghị sỹ, Gina bỗng dung biến mất. Điều này thật là nực cười!

Lực lượng biệt kích Ranger đông đảo hơn cả, nhưng họ vẫn rất thận trọng về đường phân giới ảo. Đường phân giới này giống như một bức tường phân cách khu vực của chúng tôi với lực lượng biệt kích Ranger. Có lẽ do họ tôn trọng tính chất công việc bí mật của chúng tôi hoặc tiếng tăm của chúng tôi. Tuy nhiên, cho dù là vì nguyên nhân gì đi chăng nữa, họ đã tạo cho chúng tôi một không gian riêng. Nhiều gã trong lực lượng Delta luôn có quan điểm Nếu không phải người của Delta, chẳng có việc gì phải giao thiệp cả. Có lẽ một số người trong Đội đặc nhiệm số 6 cũng có quan điểm như vậy, nhưng ở đây chúng tôi chỉ có bốn người. Nếu cả bốn chúng tôi đều thuộc Đội Anh cả Đỏ thì có thể chúng tôi còn kiêu ngạo hơn. Chỉ có bốn lính SEAL ở châu Phi nên chúng tôi buộc phải đi chơi cùng với ai đó.

Khi ở trong khu nhà chứa máy bay, chúng tôi mặc áo phông, quần soóc và đi dép tông. Khi mặc quân phục, chúng tôi không đeo biển tên hay đeo cầu

vai quân hàm. Với chúng tôi, cấp hàm không có nhiều ý nghĩa như đối với lực lượng biệt kích Ranger và sĩ quan thông thường. Trong các đội đặc nhiệm của SEAL, chúng tôi thường noi gương chỉ huy của mình bởi danh tiếng của họ hoặc một số kỹ năng đặc biệt họ sở hữu. Không giống các sĩ quan thông thường, lính đặc nhiệm của SEAL thường gọi các sĩ quan của họ bằng tên thật hoặc biệt hiệu. Chúng tôi cũng không tuân thủ cấp trên một cách vô thức như những con rô bốt. Đơn giản là bởi chỉ huy cấp trên ở SEAL không đồng nghĩa là anh lãnh đạo tất cả – ngoại trừ về mặt văn bản giấy tờ. Trong thực tế, chúng tôi phải lựa chọn vũ khí và chiến thuật cho phù hợp với mỗi môi trường và tình huống cụ thể.

Lúc 9 giờ tối, chúng tôi bị pháo kích. Giờ đây, pháo kích vào chỗ chúng tôi là chuyện xảy ra như cơm bữa. Một số nghĩ ra trò chơi cá cược. Mỗi người sẽ đặt cược một thời điểm bất kỳ dự đoán xảy ra cuộc pháo kích với giá đặt cược là 1 đô-la. Ai dự đoán đúng thời điểm xảy ra cuộc pháo kích, người đó sẽ thắng.

Chẳng có ai đưa tin về hành tung của Aidid cả.

Hôm sau, ngày 13 tháng Chín năm 1993, mặc dù là sĩ quan cao cấp của SEAL, nhưng Sourpuss không làm gì và chẳng chỉ đạo gì cả. Anh ta ngồi viết thư cho vợ. Gã Mập lùn kiểm tra cách thức gọi trực thăng của lực lượng QRF khi cần hỗ trợ. Chúng tôi cũng được phép ra ngoài tuần tra cùng với lính biệt kích Ranger khi không có việc gì để làm.

Một đoàn xe Pakistan đến tiếp tế. Theo lệnh của Tướng Garrison, Casanova và tôi lên máy bay đi cùng với Steve (một tay súng bắn tỉa của Delta thường xuyên làm việc với tình báo quân sự), Tư lệnh Assad và binh lính Pakistan dưới quyền chỉ huy của Assad. Chúng tôi lái xe qua thị trấn về phía tây bắc, gần Sân vận động Pakistan. Ở đây, quân Pakistan canh phòng rất chặt chẽ. Nơi họ ở rất gọn gàng và sạch sẽ. Họ không tùy tiện như binh lính Italia, những kẻ đang muốn làm chúng tôi suy yếu.

Suốt đêm hôm đó, quân của Aidid nổ súng bắn vào một chiếc trực thăng của chúng tôi và chúng sử dụng Trường Đại học Quốc gia Somali bỏ hoang làm nơi ẩn náu. Casanova và tôi trèo lên đỉnh của một chiếc tháp sáu tầng. Từ vị trí đó, chúng tôi có thể nhìn thấy nhà của Osman Ali Atto – chuyên gia tài chính và là quân sư đặc lực của Aidid. Atto sử dụng số tiền thu được

từ buôn bán ma túy (chủ yếu là lá cây Khat), cướp bóc và bắt cóc tổng tiền để mua vũ khí và tài trợ cho quân của Aidid. Bên cạnh nhà Atto là một gara sửa xe ô tô. Gara này là một tòa nhà đồ sộ, được xây bê tông kiên cố và không đổ mái. Trong gara, các thợ cơ khí đang sửa chữa xe ô tô, xe ủi và đang lắp súng máy cỡ nòng .50 caliber được đặt trên giá đỡ ba chân vào thùng chiếc xe bán tải. Đây chính là gara ô tô Aidid dùng để tổ chức buổi họp khích lệ tinh thần binh lính hôm chúng tôi còn ở Pasha. Nếu bắt được Atto, chúng tôi sẽ cắt được nguồn viện trợ tài chính cho quân Aidid. Atto chính là kẻ nắm giữ hầu bao và điều tiết cuộc chiến. Không có gì quan trọng diễn ra ở nhà Atto, ngoại trừ bóng điện ngoài hiên nhấp nháy theo chu kỳ ba lần một. Có lẽ đây là một dạng ám hiệu, nhưng chúng tôi không thấy bất cứ hoạt động nào trong nhà. Việc bắt Atto chỉ là vấn đề thời gian. Ngày 14 tháng Chín năm 1993, chúng tôi tiếp tục quan sát gara ô tô của Atto. Mọi người tập nập ra vào. Có ba thợ cơ khí đang sửa xe. Casanova và tôi phát hiện một người nhìn giống Atto, đang nở một nụ cười lớn khoe hàm răng trắng bóng.

Chúng tôi chụp lại hình, sau đó truyền dữ liệu qua đường truyền mật cho các sĩ quan tình báo để họ nhận xem người trong ảnh có phải là Atto không. Chúng tôi đã mất dấu khi hấn rời gara và lái xe đi.

Cùng ngày, một biệt kích của Ranger nghĩ là đã phát hiện ra Aidid trong một đoàn xe. Lực lượng Delta đột kích vào tòa nhà và khi đó mới phát hiện ra người bị bắt giữ là Tướng Ahmed Jilao chứ không phải là Aidid, mặc dù Jilao cao to và trắng trẻo hơn Aidid và là đồng minh thân cận của Liên Hợp Quốc. Aidid trở nên giống như minh tinh Elvis Presley, người ta thấy hấn ở mọi nơi nhưng thực tế lại chẳng phải là hấn.

Vào ban đêm, khu ở của lính Pakistan bị pháo kích từ những bụi cây và các tòa nhà gần đó dội vào. Tư lệnh Assad nói: “Chúng tôi sẽ tiếp tục bị pháo kích. Các anh có thể giúp chúng tôi chứ?”.

“Chúng tôi có thể phát hiện ra chúng bằng kính hồng ngoại và bắn pháo sáng vào chúng và các tay súng của ông có thể nhắm đạn vào khu vực đó”. (Pháo sáng là loại đạn phốt-pho chiếu sáng mặt đất bằng sức nóng).

Chúa đã phù hộ nhóm du kích vì đêm hôm đó, chúng không bắn thêm lần nào nữa.

Hai ngày sau đó, ngày 16 tháng Chín năm 1993, 3 phụ nữ vào nhà Atto và chỉ có hai người trở ra. Một người đàn ông cũng bước vào. Một cuộc họp khác nữa đang diễn ra, có cả Atto. Dường như hắn phụ trách, hướng dẫn mọi người thực thi kế hoạch.

Casanova rời khỏi tháp ở khu của lính Pakistan và di chuyển gần hơn tới bức tường còn sót lại đối diện với nhà Atto. Casanova nhận thấy mọi người bước vào ngôi nhà gần gara ô tô chứ không phải vào thẳng nhà Atto. Chúng tôi gọi trực thăng của lực lượng QRF đến pháo kích, ba quả pháo nổ nhưng chẳng quả nào nổ gần nơi đó cả.

Sau đó, chúng tôi trở lại nhà chứa máy bay ở khu quân sự. Tại đây, chúng tôi báo cáo văn tắt tình hình cho một Đại úy của Delta.

Trong báo cáo, tôi nói: “Đi tuần tra cùng biệt kích Ranger chẳng có vấn đề gì, nhưng chúng tôi muốn đi một mình. Chúng tôi sẽ biết phải xử trí ra sao khi bị tập kích, nhưng lại không biết lính biệt kích Ranger sẽ xử trí như thế nào trong tình huống đó”.

Viên Đại úy chấp thuận lời đề nghị.

“Ngoài ra, chúng tôi còn đề nghị thực hiện các chuyến bay do thám Mogadishu cùng với lực lượng QRF.”

“OK.”

Casanova và tôi đến trụ sở của CIA và chia sẻ tin tức tình báo về hành tung của Atto với họ.

Đây là lần đầu tiên Casanova và tôi đi chung máy bay cùng lực lượng QRF. Chúng tôi nhận thấy quy định tham chiến của họ khác với chúng tôi. Họ được phép cho đạn vào hộp tiếp đạn nhưng lại không được phép lên đạn khi đối phương chưa bắn họ. Còn với chúng tôi, súng luôn lên đạn sẵn nên chúng tôi chỉ việc mở chốt an toàn và nhả đạn. Ở vùng chiến, quy định này của lực lượng QRF thật là nực cười.

Một hôm, Casanova và tôi lên một chiếc Humvee cùng với lực lượng QRF. Tôi ra lệnh: “Khóa chốt an toàn và lên đạn”. Các binh sĩ QRF ngỡ ngàng nhìn tôi. “Cái gì?”. Trời tối dần, đường phố và nhà cửa đã lên đèn. Súng của

tất cả chúng tôi đều được khóa chốt an toàn và lên đạn sẵn. Casanova và tôi phải chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu xảy ra thiệt hại cho đồng đội.

Lần tiếp theo, một số biệt kích Ranger. Casanova và tôi lái xe Humvee đến khu ở của QRF. Số binh lính từng đi cùng với Casanova và tôi trước đó vội vã phóng xe theo chúng tôi và vẫn nhớ mệnh lệnh đầu tiên của chúng tôi “khóa chốt an toàn và lên đạn”.

Sau đó, nhiều binh sĩ có cơ hội đi cùng chúng tôi. Họ thường đứng thành hàng để đợi chiếc Humvee do Casanova và tôi lái. Chúng tôi cười hạnh phúc khi thấy họ tranh nhau để được đi cùng chúng tôi.

Lúc 12 giờ đêm, chúng tôi lên trực thăng với QRF. Hai chúng tôi ngồi một bên cửa máy bay. “Khóa chốt an toàn và lên đạn”.

Hai tay súng bắn tỉa của QRF ngồi ở bên cửa còn lại. Súng của họ cũng “khóa chốt an toàn và lên đạn”.

Tổ bay của chúng tôi thường chờ đợi cho đến khi bị bắn trước thì mới bắn trả, nhưng họ chỉ mang theo vũ khí hạng nhẹ và hai khẩu RPG buổi đêm hôm trước. “Hãy bắn bất cứ kẻ nào bạn cảm thấy bị đe dọa”. Nếu ai hướng súng nhắm vào chúng ta hoặc ở tư thế sẵn sàng tấn công chúng ta hay đứng ở vị trí bắn thì chúng ta có thể nhắm đạn vào chúng.

Mặc dù ban ngày nhiệt độ ở Mogadishu trung bình cao hơn 310C, nhưng đến đêm xuống còn 150C. Trong quá trình bay do thám ở Mogadishu phát hiện ra nhiều đồng lửa được đốt ở các tầng trên của các tòa nhà bỏ hoang. Tôi hiểu những người tị nạn ngồi quanh các đồng lửa này để sưởi ấm.

Hai người Somali dưới đất chĩa súng vào chúng tôi. Casanova giương khẩu CAR-15 nhắm vào họ. Anh siết cò hạ gục một tên. Tên còn lại bỏ chạy giữa các tòa nhà. Viên phi công không thể giúp chúng tôi tiếp cận được hắn.

Cũng đêm hôm đó, đặc nhiệm Delta dùng khẩu CAR-15 bắn ba phát vào ngực một thủ hạ của Aidid.

Thật không may, một đặc nhiệm khác của Delta phải cuốn gói về nước. Viên đặc nhiệm này thuộc biên chế của một trong những đơn vị chiến đấu

ting nhuệ nhất trên thế giới. Anh ta đã vô tình nhả đạn vào nhà chứa máy bay. Có thể hành động này đã lcuớp đi sinh mạng của một ai đó. Tôi vẫn nhớ như in nét mặt của viên đặc nhiệm sau hành động đó – anh ta biết điều gì sẽ đến với mình. Tướng Garrison và những người khác rất giận dữ. Mặc dù viên đặc nhiệm được huấn luyện để chiến đấu, nhưng giờ đây lại phải đóng gói súng ống và quay trở về Mỹ. Hồ sơ quân nhân của anh ta cũng sẽ bị ảnh hưởng. Chúng tôi có thể chịu đựng được nỗi đau thể xác và sự khổ cực, nhưng bị loại bỏ khỏi hàng ngũ là sự trừng phạt nặng nề nhất. Điều này mãi sau này tôi mới hiểu.

Ngày hôm sau, 17 tháng Chín năm 1993, Casanova và tôi trèo lên đỉnh tháp ở khu tại của binh lính Pakistan để thay ca cho Gã Mập lùn và Sourpuss vì họ đã ở đó theo dõi gara ô tô của Atto ba giờ rồi.

Một mật vụ của CIA đi vào trong gara ô tô và xác minh xem người trong đó có phải là Atto hay không trước khi chúng tôi đột kích đa lực lượng. Đột kích đa lực lượng ít nhất cũng có một trăm người tham gia, bao gồm một xe Humvee, một vài trực thăng Little Bird chở lính bắn tỉa Delta và một vài trực thăng Black Hawk chở biệt kích Ranger và đặc nhiệm Delta. Khi nhận được tín hiệu: viên mật thám đi vào giữa gara, dùng tay phải bỏ chiếc mũ màu vàng đỏ xuống và đi vòng quanh khu vực Casanova và tôi sẽ phát tín hiệu tấn công. Đây quả là trách nhiệm to lớn với hai chúng tôi.

Chúng tôi phát hiện ra Atto sẽ có cuộc họp trong gara ô tô vào 7 giờ 30 phút hôm sau. Lực lượng HUMINT quả là tuyệt vời khi cho chúng tôi biết chính xác thời gian và địa điểm cuộc họp. Thật buồn là trước đây, chúng tôi không có được những tin tình báo giá trị như thế khi theo dõi Aidid.

Lực lượng Delta đã từng dùng radio phát lệnh cuộc tấn công bắt Aidid, nhưng lại bị nhầm.

Tối hôm đó, Casanova ở lại tháp, còn tôi nấp bên bờ rào tại khu ở của lính Pakistan và nhìn qua bức tường bên cạnh trại trẻ mồ côi để tiện quan sát. Từ lúc nhá nhem tối tới tận đêm, có quá nhiều hoạt động diễn ra nơi đây. Sau đó, nguồn tin của HUMINT cho biết một trong số các tay lái xe người Somali đã bí mật sử dụng thùng xe để vận chuyển vũ khí và đạn dược, kể cả đạn pháo. Xe này treo cờ của trại trẻ mồ côi phía trên và do đó dễ dàng qua được các trạm kiểm soát. Tôi không nghĩ rằng người ở trại trẻ mồ côi biết

tài xế sử dụng xe vào mục đích này, nhưng nó giúp chúng tôi trả lời được câu hỏi về cách thức vận chuyển vũ khí, trang bị của Aidid.

Ngay từ lúc 6 giờ sáng, ngày 18 tháng Chín năm 1993, Casanova và tôi bắt đầu theo dõi gara ô tô của Atto từ trên đỉnh tháp. Lúc 8 giờ kém 15, viên mật vụ của CIA, để ria mép, đầu đội mũ vàng đỏ, mặc áo phông xanh và váy macawi kẻ sọc xanh trắng, xuất hiện tại gara ô tô. Anh ta sẽ kiếm được 5.000 đô-la nếu thành công. Sau 25 phút, anh ta vẫn chưa ra ám hiệu thống nhất từ trước. Rồi Atto cũng đến. Đi cùng với y là các vệ sỹ và một người đàn ông đứng tuổi. Chúng tôi chỉnh radio nhưng vẫn đợi tín hiệu từ viên mật vụ trước khi phát lệnh tấn công.

Thay vì đưa ra tín hiệu như đã hiệp đồng, viên mật thám hành động rất sơ suất. Anh ta dang tay sang một bên, vòng tay lên đầu cầm lấy vành mũ, gio chiếc mũ lên cao, rồi vòng tay theo đường vòng cung hạ mũ xuống bên hông. Nếu là một vệ sỹ của Atto, hẳn tôi đã bắn chết tên ngốc này ngay lập tức. Tôi hoàn toàn nghĩ rằng viên mật vụ này sẽ bị sát hại ngay trước mắt mình, nhưng thật may chẳng ai để ý hành động thái quá đó.

Casanova và tôi phát lệnh đột kích đa lực lượng. Lực lượng QRF ngay lập tức có mặt. Những chiếc trực thăng Little Bird và Black Hawk bay rợp trời. Ngay tức khắc, các đặc nhiệm Delta tụt dây xuống đổ bộ vào phía trong gara ô tô, còn các biệt kích Ranger đổ bộ phía ngoài bao vây gara ô tô và các trực thăng Little Bird chờ các tay súng bắn tỉa của Delta bay lượn bên trên để bắn chi viện. Người của Atto chạy tán loạn như ong vỡ tổ. Lực lượng bán vũ trang xuất hiện ở ngôi nhà kế bên, nhắm bắn trực thăng. Các phóng viên cũng xuất hiện và ngay lập tức tay súng bắn tỉa Dan Busch ném bom phát sáng để các phóng viên sợ hãi tháo lui khỏi vùng chết. Sau này, nhóm phóng viên hồi tưởng lại rằng rất nhiều lựu đạn đã được ném về phía họ. Đúng là những tên ngốc vô ơn. Nếu là lựu đạn thì chúng đã bị giết chết hết rồi. Sau này, chính Dan nói cho tôi biết có điện thoại gọi sang từ Lầu Năm Góc và anh đã phải giải thích cho cấp trên hiểu là anh không ném lựu đạn sát thương vào đám phóng viên.

Sau khi bò qua bức tường và ra ngoài rìa của chiếc tháp sáu tầng, tôi nằm sấp xuống. Khẩu CAR-15 của tôi có viên trong hộp tiếp đạn và một viên đã lên nòng. Casanova đảm trách nửa trái gara ô tô, còn tôi nửa phải. Qua kính ngắm, tôi phát hiện một tên trong lực lượng bán vũ trang của Aidid cách

chỗ tôi nằm chừng 500m đang nhắm bắn trực thăng từ cửa sổ. Tôi siết cò bắn trúng ngược. Hắn ngã ngửa ra phía sau và vĩnh viễn nằm đó.

Một tên khác cầm AK-47 vọt ra từ cửa thoát hiểm bên hông tòa nhà, cách chừng 300 m, giương súng nhắm bắn đặc nhiệm Delta đang tấn công gara. Tôi bắn hắn ta từ phía trái và viên đạn xuyên qua người. Hắn đổ vật xuống cầu thang mà vĩnh viễn không hiểu cái gì đã giết chết mình.

Cách chỗ tôi nằm khoảng 800 m, một gã vác vai khẩu RPG, chuẩn bị phóng bắn trực thăng. Mỗi lần chỉnh thước ngắm ở khoảng cách khác nhau tốn khá nhiều thời gian. Do vậy, tôi lấy thước ngắm ở tầm bắn 900 m, rồi tôi tự tính toán khoảng cách dựa theo tầm bắn đó. Lấy điểm chuẩn là ức của tên đang cầm khẩu RPG, tôi siết cò. Viên đạn trúng ngay dưới mũi hắn. Mọi người thường cho rằng khi dính đạn, nạn nhân sẽ ngã ra sau, nhưng thật ra phải ở hướng ngược lại mới đúng. Viên đạn xuyên qua ở tốc độ cao nên kéo hắn ngã về phía trước, đập mặt xuống đất. Tên này đã kéo cò khẩu RPG khi đang ngã và viên đạn găm ngay xuống mặt đường phát ra tiếng nổ Bùm!

Ngồi trên trực thăng, các tay súng bắn tỉa của Delta nhìn thấy phát bắn của tôi. Vài phút sau, một chiếc trực thăng bay ngay sát nóc tháp. Các tay súng bắn tỉa hét lên và giờ ngón tay cái lên chúc mừng tôi. “Đồ chết tiệt”. Thật may là cả Casanova và tôi đều ở tư thế nằm sấp, nếu không gió từ cánh quạt có thể hất phăng chúng tôi khỏi chiếc tháp.

Delta bắt được 15 tù binh, nhưng các biệt kích Ranger ở trong các xe Humvee không kịp đến để bao vây vòng ngoài. Atto đã đổi trang phục cho một thủ hạ và chạy trốn theo lối cửa sau của gara. Hắn đã tẩu thoát.

Rạng sáng ngày 19 tháng Chín năm 1993, tôi nhìn thấy lực lượng QRF đang đột kích vào những ngôi nhà cách chỗ chúng tôi đứng khoảng 500m. Lực lượng QRF chỉ mang theo một số khẩu súng cá nhân và súng RPG. Lực lượng bán vũ trang của Aidid đã bắn nhằm vào đoàn xe buổi sáng hôm đó. Từ trên tháp, qua kính ngắm đêm, tôi nhìn rõ quân địch. Tôi nhắc bộ đàm và hướng dẫn trực thăng đến bắn vào quân của Aidid. Trực thăng của QRF nã đạn .50 caliber và 40 li xuống như mưa, trong khi lực lượng QRF trên mặt đất tấn công dữ dội như thể trời long đất lở. Một số tên cố chạy thoát nhưng cuối cùng đều bị giết chết dưới họng súng của Casanova và tôi.

Chúng tôi đã sử dụng tháp này rất hiệu quả, nhưng người của Aidid cũng hiểu ra vấn đề. Một người phụ nữ dừng lại và ngược mắt nhìn chúng tôi. Sau đó bà đưa tay lên cửa cổ hàm ý muốn cắt cổ cả hai. Chúng tôi hiểu rằng vị trí ẩn nấp này đã bị lộ và nhận được lệnh tạm rời tháp một vài ngày. Chúng tôi rời khu ở của binh lính Pakistan lúc 5 giờ chiều và có mặt ở nhà chứa máy bay vào 5 rưỡi. Gần chục tay súng bắn tỉa Delta đón chúng tôi ở cửa trước, giơ hai tay lên cao và đập vào tay chúng tôi chúc mừng chiến thắng. “Wasdin, anh cừ quá!” Một người trong số họ nhìn chăm chăm vào các tay súng bắn tỉa Delta khác. “Nếu phải lựa chọn ai đó, nhất định tôi sẽ chọn Wasdin!”

Sau đó, Casanova và tôi sử dụng tia laze để đo khoảng cách thực từ chỗ tôi nằm bắn đến chỗ tên bị tôi bắn trúng đầu hôm đó, tổng là 846m. Đây là phát bắn chính xác nhất trong đời binh nghiệp của tôi. Từ sau lần đó, quan hệ của tôi với nhóm Delta được cải thiện rõ rệt. Nhưng có một điều tôi không bao giờ nói với họ là tôi thực sự đã ngắm bắn vào ngực gã đó.

Lúc 2 rưỡi sáng, ngày 20 tháng Chín năm 1993, Casanova và tôi bay cùng QRF đến tận 6 giờ kém 15. Trong chuyến bay, chúng tôi phát hiện thấy một người đàn ông đang dựng một máy phát sóng di động. Chúng tôi nghĩ, mình đã tìm ra được vị trí đài phát thanh của Aidid ở Mogadishu. Chúng thường sử dụng đài này để truyền đạt mệnh lệnh, phương thức pháo kích và tuyên truyền: Liên Hợp Quốc và Hoa Kỳ muốn chiếm Somali, đốt Kinh Koran và giết hại trẻ sơ sinh. Ngay cả khi quân của Aidid bị tổn hại và thất bại, đài phát thanh này vẫn rêu rao là đã giành thắng lợi nhằm tiếp tục khích lệ người dân gia nhập hàng ngũ của Aidid. Casanova và tôi không được phép bắn gã đang dựng cột phát sóng này, nhưng chúng tôi cũng kịp đánh dấu vị trí có thể là nơi đặt trạm phát sóng của đài phát thanh.

Lực lượng của QRF hỏi liệu chúng tôi có thể bay với họ tất cả các tuần được không. Họ đã rất nỗ lực trong thời gian qua bởi muốn trở nên giỏi như các tay súng bắn tỉa của SEAL.

Cuối ngày hôm đó, Kèn Kèn liên hệ với chúng tôi. Một viên mật vụ của anh ta báo cáo Atto sẽ ở nhà riêng vì có một cuộc họp diễn ra tại đó. Chỉ có bốn chúng tôi mới là những đặc nhiệm có thể xác minh được Atto vì chúng tôi thường xuyên nhìn thấy hắn. Kèn Kèn muốn một đặc nhiệm SEAL và một vài đặc nhiệm Delta đi cùng. Chúng tôi quyết định để Casanova đi, nhưng

thật tiếc nhiệm vụ bị hủy bỏ. Chuyến bay của chúng tôi cùng lực lượng QRF cũng bị hủy bỏ. Mặc dù chúng tôi đã lên xe Humvee sẵn sàng đột kích vào nhà Atto, nhưng rồi lại cũng hủy bỏ. Lần nào cũng chuẩn bị, hủy bỏ, rồi lại chuẩn bị. Chẳng biết bao giờ mới hết tình cảnh này. Sự việc này đúng là mệt mỏi nhưng không làm mất đi động lực của tôi. Cho dù là thách thức gì đi chăng nữa, tôi luôn biết mình đã chọn công việc này và phải tiếp tục cố gắng. Tại Trung tâm Huấn luyện Tác chiến Đặc biệt dành cho các đặc nhiệm của SEAL tại California, huấn luyện viên Stoneclam từng nói với chúng tôi, “Tôi phải nghiêm khắc với tất cả học viên, thậm chí cả về lý trí”. SEAL nổi danh là tinh gọn so với cả bộ máy quân sự quy mô lớn và công kênh. Điều này đòi hỏi chúng tôi phải kiên nhẫn. Tôi và tất cả đồng đội đều có chung suy nghĩ này. Chúng tôi học được cách kiểm soát cảm giác để khỏi rơi vào tình trạng chán chường. Tôi biết mình có thể vượt qua được những thách thức trong môi trường luôn biến động. Không phải mọi điều đều luôn đúng theo kế hoạch. Ngay cả với kế hoạch hoàn hảo nhất, thì khi đạn bắt đầu bay, kế hoạch đó cũng sẽ thay đổi.

Ngày 21 tháng Chín năm 1993, mật vụ Abe báo cáo đã trông thấy Osman Atto ở Lido gần ngôi nhà bí mật cũ Pasha của chúng tôi. Trong quá trình xử lý tin tình báo, chúng tôi luôn phải xác định được đó là tin thật hay tin vì thành tích cá nhân. Tôi không nghĩ có viên mật vụ nào đó muốn lừa dối mình, nhưng họ có thể thổi phồng tin tức để nhận tiền. Abe dường như không nằm trong nhóm người này. Abe là người ăn nói nhẹ nhàng và không bao giờ mất bình tĩnh như những người khác. Anh ta rất bình tĩnh và các báo cáo của anh bao giờ cũng dựa vào thực tế. Chúng tôi thích làm việc với “Abe trung thực”.

Trong bộ phim kinh điển Black Hawk Down – Điều hâu gãy cánh, một người lính nào đó đã đánh dấu xe Atto bằng cách dán lên trên nóc xe một miếng băng dính màu xanh ô liu chỉ dùng trong quân đội. Hành động này trông giống cảnh quay trong serie phim Điệp viên 007 về James Bond. Tuy nhiên, trong thực tế, Cơ quan Bảo đảm Kỹ thuật của CIA đã gắn một thiết bị theo dõi vào trong chiếc gậy có tay cầm bằng ngà voi làm quà tặng Aidid. Kèn Kèn đã sửa lại chiếc gậy và giao cho Abe để đưa cho một liên lạc viên thường xuyên tiếp xúc với Atto. Liên lạc viên này sẽ trao cây gậy cho Atto như một món quà tặng. Trong khi người liên lạc, mang theo cây gậy, lái xe đến phía Bắc Mogadishu, một chiếc trực thăng sẽ lần theo tín

hiệu từ thiết bị nói trên. Khi chiếc xe dừng lại đổ xăng, Atto xuất hiện. Một mật vụ gọi điện báo cho Kền Kền biết Atto đã ở trong ô tô. Kền Kền dùng bộ đàm gọi cho Delta.

Delta xuất kích. Trực thăng tấn công đậu gần ngay trên đầu chiếc xe và một lính bắn tỉa nã đạn vào động cơ làm chiếc xe chết máy. Atto mở tung cửa ra và bỏ chạy. Tên vệ sĩ dùng AK-47 bắn vào đội xung kích nhưng một lính bắn tỉa đã bắn tên vệ sĩ bị thương ở chân. Các đặc nhiệm nhảy ra khỏi máy bay, lao nhanh về phía tòa nhà và bắt sống Atto.

Lực lượng Delta còn lại tạo thành một vòng tròn bao vây tòa nhà. Quân Somali đốt lốp ô tô để ra hiệu cứu viện. Một số tiến về phía các đặc nhiệm Delta đang bao vây ngôi nhà. Rồi một đám đông kéo đến, chúng dùng súng AK-47 và RPG nhắm bắn trực thăng. Các tay súng bắn tỉa ở một chiếc trực thăng và các khẩu súng máy ở chiếc trực thăng khác bắn xối xả vào đám người này, hạ gục khoảng mười đến hai mươi tên và buộc chúng phải thối lui.

Bên trong tòa nhà, lực lượng Delta dẫn Atto lên nóc nhà, ở đó, một chiếc trực thăng đã đợi sẵn để đón.

Sau đó, khi đã quay trở lại quân doanh, Delta nói với chúng tôi “Chúng tôi không chắc liệu tên bị bắt có phải là Atto hay không. Liệu các cậu có thể đến đó và nhận diện hẳn giúp chúng tôi được không?”

Casanova và tôi đi bộ đến chỗ giam giữ Atto ở đầu bên kia của đường băng gần khu nhà CIA ở. Atto bị nhốt trong thùng một chiếc công ten nơ. Trong bộ phim “Black Hawk Down”, nhân vật Atto là một gã to con, luôn ăn mặc bánh bao, hút xì gà và hay nói mỉa kẻ bắt giữ hẳn. Trong thực tế, mặc dù mặc áo sơ mi và váy macawi, hẳn vẫn sụi sùi và van lơn xin được tha tội. Thấp lùn, gầy gò như một cán chôi và lắc lư như chiếc lá trong gió, Atto nhìn Casanova và tôi như thể chúng tôi là Thần chết đến mang hẳn đi vậy. Tôi cảm thấy tiếc cho Atto. Tôi bị giằng xé giữa hai trạng thái. Một phần muốn nhào đến ôm và nói với hẳn “Mọi việc sẽ ổn thỏa thôi”, nhưng một phần lại muốn rút súng bắn vỡ mặt hẳn.

“Đúng, chính hẳn đây”, Casanova nói.

“Tôi không biết”, tôi nói đùa. “Trước đây, mỗi lần thấy hấn, hấn đều đang nở nụ cười lớn với hàm răng trắng bóng.”

Casanova nhìn gã thông dịch. “Bảo hấn nếu không cười, chúng tao sẽ đánh cho hấn một trận lên bờ xuống ruộng đấy.”

Atto đã cười trước khi các thông dịch viên có thể dịch.

Trước đây, chúng tôi không biết Atto nói được tiếng Anh. Casanova và tôi đập tay vào nhau chúc mừng và cùng nói “Chính là hấn ta đây!” Delta đưa hấn đến nhà tù trên một hòn đảo ngoài khơi Somali. Một bức thư ngắn gửi tới Atto khuyên hấn nên gặp các phóng viên để mở cuộc hội đàm với Liên Hợp Quốc ở Somali. Chúng tôi phán đoán, bức thư này khả năng được gửi từ Aidid – con cá lớn mà chúng tôi vẫn chưa bắt được.

Chương 12. Sứ mệnh do thám Mogadishu

Để bắt Aidid, chúng tôi phải vượt qua trò chơi đèn xanh, đèn đỏ. Chúng tôi được thông báo sẽ chẳng có tin tình báo nên ít cơ hội hành động. Đột nhiên, chúng tôi được bật đèn xanh hành động. Rồi một chỉ huy nào đó sẽ lại hủy bỏ sứ mệnh đó trước khi chúng tôi xuất phát.

Một chỉ huy trong đội bắn tỉa Anh ba Xanh (Blue Team) thuộc Đội đặc nhiệm SEAL số 6 gọi điện từ Dam Neck hỏi về nhiệm vụ và cho biết đang chuẩn bị người thay hai chúng tôi vào ngày 15 tháng Mười. Chúng tôi báo cáo với người chỉ huy về những việc đang làm, những điều kỳ vọng, những trang bị cần và không cần mang theo.

Ngày 22 tháng Chín năm 1993, khi đang ngồi trên giường ở nhà chứa máy bay, một Thượng sĩ thuộc JSOC đến nói chuyện phiếm với chúng tôi. Anh ta khuyên chúng tôi nên hòa đồng với các đặc nhiệm Delta, đặc biệt với các đặc nhiệm thuộc Phi đội Charlie. Ở một phương diện nào đó, SEAL khá tương đồng với Delta. Chẳng hạn, cả hai lực lượng này đều giỏi đột kích và bắn súng. Nhưng ở khía cạnh khác, chúng tôi khá khác nhau – chẳng hạn SEAL đổ bộ từ tàu còn Delta đổ bộ từ máy bay. Do thường phải tiến hành chiến dịch riêng rẽ, việc tiếp xúc với Delta thường rất khó và do môi trường cạnh tranh cao nên một số đặc nhiệm Delta tỏ ra ghen tị với chúng tôi. Trong lực lượng Delta, chúng tôi cạnh tranh trực tiếp với các tay súng bắn tỉa Delta vì nhiệm vụ của chúng tôi có nhiều điểm chung. Khi ra ngoài chơi, chúng tôi thường đi cùng lực lượng CCT và PJ vốn đã biết nhau từ trước.

Cấp trên hủy bỏ chuyến bay của chúng tôi cùng với lực lượng QRF. Tôi đoán hẳn đã xảy ra mâu thuẫn giữa chỉ huy của QRF với chỉ huy của Delta. Chỉ huy Eric Olson, sĩ quan của Đội đặc nhiệm SEAL số 6, sau này là người đầu tiên trong lực lượng SEAL trở thành Tư lệnh Hải quân của JSOC, đã gặp chúng tôi tại nhà chứa máy bay. Ông đến thay Chỉ huy trưởng Tewey của SEAL vì Tewey nhận nhiệm vụ khác ở cơ quan Liên Hợp Quốc tại Somali.

Chỉ huy trưởng Olson hồ hởi nói: “Tôi chỉ đến để nói lời chào các bạn và xem các bạn đã làm được những gì.”

Chúng tôi báo cáo với ông những gì chúng tôi biết.

Ngày 23 tháng Chín năm 1993, có thể là do ảnh hưởng của Chỉ huy trưởng Olson, chúng tôi lại được phép bay cùng QRF, chính thức thực thi sứ mệnh theo dõi Mogadishu. Từ 3 giờ đến 7 giờ 15, Casanova và tôi bay cùng QRF. Trong thời gian này, chúng tôi nhận được cuộc điện thoại cung cấp thông tin về vị trí một ụ súng máy. Mất khoảng 5 phút, chúng tôi đến được khu vực này, nhưng những tay súng đã chuẩn mất. Sau khi trở về căn cứ, tôi đánh một giấc khoảng vài giờ đồng hồ.

Tôi tỉnh dậy lúc 12 giờ và lên một chiếc trực thăng cùng lực lượng PJ, Scotty và Tim để huấn luyện kỹ thuật cứu thương. Chúng tôi bay về phía nam nhà chứa máy bay và hạ cánh ở một cánh đồng rải rác có vài con dê. Tôi đứng trên cánh đồng, quay lưng lại một con dê non, bác sĩ phẫu thuật của Delta, Thiếu tá Rob Marsh, rút súng bắn vào con dê. Anh ta nói: “Tiến hành đi”.

Tôi quay lại và biết cần phải làm gì với con vật này. Cầm máu động mạch chủ, ổn định hơi thở, băng bó và cố định vết thương ở ngực. Sau đó, anh ta bảo tôi quay đi và rút súng bắn vài ba phát. Tôi quay lại và kiểm tra nhưng chẳng thấy có vết bắn nào trên người con dê. Lật ngửa con dê và tôi tìm thấy một vết thương bằng dao đâm vào bên phải lá phổi. Tôi vội khâu lá phổi lại và xếp lá phổi lạnh lặn lên trên. Một lần nữa, Thiếu tá Marsh dùng chân dẫm mạnh lên chân sau của con dê non. Khi ông nhấc chân ra, máu tuôn trào từ động mạch ở đùi con dê giống như mạch nước ngầm phun trào. Vì vậy, tôi lại tiến hành cầm máu. Tất nhiên, nếu tôi thất bại, con dê sẽ chết.

Các nhà hoạt động bảo vệ động vật hẳn sẽ buồn biết mấy nếu chứng kiến cảnh này, tuy nhiên đó lại là khóa tập huấn cứu thương tốt nhất tôi từng tham gia. Sau khi tập huấn xong, chúng tôi cho người dân con dê để họ xẻ thịt. Việc làm này chẳng là gì so với hàng triệu con bò và gà bị giết thịt làm thức ăn hàng ngày. Hơn nữa, việc làm này là sự tập luyện để cứu sống một mạng người nào đó, khi cần.

Ngày hôm sau, ngày 24 tháng Chín năm 1993, chúng tôi nhận lệnh đột kích vào một phòng trà. Đại tá Hassan Awale, Bộ trưởng nội vụ của Aidid là khách quen của quán này. Tất cả bốn chúng tôi có nhiệm vụ xử lý đám tù nhân và nếu cần, Casanova và tôi sẽ hỗ trợ lực lượng Delta khi họ tấn công.

Trong khi chờ đợi nhiệm vụ tiếp theo của mình, bốn tay súng bắn tia của Delta, Casanova và tôi lên hai chiếc trực thăng Little Bird và bắt đầu một cuộc huấn luyện săn bắn trên thảo nguyên châu Phi. Được trang bị súng CAR-15, chúng tôi ngồi trên các chân cày máy bay và săn bắn lợn rừng, linh dương. Tôi là người duy nhất bắn hạ được một con lợn rừng. Chúng tôi hạ cánh để kéo xác con lợn và các con thú khác săn được lên máy bay. Đối với các tay súng bắn tia, huấn luyện bắn mục tiêu di động khi đang bay là vô cùng hữu ích. Chúng tôi trở về nhà chứa máy bay. Tôi đã cắt chiếc răng nanh của con lợn rừng làm quà tặng cho cậu quý tử Blake. Tôi không nghĩ chiếc răng nanh là quà tặng phù hợp với cô con gái tôi. Tuy nhiên chẳng có món quà đẹp đẽ nào trong các cửa hàng nên tôi đành phải khát bé Rachel vào dịp khác. Tôi bỏ ruột con lợn, lột da, rửa sạch, rồi nướng lên. Sau đó, tất cả chúng tôi cùng thưởng thức một bữa thịt lợn nướng – một món ăn thay đổi cho những gói đồ ăn sẵn.

Chỉ làm việc mà không thư giãn hẳn sẽ thành những tảng ngọc. Đã đến lúc chúng tôi cần phải xả hơi một chút. Chúng tôi quyết định tổ chức trận đấu bóng chuyền. Các sĩ quan thách đấu với lính. Trước khi trận đấu diễn ra, chúng tôi đã phục kích các sĩ quan. Tôi cùng với một số người khác có nhiệm vụ bắt cóc chỉ huy trưởng Phi đội Charlie của lực lượng Delta, Đại tá William G. Boykin. Chúng tôi lấy chiếc áo trùm lên đầu rồi trói chân tay ông ta lại và bỏ lên một chiếc cày. Lực lượng Delta cũng làm như vậy với chỉ huy Dick Marcinko. Sau đó, chúng tôi chụp ảnh Đại tá Boykin.

Boykin tham dự cuộc thi tuyển chọn vào lực lượng Delta năm ông 29 tuổi. Trung tá Burruss không ngờ Boykin sẽ đánh vào đầu gối bị đau của ông. Hơn nữa, một chuyên gia tâm lý ở căn cứ Fort Bragg đã tìm cách loại Boykin ra khỏi Delta với lý do Boykin quá sùng đạo. Boykin đã làm nhiều người ngạc nhiên khi vượt qua kỳ thi tuyển chọn và trở thành đặc nhiệm của Delta. Ông từng tham gia chiến dịch giải cứu con tin ở Iran năm 1980, chiến dịch ở Grenada, Panama và chiến dịch săn lùng trùm buôn lậu ma túy Colombia Pablo Escobar.

Ngày 25 tháng Chín năm 1993, mặc dù chúng tôi và các phi công của QRF rất muốn thực hiện sứ mệnh do thám Mogadishu, nhưng cấp trên lại không đồng ý cho chúng tôi bay cùng chuyến bay tối hôm đó. Thật khó lòng với bộ phận chính trị trong quân đội – lúc họ cho phép chúng tôi thực thi nhiệm vụ, lúc lại không – có lẽ một chỉ huy cấp trên nào đó đã không muốn để mất chiến tích vào tay của Delta và SEAL.

Đêm đó, quân của Aidid sử dụng súng phóng lựu RPG bắn hạ một trực thăng của QRF. Phi công chính và phụ đều bị thương, còn ba người khác chết. Người của Aidid đã bằm vằm xác ba binh sĩ tử trận. Chỉ sau vài phút, binh lính Pakistan và Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) đã có mặt ở khu vực này, bảo vệ hai viên phi công bị thương. Lực lượng PJ, với sự hỗ trợ của chúng tôi, đã sẵn sàng thực hiện sứ mệnh giải cứu hai phi công trong vòng 15 phút. Tuy nhiên, do chỉ huy của QRF quá ỷ vào sự giúp đỡ của chúng tôi và không có khả năng thực hiện nhiệm vụ đúng cách nên phải mất hai giờ đồng hồ đội giải cứu của QRF mới có mặt. Điều này hoàn toàn không thể chấp nhận nổi. Sự chậm trễ này không chỉ làm hai phi công có nguy cơ bị thiệt mạng mà còn đẩy binh sĩ Pakistan và UAE bảo vệ trên mặt đất vào tình thế nguy hiểm. Thật chẳng biết từ nhanh trong “lực lượng phản ứng nhanh” ở chỗ nào nữa. Giá như Casanova và tôi cùng bay trên chuyến bay tối hôm đó, hẳn chúng tôi đã cứu được họ.

Một số người cho rằng việc dùng súng chống tăng RPG bắn hạ được trực thăng Black Hawk chỉ là ăn may. RPG là loại súng đất đối đất chứ không phải đất đối không. Nhắm bắn một mục tiêu trên không đồng nghĩa với việc luồng hơi phía sau sẽ đập xuống mặt đường rồi bật trở lại và nó có thể giết chết người bắn. Hơn nữa, trực thăng Black Hawk bay quá nhanh và được bọc thép dày chắc nên không thể bị bắn hạ bởi loại vũ khí dạng này. Tuy nhiên, thực tế đã chứng minh những nhận định này là sai.

Sáng hôm sau, ngày 26 tháng Chín năm 1993, chúng tôi đợi lệnh đột kích phòng trà. Nhưng nếu không có tín hiệu, chúng tôi sẽ thực hiện nhiệm vụ khác.

Một thuộc hạ của Aidid đến trụ sở “Các chiến dịch của Liên Hợp Quốc tại Somali – UNOSOM” và cho biết y không theo Aidid nữa mà muốn làm việc cho chúng tôi. Vào buổi tối, một khẩu súng phòng không cỡ nòng .50 caliber được bố trí ở nhà máy sản xuất bột mì. Sáng hôm sau, khẩu súng

này đã bị phá hủy. Người của Aidid đã từng thấy cách chúng tôi hoạt động và giờ đây chúng bắt ngờ tấn công chúng tôi. Quả là chúng thông minh hơn chúng tôi nghĩ.

Ngày 27 tháng Chín năm 1993, Aidid Qeybdid và hai trợ thủ khác đang ở trong tòa nhà của NBC. Chúng tôi đã chuẩn bị thực hiện sứ mệnh. Tuy nhiên, chúng tôi buộc phải hủy bỏ nhiệm vụ vì có người đã phát hiện thấy Aidid ở một khu vực nào đó và họ muốn chúng tôi thực hiện nhiệm vụ săn lùng Aidid.

Lực lượng CIA, SIGINT và phản gián đã bắt giam 11 người được cho là lực lượng điều khiển bắn và các pháo thủ của đối phương.

Ngày 28 tháng Chín năm 1993, chúng tôi đến Sư đoàn Sơn cước số 10 dự lễ tang tổ chức cho ba binh lính tử thương trong vụ trực thăng bị bắn rơi hôm trước. Kèn Kèn cũng có mặt. Sau lễ tang, Kèn Kèn bảo tôi: “Chúng ta có rất nhiều mục tiêu, nhưng tệ quan liêu đã ngăn cản chúng ta.” Rõ ràng Kèn Kèn rất bất bình với kiểu làm việc như thế này.

QRF gặp nhiều khó khăn trong việc hiệp đồng với Delta. Còn Delta lại gặp khó khăn khi hiệp đồng với CIA. Tuy nhiên, lớn hơn cả là vấn đề trong nội bộ Liên Hợp Quốc, đặc biệt là rắc rối do quân Italia gây ra. Thiếu sự hỗ trợ của chính quyền Clinton lại càng làm cho vấn đề lộn xộn hơn. Xác ba binh lính tử thương của QRF được đưa lên máy bay về nước.

Cuối ngày hôm đó, mặc dù không muốn, chúng tôi vẫn phải cùng ra chụp ảnh với Delta ở đường băng. Tôi buồn bã đứng ở cuối hàng. Tại sao chúng ta lại làm việc này? Nếu ai đó có được tấm hình này và xử lý chúng tôi từng người từng người một thì sao? Nhưng giờ nhìn lại, tôi rất hạnh phúc. Đó là bức hình duy nhất tôi chụp với Dan Busch, một tay súng bắn tỉa trong Phi đội Charlie của Delta. Anh đang đứng cạnh tôi. Đó cũng là bức hình duy nhất tôi chụp với người khác ngoài đội SEAL. Tôi luôn để bức ảnh này trong phòng làm việc riêng của mình. Đôi khi tôi lấy bức ảnh ra ngắm và nó lại gọi tôi nhớ tới kỷ ức ngày xưa.

Thứ Tư, ngày 29 tháng Chín năm 1993, chúng tôi nhận được thông báo sẽ không có tin tình báo sâu. Điều này trái hẳn với những điều Kèn Kèn đã nói với tôi hôm trước. Tôi bay ra tàu FFG-46 đang đậu ngoài bờ biển Somali. Đây là loại tàu khinh hạm, trang bị tên lửa có điều khiển. Tại đây tôi ôn

luyện để chuẩn bị cho kỳ thi nâng cấp quân hàm lên E-7. Trở về nhà chứa máy bay được biết sẽ có nhiệm vụ trong vòng năm phút nữa. Nhưng thật tiếc, nhiệm vụ này sau đó cũng đã bị hủy bỏ sau đó.

Trung tá, Chỉ huy trưởng Phi đội Charlie của Delta thông báo cho tôi kế hoạch sửa sang lại khu ở, kể cả việc thay điều hòa, các lều bạt... Sẽ chẳng có bất kỳ sự luân chuyển nào cả. Chúng tôi chỉ rời khỏi Somali khi sứ mệnh hoàn thành. Tôi được dự kiến bay cùng Sourpuss lúc 22 giờ, nhưng chiếc trực thăng của chúng tôi lại bị hỏng trước giờ cất cánh.

Ngày hôm sau, ngày 30 tháng Chín năm 1993. Bên ngoài khu ở, dưới lá quốc kỳ Mỹ, thay vì treo lá cờ của Delta, lần đầu tiên người ta cho treo cờ của Đội đặc nhiệm SEAL số 6. Lá cờ in hình đầu một người Mỹ thổ dân da đỏ trên nền đỏ. Lá cờ được Gã Mập lùn mang theo từ phòng chuẩn bị của Đội Anh cả Đỏ cùng với các trang bị cá nhân của mình đến Mogadishu. Khi lực lượng SEAL phải đi tác nghiệp ở một nơi nào đó, chúng tôi thường giữ bí mật với mọi người.

Khoảng giữa trưa, chúng tôi nhận được báo cáo cho biết đã phát hiện ra dấu vết của Qeybdiid. Chúng tôi chuẩn bị sẵn sàng lên đường nhưng bộ phận trinh sát đề mất dấu hấn và chúng tôi không đi nữa. Việc tìm một người trong mê cung của Mogadishu chẳng khác gì việc tìm kiếm một nốt ruồi trên thân một con voi. Lẽ ra chúng tôi nên tóm hấn từ cơ hội trước đó, nhưng đổi lại chúng tôi lại phải hủy bỏ để dò theo Aidid.

Trái với điều Trung tá nói hôm trước đó, Chỉ huy Olson nói rằng sẽ có người thay thế chúng tôi vào một thời điểm nào đó.

Chiều hôm đó, tại bãi biển, một con cá mập đầu búa tấn công một người lính đang bơi thư giãn ở vùng nước biển sâu đến thắt lưng. Người lính bị mất cả hai chân: một chân bị mất đến tận hông, chân còn lại bị mất đến đầu gối, máu chảy xối xả. Tôi cũng xếp hàng cùng với những binh lính khác để hiến máu cho người bị thương. Anh ta mất khoảng 27 đơn vị máu. Thật không may, ai đó đã đặt ống thở vào thực quản thay vì vào khí quản của người lính bị thương. Mọi người đều nghĩ anh ta khó qua khỏi đêm hôm đó. Mặc dù anh ta qua cơn nguy kịch và vẫn sống sót, tuy nhiên não của anh ta bị liệt. Từ đó, anh ta sống cuộc sống thực vật. Tôi chẳng biết nên trách con cá mập hay trách người đặt ống thở nhầm.

Chiều ngày 2 tháng Mười năm 1993, chúng tôi chuẩn bị đột kích vào nhà riêng của Sheik Aden Adere để bắt Aidid. CIA một lần nữa khẳng định tin tức cung cấp là hoàn toàn đáng tin cậy, nhưng chẳng có mệnh lệnh nào được đưa ra. CIA vô cùng phẫn nộ.

Ngày 3 tháng Mười năm 1993, khi tôi dậy, CIA nói rằng họ muốn thiết lập một vài trạm tiếp sóng ở quận Lido trong thủ phủ Mogadishu. Theo đó, các viên mật thám có thể sử dụng bộ đàm truyền tín hiệu đến trạm tiếp sóng, sau đó, trạm tiếp sóng sẽ chuyển tín hiệu về trụ sở. Tương tự, trụ sở có thể truyền tín hiệu cho các viên mật thám qua các trạm tiếp sóng này. Điều này cho phép truyền tín hiệu đi xa hơn.

Tôi mặc bộ quần áo dã chiến có áo giáp bên trong, quấn lên vai bao đạn với 10 băng đạn trên đó. Trong mỗi băng đạn chứa 30 viên. Tổng cộng tôi mang theo 300 viên đạn. Đeo dây súng cho phép tôi cử động dễ dàng hơn, đặc biệt cả khi ở tư thế nằm hay đứng có bệ tì như bức tường chẳng hạn. Tôi còn đi tất và đi loại ủng GSG9. Phần cốt tông của đôi tất được xấp sũng nước, nhưng phần len lại bảo đảm nước không thấm vào da. Quá trình bốc hơi nước giúp làm mát đôi chân vào ban ngày. Vào buổi tối, khí hậu sa mạc chuyển sang lạnh, lớp len giữ cho đôi chân ấm áp. Là một lính bắn tỉa, tôi không đeo thiết bị bảo vệ đầu gối hay đội mũ chống đạn. Để liên lạc, chúng tôi mang theo một chiếc điện thoại dự phòng cùng với các bộ đàm chống nước có khả năng mã hóa có độ bền cao loại MX-300 do Motorola sản xuất, bên thắt lưng. Tai nghe được gài phía sau tai nên nó không ảnh hưởng đến thính giác. Bộ nói tì sát vào vùng khí quản của tôi và không nhô cao lên mặt để khi ngắm bắn, chúng tôi có thể dễ dàng tì má vào báng súng mà không gặp bất kỳ cản trở nào. Tất nhiên, tôi cũng mang theo nước trong bình tông. Như thường lệ, tôi cũng mang theo con dao quân dụng Thụy Sĩ của mình.

Chúng tôi lái trực thăng Huey đến sân vận động Pakistan, sau đó lái xe ô tô đến hai ngôi nhà. Sau khi cài đặt các thiết bị tiếp sóng, chúng tôi lái xe về nhà máy sản xuất mì ống bên bãi biển. Ở đó, trực thăng đã chờ sẵn để đón chúng tôi. Tôi cảm tưởng đây là ngày dài nhất trong cuộc đời mình và cũng là lần duy nhất trong cuộc đời tôi thực hiện sứ mệnh này.

Phần II

Lội ngược dòng sông cùng với bảy người thông thái tốt hơn nhiều khi lội cùng với một trăm cái đầu ngu dốt.

³/₄ Đại tá Charlie A. Beckwith,
người sáng lập lực lượng Delta

Chương 13. Trận chiến ở Mogadishu

Khi trở về chúng tôi thấy mọi người đang tập trung khá đông. Cảnh trực thăng đang quay tít, xe Humvee vào vị trí sẵn sàng và mọi người đều đã lắp hộp tiếp đạn vào súng. Mặc dù ánh nắng mặt trời đang rọi tia sáng qua bầu trời trong xanh, nhưng tôi biết không phải các binh lính này đi picnic. “Cái quái gì đang diễn ra ở đây vậy?”

Chỉ huy trưởng Olson tiến về phía chúng tôi trước khi chúng tôi bước xuống chiếc “Humvee chế” của mình. Chiếc xe này nguyên dạng là chiếc Humvee nhưng đã được chúng tôi bỏ mui và các cửa. Nó không được bọc lớp thép đặc biệt và còn có tên gọi là xe chở quân/hàng hóa M-998. Tuần trước, một nhóm kỹ sư từ Mỹ đã sang lắp tấm thép chống đạn vào gầm xe để chống mìn bộ binh và mìn phân mảnh. Tôi ngồi ở ghế lái cùng với Casanova, trong tay là một khẩu súng ngắn. Ghế sau tôi là Gã Mập lùn và Sourpuss. Phía sau họ là hai băng ghế chạy dọc theo xe là hai quân nhân khác. Tôi nghĩ họ là các biệt kích Ranger, nhưng cũng có thể họ là các đặc nhiệm Delta. Hơn nữa, lính biệt kích Ranger thường ở vị trí điều khiển súng máy cỡ nòng 0,50 caliber.

Chỉ huy trưởng Olson phổ biến nhanh nhiệm vụ cho chúng tôi trong vòng vài phút “Các bạn sẽ tham gia với tư cách là lực lượng đánh chặn. Lực lượng Delta sẽ đu dây xuống và tấn công tòa nhà. Các bạn sẽ bắt các tù binh, rồi nhanh chóng rút khỏi đó”. Thông thường việc quán triệt nhiệm vụ

này phải kéo dài khoảng một tiếng rưỡi. Lực lượng Delta, Ranger và những người khác cũng nhận quán triệt nhiệm vụ, nhưng chúng tôi sau đó đã quên bém điều này. Mặc dù, nhiệm vụ khá quan trọng và lẽ ra chúng tôi phải có thời gian để tự quán triệt nhiệm vụ, nhưng nó lại xảy ra quá bất ngờ, trong khi chúng tôi đang đi lắp các thiết bị tiếp sóng cho CIA. Chỉ huy trưởng Olson vỗ vỗ vào vai tôi rồi nói “Không nên để mất nhiều thời gian. Chúc may mắn. Gặp lại nhau khi các anh trở về.”

Mỗi chiếc trực thăng Little Bird AH-6J đều chở bốn lính bắn tỉa, ngồi hai bên cửa và các rocket dưới gầm máy bay. Hai chiếc Little Bird AH-6J, được vũ trang súng máy cỡ nòng 7,62 li và rocket 6,8 li, yểm trợ mặt trước tòa nhà mục tiêu từ trên không, trong khi hai chiếc còn lại bay phía sau. Phi đội Charlie của Delta sẽ nhanh chóng đu dây xuống từ hai chiếc Little Bird MH-6 và tấn công tòa nhà.

Cùng tham gia là tám chiếc Black Hawk bay phía sau. Hai chiếc chở lực lượng tấn công của Delta. Bốn chiếc chở biệt kích Ranger. Một chiếc bay lượn phía trên và chở đội tìm kiếm và giải cứu. Chiếc thứ tám chở hai Chỉ huy chỉ đạo chiến dịch – một người điều phối hiệp đồng tác chiến giữa các phi công và người còn lại chỉ đạo lực lượng trên mặt đất.

Ba chiếc trực thăng Kiowa OH-58 với quả cầu đen được gắn trên cánh quạt không lẫn vào đâu được, có nhiệm vụ bay phía trên mục tiêu. Quả cầu đen là một con mắt, bên trong có hệ thống truyền hình, hệ thống thu hình bằng nhiệt và radar dò tìm nhằm chuyển hình ảnh và âm thanh các hành động dưới mặt đất về cho Tướng Garrison ở Trung tâm Hoạt động Chung (JOC). Bay trên cùng là một chiếc máy bay trinh sát P-3 Orion.

Tôi đánh xe vào vị trí thứ ba trong đoàn xe. Đằng sau đoàn xe Humvee của chúng tôi là ba chiếc xe tải thùng trọng tải năm tấn và khóa đuôi là năm chiếc xe Humvee khác. Biệt kích Ranger ngồi ở hầu hết tất cả các xe. Tổng cộng tất cả có 19 máy bay, 12 xe ô tô và 160 quân tham gia chiến dịch lần này.

Người của Aidid đã chứng kiến cách chúng tôi tác chiến trong sáu lần trước đó và lần này chúng tôi tác chiến giữa ban ngày, ngay trong lãnh địa của chúng. Giờ này, nhiều quân lính của Aidid hẳn vừa nhai xong lá Khat. Tinh

thần của chúng đang hăng chứ không rơi vào trạng thái uể oải như lúc tối muộn. Sự mạo hiểm luôn đòi hỏi những hành động táo bạo. Những người không chấp nhận mạo hiểm hẳn là những kẻ ngốc. Một phần công việc của chúng tôi là phải biết chấp nhận rủi ro và mạo hiểm.

Lúc 3 rưỡi chiều, các máy bay trực thăng cất cánh trước, bay men theo bờ biển. Khi nhận được mật lệnh “Chim trời đã vào đất liền”, chúng tôi sẽ xuất phát. Tôi không hề run sợ bởi đây là hoạt động thường xuyên đối với tôi.

Trên đường, chiếc Humvee đi đầu rẽ nhằm hướng. Nhưng không xe nào đi sau nó rẽ theo cả. Chiếc xe đi đầu sẽ bắt kịp mọi người. Chúng tôi tăng tốc theo hướng đông bắc xuyên qua Gesira. Trước khi đến ngã tư K4, chúng tôi vấp phải hỏa lực lẻ tẻ của đối phương. Đột nhiên Gã Mập lùn hét lên: “Mẹ kiếp, tôi trúng đạn rồi!”

Phải chăng chúng tôi đang rơi vào ổ mai phục? Phải chăng Gã Mập lùn bị thương vào ngực? Kim đồng hồ đo chỉ số sợ hãi của tôi vẫn gần vạch số không. Gã Mập lùn bị dính đạn chứ không phải tôi. Cũng giống nhau cả thôi, tôi lo lắng cho mạng sống của Gã Mập lùn và tôi bắt đầu cảnh giác hơn.

Tôi rẽ xe vào bên lề đường phía trên có phần đất nhô ra, nhấn phanh, nhảy xuống phía sau kiểm tra vết thương Gã Mập lùn. Gã Mập lùn nằm lăn dưới sàn xe và phần lưỡi của con dao Randall, gã luôn mang theo bên mình, rơi bên cạnh. Tôi cứ nghĩ sẽ nhìn thấy máu chảy từ một bộ phận nào đó từ cơ thể Gã Mập lùn nhưng rồi tôi chỉ thấy một vết đỏ to trên chân. Một viên đạn của súng AK-47 đã bắn trúng vào làm hỏng con dao và phần lưỡi bật ra bên ngoài. Con dao đã cứu cái chân của Gã Mập lùn.

Đoàn xe vẫn tiếp tục di chuyển trong lúc tôi đậu xe bên đường. Tôi trở lại ghế lái rồi tăng tốc về phía trước, bắt kịp vị trí cũ của mình. Đoàn xe vượt qua ngã tư K4 và đi theo hướng bắc, theo đường Lenin, rồi tiến về hướng đông theo đường quốc lộ. Cuối cùng, chúng tôi rẽ trái vào con đường đất chạy song song và ở phía nam con đường Hawlwadig.

Lúc 4 giờ kém 20, chúng tôi đến gần khách sạn Olympic năm tầng màu trắng. Khi đó, tôi không biết là, cách về phía tây mục tiêu khoảng 1,5 km,

quân lính của Aidid đang tụ tập tại khu chợ Bakara để nhận vũ khí và đạn dược. Cách khoảng 1,5 km về phía đông, quân nổi dậy đã đến từ lâu. Chúng tôi bị kẹp giữa hai gọng kìm mà không hề hay biết.

Lực lượng tình báo của chúng tôi hẳn đã chế áp điện tử với sóng di động trong một vùng rộng lớn bao quanh mục tiêu. Lợi dụng trận bão cát sa mạc, đặc nhiệm Delta đu dây tụt xuống tòa nhà mục tiêu, một tòa nhà hai tầng màu trắng ở phía trước và ba tầng phía sau, mái có cấu trúc hình chữ L và nhiều cây xanh được trồng trên sân. Đây là một căn cứ của quân Aidid. Lực lượng Delta áp sát cửa ra vào thành hàng ngang, chuẩn bị phá cửa đột nhập và tấn công mục tiêu. Bốn nhóm Ranger – mỗi nhóm có mười hai người – nhanh chóng đu dây xuống và đứng chặn bốn góc xung quanh tòa nhà mục tiêu. Họ đóng vai trò là lực lượng ngăn chặn bảo đảm nội bất xuất, ngoại bất nhập.

Tôi rời chiếc Humvee của mình và chọn vị trí bắn tại một hành lang song song với khách sạn. Phía cuối khách sạn, một tay súng bắn tỉa của đối phương di chuyển phía sau bức tường. Phía trên cùng tòa nhà năm tầng về phía trái, một tay súng bắn tỉa khác di chuyển trên hiên.

Chuyển vị trí bắn đến chỗ khác thuận lợi hơn, nhưng tôi nhận thấy không thể bắn được từ vị trí chúng tôi đang nấp. Tôi nói với một lính bắn tỉa của Delta “Chúng ta buộc phải di chuyển về phía chúng.”

Chúng tôi nhảy lên, tiến về phía trước cách khách sạn chưa đầy 100m. Trong khi chúng tôi còn đang chiếm lĩnh vị trí bắn, kẻ địch đã nhả đạn vào tòa nhà mục tiêu đặc nhiệm Delta đang tấn công. Điều này làm cho tôi cảm thấy hình như chúng đã bố trí để chờ chúng tôi đến. Chúng chuẩn bị rất kỹ càng và vị trí ẩn nấp của các tay súng bắn tỉa thật hoàn hảo. Có lẽ, nguồn tin về chiến dịch tấn công của chúng tôi đã bị rò rỉ.

Tay súng bắn tỉa dưới mặt đất kê súng lên một bức tường, cách chỗ chúng tôi chừng 100 – 150 m, nòng súng chĩa về phía biệt kích Ranger trong đoàn của tôi. Tay súng này chọn vị trí bắn thật hoàn hảo, chỉ nhô lên mỗi phần đầu. Tôi siết cò, bắn trúng vào phần đầu nhô lên của hắn.

Nhờ hành lang, tôi có thể nhìn thấy mái hiên của tòa nhà năm tầng gần bên.

Chưa đầy 200m trên tầng năm, có hai tay súng đang dùng AK-47 nã đạn vào phía sau tòa nhà mục tiêu, chỗ lực lượng Delta đang xung kích. Từ chỗ đang đứng, tôi không thể bắn được hai tên này.

Tôi ngoái lại phía sau nói với tay súng bắn tỉa của Delta: “Chúng ta cần tiếp cận hai tên phía trên tầng năm nếu không chuyện tồi tệ sẽ xảy ra.”

Chúng tôi trườn dọc theo hành lang và chiếm lĩnh vị trí bắn phía sau một cột trụ bên phải. Vị trí này vẫn chưa ổn.

Hai tay súng trên tầng năm tiếp tục nhảy ra bắn xối xả vào lực lượng xung kích của Delta rồi lại thụt vào trong.

Viên đặc nhiệm của Delta và tôi tiếp tục di chuyển về phía trước. Sau khi tìm được vị trí bắn tốt, tôi nằm xuống. Các đồng đội bảo vệ sự an toàn xung quanh cho tôi. Tôi di chầm đở trên ống ngắm vào vị trí tay súng bên phải vừa nhô lên. Theo thuật ngữ của dân bắn tỉa thì hành động này được gọi là bắn đón đầu – nhắm vào một điểm và đợi mục tiêu xuất hiện. Tương tự, kỹ thuật này có thể áp dụng cho bắn mục tiêu di động – nhắm vào một điểm phía trước đường di chuyển của mục tiêu. Khi tay súng nhô lên, tôi siết cò và viên đạn trúng vào thân trên của gã. Gã đổ vật ra phía sau và không thấy nhô ra lần nào nữa. Tên thứ hai không rút kinh nghiệm từ tên trước đó. Hắn cũng nhô lên và nã đạn như mưa nhưng cũng dính đạn của tôi vào phần thân trên và mất dạng. Nếu tôi không hạ gục được hai tên này, có lẽ chúng đã sát hại nhiều người khác bằng kiểu nã đạn từ các cửa sổ của tòa nhà – kiểu bắn này là cơn ác mộng đối với các đặc nhiệm Delta: Trong khi lực lượng xung kích Delta tập trung tấn công tòa nhà và tìm cách kiểm soát mọi thứ phía trong, bỗng nhiên đạn lại bay ra từ các cửa sổ phía ngoài.

Ít nhất ba mươi phút đã trôi qua kể từ khi chúng tôi đến. Cứ thêm một phút ở lại vùng mục tiêu thì mức độ nguy hiểm lại gia tăng thêm. Lệnh thu quân đã được phát ra qua vô tuyến điện. Trên đường rút lui ra chiếc xe Humvee, tôi bị trúng đạn vào kheo trái, ngã đập mặt xuống đất. Ngay lúc đó, tôi không cử động được nữa. Kim chỉ mức độ sợ hãi dừng ở con số 1 trên 10. Sau đó kim chỉ nhảy lên số 2 rồi số 3. Sự đau đớn làm tôi ngạc nhiên bởi tôi nghĩ mình đã được đào tạo kỹ càng và giỏi hơn tất cả. Mọi người xung quanh tôi có thể bị trúng đạn hoặc thương vong chứ không phải tôi. Ngay

cả các tay súng bắn tỉa khác cũng có thể bị bắn hoặc bị thương bởi họ không phải là tôi. Tôi đã được đào tạo tốt hơn. Thậm chí cả những đồng đội SEAL khác có thể bị bắn hoặc bị thương bởi vì họ không phải là tôi. Đó là lý do tại sao bạn bị rơi xuống từ thang dây - bởi bạn không phải là Howard Wasdin. Bạn chưa vượt qua tôi trong khóa học vượt vật cản - bởi bạn không phải là Howard Wasdin. Ngay cả sau lần đầu bị trúng đạn trong trận chiến ở Mogadishu, tôi vẫn rất ngạo mạn.

Dan Schilling CCT, xuất hiện. Casanova đến và bình tĩnh bắn gục một tên địch. Rồi một tên khác nữa. Một bác sĩ bắt đầu chữa trị cho tôi khi Dan nắm lấy dây đeo súng của tôi và kéo tôi ra khỏi vùng chết. Viên bác sĩ nhét miếng gạc loại Kerlix vào chân tôi và buộc lại. Ngay sau đó, tôi đã đi lại được.

Những tên khốn đốt lốp xe ô tô – một hình thức đánh tín hiệu đến chỉ huy của chúng là hãy tăng quân tham chiến và những cột khói đen làm cản trở tầm nhìn của chúng tôi. Du kích quân của Aidid cùng với súng AK-47 bất ngờ xuất hiện từ những cột khói, từ những đường phố và tòa nhà xung quanh – có thể nói là ở mọi nơi. Ngay khi tôi hạ gục được một tên nào đó, ngay lập tức có một tên khác xuất hiện thay thế. Những người phụ nữ không trang bị vũ khí bước ra và đóng vai trò là người chỉ thị các mục tiêu bắn. Họ có nhiệm vụ phát hiện các vị trí của chúng tôi và ra dấu cho các tay súng bắn. Súng chống tăng RPG bắt đầu nhả đạn.

Người của Aidid hét vào loa. Khi đó, tôi không hiểu ý nghĩa của những câu nói đó là “Hãy rút khỏi mảnh đất này và về bảo vệ tổ quốc của các người” nhưng tôi hiểu những lời nói đó hàm ý sự có mặt của chúng tôi gây hại cho họ.

Một chiếc xe tải 5 tấn trong đoàn chúng tôi bốc cháy do bị trúng đạn RPG. Ai đó trong đoàn đã ném lựu đạn phá hủy chiếc xe để không bị rơi vào tay kẻ địch. Chiếc xe bốc cháy bùng bùng.

Lực lượng Delta đây khoảng 20 tù binh đã bị trói tay lên hai trong số những chiếc xe tải 5 tấn còn lại. Trong số những tù binh này có cả cố vấn chính trị hàng đầu của Aidid, Ngoại trưởng Omar Salad. Mặc dù, Delta để sống Qeybdid nhưng lại bắt được thủ hạ có vai trò quan trọng tương đương,

Mohamed Assan Awale. Họ cũng trao thưởng cho thủ lĩnh một thị tộc Abdi Yusef Herse vì đã cung cấp tin tức giá trị. Sau khi trở về trại, lực lượng Delta đã giữ lại những nhân vật chủ chốt trong số tù binh và phóng thích số còn lại.

Vào phút thứ 37 của cuộc chiến, trên vô tuyến điện vang lên lời nói “chiếc Black Hawk 61 đã trúng đạn”. Một viên đạn của khẩu RPG đã bắt trúng chiếc trực thăng Black Hawk có treo hình Elvis Presley bên cạnh và bắt sống Velvet Elvis. Cơ trưởng, chuẩn úy Cliff Wolcott, đã từng nhại lại vai diễn của Elvis và là một trong số phi công theo chúng tôi tham gia chiến dịch săn lùng này. Giờ đây, nhiệm vụ của chúng tôi chuyển từ bắt giữ tù nhân sang giải cứu đồng đội.

Chúng tôi lên xe để rút lui. Đưa mắt nhìn vào hành lang, tôi thấy một biệt kích Ranger, khuôn mặt trẻ măng như một cậu bé.

Tôi ngồi trong ghế lái gọi anh ta: “Lên xe nhanh, chúng ta còn đi”.

Cậu lính này vẫn cứ trơ ra đó.

Tôi nhảy xuống xe, chạy đến góc tòa nhà và đá vào cậu ta.

Cậu ngược mắt nhìn tôi đầy vẻ ngỡ ngàng.

“Nhanh lên xe đi!”

Cậu ta trèo lên chiếc xe Humvee của mình.

Đôi khi các biệt kích Ranger trẻ tuổi chỉ tập trung vào nhiệm vụ được giao từ đầu nên họ thường mất cái nhìn bao quát toàn cục. Mắt của họ không bắt nhịp với sự thay đổi của điều kiện hoàn cảnh và tai của họ không chú ý đến những mệnh lệnh miệng. Gặp phải tình huống phức tạp làm hệ thần kinh quá tải, họ thường không bắt kịp với những diễn biến thay đổi mau lẹ.

Thật may mắn, sự nghiêm khắc của cha dượng đối với tôi đã giúp rất nhiều trong những tình huống khó khăn như thế này. Ngoài ra, nhờ nhiều tuần huấn luyện gian khổ, nhờ thời gian công tác ở Đội đặc nhiệm số 2, số 6 của

SEAL và ở Trường đào tạo lính bắn tỉa, tôi đã trui rèn được khả năng này. Thao trường đổ mồ hôi, chiến trường bớt đổ máu. Chiến dịch Bão táp Sa mạc cũng giúp tôi rất nhiều. Tôi đã phát triển được khả năng chịu đựng trong những tình huống hệ thần kinh quá tải. Một số lính Ranger rất trẻ, chỉ mới vừa tốt nghiệp cấp ba vài ba năm nhưng tất cả họ đều chiến đấu vô cùng dũng cảm.

Ngồi cùng xe với tôi có Casanova, Gã Mập lùn và một số người khác nữa. Sourpuss không ngồi cùng xe với tôi. Do quá tập trung vào trận đánh nên tôi quên bém chuyện Sourpuss phải hộ tống đưa một lính Ranger bị thương trở về trước.

Tôi lái xe ra khỏi khu vực mục tiêu theo hướng bắc, đi theo đường Hawlwadig. Tay trái tôi để trên vô lăng, tay phải tôi cầm khẩu CAR-15. Đạn AK-47 bắn vào chúng tôi từ cả bên trái và phải. Khi những viên đạn này bay qua đầu tôi, chúng tạo ra sóng áp lực còn nhanh hơn tốc độ của âm thanh. Tôi nghe thấy một số viên đạn đang bay đến – nhờ vào âm thanh phát ra như tiếng vỗ tay do va chạm giữa hai loại sóng.

Những cột khói trắng tỏa ra, kéo theo là tiếng đạn RPG nổ làm rung chuyển không khí khiến cho không khí có vị cay. Mùi lốp cao su và chất thải cháy bốc lên khét lẹt làm cho Mogadishu hôi thối khủng khiếp chẳng khác gì địa ngục.

Súng máy cỡ nòng 0,50 caliber của chúng tôi nhả đạn, chiếc Humvee lúc lắc và tai chúng tôi chấn động. Tuy nhiên, tiếng súng làm cho mọi người cảm thấy yên tâm hơn. Tôi chẳng mấy cảm nhận được điều này vì tôi còn đang mải quan sát phát hiện địch trong tầm bắn của mình. Các cựu chiến binh SEAL sau này thường nói rằng tiếng súng máy làm họ yên tâm hơn. Chúng tôi được đào tạo, huấn luyện phải sử dụng các yếu tố bất ngờ, tốc độ và hành động vũ lực để giành thắng lợi. Trong đoàn xe, chúng tôi không tạo được bất ngờ với kẻ địch, không thể chạy nhanh hơn chiếc xe Humvee phía trước. Khẩu súng máy cỡ nòng 0,50 caliber tạo cho chúng tôi có hành động vũ lực. Nòng súng lóe sáng trút đạn ra, nhai hết cả bê tông, sắt thép và da thịt – nói theo nghĩa đen là nó phá sập hết các bức tường. Thật vậy, khẩu súng máy có sức sát thương rất khủng khiếp. Thật không may, kẻ địch cũng có loại súng máy cỡ nòng 0,50 caliber này, được bắt vít trên sàn những

chiếc xe bán tải ở gara ô tô của Osman Atto. Những chiếc xe tải này lúc ẩn, lúc hiện ở các hành lang nhà đạn vào chúng tôi.

Một khẩu súng máy trên trục thăng nhà đạn vào kẻ địch, phá nát hai bên của một tòa nhà. Quân Somali chạy tán loạn. Một số gào thét, một số choáng váng đứng chôn chân. Xác người chết và xác một con lừa nằm lãn trên mặt đất.

Người của Aidid được trang bị tốt hơn những gì chúng tôi tưởng, họ chiến đấu giỏi hơn chúng tôi nghĩ và có rất nhiều người được trang bị vũ khí tốt hơn chúng tôi dự cảm. Giờ đây tôi lo sợ mình sẽ làm các mật vụ của mình bị nguy hiểm. Trên đồng hồ đo mức độ sợ hãi, kim chỉ vượt qua số 3 và chạm vạch số 5. Bất kỳ ai nói không sợ hãi khi lâm chiến thì hoặc là kẻ điên, hoặc là kẻ nói dối trắng trợn. Tất cả mọi người trở nên sợ hãi. Đó là một nỗi sợ hãi lành mạnh. Tôi không bao giờ muốn sát cánh cùng với những người không có chút sợ hãi nào khi tham chiến. Sự khác biệt giữa một chiến binh với một người thường là ở chỗ người chiến binh có thể kiểm soát nỗi sợ hãi. Người chiến binh phải phát triển khả năng này để kiểm soát nỗi sợ hãi bằng cách tin rằng mình có thể kiểm soát được nỗi sợ hãi. Niềm tin này có được từ việc biết vượt qua nỗi sợ hãi trong những trải nghiệm trước đó, chứng kiến cách đồng đội vượt qua những nỗi sợ hãi kiểu này, biết rằng mình là một chiến binh ưu tú và biến sự sợ hãi thành hành động.

Trong đoàn xe của chúng tôi, xe nào cũng có người bị thương. Chúng tôi vẫn muốn cứu cơ trưởng và phi hành đoàn của chiếc trục thăng bị bắn rơi. Gần một con đường ở đó có hai biệt kích Ranger bị thương đang nằm. Tôi nghĩ, Chẳng biết cái quái gì đang xảy ra với những người Somali này? Chúng tôi đến đây để chấm dứt cuộc nội chiến. Họ đã nhận được lương thực nhưng lại đang giương súng bắn chúng tôi. Chẳng lẽ đây là những cái chúng tôi được đền đáp? Tôi thật không tin nổi điều này. Tôi tấp xe vào lề đường và dừng lại. Người biệt kích Ranger đầu tiên tôi bế lên xe bị thương vào chân. Chúng tôi đưa cậu ta lên phía sau của xe. Rồi chúng tôi đưa người thứ hai lên. Cậu ta bị thương bên má tay – đây không phải là vết thương nặng và không thể làm cậu ta suy kiệt. Trở về ghế lái, tôi ngoái lại phía sau. Cậu biệt kích Ranger bị thương ở chân đang hỗ trợ chúng tôi nạp đạn, trong khi đó cậu còn lại ngồi đó đầu cúi xuống nhìn chăm chăm vào vết thương ở tay.

Người biệt kích Ranger giúp chúng tôi nạp đạn lại bị dính đạn, lần này trúng thương vào vai, nhưng cậu ta vẫn tiếp tục giúp chúng tôi nạp đạn ở phía trước. Rồi một viên đạn nữa trúng vào cánh tay cậu ta. Nhưng cậu vẫn tiếp tục công việc nạp đạn giúp chúng tôi.

Trong khi đó, cậu biệt kích Ranger trúng đạn ở tay vẫn ngồi yên một chỗ, kim chỉ mức độ sợ hãi của cậu ta lên đến số cao nhất, số 10. Cậu là lính Ranger duy nhất tôi thấy suy sụp tinh thần vì cuộc chiến. Phản ứng của cậu là có thể hiểu được – cậu mới chỉ là một cậu bé nhưng lại phải tham gia vào một trận chiến khủng khiếp đến vậy. Ngoại trừ một số Ranger trẻ tuổi và thiếu kinh nghiệm, tất cả đều chiến đấu rất dũng cảm.

Nhấn mạnh chân ga, tôi bắt kịp đoàn xe. Đoàn xe rẽ phải vào con đường đất. Khi chiếc Humvee đi đầu giảm tốc tại ngã tư, các xe sau buộc phải chạy chậm theo. Sau đó, chúng tôi lại quặt phải đi về hướng nam – nhưng khi đến chúng tôi cũng đã đi từ hướng nam.

Tôi vô cùng thất vọng với Trung tá Danny McKnight, chỉ huy hoạt động trên mặt đất, nhưng lúc đó tôi không biết ông chỉ làm theo chỉ thị. Chiếc máy bay trinh sát P-3C Orion có thể thấy được diễn biến nhưng lại không thể trực tiếp thông tin cho McKnight. Nên nó chuyển thông tin về Bộ chỉ huy tại JOC. Tiếp theo, JOC gọi điện cho máy bay chỉ huy. Cuối cùng, máy bay chỉ huy điện đàm cho McKnight. Thời điểm McKnight nhận được hướng dẫn đổi hướng là lúc chúng tôi đã đi qua con đường đó.

Tất cả những gì tôi biết là chúng tôi lại một lần nữa bị phục kích, thành xe tôi bị bắn thủng lỗ chỗ. Những người ngồi phía sau xe đang bị dính đạn. Thật không thể tin nổi. Tôi muốn nhấn gara khỏi vùng chết, nhưng cũng không thể vượt quá tốc độ của chiếc xe phía trước. Tôi bắn quân địch ở hai bên đường. Cố gắng vừa lái xe vừa bắn vào mục tiêu lúc ẩn lúc hiện ở hai bên đường và ngạc nhiên khi tỷ lệ sát thương vẫn đạt tới 30%.

Quân địch ở các tòa nhà trên tầng hai nhắm bắn chúng tôi. Tôi nhanh chóng lấy đường ngắm, di chấm đỏ vào mục tiêu đầu tiên và bóp cò. Một tên địch bị hạ, rồi lại tên nữa.

Bọn khốn ném những tấm rào chắn đang cháy ra đường và đào rãnh ngang đường để chúng tôi không đi nhanh được. Trong khi tôi đang lách qua các chướng ngại vật, năm người phụ nữ đi sát bên nhau, tay cầm những sợi dây màu sắc, tiến về phía đoàn xe. Khi chiếc Humvee đi đầu đến vị trí những người phụ nữ này, họ kéo váy lên và những tên lính vũ trang đứng phía sau dùng AK-47, để ở chế độ bắn tự động, nã đạn vào chiếc xe đó. Sau đó, họ cũng áp dụng chiến thuật này với xe của tôi. Lần đầu tiên trong cuộc giao tranh này, tôi chuyển cần gạt sang chế độ bắn tự động. Một tay lái xe, tay kia cầm khẩu CAR-15, tôi bắn hết 30 viên đạn hạ gục hết số phụ nữ này và bốn tên có vũ trang ẩn phía sau. Tôi thực sự không muốn thế và đây chỉ là hành động tự vệ mà thôi.

Sau đó, trên vô tuyến điện, tôi nghe được tin chiếc trực thăng Black Hawk do Mike Durant lái vừa bị một khẩu RPG bắn rơi. Mệnh lệnh đưa ra là trước tiên cứu Velvet Elvis, sau đó di chuyển đến khu vực máy bay thứ hai rơi để cứu Mike.

Chúng tôi dừng lại trên đường tạo thành một hình tròn, nạp đạn và vạch kế hoạch hành động tiếp. Sử dụng băng dính sơ cứu để băng bó vết thương ở vai và tay cho các biệt kích Ranger cùng một số binh lính khác trong xe. Một số lính Ranger trông như những kẻ mất hồn, ánh mắt họ mất hết thần khí.

Một chỉ huy của Delta bước đến. “Tôi trúng đạn. Nhờ cậu xem giúp vai bên này hộ tôi chút.” Một viên đạn đã xuyên qua miếng thép chống đạn trên lưng nhưng vẫn chưa đủ để loại anh ta ra khỏi vòng chiến đấu.

Xạ thủ súng máy cỡ nòng 0,50 caliber ở một chiếc Humvee khác, đã mặc áo chống đạn có thể chống lại được những loại đạn nhỏ. Cẩn thận hơn, cậu còn cho thêm vào ngực miếng thép chống đạn kích thước 10 x 12 cm trước ngực bảo vệ chống lại loại đạn nặng hơn như AK-47. Tuy nhiên cậu ta không mang miếng thép này trên lưng. Có lẽ như những binh lính khác, cậu cũng cho rằng nhét miếng thép vào lưng chỉ khiến thêm nóng và thêm nặng. Hơn nữa, đa số đạn bắn từ phía trước chứ mấy khi từ phía sau. Sự trở trêu đã xảy ra và cậu ta hy sinh. Qua vô tuyến điện, chúng tôi đề nghị để xạ thủ súng máy bên xe tôi sang thay thế. Chiếc Humvee của cậu bắn súng máy bị chết di chuyển lên sát xe tôi. Bên trong xe, một biệt kích Ranger, nước mắt

chạy dài trên khuôn mặt, đang ôm ghì lấy xác đồng đội và nói trong nước mắt: “Tôi đã bảo cậu đeo miếng thép vào mà cậu có nghe đâu”.

Họ kéo xác cậu ta ra và xạ thủ của chúng tôi vào vị trí thay thế.

Casanova và tôi đã sử dụng hết 10 băng đạn loại 30 viên trong bao đạn của mình, cộng với 5 băng đạn lấy từ cậu biệt kích Ranger bị thương ở vai và tay đã giúp chúng tôi nạp đạn. Do cả hai chúng tôi đều sử dụng súng CAR-15 nên loại đạn của chúng tôi giống với lực lượng biệt kích Ranger. Gã Mập lùn không mang súng CAR-15 mà lại mang khẩu M-14. Lúc này, Gã Mập lùn nhận ra sự sai lầm của mình vì chẳng ai có chung cỡ đạn đó cả.

Đoàn xe di chuyển về phía trước và chúng tôi rẽ trái đi về phía đông, rồi lại rẽ trái về phía bắc. Tôi không biết McKnight bị thương ở tay và cổ. Chúng tôi dừng lại. McKnight dùng vô tuyến điện liên lạc với trực thăng chỉ huy để xin chỉ dẫn nhưng một lần nữa họ lại chỉ nhầm đường cho chúng tôi. Đoàn xe tiếp tục tiến về phía bắc, sau đó rẽ trái.

Tôi cũng không biết Dan Schilling đã thay McKnight. Dan đã thành công trong việc bỏ qua các vòng lặp thông tin liên lạc phức tạp và liên lạc thẳng với một trong hai chiếc trực thăng chỉ huy. Khi Dan bảo họ chỉ đường cho chúng tôi tới vùng chiếc máy bay đầu tiên bị nạn để cứu Velvet Elvis, chỉ huy trực thăng lại chỉ thị chúng tôi đến khu vực tai nạn gần nhất, khu vực chiếc máy bay thứ hai bị tai nạn – cứu Mike.

Chúng tôi rẽ trái lên đường Hawlwadig, chạy về gần khách sạn Olympic và tòa nhà mục tiêu. Đoàn xe đã đi một vòng tròn! Chúng tôi đã vô tình để lộ lực lượng trước quân của Aidid trong các cuộc tấn công trước đó, sau đó chúng tôi mở cuộc tấn công giữa ban ngày và giờ đây một lần nữa bị mai phục – thật không còn gì để nói! Cán bộ chỉ huy SEAL từng dạy chúng tôi: “Nếu bạn sống sót sau một cuộc phục kích, hãy rửa tay gác súng và cảm ơn Chúa cả phần đời còn lại”. Tôi vẫn nhớ chỉ huy trưởng nhóm SEAL Olson vỗ vai trước khi chúng tôi rời trại: “Đừng để mất nhiều thời gian.” Mẹ kiếp. Những tên này vẫn là những tên vừa bắn chúng tôi lúc trước. McKnight đang làm cái quái quỷ gì thế? Ngó ngẩn thật, chúng tôi đã chiến đấu ở nơi này. Lần đó đã chẳng có mấy kết quả tốt đẹp gì.

Trong khi trên vô tuyến điện vẫn đang bắn khoả không biết chúng tôi đang tiến đến chiếc máy bay thứ nhất hay thứ hai bị tai nạn, tôi thấy một đám đông đang tiến đến chỗ Mike Durant và tôi chợt nhớ lại những điều đã đã xảy ra với binh lính Pakistan khi bị một đám đông tấn công và xé xác sau đó.

Trong lần phục kích đoàn xe chúng tôi, quân Aidid đã gây thương vong và giết chết một số lính, nhưng chúng tôi kịp rút khỏi ổ mai phục trước khi cho chúng một bài học đau thương. Xác chết nằm rải rác khắp nơi. Giờ đây kẻ địch lại phục kích chúng tôi lần thứ hai. Lần này phải cho chúng một trận ra trò mới được. Súng máy và rocket từ trực thăng sẽ bắn xuống xé tan xác chúng thành nghìn mảnh.

Trong lần giao tranh này, tôi đã gọi nhiều trực thăng hơn để đánh đuổi kẻ địch phía sau.

Một phi công trả lời, “Chúng tôi hết đạn rồi.” Họ đã sử dụng hết số đạn mang theo, kể cả 20% số đạn dự trữ để tự vệ khi bay về căn cứ. Tôi đang tính đến 20% số đạn dự phòng chúng tôi mang theo. Mặc dù họ hết đạn nhưng các phi công vẫn lái trực thăng bay sát kẻ địch và dùng đuôi máy bay tấn công chúng. Kẻ địch rời bỏ chúng tôi và chĩa súng vào các máy bay trực thăng. Trong khi bọn chúng ngắm bắn trực thăng, chúng tôi bắn chúng. Các phi công không chỉ dùng đuôi máy bay tấn công chúng một lần. Họ đã làm vậy tổng cộng sáu lần. Các phi công trong Trung đoàn không vận 160 quả là đáng kính phục khi tự biến mình thành mục tiêu sống để cứu tính mạng chúng tôi.

Lúc này, khẩu CAR-15 của tôi cũng hết đạn. Tôi bỏ nó sang một bên và rút khẩu súng lục SIG SAUER cỡ nòng 9 li ra khỏi bao súng bên hông. Đoàn xe của chúng tôi chạy chậm lại và một tên địch xuất hiện trước cửa ngôi nhà, chĩa nòng khẩu AK-47 về phía tôi. Tôi vung khẩu súng lục và bóp cò hai phát. Tôi đã tập kiểu bắn này hàng nghìn lần. Nhưng trong hoàn cảnh chiến trận, tôi bóp cò khá vội và kết quả là trượt. Hoóc môn từ tuyến thượng thận tiết ra ồ ạt, mọi thứ xung quanh tôi hình như đều chậm lại. Tên địch từ từ siết cò. Viên đạn trúng vào ống đồng phải của tôi và phần ống chân dưới gần như bị đứt lia. Khóa nòng súng của hắn lúi lại phía sau, vỏ đạn văng ra bên ngoài. Mất hơn nửa giây tôi mới lấy được đường ngắm.

Hai tiếng súng vang lên. Cả 2 viên đạn đều trúng mặt hấn. Nếu lần bắn đầu tôi lấy đường ngắm lâu hơn độ hơn nửa giây thì tôi đã diệt được tên khốn kiếp và đã cứu được cái chân của mình.

Chiếc xe của tôi đột nhiên chạy chậm lại. Cái quái gì xảy ra với chiếc xe này vậy? Tôi lấy sức nhấn chân ga nhưng không thể. Đưa mắt xuống sàn xe, tôi nhìn thấy đầu ngón chân cái quay ngược ra sau. Lúc đó, tôi thậm chí không nhận ra bàn chân của mình bị xoắn vào phía trong. Tôi cố gắng dẫm lên chân ga một lần nữa. Chiếc chân phải của tôi hoàn toàn tê liệt. Trời đất, đó là chân của tôi. Đưa chân trái sang, tôi nhấn ga. Vấn đề rắc rối thật rồi. Mặc dù đây là lần thứ hai bị trúng đạn trong trận đánh nhưng tôi vẫn tin vào sức mạnh của mình. Kim chỉ mức độ sợ hãi mới tăng lên số 6 chứ chưa phải số 10. Tôi chỉ cảm nhận được cảm giác tê cứng chứ không cảm thấy đau đớn bởi các thụ thể thần kinh của tôi đã quá tải. Mặc dù ngạc nhiên khi bị thương lần thứ hai trong trận đánh nhưng tôi vẫn ngằm từ hào khi là một lính bắn tỉa của Đội đặc nhiệm SEAL số 6.

Tôi vô cùng bức tức với McKnight và gọi ông ta qua vô tuyến điện. “Hãy đưa chúng tôi ra khỏi nơi chết chóc này!” Cuối cùng chúng tôi cũng ra khỏi được vùng chết, đoàn xe dừng lại để cầm máu cho những người bị thương, nạp đạn và lập kế hoạch cho hành động tiếp theo. Casanova giúp tôi bò qua bảng điều khiển trung tâm vào ghế sau, nhường ghế lái lại cho anh. Khẩu CAR-15 của tôi được treo trên bảng điều khiển trung tâm. Gã Mập lùn cầm lấy khẩu súng CAR-15 của tôi và bỏ lại khẩu M-14 của mình.

Phần xương vỡ có cạnh răng cưa, có thể làm đứt các động mạch chủ và làm tôi chảy máu đến chết. Casanova đặt cái chân bị thương của tôi lên trên capô của chiếc Humvee và đặt chân trái của tôi bên cạnh để đỡ. Kê chân dốc lên cao giúp máu chảy chậm hơn. Casanova khẽ nói “Tôi sẽ đưa anh về nhà”.

Đoàn xe bắt đầu khởi hành và Casanova nhấn chân ga. Chiếc xe của chúng tôi chạy trên ba chiếc bánh đã hết hơi. Đoàn xe quay đầu và quật phải tại Khách sạn Olympic, hướng về nơi chiếc máy bay đầu tiên bị bắn rơi. Việc làm này chẳng khác gì cảnh bộ phim Groundhog Day, lặp đi lặp lại các hành động tương tự.

Khoảng năm hay mười phút sau đó, một viên đạn của đối phương xuyên qua mắt cá chân trái của tôi. Không giống như chỗ xương gãy ở ống chân phải, không làm tôi đau đớn vì hệ thần kinh trung ương làm tắt cơn đau, vết thương ở mắt cá chân hành hạ tôi muốn chết đi sống lại. Kim chỉ mức độ sợ hãi của tôi đã nhảy lên số 7. Lúc này cảm xúc của tôi đối với kẻ thù đã hoàn toàn chuyển sang tức giận. Chúng đã cướp đi sức mạnh của tôi. Đột nhiên, tôi nhận ra mình đang thực sự gặp rắc rối.

Đúng vậy, đoàn xe của chúng tôi lại một lần nữa không đến đúng vị trí chiếc máy bay đầu tiên bị bắn. Chúng tôi dừng lại. Mọi người bước ra khỏi xe và đứng thành vòng tròn. McKnight ra khỏi xe cùng với một người nào đó và hình như họ trải bản đồ ra để xác định vị trí. Thật ngớ ngẩn hết mức. Trong khi bị kẻ địch bủa vây, tại sao không vào quầy hàng 7- Eleven mà hỏi đường?

Đoàn xe của chúng tôi đã hai lần nhầm lẫn trong việc tìm vị trí các phi công bị bắn rơi. Chúng tôi sắp hết cơ số đạn mang theo. Binh lính bị thương và tử thương đã chật ních các xe. Khoảng một nửa số binh lính bị thương nặng, đa số là các đặc nhiệm. Nếu chúng tôi không trở lại căn cứ và tái hợp, có thể đoàn sẽ chẳng còn một mống nào để làm nhiệm vụ giải cứu.

Chiếc xe của tôi bị đạn bắn thủng lỗ chỗ chẳng khác gì miếng bột biển. Gương hai bên xe đều hỏng. Khi đoàn xe tiến về phía trước, xe của tôi bị trúng mìn bộ binh. Tám thép dưới gầm xe đã cứu chúng tôi khỏi tan xác. (Sau này tôi trở thành thành viên danh dự của câu lạc bộ Những người sống sót Kevlar.) Casanova đánh xe vào lề đường rồi xe chết máy. Kẻ địch bắt ngờ tấn công chúng tôi. Chúng tôi sắp toi rồi.

Tôi nhớ đến bộ phim yêu thích The Alamo sản xuất năm 1960, với nhân vật chính Dany Crockett do diễn viên John Wayne. Đây hẳn là cảm giác của Davy Crockett trước khi họ giết chết anh ta: bại trận, hết người chiến đấu. Chúng kiến cảnh đồng đội của mình từng người từng người một tiêu diệt trong khi kẻ địch vẫn tiếp tục áp sát. Vậy đó. Howard Wasdin sẽ chấm dứt cuộc đời của mình tại Mogadishu ở Somali vào buổi chiều ngày 03/10/1993. Điều tôi nuối tiếc nhất chính là tôi đã không thường xuyên nói với những người tôi yêu quý những lời yêu thương. Suốt thời gian sống trên cõi đời, lẽ ra đó là điều mà tôi phải làm nhiều hơn. Hai người đầu tiên xuất

hiện trong tâm trí tôi là các con tôi Blake và Rachel. Có lẽ tôi chỉ nói với chúng câu “bố yêu các con” khoảng sáu lần một năm. Một phần vấn đề nằm ở chỗ, do thường xuyên bận tập luyện và tham gia các chiến dịch tác chiến nên tôi chẳng có nhiều thời gian bên chúng. Mặc dù đã kết hôn, nhưng lúc này tôi chẳng nghĩ đến vợ tôi Laura. Mọi quan hệ của tôi với Đội đặc nhiệm SEAL đã trở nên quan trọng hơn cuộc hôn nhân của tôi. Nhưng tôi muốn nói với Blake và Rachel rằng tình yêu của tôi dành cho chúng là vô bờ bến.

Kim đo mức độ sợ hãi của tôi chỉ ở số 8. Nó sẽ không bao giờ lên tới số 10. Khi kim chỉ mức độ sợ hãi của ai đó nhảy lên số 10 thì người đó sẽ không còn hành động được nữa. Khi đó bạn sẽ phó mặc số phận của mình cho hoàn cảnh xung quanh. Tôi vẫn chưa chết. Tôi dùng súng lục quay lại bắn phía sau nhằm xua đuổi 6 hay 7h tên địch xung quanh. Về thể lực, tôi không thể bắn trúng được bất kỳ tên nào vào thời điểm đó. Tôi bắn hết hai băng đạn của khẩu súng lục Casanova đưa cho tôi. Trên vô tuyến điện, tôi nghe thấy thông tin QRF đang trên đường đến cứu chúng tôi – bốn giờ nữa sẽ tới nơi xảy ra giao tranh. Lực lượng phản ứng nhanh – chẳng hiểu khái niệm của lực lượng này về chữ “nhanh” là cái quái gì nữa?

Xe của chúng tôi vẫn chết máy bên lề đường, tôi ngược mắt lên và thấy máy bay của QRF bay qua chỗ chúng tôi. Chúng tôi đã có cơ hội được cứu sống nhưng họ lại bay vượt qua. Chắc họ muốn bỏ mặc chúng tôi chết ở nơi đây. Sau đó QRF dừng lại và yểm trợ cho một chiếc xe trọng tải 3,5 tấn. Cảm ơn Chúa, cuối cùng họ cũng đã nhìn thấy chúng con. Khi họ đến con đường bên cạnh chúng tôi, quân địch bỏ chạy hết. Xe của QRF dừng lại.

Casanova và Gã Mập lùn giúp chuyển những người bị thương lên xe của QRF.

Một biệt kích Ranger đang loay hoay cuộn thang dây vừa thả từ trục thăng xuống – đây là công việc đã được làm đi làm lại nhiều lần khi tập luyện. Do thần kinh quá tải, người lính này chỉ làm theo bản năng mà quên hết những gì đã được dạy.

Không tự đi được, tôi nhìn chăm chăm vào cậu lính Ranger trong sự hoài nghi. Tôi hét lên “Đây không phải là đợt huấn luyện! Hãy đặt sợi dây xuống, vút vào trong xe và đưa chúng tôi ra khỏi đây!”.

Tay biệt kích của Ranger tiếp tục kéo sợi dây mà không ý thức được hoàn cảnh xung quanh và không nghe theo mệnh lệnh của tôi.

Tôi dí khẩu súng lục SIG SAUER của tôi vào cậu ta: “Tôi sẽ không giết anh nhưng anh sẽ phải đi tập tễnh nếu không vứt sợi dây đó vào xe!”

Cậu ta bối rối mất một lúc rồi thả sợi dây ra. Cậu ta vội vã vào xe.

Cuối cùng, những người trong xe cũng đưa được tôi lên chiếc xe tải của QRF. Casanova bảo mọi người hãy để ý hơn đến tôi vì chân phải của tôi chỉ treo lủng lẳng như vậy chứ không còn cử động được nữa.

Chúng tôi lái xe về trại mà không hề gặp bất kỳ cản trở nào từ quân của Aidid. Sau khi vào trong cổng, khoảng 40 đến 50 người đang chờ sẵn ở đường băng, trong đó có cả các nhân viên y tế. Họ đến để làm nhiệm vụ phân loại những người bị thương không thể cứu chữa với những người có thể cứu chữa được cũng như mức độ nặng nhẹ của thương tích. Một người lính của Ranger mở thành xe phía sau của một chiếc Humvee – máu từ xe chảy ra nhiều vô kể.

Casanova và Dan Schilling đưa tôi đến khu vực phân loại.

Lúc này trời vẫn sáng, các nhân viên y tế cởi hết quần áo của tôi ra để thuận lợi cho việc chữa trị. Họ để tôi nằm trần truồng trên đường băng, vây quanh là các xác chết.

Một lần nữa, tử thân lại “vô” trượt tôi như những lần trước đó: như khi kẻ địch bắn rơi chiếc trực thăng của QRF và giết chết ba người bay cùng chuyến đó; như khi quân của Aidid mở cuộc tấn công lớn vào Pasha; như khi các pháo thủ của kẻ địch nã pháo vào khu của CIA, nơi tôi đến thăm và rời đi hôm trước. Tôi nghĩ có lẽ Casanova và tôi đã có một kết cục khác nếu chúng tôi bay cùng trong chuyến bay có ba lính bị sát hại hôm đó, nhưng có thể cũng sẽ chẳng khác gì và tôi có lẽ đã bị chết hôm đó. Tuy nhiên, điều đó không xảy ra bởi Chúa luôn bên cạnh phù hộ tôi. Giờ đây tôi đã 48 tuổi và đôi khi vẫn tự hỏi, Chuyện gì sẽ xảy ra nếu tôi không hạ gục kẻ địch trước khi hắn hạ gục tôi? Có lẽ mọi người chỉ có thể gặp tôi ở nghĩa trang mà

thời.

Trước khi diễn ra trận đánh ở Mogadishu, những hỗ trợ chúng tôi nhận được từ chính quyền Clinton thật đáng chê trách. Chính quyền Clinton đã từ chối cấp cho chúng tôi loại xe chiến đấu bộ binh M-2 Bradley, xe tăng M-1 Abrams và máy bay cường kích AC-130 Spectre. Chính quyền Clinton quan tâm đến khía cạnh chính trị nhiều hơn là tính mạng binh sĩ Mỹ.

Trong trận đánh ở Mogadishu, 18 binh sĩ Mỹ thiệt mạng và 84 binh sĩ khác bị thương; 1 lính Malaysia chết và 7 người khác bị thương; hai binh sĩ Pakistan và 1 binh sĩ Tây Ban Nha bị thương. Mặc dù chỉ khoảng 180 binh sĩ chiến đấu chống lại gần 3.000 quân của Aidid nhưng chúng tôi vẫn bắt được Omar Salad, Mohamed Hassan Awale, Abdi Yusef Herse và nhiều thủ hạ quan trọng khác. Hàng ngàn người trong bộ tộc của Aidid thiệt mạng và số bị thương còn nhiều hơn thế. Chúng tiêu hao rất nhiều đạn dược. Nhiều tù trưởng phải sơ tán vì sợ các cuộc phản kích của Mỹ. Bốn lính bắn tỉa từ Đội Anh ba Xanh (Blue Team) đang trên đường sang thay chúng tôi. Phi đội Alpha của Delta đang làm công tác chuẩn bị sang thay Phi đội Charlie. Một loạt lính Ranger mới cũng đang trên đường sang. Chúng tôi đã phá vỡ được hậu phương của Aidid và chúng tôi muốn hoàn tất sứ mệnh này.

Bất chấp những thắng lợi của chúng tôi, Tổng thống Clinton vẫn coi chúng tôi là những kẻ bại trận. Mặc dù chúng tôi vẫn chưa bắt được Aidid và chưa chuyển được số lương thực viện trợ đến người dân nhưng Clinton đã rũ tay. Ông ra lệnh ngừng tất cả các hành động chống lại Aidid. Bốn tháng sau, Clinton trả tự do cho Osman Atto, Omar Salad, Mohamed Hassan Awale, Abdi Yusef Herse và các tù nhân khác. Đúng là chó chết thật.

Chúng tôi đã mất rất nhiều thời gian sát cánh với người dân Somali để tạo dựng lòng tin, thuyết phục họ rằng chúng tôi sẽ ở bên họ trong thời gian dài. Nhiều người trong số những người Somali này đã dám mạo hiểm tính mạng bản thân để giúp chúng tôi. Một số còn dám đánh đổi cả sự an toàn của gia đình. Những lính canh trước đây của chúng tôi ở Pasha đều tham gia vào trận đánh ở Mogadishu và họ chiến đấu đến phút cuối. Chỉ một ít người trong số họ sống sót. Những người còn lại đều đã hy sinh khi sát cánh cùng chúng tôi. Chúng tôi đã bỏ lại những người bạn Somali của mình trong lúc họ vẫn đang cần sự giúp đỡ. Tôi có cảm giác sự hy sinh của chúng

tôi là vô ích. Tại sao họ lại điều chúng tôi đến Somali trong khi vẫn chưa hạ quyết tâm phải hoàn tất sứ mệnh? Lẽ ra chúng tôi không nên tham gia vào cuộc nội chiến ở Somali – đây là vấn đề của họ chứ không phải của chúng tôi. Nhưng khi chúng ta cam kết, chúng ta nên hoàn thành cái chúng ta phát động: đó là một bài học chúng tôi luôn nhớ mãi trong lòng.

Somali không còn nhận được sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế trong nỗ lực mang lại hòa bình và lương thực cho đất nước nữa. Sự hỗn loạn và nạn đói gia tăng. Aidid đã ém nhem đi khá nhiều con số thương vong, mất mát của phe hãn trong cuộc chiến nhưng cũng chẳng thống trị được nước Somali thống nhất. Aidid chết năm 1996 trong một trận chiến tranh giành quyền lực nội bộ với Osaman Atto.

Chương 14. Đứng dậy từ những mắt mát

Khi mặt trời đã lặn, nhân viên y tế mới đưa tôi đến bệnh viện dã chiến của Thụy Điển. Đầu óc tôi chìm sâu trong ý nghĩ rằng tôi có thể phải cưa chân. Tôi vô cùng sợ hãi. Tại bệnh viện, một y tá tiêm cho tôi một mũi moócphin giảm đau nhưng nó chẳng có tác dụng gì. Hóa ra tôi thuộc 1% số người không có tác dụng với thuốc moócphin. Người y tá này lại tiêm thêm cho tôi mũi nữa. Chân tôi vẫn đau kinh khủng. Họ xử lý vết thương: khoét bỏ những tế bào hồng, nhiễm khuẩn và chết để giúp tôi mau khỏi. Sau đó, họ chuẩn bị chuyển tôi sang Đức.

Các nhân viên y tế đưa chúng tôi lên máy bay. Nội thất bên trong máy bay thật ấn tượng, trông giống như bệnh viện biết bay: có giường bệnh, các chai dung dịch truyền, thiết bị máy móc. Một y tá đi ngang qua tôi.

Tôi đưa tay ra và nắm lấy chân cô ta “Tôi đau quá. Xin hãy làm cái gì đó giúp tôi?”.

Cô y tá nhìn vào phác đồ điều trị của tôi và nói “Anh đã được tiêm hai mũi moócphin rồi thì làm gì còn đau đớn nữa.” Sau đó, cô ta bỏ đi để xem xét các bệnh nhân khác.

Lát sau, một bác sĩ đến bên cạnh và nhìn tôi.

Đây là vết thương trong xương – một loại thương tật tồi tệ nhất. Với một vết cắt phần mềm, cơ thể sẽ bù đắp bằng cách thắt các động mạch để giảm lưu lượng máu đến vùng thương tật, ngăn không cho máu chảy mãi. Nhưng với vết thương từ trong xương, cơ thể không thể làm được điều đó. Cơ thể xanh xao, mắt máu của tôi run lên bần bật và mồ hôi túa ra khi tôi nghiêng chặt răng, cố gắng không để vết thương hành hạ. Ổn định mạch đập, thở chậm, cố gắng chịu đau. Tôi đã từng làm điều này khi còn là một đứa trẻ nhưng tại sao nó vẫn không hết đau? Tôi có thể làm điều này khi còn là một đứa trẻ nhưng tại sao bây giờ tôi không thể? Đó là một cách thức đơn giản tôi từng áp dụng khi bị đau trong những lần ấu đả thời con nít: tự thoát

ra khỏi sự đau đớn và không để thể xác xâm lấn tâm trí. Nhưng tôi vẫn không thắng nổi những biểu hiện sợ hãi của cơ thể: người cứ run lên bần bật và mồ hôi vã ra nên tôi lại cố gắng tập trung lý trí để chống lại sự giằng xé của cơn đau.

Vị bác sĩ nói: “Cậu lính này đang đau lắm đây”, rồi ông tiêm cho tôi mũi giảm đau Demerol và hỏi “Cậu thấy thế nào?”.

Ngay lập tức tôi thấy cơn đau dịu đi và cảm ơn vị bác sĩ đó.

Người bác sĩ nói gì đó với nữ y tá. Sau đó, cô quay trở lại và xin lỗi tôi.

“Tôi xin lỗi, thành thật xin lỗi. Tôi không biết anh bị đau.” Cô nói mà gần như muốn khóc.

Chẳng biết chân của tôi có bị cưa cụt không? Chúng tôi hạ cánh xuống căn cứ Không quân Ramstein ở Đức. Lính Không quân đưa chúng tôi lên một chiếc xe buýt. Những người lính Không quân này rất vui vẻ và thân thiện. “Chúng tôi nghe nói các anh đã giành chiến thắng. Chúng tôi đến để chăm sóc cho các anh đây”. Họ làm chúng tôi cảm thấy thật phần chấn.

Khi đến Trung tâm y tế vùng Landstuhl của Lục quân, bệnh viện lớn nhất ngoài lãnh thổ Mỹ, các bác sĩ đưa chúng tôi đến phòng phẫu thuật.

Trong phòng điều hành, họ làm công tác chuẩn bị cho tôi. Một y tá đang chuẩn bị gây mê toàn thân.

Tôi vội nói “Tôi không muốn ngủ”.

Cô ta lý sự với tôi "Chúng tôi cần phải đưa anh vào giấc ngủ để còn phẫu thuật."

“Tôi không muốn ngủ. Tôi biết mọi người muốn cưa chân của tôi.”

Cô ta và một nam y tá nữa ra sức đè tôi xuống nhưng tôi đã đẩy bật họ ra.

Tình hình khá căng thẳng khi bác sĩ phẫu thuật bước vào “Đang xảy chuyện

gì vậy?”.

Cô y tá giải thích: “Bệnh nhân đang chống đối không chịu hợp tác, anh ấy không để chúng tôi gây mê toàn thân”.

Bác sĩ phẫu thuật nhìn tôi. “Có vấn đề gì không?”

“Tôi chỉ sợ các ông sẽ cưa chân của tôi khi tôi đang chìm trong giấc ngủ. Tôi không muốn ngủ. Tôi xin các ông đấy”.

Bác sĩ phẫu thuật nói với người nữ y tá: “Hãy gây tê ngoài màng cứng cho cậu ta”.

Cô ta tiêm cho tôi một mũi vào thắt lưng giống như gây tê cho bà đẻ. Kiểu gây tê này sẽ làm mất cảm giác từ phần thắt lưng trở xuống.

Ông ta cầm tay và nhìn vào mắt tôi rồi nói: “Tôi là bác sĩ phẫu thuật chính hình giỏi nhất trong Không quân. Tôi sẽ giữ lại chiếc chân cho cậu”.

Thái độ chân thành của ông khiến tôi cảm thấy khá an tâm.

Người bác sĩ tiến hành phẫu thuật trong khi tôi vẫn thức để xem. Khi chắc chắn rằng họ sẽ không cưa chân mình, tôi chìm vào giấc ngủ.

Sau đó, tôi tỉnh dậy vì thấy đau bên đùi phải. Thuốc tê đã hết tác dụng. Bác sĩ phẫu thuật dùng dụng cụ để lấy một miếng da ở đùi tôi. Ông bỏ miếng da vừa lấy được vào một chiếc máy trông giống như máy vắt phô mai. Ông sử dụng chiếc máy này để làm cho các lỗ chân lông nở ra. Sau đó, ông đặt miếng da vào vùng vừa phẫu thuật. Dần dần, tôi bắt đầu cảm nhận được sự đau đớn. Khi họ tiến hành ghép da lần thứ hai thì tôi hơi ngần ngại.

Nếu trường hợp của tôi xảy ra trong thời Chiến tranh với Việt Nam, các bác sĩ hẳn đã cắt bỏ chiếc chân của tôi. Nhờ những tiến bộ y học, tôi đã giữ lại được chân của mình.

Sau khi hoàn tất việc phẫu thuật, họ đẩy tôi vào phòng hậu phẫu. Người y tá treo một bơm điện vào giường của tôi và căn dặn: “Nếu thấy đau, chỉ cần

bấm nút này, anh sẽ hết đau. Tuy nhiên chỉ khi nào anh thực sự đau đớn thì mới bấm nút để tự tiêm cho mình liều thuốc giảm đau.”

“Thật tuyệt.” Tôi ấn nút hai lần liền và tôi chìm vào giấc ngủ.

Khi thức dậy, tôi không còn có khái niệm thời gian. Đột nhiên tôi nghe thấy tiếng rên rỉ: “Trời ơi, đau quá! Trời ơi, đau quá!”

Giọng y tá vang lên: “Chờ một chút, chúng tôi sẽ tìm một chiếc bơm điện cho anh”.

Tôi đưa mắt nhìn sang và nhận ra người đang kêu đau chính là cậu biệt kích Ranger dũng cảm, người bị một vết thương ở chân, hai vết thương ở vai và một vết thương ở cánh tay nhưng vẫn kiên cường nạp đạn giúp chúng tôi trong trận đánh ở Mogadishu.

Sau một lúc khá lâu mà người y tá vẫn chưa mang bơm điện cho cậu ta. Có thể do bệnh viện chưa kịp chuẩn bị với nhiều thương binh đến cùng một lúc như thế này.

Cậu lính biệt kích tiếp tục kêu đau.

Tôi gọi tên cậu ta.

Cậu ta đưa mắt nhìn tôi và thốt lên vui mừng “Chào, Thượng”. Lính biệt kích Ranger thường gọi tắt “Thượng sĩ” là Thượng.

Tôi vươn tay ra cầm lấy một đầu chiếc chổi lau sàn để dựa bên tường, ngay gần giường của tôi, rồi tôi đưa đầu còn lại cho cậu lính biệt kích và nói “Nắm lấy này”.

Cậu ta cầm lấy đầu cây gậy.

Tôi nói: “Chúng ta hãy kéo hai giường lại sát nhau nhé.”

Chúng tôi kéo cho đến khi bánh xe dưới gầm giường của mình chạm vào nhau. Khi hai chiếc giường đã sát vào nhau, tôi tháo kim của mình ra và

cắm ven cho cậu lính biệt kích, sau đó ấn nút hai lần. Do đã sử dụng gần như toàn bộ sức lực nên tôi không còn đủ sức để đẩy hai giường rời nhau ra nữa. Cả hai cùng chìm vào giấc ngủ.

Khi người y tá trở lại, cô ta vô cùng tức giận và la toáng lên “Có chuyện gì với hai chiếc giường này vậy? Có chuyện gì? Tại sao anh lại cho cậu ta thuốc của anh? Nếu cậu ta có phản ứng với loại thuốc này thì hẳn anh đã giết chết cậu ta rồi đó!” Cô ta lấy chiếc kim ra khỏi cậu lính biệt kích và cắm trả lại cho tôi.

Một bác sĩ hàm đại tá nhìn tôi và nói “Này, cậu lính, cậu nghĩ cậu điều hành bệnh viện này hả?”.

Tôi vội giải thích, “chúng tôi cùng sát cánh chiến đấu bên nhau. Cậu ấy đang bị cơn đau hành hạ. Tôi chỉ muốn làm cho cậu ta hết đau thôi. Còn nếu ngài muốn thì ngài có thể bắn chết tôi.”

Vị bác sĩ này cười nụ với tôi. Ông kéo nữ y tá ra cuối phòng và nói: “Những chàng trai này được huấn luyện phải biết chăm sóc lẫn nhau. Bỏ qua cho họ lần này đi.”

Nữ y tá quay lưng lại với tôi trong khi vị bác sĩ quay lại và nháy mắt với tôi. Sau đó, ông rời khỏi phòng.

Ngày hôm sau, tôi thấy da đầu ngứa ngáy, khó chịu. Tôi đưa tay lên gãi. Một cục màu đen bám vào phần trong móng tay. Trong trận đánh ở Mogadishu, tôi đã cõng một cậu lính biệt kích Ranger, máu của cậu chảy ra đầu tôi. Những cục màu đen trên đầu tôi chính là máu đã khô lại.

Bác vợ tôi, Earl đến Đức thăm một chi nhánh công ty của ông tiện thể ghé thăm tôi sau khi nghe tin. Khi thấy tôi, ông chỉ nhìn chăm chăm một lúc rồi quay lưng rảo bước ra khỏi phòng đến gặp nhân viên chăm sóc và quát lên “Wasdin đang nằm lẫn với nước tiểu kia kìa!” Tôi không hề hay biết điều này bởi sau khi tiêm thuốc tê ngoài màng cứng, tôi không còn kiểm soát được bàng quang của mình nữa. Rồi tôi nghe thấy ông bác nói tiếp “Người cậu ta bắn hết rồi!”

Các nhân viên bệnh viện cố tìm cách trấn tĩnh bác tôi.

Bác Earl mất bình tĩnh và tiếp tục quát: “Tôi muốn các người lau người cho cậu ấy! Thay quần áo sạch cho cậu ấy! Cho cậu ấy đánh răng! Tốt nhất là các người làm ngay đi nếu không tôi sẽ gọi điện cho Washington ngay bây giờ và không để các người yên đâu!”

Có thể do nhân viên bệnh viện quá bận rộn vì chúng tôi nhập viện đột xuất với số lượng khá đông nên họ chăm sóc không xuể. Dù vậy, chỉ sau vài phút một nhân viên chăm sóc đã có mặt gọi đầu cho tôi. Tôi thấy thật mái. Sau đó, nhân viên đó đưa cho tôi chiếc bàn chải và tôi đánh răng. Người nhân viên này cũng thay luôn cả tấm đệm dù nó đã được bọc nhựa và không bị thấm ướt gì. Họ đưa cho tôi một chiếc áo choàng mới. Tôi thấy tốt hơn rất nhiều.

Bác Earl mang vào một chiếc xe lăn và nói “Cháu còn cần cái bác giúp gì nữa không?”.

“Dạ, cháu muốn ra ngoài”. Ông giúp tôi ngồi vào xe lăn và đẩy tôi đến cửa hàng đồ lưu niệm. Ông mua cho tôi một chiếc quần len, một chiếc áo len, một chiếc mũ tròn và một con gấu nhồi bông. Bác tôi bảo nhân viên thu ngân: “Cô có thể cắt bỏ hai ống chiếc quần len này lên ngang đầu gối được không?”

Cô ta nhìn bác tôi thoáng vẻ bối rối và quay ra nhìn tôi rồi ngọt ngào đáp “Được chứ ạ”. Nhân viên thu ngân lấy ra chiếc kéo và cắt bỏ ống quần theo yêu cầu của bác tôi, sau đó cô đưa chiếc quần cho bác tôi.

“Cám ơn”. Bác Earl đưa tôi vào phòng thay đồ của quầy lưu niệm và mặc chiếc quần len cho tôi trùm qua phần cố định bên ngoài. Bác sĩ phẫu thuật khoan bốn lỗ vào chỗ xương không bị thương, gài đoạn dập gãy, sau đó, cắm bốn đinh vào xương. Bên ngoài chân, họ dùng miếng thép gài bốn đinh lại để cố định các đinh. Những chiếc đinh và miếng thép tạo thành bộ phận cố định phía ngoài. Sau đó, bác Earl mặc áo len và đội mũ giúp tôi.

Ông đẩy xe ra khỏi phòng thay đồ và đến quán ăn tự chọn lấy vài cốc bia Hefeweizen. Đây là loại bia lúa mạch không lọc truyền thống của Đức. Loại

bia này không đắng và nhiều cacbon hơn loại bia lọc. Ông hỏi tôi: “Cháu muốn gì nữa không?”

“Bác có thể đẩy cháu ra sân phơi nắng được không ạ?”

Ông đẩy xe ra ngoài và chúng tôi ăn uống ở đó. Sau khi được lau rửa sạch sẽ, thay quần áo thơm tho và ngồi uống bia dưới ánh sáng mặt trời, tôi thấy phấn chấn hẳn lên. Tôi uống nửa cốc bia rồi đi ngủ. Sau này, tôi tặng con gấu bông cho cô con gái Rachel.

Hôm sau, cậu lính của Delta bị thương ở vai đến thăm tôi. Chúng tôi nói chuyện với nhau về trận đánh. Cậu nói “Lúc đầu, tôi không đánh giá cao các anh vì nghĩ các anh không thực sự là thành viên trong đội của chúng tôi. Nhưng các anh thật tuyệt. Chúng tôi không nghĩ SEAL lại đánh hay như thế! Đặc biệt là anh! Tôi nhìn thấy anh vài lần trong trận đánh. Ước gì tôi được đi chung với anh nhiều hơn trước khi trận đánh diễn ra.”

“Cám ơn” - tôi nói.

“À này, Brad đang ở tầng dưới. Anh có muốn gặp anh ấy không?”

“Đương nhiên là muốn rồi”.

Cậu đẩy xe đưa tôi đến gặp Brad, một trong số những tay súng bắn tỉa của Delta. Tôi thấy chân Brad bị cắt cụt – chân của Brad bị gãy lìa khi chiếc trực thăng anh ngồi bị trúng đạn RPG. Brad bắt tay tôi và nói: “Anh không cưa bỏ chân mà lại muốn đóng đinh à?” Brad nói tựa như mọi thứ vẫn rất bình thường với anh vậy. Anh chìa gói sợi thuốc loại Copenhagen ra mời tôi.

Tôi lấy một ít cho vào miệng.

Ba chúng tôi ngồi nói chuyện phiếm với nhau.

“Ô, họ vẫn giữ được chân cho cậu à?” – Brad hỏi.

“Tôi nghe họ nói chỉ cần vết thương của tôi nhích lên trên một cm nữa, họ

sẽ buộc phải cưa cụt. Brad đón nhận sự mất mát nhẹ nhàng hơn tôi mặc dù một chiếc chân của anh đã bị cắt bỏ. Lúc đó, tôi thấy buồn với chính mình. Giận Trời và Chúa. Anh ấy không còn chân nhưng vẫn giữ thái độ vui vẻ.

Nhìn thấy Brad vui vẻ, tôi cũng cảm thấy phần chân hơn. Brad là lính bắn tỉa của Delta ngồi trên chiếc Black Hawk 62. Cùng bay trên chiếc trực thăng đó là hai tay súng bắn tỉa khác của Delta, Gary Gordon và Randy Shughart. Họ bay phía trên chiếc trực thăng thứ hai bị bắn rơi và nhìn thấy Mike Durant đang di chuyển. Một đám đông người Somali khép dần vòng vây. Lúc này không còn ai bên cạnh, Mike đơn độc một mình. Ba tay súng bắn tỉa và các tay súng khác liên tục nhả đạn vào đám đông từ trên trực thăng.

Brad, Gordon và Shughart nhìn nhau và gật đầu. Gordon nói với viên phi công, "Hãy để ba chúng tôi đến hỗ trợ chiếc trực thăng Black Hawk 64".

Viên phi công gọi về Trung tâm chỉ huy "Ba lính bắn tỉa đề nghị được giúp chiếc 64".

"Không được. Có quá nhiều địch ở phía dưới. Không thể mạo hiểm được".

Khi một tay súng bên cửa máy bay bị trúng đạn, Brad cầm luôn khẩu súng máy. Mọi người đều cần khẩu súng lớn trong trận đánh để chế áp đối phương.

Đám đông trên mặt đất tiến sát lại chỗ chiếc trực thăng bị rơi của Mike.

Gordon hét lên: "Cho hai chúng tôi xuống."

Viên phi công lại gọi về Trung tâm chỉ huy "Hai lính bắn tỉa của Delta xin lệnh hỗ trợ chiếc máy bay bị rơi chừng nào lực lượng giải cứu tới."

"Không được."

Gordon nhất định đòi xuống bằng được.

Viên phi công hạ thấp độ cao máy bay. Brad dùng súng máy bắn yểm trợ để

Gordon và Shughart đu dây xuống.

Trên mặt đất, hai tay súng bắn tỉa bình tĩnh đưa Mike và các thành viên phi hành đoàn khác đến vị trí an toàn hơn với vị trí bắn tốt hơn. Sau đó, Gordon và Shughart chiếm lĩnh vị trí phòng thủ ở phía đối diện với chiếc trực thăng bị bắn hạ, lạnh lùng bắn hạ từng tên địch một. Gordon sử dụng súng CAR-15, còn Shughart dùng khẩu M-14.

Đột nhiên, Gordon hét lên: “Tôi trúng đạn rồi”. Sau đó, tiếng súng của Gordon câm bật.

Shughart lấy khẩu CAR-15 của Gordon đưa cho Mike. Shughart tiếp tục chiến đấu. Khi súng của Shughart hết đạn, anh quay lại chỗ chiếc trực thăng bị bắn hạ và gọi điện về Trung tâm chỉ huy. Anh đi ra phía trước trực thăng và tấn công đám đông bằng khẩu súng lục, buộc đám đông phải lùi lại. Súng của Shughart hết đạn, đám đông phản kích, giết chết anh.

Xác các tay súng Somali nằm rải rác trên đất quanh xác các lính bắn tỉa đã ngã xuống. Shughart và Gordon là những người đen đui nhất trong số những người bị sát hại. Đám đông trả thù họ bằng cách kéo lê xác của họ trên đường phố và sau đó cắt thành nhiều khúc. Họ bắt sống Mike và giữ anh làm con tin với hy vọng dùng anh để trao đổi tù binh. Sau đó, Mike được trả tự do.

Phần thưởng cao nhất trong quân đội là Huân chương được trao cho hai lính bắn tỉa của Delta: Gary Gordon và Randy Shughart.

Một hôm, Đại tướng Henry Hugh Shelton, Tư lệnh Bộ các chiến dịch đặc biệt của Mỹ, đến thăm tôi ở bệnh viện và tặng tôi huân chương Anh dũng bội tinh với Trái tim đỏ tía (Purple Heart) và Huy chương của Bộ tư lệnh các chiến dịch đặc biệt. Sự chân thành, chu đáo và những lời khích lệ của ông đã khích lệ tôi rất nhiều.

Ông hỏi: “Bệnh viện chăm sóc cậu tốt chứ?”

“Vâng, thưa ngài.”

Tướng Shelton hỏi tôi về tinh thần chiến đấu của các biệt kích Ranger trong trận đánh ở Mogadishu.

“Họ chiến đấu dũng cảm, thưa ngài.” – Tôi trả lời.

Nghĩ một lát rồi tôi hỏi: “Thưa ngài, chẳng lẽ chúng ta lại bỏ dở sứ mệnh của mình?”

"Không, chúng tôi đưa xe tăng vào và hoàn thành nốt phần sứ mệnh còn lại."

Tôi tin những điều ông nói là sự thật nhưng Nhà Trắng đã không bao giờ cho phép điều đó xảy ra.

Tôi ở Trung tâm y tế vùng Landstuhl khoảng một tuần trước khi họ dùng máy bay chở tôi và những người khác đến Căn cứ Không quân Andrews ở Mary Land. Khi họ đưa tôi xuống máy bay, Laura và hai con của tôi ủa ra đón. Cậu con trai Blake 8 tuổi chạy đến bên tôi và choàng tay quanh ngực. Laura đang mang thai, trên tay cô là bé Rachel 3 tuổi. Ở độ tuổi này, Rachel còn quá nhỏ để hiểu được những điều đang xảy ra.

Sau một đêm ở lại Mary land, tôi được đưa đến trụ sở của Đội ở Dam Neck. Tôi nói với họ rằng mình muốn vào Bệnh viện Lục quân Fort Stewart ở Georgia để phục hồi chức năng. Bệnh viện này cũng là nơi Blake cất tiếng khóc chào đời, cách nhà tôi khoảng 30 phút lái xe. Đội tặng tôi một chiếc xe lăn trọng lượng nhẹ, làm từ hợp chất composite, có giá tới hàng nghìn đô-la. Gia đình bốn người chúng tôi sống với bố mẹ vợ ở Odum, Georgia trong suốt thời gian phục hồi chức năng.

Khi nghe tin Delta sẽ tổ chức lễ truy điệu cho những binh lính tử trận, tôi cũng muốn đi dự. Quân đội điều một máy bay vận tải cỡ nhỏ C-12 đến đón tôi tại Sân bay Lục quân Hunter ở Savannah. Tôi bay đến buổi lễ truy điệu được tổ chức tại quân doanh của Delta ở Fort Bragg. Đón tôi tại sân bay là Tim Wilkinson và Scotty, PJ và Dan Schilling, CCT trong chiếc xe thể thao SUV. Tôi cảm thấy thật hạnh phúc khi được gặp lại những người bạn cũ từng sát cánh bên nhau ở nhà chứa máy bay tại Somali. Mặc dù họ là lính không quân nhưng chúng tôi đã cùng chiến đấu bên nhau ở Mogadishu.

Điều này làm tôi cảm thấy gần gũi với họ còn hơn cả những đồng đội trong Đội đặc nhiệm SEAL số 6. Không quân trao huân chương Danh dự hạng nhì và Bội tinh chiến công cho Tim. Scotty được trao Ngôi Sao bạc, Huân chương danh dự hạng ba trong quân đội. Dan được nhận Ngôi Sao đồng, Huân chương danh dự hạng dưới của Ngôi Sao bạc.

Họ đẩy tôi qua một bức tường, ở đó có khắc tên của những đặc nhiệm Delta đã ngã xuống. Tôi thấy sáu đôi ủng dã chiến, sáu khẩu súng trường M-16 với các lưỡi lê giương lên, sáu lưỡi lê ở báng các khẩu súng trường này và các bức hình chân dung của các đặc nhiệm tử trận: Dan Busch, Earl Fillmore, Randy Shughart, Gary Gordon, Tim Griz Martin, và Matt Rierson.

Tôi nhớ Griz là người có một vết chàm lớn trên mặt. Griz là người vui nhộn, luôn nghĩ ra những trò đùa mới lạ và vui vẻ.

Tại buổi Lễ truy điệu tổ chức ở trong phòng, Đức Cha dẫn dắt mọi người đọc kinh cầu nguyện cho những người đã ngã xuống. Những người vợ đầm đìa nước mắt. Nhìn vẻ mặt của cha mẹ Dan Busch thì biết ông bà hụt hẫng như thế nào. Dan là con một trong gia đình và mới chỉ 25 tuổi đời – một độ tuổi mà ít ai nghĩ đủ khả năng để được lựa chọn vào Delta.

Dan là một người rất ngoan đạo. Tôi chưa bao giờ nghe cậu ta báng bô Chúa. Tôi nhớ có một ngày sau bữa ăn trưa, chúng tôi xoa dầu chống nắng và phơi nắng trên nóc của một tòa nhà bên ngoài nhà chứa máy bay ở Mogadishu. Trong khoảng thời gian rỗi ít ỏi này, tôi đã trò chuyện khá nhiều với Dan Busch.

Một trung sĩ điếm danh lần cuối. Mọi người đều đáp “Có” khi được gọi đến tên, ngoại trừ sáu người đã ngã xuống. Đội tiêu binh bắn ba loạt đạn. Đội kèn thổi bài hành khúc trong lễ truy điệu.

Trong nghề nghiệp của mình, ngay từ khi chấp nhận công việc này, chúng tôi biết sẽ có những buổi như ngày hôm nay. Tuy nhiên, chúng kiến sự đau khổ của các bậc sinh thành, của những người vợ và những đứa con thơ, tôi thực sự đau lòng. Các chàng trai này đã ra đi, Dan đã ra đi. Sao tôi vẫn còn sống mà họ thì không? Dan Busch là người tốt hơn tôi, ngoan đạo hơn tôi.

Tại sao anh lại chết còn tôi thì không? Tôi cảm thấy tội lỗi khi sống sót trở về.

Kết thúc buổi lễ truy điệu, khi Scotty, Tim và tôi đang trò chuyện với nhau thì một đặc nhiệm Delta hỏi tôi là ai. Họ không nhận ra tôi trong bộ râu dài, rậm chưa cạo. Tôi quá yếu và chẳng còn hơi sức để cạo râu nữa.

Scotty và Tim nói cho cậu ta tôi là ai.

"Ôi, lạy Chúa", cậu đặc nhiệm này đi đến chỗ các đặc nhiệm Delta khác và nói "Này Wasdin đang ở đây đấy!"

Họ vây quanh tôi, đưa tôi đến phòng đợi của Phi đội Charlie và nhét vào tay tôi hai cốc bia. Chúng tôi trò chuyện với nhau và họ cười âm lên khi nghe tôi kể chuyện bơm thuốc cho cậu biệt kích Ranger ở bệnh viện Landstuhl. Sau đó, Delta tổ chức một bữa tiệc nhưng tôi bị sốt và không còn sức lực để vui cùng với họ. Tôi về phòng khách sạn của mình trước.

Chỉ có Bộ trưởng Quốc phòng Les Aspin tham dự lễ truy điệu. Phần lớn nội các trong chính quyền Clinton đều hy vọng trận đánh ở Mogadishu sớm đi vào dĩ vãng và muốn người dân Mỹ lãng quên trận đánh này.

Sáng hôm sau, tôi trở về Georgia. Ngay khi về tới Georgia, tôi đến bệnh viện khám định kỳ. Tôi bị chứng tiêu chảy. Con sốt làm bệnh trầm trọng thêm. Toàn thân đau nhức. Tôi cảm thấy mất phương hướng. Tôi nghĩ chắc mình đang chết đây. Một nhóm nhân viên y tế đến bên, tiêm vào mông hai mũi và cho tôi truyền dịch. Họ tháo băng trên chân tôi ra và bắt đầu kiểm tra. Một bác sĩ hỏi tôi: "Cậu vừa đi đâu về? Chúng tôi liên lạc với gia đình cậu nhưng cậu không có ở nhà. Kết quả xét nghiệm máu cho thấy cậu bị nhiễm khuẩn cầu chùm." Khuẩn cầu chùm đã bò vào người tôi qua những chiếc đinh ghim ở chân. Điều này phần nào giải thích tại sao tôi thấy không còn chút sức lực nào để có thể dự tiệc cùng Delta sau buổi lễ truy điệu.

Trên giường bệnh, tôi nhồm dậy, nhìn xuống phần chân và lẩm bẩm: Mình đang chết đây. Loại khuẩn cầu chùm này còn nguy hiểm hơn cả chiến tranh.

Ngày hôm sau, bác sĩ tỏ ra bức bối với tôi và nói "Nếu đồng ý để tôi chăm

sóc thì cậu phải cho chúng tôi liên lạc với cậu. Nếu không, cậu phải quay trở lại Virginia để các bác sĩ hải quân chăm sóc.” Ông ấy thực sự sợ hãi. Người bác sĩ đã rất ưu ái khi để tôi phục hồi chức năng ở bệnh viện của ông ấy, vậy mà tôi lại đem đến cho ông sự sợ hãi.

“Vâng, thưa bác sĩ.”

Họ giữ tôi trong bệnh viện vài ngày cho đến khi tôi hồi phục.

Ngồi ở nhà trên chiếc xe lăn, tôi mới thấy rõ mình đã phạm lỗi về lòng dũng cảm và cảm thấy có lỗi với bản thân. Tôi trượt sâu vào khủng hoảng. Thức dậy vào sáng hôm sau, tôi phải chăm sóc các đinh ghim bằng cách sát trùng những phần xung quanh bốn chiếc đinh thò ra phía ngoài chân. Nếu tôi không làm, các vi khuẩn có thể lại bò theo các đinh ghim vào xương tôi – lại gây ra nhiễm khuẩn cầu chùm như lần vừa rồi và suýt chút nữa lấy đi tính mạng của tôi. Sau đó, tôi băng bó vết thương lại. Quá trình này mất khoảng 40 đến 50 phút. Cứ hai ngày tôi lại lau rửa một lần. Tự lau rửa các đinh ghim khá vất vả. Tôi nhờ vợ và em vợ giúp nhưng họ chẳng có bụng dạ nào làm việc đó cho tôi. Trông vết thương thật kinh tởm với bốn đinh ghim thò ra phía ngoài chân. Phần da ở chỗ đinh ghim trông muốn buồn nôn và có thể nhìn thấy phần thịt bên trong.

Cả ngày tôi chỉ quanh quẩn trong các bức tường. Tôi không quen bị nhốt trong nhà và sự trầm cảm ngày càng đè nặng lên tôi. Tôi phải ra ngoài mới được. Theo đó, tôi quyết định tự làm những công việc bình thường và thường nhật. Nhưng thật không ngờ những việc đơn giản như đi chợ mua sắm hàng ngày lại làm tổn hại lòng tự trọng của tôi. Một ngày nọ, khi đang tự xoay xe trong lối đi ở Siêu thị Winn-Dixie ở Jesup, Georgia, tôi bắt đầu cảm nhận được sự thoải mái khi ra khỏi nhà, góp chút công sức nhỏ mọn cho gia đình.

Một người phụ nữ béo phì nhìn chăm chăm vào chân tôi. Mặt bà ta nhăn mặt lại như thể vừa ăn phải chanh chua. Tôi đã mang bên ngoài chân là chiếc quần len để che lấp phần cổ định vết thương, nhưng các đinh ghim vẫn lộ ra ngoài. Bà ta nói: “Tại sao anh không ở nhà? Anh không thấy vết thương của anh làm người ta phát ón thế nào à?”

Tôi bị thương ở chân là để bảo vệ tổ quốc của bà – tổ quốc của chúng ta. Có thể đây là cách một người dân Mỹ bình thường nhìn tôi. Có phải họ muốn nhìn thấy chúng tôi chết vì họ nhưng lại không muốn nhìn thấy chúng tôi bị thương như thế này? Tôi cảm thấy buồn cho bản thân vì bà ta không biết tôi là ai và vì sao tôi bị thương. Câu nói này đã xúc phạm tôi và lúc đó tôi muốn đáp trả nhưng lại không thể. Những lời lẽ xúc phạm càng làm tôi chìm sâu vào trầm cảm.

Ở nhà, tôi lặn xe quanh nhà, ăn uống và xem ti vi để giết thời gian. Tôi không thể tắm vì không được phép để các đinh ghim bị ướt. Tôi phải gội đầu bằng chậu và chỉ lau người bằng khăn tắm.

Tôi tiếp tục đến bệnh viện Fort Stewart để phục hồi chức năng. Họ sử dụng phương pháp bồn xoay nước nóng chữa chân trái của tôi. Phương pháp này làm bong phần thịt chết ra ngoài. Nó làm tôi đau muốn chết, như thể bị trúng đạn lần nữa vậy. Họ đưa cho tôi đôi nạng. Họ đỡ dậy và đặt tay tôi vào thanh nạng. Vết thương dày vò làm tôi không nén được sự đau đớn, nước mắt cứ tràn ra. Tôi đã không vận động trong một thời gian khá dài. Sau đó, họ phẫu thuật cho tôi. Họ còn tiến hành phẫu thuật thêm ba lần nữa.

Đồng hồ sinh học của tôi không kịp điều chỉnh vì tôi liên tục di chuyển, ban đầu là ở châu Phi, rồi sang Đức và bây giờ là Mỹ. Thời gian rảnh nhiều nên tôi hay ngủ vặt ban ngày và điều này làm tôi khó ngủ vào ban đêm.

Đau xương quả là vấn đề. Chùng nào những chiếc đinh còn trong chân, tôi vẫn còn đau. Thật dễ hiểu tại sao mọi người hay sử dụng thuốc giảm đau để cắt cơn đau. Nhưng tôi không đếm xỉa đến những loại thuốc này bởi nó chỉ làm người tôi tê dại đi mà thôi. Ở một mức độ nào đó, tôi muốn được nhắm nháp sự đau đớn, tội lỗi vì trong khi tôi sống sót thì rất nhiều đồng đội tốt của tôi, đặc biệt là Dan Busch đã ngã xuống. Tôi nghĩ có lẽ tôi thật kỳ cục khi gặm nhấm nỗi đau theo kiểu này.

Không còn ở quân doanh Đội đặc nhiệm SEAL số 6 và không còn đồng đội nào bên cạnh, tôi mắc triệu chứng khép mình lại do bị tách rời khỏi đồng đội. Tôi cũng vấp phải cú sốc về văn hóa. Mọi người trong khu phố có thể nói chuyện với tôi về cuộc sống của họ nhưng tôi lại không thể kể cuộc đời tôi cho họ nghe. Tôi không thể kể cho họ nghe về những tuần tập luyện vất

vả, cũng không thể làm họ cười bằng chuyện tôi tiêm thuốc cho cậu biệt kích khi ở chung trong bệnh viện tại Đức. Mọi người xung quanh chẳng thể hiểu nổi. Tôi bắt đầu học cách im lặng trong các câu chuyện phiếm. Giờ đây tôi mới hiểu mình khác lạ với người xung quanh biết chừng nào. Không có đồng đội bên cạnh, tôi cảm giác mình bị lãng quên. Không còn các sứ mệnh phải thực thi, tôi mất đi cảm giác về chất hoóc-môn ở tuyến thượng thận tiết ra. Bây giờ, tôi thậm chí còn không đi lại được. Theo văn hóa của SEAL, tôi là kẻ bại trận đáng xấu hổ. Tôi ghét thế giới này nói chung và ghét Chúa nói riêng. Tại sao điều này lại xảy ra với tôi?

Sau này ngồi ngẫm lại, tôi ngộ ra rằng hẳn Chúa muốn tôi hiểu, tôi chỉ là một người bình thường và rằng lính đặc nhiệm cũng chỉ là một nghề không hơn không kém. Howard, con quá cứng đầu mà không chịu nghe Ta sau khi con bị trúng đạn lần đầu. Con cũng không nghe Ta sau lần thứ hai bị trúng đạn. Nào lại đây, cậu bé, hãy để Ta cho con gánh chịu nỗi đau lần thứ ba. Bây giờ con đã hiểu chưa? Con không phải siêu nhân. Con chỉ là người Chúa phái đi thực hiện các sứ mệnh đặc biệt chừng nào còn đủ sức. Con ở đâu đều do Ta quyết định, chứ không phải do con. Đây chính là điều Ta muốn con nhớ lấy. Bây giờ, con đã hiểu, hãy để Ta tạo tác thêm cho con. Con vẫn chưa phải là sản phẩm hoàn chỉnh. Chúa đã làm cho tôi biết khiêm nhường và đưa tôi trở lại với thế giới thực, làm cho tôi trở thành người cha của những đứa con theo đúng nghĩa. Ở thời điểm đó, chẳng ai khuyên tôi những điều như thế cả nhưng nhìn lại, bị thương ở chân chính là món quà quý báu nhất đối với tôi.

Một ngày nọ, anh bạn thân của tôi gọi điện đến. Ở nông trại của anh, có một giống hươu lai đặc biệt được anh lai tạo từ loài hươu đuôi trắng Mỹ.

Anh ta bảo tôi: “Hãy đến chỗ tôi và chúng ta cùng săn bắn một chút.”

“Được! Được! Hãy đến đây và đưa tôi ra khỏi căn phòng chán ngắt này!”

Anh đi xe bán tải đến đón rồi đưa tôi đến nông trang. Anh đặt chiếc xe lăn của tôi xuống đất. Anh đẩy tôi đi khoảng 30 m qua các bụi cây nhỏ, rồi anh dừng lại. Anh chỉ tay về một chấm nhỏ cách chừng 150m và nói “Con hươu thường hay xuất hiện chỗ đó.”

Súng săn của tôi là khẩu Magnum cỡ nòng 7 li có kính ngắm chuẩn. Lòng tôi tràn ngập hạnh phúc. Tôi ngồi đó đợi khoảng một tiếng rưỡi.

Một con hươu đực xuất hiện. Ngồi trên xe lăn, tôi tì báng khẩu súng săn lên vai, bóp cò và con hươu gục ngã. Một cú bắn hoàn hảo. Sau khi đặt khẩu súng xuống đất, tôi đẩy xe đến chỗ con vật. Phải mất một lúc khá lâu tôi mới tới được chỗ con hươu bị trúng đạn.

Tôi dừng xe bên cạnh con hươu. Đó là con hươu đực rất đẹp. Nó ngược mắt nhìn tôi, khịt khịt mũi, rồi ngả đầu ra phía sau. Nó hộc lên lần cuối. Chứng kiến con hươu chết, tôi đâm ra nghĩ ngợi. Tao muốn ra ngoài và nhìn mây chứ không muốn lấy đi mạng sống của mây. Tao đã chứng kiến quá nhiều cảnh chết chóc rồi.

Tôi nhấc con hươu lên và cắt đầu nó treo vào xe lăn. Ở miền Nam Georgia, săn bắn là thú tiêu khiển được nhiều người ưa thích. Các chàng trai xuất phát từ lúc tảng sáng và ngồi nấp sau các cây đợi con mồi xuất hiện. Tôi luôn sẵn sàng giết người để cứu bản thân hoặc một người nào đó – sẵn sàng giết người khi thực thi nhiệm vụ – nhưng từ đó tôi không bao giờ đi săn bắn nữa.

Những người đến bệnh viện để phục hồi chức năng cư xử với tôi như một người nổi tiếng. Vào thời điểm đó, tôi là người duy nhất trong bệnh viện bị thương khi tham chiến. Cứ mỗi lần tôi đến bệnh viện, năm hoặc sáu người lại chạy đến bắt chuyện với tôi.

Sau sáu hay bảy tuần gì đó, cháu gái tôi kiếm cho tôi một thiết bị bịt vết thương bảo đảm nước không thấm vào. Nhờ thiết bị này, tôi đã có thể tắm được. Tôi đứng một chân trong bồn tắm và xoa dầu gội lên tóc. Tôi cảm thấy đây là món quà quý báu nhất tôi từng nhận được.

Đầu tháng Mười hai, sau hai tháng dài nhất trong cuộc đời mình, khu phố của tôi Screven, Georgia tổ chức lễ chào đón tôi – anh hùng của thành phố – bằng việc tổ chức tuần hành trong dịp Giáng sinh. Băng rôn, khẩu hiệu treo khắp mọi nơi. Một tấm bích chương lớn được treo trước khách sạn với hàng chữ: Chào mừng Howard trở về, người hùng của phố. Phía dưới là chữ ký của mọi người trong thành phố. Gần như tất cả 900 người trong khu phố

đều ký tên vào tám bích chương này. Mọi người từ Hạt Wayne đổ ra đường phố thành những hàng dài để nhìn mặt tôi và chúc tôi mau lành bệnh. Họ không hay biết những nỗi đau thể chất, tinh thần, sự mất mát, sự khủng hoảng đã tra tấn tôi như thế nào trước khi họ vinh danh tôi như hôm nay. Họ không thể hiểu hết những hành động này có ý nghĩa như thế nào đối với tôi. Giờ tôi không còn cảm giác là kẻ bại trận nữa.

Mike Durant, cơ trưởng của chiếc Black Hawk số hiệu 64, chiếc trực thăng thứ hai bị bắn hạ trong trận đánh ở Mogadishu, bị gãy cả chân và lưng. Abdullahi “Firimbi” Hassan, Bộ trưởng Tuyên truyền của Aidid, giữ anh làm tù binh khoảng 11 ngày. Sau đó, Mike và một tù binh của Nigeria được những tên bắt cóc đưa đến Trụ sở Liên Hợp Quốc tại Somali. Một trong số những tên bắt cóc Durant đã kéo từ cổ ra chiếc thẻ an ninh, do Liên Hợp Quốc cấp cho hắn, đưa cho đưa cho lính canh. Họ ra hiệu cho hắn vào. Lực lượng canh gác ở trạm kiểm soát lúc đó không nhận ra Mike đang ngồi trong xe. Không ai biết điều này chỉ khi Mike đã được đưa đến đường băng. Những kẻ bắt cóc giao anh cho Tổ chức Chữ thập đỏ. Liên Hợp Quốc đã chứng minh với kẻ địch rằng họ là những người đáng tin cậy, nhưng tôi luôn cảm nhận Liên Hợp Quốc không chứng minh cho chúng tôi thấy mình có thể tin cậy họ. Bạn chỉ nên tin cậy những người cùng huấn luyện và chiến đấu với bạn. Tôi đã từng huấn luyện với các đơn vị chống khủng bố người nước ngoài và tôi tin tưởng họ. Sự vồn vã của lực lượng canh gác ở trạm kiểm soát của Liên Hợp Quốc dành cho tên bắt cóc Durant và kẻ bắt cóc Durant có thể an ninh do Liên Hợp Quốc cấp đã xác nhận sự mất niềm tin của tôi đối với Liên Hợp Quốc là đúng.

Mike Durant và tôi gặp nhau tại Căn cứ Không quân Fairchild ở Spokane, Washington. Đây là lần đầu tiên chúng tôi gặp lại nhau kể từ khi rời Somali. Chúng tôi đến đây để tham gia khóa học về cách tự tồn tại, lẩn trốn, chịu đựng và tẩu thoát. Mặc dù khóa học này giống với khóa học tại Căn cứ Không quân của Hải quân ở Brunswick, Maine với kịch bản bị kẻ địch săn tìm, rồi bị bắt giam và tra tấn nhưng khóa học này được tổ chức trong một căn phòng chỉ có từ 10 – 20 học sinh và chủ yếu tập trung vào khía cạnh tâm lý khi bị giam giữ. Với những trải nghiệm ở Mogadishu, Mike và tôi nhanh chóng trở thành diễn giả của lớp học đặc biệt này. Các giảng viên mời chúng tôi nói về những trải nghiệm và trả lời tất cả câu hỏi của học viên và giảng viên.

Lực lượng Hải quân đưa Casanova, Gã Mập lùn, Sourpuss, Đại úy Olson và tôi đến Lầu Năm Góc để trao Huân chương Ngôi Sao bạc cho chúng tôi. Tại Mogadishu, Đại úy Olson rời Trung tâm chỉ huy để tham gia chiến dịch giải cứu các binh sĩ. Buổi lễ trao giải thưởng được quay video. Người ta đã đọc to bản Tuyên dương chiến công của tôi giữa khán phòng:

Tổng thống Hoa Kỳ vinh dự tặng Huân chương Ngôi Sao bạc cho Howard E. Wasdin, thuộc lực lượng Hải quân Hoa Kỳ vì đã có chiến tích sau: Chiến đấu dũng cảm và gan dạ trong chiến dịch UNOSOM II ở Mogadishu, Somali vào ngày 3 và 4 tháng Mười năm 1993. Hạ sĩ Wasdin là thành viên của nhóm bảo đảm an ninh đã hỗ trợ lực lượng xung kích khi lực lượng này đột kích vào căn cứ địa của kẻ địch và đã thành công trong việc bắt sống hai nhân vật chủ chốt trong hàng ngũ địch cùng hai mươi tên khác. Khi bị quân địch phục kích tứ phía, Hạ sĩ Wasdin đã chiếm lĩnh vị trí bắn và kiên cường bắn trả quân địch. Khi cùng đồng đội tấn công kẻ địch, anh bị thương vào bắp chân. Sau khi được sơ cứu, anh đã tiếp tục nhiệm vụ và tiếp tục tiêu diệt địch. Khi đoàn xe của anh ra khỏi vùng chết cùng với các tù binh trên xe thì anh thấy đồng đội vẫn đang bị tấn công. Hạ sĩ Wasdin cùng với đội bảo đảm an ninh dừng xe lại và bắn trả địch, giải cứu cho lực lượng đánh chặn Ranger. Mặc dù bị thương hai lần, anh vẫn tiếp tục tham gia chiến đấu và đẩy lùi kẻ địch. Sau đó, trong khi đang bắn trả kẻ địch với nỗ lực giải cứu những người bị nạn ở vùng máy bay rơi, Hạ sĩ Wasdin bị thương lần thứ ba. Tinh thần gan dạ của anh đã tiếp sức cho đồng đội cũng như toàn bộ đội hình. Với những hành động nhanh trí, quả cảm và sự tận tâm với nhiệm vụ được giao, Hạ sĩ Wasdin đã là tấm gương sáng, phát huy được truyền thống hào hùng của Lực lượng Hải quân Hoa Kỳ.

Bản tuyên dương chiến công này có chữ ký của tân Bộ trưởng Hải quân John Dalton. Casanova và tôi bước vào phòng làm việc của Bộ trưởng Quốc phòng và bắt tay ông. Vô cùng phấn khích, Casanova cho biết “Bộ trưởng là người có bàn tay mềm mịn nhất anh ta từng biết.” Sau đó, tôi còn bị khiển trách vì đã không tuân thủ mệnh lệnh cấp trên, tự ý cứu chữa cậu bé Somali đâm phải mìn bộ binh. Nhưng đối với tôi, đó là việc làm thành công và có ý nghĩa nhất khi ở Somali.

Casanova và tôi ngồi nhai thuốc sợi Copenhagen trong phòng đợi của Đội

Anh cả Đỏ. Đó là một căn phòng lớn, rất hài hòa về màu sắc.

Casanova và tôi ngồi bên một cái bàn. Gã Mập lùn đến, cầm trên tay là chiếc phong bì của Công ty sản xuất dao Randall. Gã mập đã gửi con dao của gã cho công ty, kể câu chuyện của gã cho công ty biết và muốn quảng cáo cho công ty qua câu chuyện “Lính bắn tia của Đội đặc nhiệm SEAL thoát chết nhờ con dao Randall”.

Casanova hỏi “Họ trả anh bao nhiêu tiền?”

Gã Mập lùn mở bức thư ra và đọc “Cám ơn anh đã chia sẻ câu chuyện của mình với chúng tôi. Chúng tôi sẽ giảm giá 10% nếu anh mua con dao khác.”

Gã mập tức giận chửi thề “Bọn chó chết này.”

Cả Cassanova và tôi cười ngặt cười nghẹo khi nghe nội dung bức thư. Suýt chút nữa tôi đã nuốt miếng thuốc đang nhai vào bụng.

Tôi hồi phục rất nhanh và trở lại đội. Lần đầu tiên tôi gặp Trung tá Chỉ huy trưởng Buttwipe là khi ông ta tiếp nhận chức Chỉ huy trưởng Đội Anh cả Đỏ. Buttwipe chuộng thành tích hơn là kết quả công việc. Do vậy, ông ta đã làm rôi tung tổ chức lên. Một số người đã chuyển công tác khỏi Đội Anh cả Đỏ để sang Đội Anh hai Vàng và Đội Anh ba Xanh. Ông ta có điệu cười rất gian trá, đặc biệt khi có mặt Chỉ huy cấp trên. Khi cười với chúng tôi, tôi luôn có cảm tưởng ông ta đang nghĩ về một điều gì đó. Là người gốc Nhật Bản nên ông ta có vóc người thấp lùn và luôn để tóc ngắn, phần trước trán cắt bằng.

Có thể Buttwipe cũng ý thức được bản thân không có thực tài. Mặc dù ông bơi và chạy rất giỏi nhưng khả năng bắn súng thì lúc nào cũng đứng cuối bảng và thiếu tính quyết đoán. Có thể ông ta ghen tị với tôi vì chưa từng được tham chiến trực tiếp hay không được nhận Huân chương Ngôi Sao Bạc. Ngoài ra, bằng cách nào đó Buttwipe phát hiện ra rằng lực lượng Delta muốn có tôi. Các tay súng bắn tia ở bệnh viện tại Đức động viên tôi gia nhập lực lượng Delta với họ. Một Đại tá của Delta đã nói với tôi tại bệnh viện ở Căn cứ Không quân Andrew là muốn tôi chuyển sang phục vụ cho

Delta. Giờ đây, ngồi ngẫm lại, tôi hiểu rằng Delta đã hiểu và tôn trọng tôi hơn. Về phần mình, tôi cảm thấy thân tình hơn với những người từng sát cánh chiến đấu bên nhau. Sợi dây tình cảm của tôi với Cassanova, Gã Mập lùn, các đặc nhiệm Delta, lực lượng CCT và PJ nồng ấm hơn so với các đồng đội khác của tôi ở SEAL.

Buttwipe nói với tôi “Tôi sẽ ủng hộ cậu nếu cậu ở lại SEAL nhưng nếu cậu nhất quyết rời bỏ SEAL, tôi sẽ là cơn ác mộng của cậu.”

Những hành động của Buttwipe thôi thúc tôi chuyển sang lực lượng đặc nhiệm Delta. Tuy nhiên, trong lời nói của mình, ông ta lại không muốn tôi đi. Ông ta chẳng có ý nghĩa gì với tôi cả. Cuối cùng, tôi vẫn quyết định ở lại SEAL vì tôi được huấn luyện, đào tạo để trở thành một đặc nhiệm SEAL. Tôi vẫn muốn tiếp tục là một đặc nhiệm của SEAL. Đó là lựa chọn đúng đắn của tôi.

Trên thực tế, Buttwipe chẳng những không ủng hộ tôi mà còn gây khó dễ cho tôi. Ông đã lôi chuyện tôi đến dự lễ truy điệu các binh lính Delta tử trận trong trang phục dân sự, râu ria không cạo để quở trách tôi. Tôi thực sự không hiểu cách lập luận của ông ta là như thế nào nữa – Tôi đã suýt mất mạng vì nhiễm khuẩn cầu chùm trong quá trình bay đến dự lễ truy điệu. Việc phải chống chọi lại cái chết đã lấy đi gần hết sức lực của tôi. Khi đó, cạo râu là một hành động quá xa xỉ đối với tôi. Tôi xem thường sự yếu kém về năng lực của ông ta. Buttwipe nên làm một chính trị gia hơn là một nhà điều hành. Giờ đây, chỉ cần nghĩ về ông ta là tôi đã muốn ném một cục đá vào mặt ông ta rồi.

Laura và tôi ly dị. Đứa bé trong bụng Laura không phải là của tôi, thậm chí không cùng chủng tộc với tôi. Chuyện này xảy ra khi tôi đi công tác xa nhà. Chuyện này tôi không muốn đề cập đến nhiều. Bản thân tôi cũng từng không chung thủy. Rachel và Blake chuyển đến sống với mẹ vì tôi không thể chăm sóc chúng khi phải đi nhiều. Trước đây, tôi đã không dành nhiều thời gian cho Rachel, giờ tôi càng ít ở bên cạnh nó hơn. Laura để cho con bé làm tất cả những gì nó thích nhưng tôi thì không. Khi Rachel đã đủ khôn lớn để đưa ra lựa chọn của mình, con bé chọn sống chung với mẹ. Sau này, khi Rachel vào học cấp ba, mẹ con bé đã để nó đi chơi với bạn trai – điều này tôi không bao giờ cho phép. Quan hệ của tôi với con bé ngày càng xấu

đi. Mặc dù, với Blake, tôi còn nghiêm khắc hơn cả với Rachel, ấy vậy mà Blake vẫn chọn sống với tôi khi cậu bé bước sang tuổi 13. Mặc dù tôi biết phải luôn đặt gia đình lên trên công việc nhưng tôi lại hy sinh gia đình, đặt mối quan hệ của đơn vị lên trên hết.

Tôi đã hy sinh tất cả cho đội nhưng vẫn không lấy lại được phong độ trước đây của mình. Suy nghĩ của tôi ngày càng tiêu cực hơn. Một ngày, tôi cầm khẩu súng lục SIG SAUER P-226 trên tay. Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi tự sát bằng khẩu súng này? Có những điều còn tồi tệ hơn cả cái chết. Cái chết đâu giải quyết được tất cả.

Blake đến thăm tôi và cất tiếng gọi: “Bố ơi!”.

Tiếng gọi đó đã làm tôi thức tỉnh. Kết liễu cuộc đời là hành động ích kỷ. Nếu tôi không còn mục đích gì để sống thì ít nhất tôi vẫn còn có con cái. Từ đó, những ý nghĩ đen tối không còn đọng lại trong tâm trí tôi nữa.

Chuyện này giống như việc ban đầu tôi tưởng mình sẽ không giữ được chân nhưng cuối cùng vẫn giữ được nó. Tôi đi được bằng nạng, đi không cần vật trợ giúp và bắt đầu tập bơi trước khi được yêu cầu làm những việc đó. Mọi người nghĩ rằng tôi sẽ đi tập thể nhưng lại không phải như vậy. Nhiều người nghĩ tôi sẽ chẳng thể chạy được nữa nhưng tôi đã chạy được. Sau khi trở lại đội, tôi tập thể hình và thể lực đều đặn vào mỗi sáng với đồng đội. Không phải lúc nào tôi cũng theo kịp mọi người nhưng vẫn kiên trì tập luyện.

Chương 15. Sứ mệnh bảo vệ đại sứ Mỹ tại Philippin

Mặc dù vết thương vẫn khiến tôi đau đớn vào ban ngày và mất ngủ về đêm nhưng ở một khía cạnh nào đó, tôi thấy mình đủ sức khỏe để đảm nhận sứ mệnh bảo vệ Đại sứ Mỹ tại Philippin, John Negroponte vì kẻ nào đó hăm dọa sẽ lấy tính mạng của ông. Sau khi tốt nghiệp Đại học Yale, ông theo học ngành luật tại Đại học Harvard. Đến giữa chừng, ông bỏ ngành luật để theo ngành ngoại giao. Là người gốc Hy Lạp, ông thành thạo tiếng Anh, Pháp, Hy Lạp, Tây Ban Nha và Việt Nam.

Cùng đồng hành với tôi là Johnny cũng đến từ Đội đặc nhiệm SEAL số 6. Anh ta đến Philippin từ trước, có thể trong đợt triển khai lực lượng của Đội đặc nhiệm SEAL số 1. Ở Philippin, anh ta có khá nhiều bạn bè, nhiều người trong số họ là nữ. Anh ta tự nguyện nhận trọng trách này có thể là vì sự vui thú.

Lúc nào Johnny cũng vui vẻ. Chúng tôi sống trên tầng mười của một tòa nhà ở Makati, một khu phố cao cấp ở thủ đô Manila, thuộc sở hữu của một công ty bất động sản. Vào một tối đã xảy ra một trận động đất. Sự rung chuyển đã làm chúng tôi và cả người hầu phòng tên Lucy thức giấc. Cả Johnny và tôi đều ra khỏi phòng. Lúc đó, Johnny mặc chiếc quần lót ống rộng, còn tôi thì hoàn toàn khỏa thân. Phía ngoài cửa sổ, các tòa nhà đang lắc lư từ bên này sang bên kia. Tôi cũng nhận thấy tòa nhà mình ở đang lắc lư. Tôi hỏi: “Anh muốn làm gì trong tình huống này?”.

Johnny nở nụ cười trên khuôn mặt và nói: “Chúng ta chẳng làm được gì trong tình huống này cả. Mặc kệ nó, chừng nào chúng ta bị hất xuống đất hăng hay.”

Chúng tôi cười và quay vào giường ngủ tiếp.

Công việc của chúng tôi bao gồm cả việc huấn luyện cho người dân Philippin bảo vệ Ngài Đại sứ. Một số người chúng tôi huấn luyện hiện đang phục vụ trong lực lượng Cảnh sát quốc gia Philippin. Chúng tôi huấn luyện

họ lái xe mô tô ba bánh và huấn luyện mô hình tác chiến đồng đội kiểu hình thoi (một nhân viên đi bộ đến điểm tiếp xúc, hai bên là hai người đi kèm và một người đi phía sau) và chúng tôi còn huấn luyện nhiều thứ khác nữa. Chúng tôi đưa họ ra ngoài tập bắn súng Uzis. Uzis là loại súng có độ chính xác không cao và nói chung người Philippin có rất ít vũ khí hiện đại. Ngài Đại sứ thật may vì lực lượng bảo vệ này chưa bao giờ phải sử dụng vũ khí để bảo vệ ông. Chúng tôi đề nghị với sĩ quan phụ trách an ninh khu vực cho phép nhân viên an ninh Philippin mang súng ngắn thay vì súng Uzis để tăng độ chính xác. Tuy nhiên, đề xuất này không được chấp nhận.

Trong lúc ngồi với Cảnh sát trưởng và sĩ quan phụ trách an ninh khu vực để nói về kinh nghiệm điều hành ngôi nhà bí mật của tôi hồi ở Somali, chúng tôi đi đến thống nhất trong việc lập kế hoạch tăng cường bảo vệ và kế hoạch đột nhập và rút lui đối với Đại sứ quán. Ngoài ra, chúng tôi còn đưa lực lượng lính thủy đánh bộ bảo vệ Đại sứ quán ra sân tập bắn để huấn luyện. Lúc đầu, họ có vẻ không hài lòng và nói: “Này, chúng tôi thuộc lực lượng lính thủy đánh bộ. Chúng tôi đã được huấn luyện bắn súng rồi.” Tuy nhiên, sau vài ngày trên sân tập bắn với Johnny và tôi, họ đã mở rộng được tầm mắt khá nhiều. Họ tiếp thu khá tốt.

Đại sứ Negroponte làm việc không ngừng nghỉ, luôn bận tiếp khách và chơi tennis rất giỏi. Ông đối xử với chúng tôi như những người thân trong gia đình. Tôi cảm thấy thật gần gũi với con cái của ông, những người chúng tôi cũng có nhiệm vụ phải bảo vệ. Anh vợ ông, người gốc Anh, là người lịch sự và nhẹ nhàng. Họ mời Johnny và tôi đến ăn tối nhân ngày Lễ Tạ Ơn tại khuôn viên Đại sứ quán Mỹ ở Baguio, một tòa nhà hoàn hảo với các chùm đèn lộng lẫy và những bức tranh sơn dầu.

Một ngày nọ, Johnny và tôi đi tiên trạm trước khi Ngài Đại sứ đến gặp bác sĩ xương khớp. Tôi đeo kính râm hiệu Oakley. Chúng tôi đi bộ đến quầy lễ tân và giới thiệu bản thân. Nhân viên lễ tân mời chúng tôi vào. Khi lục soát các căn phòng để tìm kẻ tình nghi, chúng tôi đã làm gián đoạn bữa ăn trưa của nữ bác sĩ xương khớp. Chúng tôi xin lỗi và tiếp tục công việc của mình.

Sau đó, cuộc gọi đến từ Ngài Đại sứ, yêu cầu chúng tôi quay về gặp ông. Chúng tôi rời tòa nhà ở Makati và đến gặp Ngài Đại sứ. Ông lịch sự bảo chúng tôi: “Lần tới, nếu các cậu phải đến phòng khám của bác sĩ, nhớ đừng

có gây phiền hà cho ai.” Thật tình cờ, vị bác sĩ này lại là một người bạn của Ngài Đại sứ. Chuyện này xảy ra trước ngày 11 tháng Chín một nên công tác an ninh chưa được ưu tiên, nhưng chúng tôi vẫn đến phòng mạch của bác sĩ trước theo cách chúng tôi được huấn luyện. Ngài Đại sứ giải thích: “Tôi từng bị chấn thương ở vai do đánh tennis và nếu cô ta không nắn lại xương cột sống cho tôi thì bây giờ tôi vẫn còn đau.”

Tôi vẫn hoài nghi về khả năng chữa trị của các bác sĩ đông y và tôi không nghĩ họ có thể làm cho tôi khỏi đau ở cổ và chân nhưng tôi vẫn ghi nhớ trong đầu những lời dặn của Ngài Đại sứ.

Tại Đại sứ quán, Johnny và tôi gặp một bác sĩ người Mỹ, trung tuổi và đang rất lo sợ cho tính mạng của mình. Ông cho biết mình là một bác sĩ chuyên làm từ thiện, chuyên cứu giúp người khác và hiện có một đám du thủ du thực đang tìm cách trấn lột và giết ông.

Tôi hỏi “Làm sao ông biết?”.

“Chúng đang theo dõi tôi. Chúng gọi điện đến khách sạn, kiểm tra xem tôi có ở đó hay không. Chúng vẫn đang ở khách sạn đợi tôi.”

Johnny và tôi nói với nhân viên an ninh khu vực đang làm việc cho Bộ Ngoại giao: “Chúng tôi nghĩ đám du côn sẽ giết chết bác sĩ này mất.”

Johnny và tôi mặc quần áo dân sự. Không muốn lộ diện là các nhân viên an ninh mật hay an ninh ngoại giao, chúng tôi không mang theo bộ đàm. Tôi thích mặc quần Kaki ống rộng nhiều túi vì loại quần này rất dễ mặc, có nhiều túi và trông khá hầm hờ. Phía ngoài chiếc áo phông xanh dương của Hải quân, tôi khoác chiếc áo vét của một nhiếp ảnh gia với chiếc ống nhòm trước ngực và một chiếc đèn flash trong túi quần. Trong chiếc bao da bên hông là khẩu súng lục SIG SAUER có băng đạn 15 viên. Trong bao da đeo trên dây lưng là hai băng đạn dự phòng. Chiếc áo vét tôi mặc bên ngoài che kín khẩu súng lục và hai băng đạn dự phòng.

Để vị bác sĩ ở lại Đại sứ quán, hai chúng tôi lái chiếc xe con chống đạn đến khách sạn vị bác sĩ này đang thuê ở. Đây không phải là nơi dành cho giới thượng lưu như khách sạn Intercontinental, nhưng cũng không giống với

nơi ẩn náu của bọn lưu manh. Khi còn cách khách sạn ba tòa nhà, chúng tôi leo lên tầng thượng một ngôi nhà. Từ đây, tôi gọi điện cho nhân viên đứng quầy và giới thiệu tôi là nhân viên an ninh ngoại giao. Sau khi giải thích cho nhân viên đứng quầy hiểu tình hình, tôi yêu cầu nhân viên đó vén tấm rèm ở phòng bác sĩ nọ thuê. Đồng thời, tôi cũng mô tả cho anh ta biết vóc dáng của tôi và hẹn thời điểm tôi sẽ đến.

Tấm rèm được kéo ra, chúng tôi dùng ống nhòm nhìn vào phía trong căn phòng. Hình như không có ai rình sẵn trong phòng. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm vì sẽ không xảy ra cuộc đấu súng khi chúng tôi đột nhập vào căn phòng. Nhân viên đứng quầy đã xác nhận là không có ai trong phòng. Điều này thật tốt.

Chúng tôi lái xe một vòng quanh khách sạn để xem có kẻ nào đang rình rập hay không. Sau đó, chúng tôi lái xe đến gần khách sạn hơn.

Một chiếc xe cũ hiệu Junky, đỗ ngay trước khách sạn, có hai tên ngồi bên trong. Giác quan thứ sáu mách bảo tôi cần phải để mắt tới hai tên này. Chúng ăn vận không giống doanh nhân mà cũng chẳng giống đang ngồi đợi đón ai đó. Những người còn lại trong khu vực không có dấu hiệu khả nghi.

Johnny đỗ xe gần góc của tòa nhà, ở đó anh có thể quan sát được phòng của bác sĩ nọ và những tên du côn chúng tôi nghi ngờ. Tôi rút khẩu súng lục từ bao da ra và cho vào túi trong của chiếc áo vét, để tay trên vành cò. Sau đó, tôi bước ra khỏi xe vào đi bộ đến khách sạn.

Bên trong hành lang, đôi mắt của tôi quét qua tất cả những người và những đồ vật trông không bình thường. Theo nghiệp vụ được đào tạo, tôi có thể lướt mắt qua mọi người, để ý đến tư thế ngồi, cử chỉ của họ và qua đó biết được họ có phải là đối tượng gây nguy hiểm cho mình hay không. Một phần trong khả năng nhận biết này liên quan đến sự nhạy cảm của giác quan thứ sáu. Nó giống như việc bạn cảm thấy ai đó đang theo dõi bạn, bạn bất ngờ quay lại và phát hiện quả thực có người đang theo dõi mình.

Nhân viên đứng quầy, có lẽ là người bà con của chủ khách sạn, đưa tôi đến cầu thang. Thang máy có thể là một cái bẫy chết người. Nó có thể bị dừng lại giữa các tầng. Có thể có ai đó đứng phía trên thang máy. Điều này không

phải chỉ có ở trong phim ảnh. Hoặc một bất ngờ lớn xảy ra khi cửa thang máy mở. Nếu có sự sắp xếp này, nhân viên đứng quầy hẳn sẽ lo lắng hơn khi chúng tôi tiến gần đến phòng của người bác sĩ vì anh ta biết sẽ bị giết chết bởi kẻ mai phục hoặc giả không thì tôi cũng sẽ làm việc đó.

Chúng tôi bước vào cầu thang lồng. Tôi rút khẩu súng lục ra và ấn số tầng chúng tôi lên. Tôi đưa mắt nhìn lên xem có họng súng nào đang chĩa vào đầu mình hay không, rồi quét mắt qua những cầu thang trước mặt.

Khi lên đến tầng bốn, tôi đang định bảo nhân viên đứng quầy ra trước thì anh ta đã làm rồi. Anh ta dẫn tôi qua hành lang và mở khóa cửa phòng của bác sĩ. Sau khi vào phòng, tôi khóa cửa lại. Tôi không muốn có bất kỳ vị khách không mời nào bất ngờ xuất hiện phía sau. Người nhân viên đứng quầy tiến vào giữa phòng và bắt đầu gói ghém đồ đạc cá nhân của bác sĩ - mọi việc diễn ra đều hoàn hảo. Nếu có kẻ nào đó tấn công thì trước tiên hẳn phải tấn công người nhân viên đứng quầy. Nhìn thấy thái độ thoải mái của anh ta tôi hoàn toàn tin tưởng anh ta không gài bẫy mình. Tôi lục soát căn phòng đề phòng có kẻ đang ẩn nấp. Tôi lục soát nhà tắm, tủ đồ, gầm giường... nói chung là tất cả mọi ngóc ngách của căn phòng. Sau đó, tôi hạ thấp tấm rèm xuống ngang cửa sổ, ra dấu cho Johnny biết tôi đã ở trong phòng và mọi việc đều ổn. Nếu tôi không ra dấu cho Johnny trong vòng năm phút, anh ta sẽ lên phòng hỗ trợ tôi.

Nhân viên đứng quầy thu xếp chiếc va li kéo, một túi quần áo và một chiếc va li xách tay đựng đầy đồ-la. Tôi bắn khoản tự hỏi không biết vị bác sĩ này lấy ở đâu ra mà nhiều tiền thế. Có thể ông ta mang tiền từ Mỹ sang để sống ở đây nhưng cũng có thể ông ta dính líu vào một vụ việc gì đó.

Sau khi thu xếp đồ xong, nhân viên đứng quầy khênh đồ xuống cầu thang. Cảm thấy thoải mái hơn, tôi vẫn cầm súng trong tay nhưng không chĩa về những điểm tiềm ẩn rủi ro. Khi đến chân cầu thang, tôi bỏ súng vào túi. Tôi đưa mắt liếc nhanh khắp hành lang. Dường như mọi thứ đều ổn thỏa cả.

Tôi cảm ơn nhân viên bán hàng và cầm lấy hành lý. Sau khi móc túi đựng quần áo vào va li xách tay, tôi kéo va li kéo bên tay trái, còn tay phải tôi xách va li xách tay.

Khi tôi ra khỏi khách sạn, hai tên côn đồ nhìn thấy tôi. Dường như họ biết tôi đến khách sạn để làm gì và cũng biết tôi biết họ đứng đó để làm gì. Liệu chúng bay có dám hạ gục tao không? Nếu họ cử động, tôi sẽ bỏ va li xách tay xuống và nhanh chóng rút khẩu súng lục trong túi ra. Tôi có thể vừa bắn vừa di chuyển và chúng sẽ bị kẹt trong xe. Nếu chúng cố gắng làm điều đó, hẳn đó sẽ là một ngày tồi tệ đối với chúng.

Johnny lái xe đến và đậu ngay phía sau chúng. Nếu muốn bắn vào xe chúng tôi, bọn chúng phải ra khỏi xe và quay đầu lại. Khi đó, chúng không được bảo vệ bởi cửa xe nữa. Johnny bước ra khỏi xe với khẩu súng trong tay. Cánh cửa xe bảo vệ phần dưới cơ thể của Johnny. Sự xuất hiện của Johnny làm tôi cảm thấy thực sự an tâm.

Tôi đi qua những tên côn đồ, ném hành lý vào sau xe và ngồi ở ghế sau. Hai tên côn đồ quay hẳn đầu lại nhìn chúng tôi, nói với nhau một vài câu gì đó rất nhanh. Johnny lái xe ra ngoài và đi một vòng tròn quanh khu nhà. Khi chúng tôi trở lại vị trí ban nãy, hai tên du côn đã mất dạng.

Chúng tôi đón bác sĩ tại Đại Sứ quán, đưa trả ông hành lý và lái xe đưa ông đến một cơ quan của Mỹ ở Manila, ở đây có nơi mua sắm và một nhà hàng. Chúng tôi giữ ông ở đó cho đến giờ chuyển bay cất cánh. Ông cứ liên tục cảm ơn chúng tôi.

Khi lái xe đưa ông đến sân bay, chúng tôi đã phái một chiếc xe đi trước để thám thính.

Ông tiếp tục nói lời cảm ơn chúng tôi “Hai cậu đã cứu sống tôi.” Chúng tôi đưa ông ta lên máy bay.

Sau đó, ông đã viết thư đến Đại Sứ quán cảm ơn vì sự giúp đỡ của chúng tôi và điều này đã đem lại danh tiếng cho chúng tôi. Sau này chúng tôi mới phát hiện ra thực chất của câu chuyện rằng ông này đã hẹn hò với con gái một ông trùm. Cô ta bị ông ta đoạt mất đời con gái và hứa sẽ kết hôn với cô mặc dù đã có kế hoạch rời khỏi Philippin. Khi phát hiện ra điều này, ông trùm đã không chấp nhận lời hứa hôn và tìm cách xử lý tay bác sĩ. Có lẽ điều đó là hoàn toàn xứng đáng với hắn.

Quá trình bình phục chấn thương của tôi còn mất một thời gian rất dài sau đó. Lúc này, vết thương vẫn hành hạ tôi vào ban ngày và làm tôi mất ngủ vào đêm. Nhiệm vụ bảo đảm an ninh ngoại giao là một công việc dễ dàng hơn rất nhiều so với nhiệm vụ của Đội đặc nhiệm SEAL số 6. Lúc này tôi biết mình sẽ chẳng còn đủ khả năng để đảm nhận những công việc khó khăn như trước nữa.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ an ninh ngoại giao, tôi trở lại đội. Chúng tôi tiếp tục thực hiện những công việc thường ngày: chạy, tập bắn trong nhà và ngoài sân bãi. Tôi nhận ra, mình không thể hoàn thành tốt những công việc này.

Tôi nói với Chỉ huy trưởng của Đội số 6 “Tôi sẽ thu xếp đồ đạc và trở về Georgia vì vết thương làm tôi đau triền miên ở chân, hông và cổ. Tôi ngủ không ngon giấc.” Ở thời điểm đó, tôi không biết điều gì đang xảy ra với mình. Sau khi điều chỉnh dáng đi để bớt đau chân, tôi vô tình lại khiến thiết bị xoay chân lắp bên ngoài ảnh hưởng đến hông. Cổ tôi kéo theo chiều ngược lại và kết quả là bị đau lây.

“Tôi biết cậu là người như thế nào. Nếu cậu muốn, tôi sẽ chuyển cậu đến bất kỳ đội nào cậu muốn, kể cả đến làm huấn luyện viên ở trường Huấn luyện các bài cơ bản dưới nước (BUD/S). Cậu có thể chọn làm huấn luyện viên một trong những khoa ở đó: Tác chiến trên không, trên thuyền hay nâng cao khả năng chịu đựng dưới nước. Bất kỳ điều gì cậu muốn. Chỉ cần bảo với tôi và tất nhiên mọi việc đều do cậu quyết định.”

Tôi hiểu mình sẽ chẳng bao giờ có thể làm được những gì đồng đội của tôi đang làm. Tôi vẫn nhớ những lần tôi bước lên bậc cầu thang ở phòng tập bắn – phải bám lấy ba người để đi lên. Điều này chưa bao giờ xảy ra với tôi trước đó. Tôi biết thời kỳ đỉnh cao của mình đã qua. Giờ tôi không còn khả năng đó nữa. Tôi không giỏi, không nhanh và các giác quan của tôi không tinh nhạy như trước đây nữa. Chính xác mà nói, tôi không còn đủ sức khỏe để làm những gì trước đây tôi vẫn thường làm. Tôi nói “Cảm ơn Chỉ huy trưởng. Tôi sẽ không là một thành viên của đội nữa, tôi muốn bắt đầu một chương mới trong cuộc đời của mình. Làm một công việc khác để xem ngoài kia mọi thứ như thế nào”.

Gần như từ lúc trưởng thành đến nay, tôi đều gắn cuộc đời của mình với quân ngũ. Quyết định này quả là mạo hiểm: Chẳng biết tôi có thể làm gì trong thế giới dân sự?

Chương 16. Trở về cuộc sống đời thường

Khi ra khỏi quân đội, cuộc sống của tôi đứng giữa ngã rẽ hoặc sẽ giàu có hoặc sẽ chết đói. Ở thời điểm vẫn đang nhận trợ cấp thương tật của Hải quân, tôi nhận được lời mời huấn luyện cho đội bảo đảm an ninh Thế vận hội mùa Hè 1996 ở Atlanta. Khi đó, 1.500 đô-la một tuần là một khoản tiền lớn đối với tôi, đặc biệt so với số tiền quân đội trả. Tôi giải ngũ và nhận công việc này. Trong thời gian này, tôi còn nhận huấn luyện cho Cục Quản lý Trại giam Liên bang (SORT) và nhiều cơ quan khác nữa. Công việc đòi hỏi tôi phải đi lại nhiều. Được trả 500 đô-la một ngày, tôi nghĩ mình sắp giàu đến nơi rồi.

Tính riêng trong mỗi phi vụ, số tiền tôi được trả công là rất hậu hĩnh, nhưng các phi vụ cứ đến rồi lại đi. Thời điểm giữa các phi vụ huấn luyện, tôi lại gặp khó khăn về tài chính.

Với mong muốn có cuộc sống ổn định hơn, tôi đã gia nhập lực lượng cảnh sát Bãi biển phía bắc Miami, Hallandale, Broward, Florida, một địa điểm nổi tiếng với các cuộc đua chó và lượng lớn khách du lịch người Canada. Sau hơn sáu tháng huấn luyện, tôi trở thành sĩ quan cảnh sát.

Trong khi tuần tra, tôi đeo kính râm hiệu Revo, do công ty kính mắt Luxottica của Italia sản xuất theo công nghệ của NASA. Các loại kính mắt nhãn hiệu Ray-Ban và Oakley cũng do công ty này sản xuất. Kính râm Revos có thấu kính trong suốt, chống phân cực tốt nhất và chúng tạo cho người đeo cảm giác rất thoải mái. Do tôi là một tân binh nên một sĩ quan huấn luyện tân binh luôn đi cùng với tôi. Một hôm, tôi phát hiện một chiếc xe Cadillac bị đánh cắp đang chạy phía trước. Tôi yêu cầu lái xe dừng lại. Một chiếc xe tuần tra khác cũng tham gia vào cuộc truy đuổi và chúng tôi bật còi hú của cảnh sát lên. Chiếc xe bị đánh cắp rẽ vào bên đường. Ngay khi chiếc xe dừng, một thanh niên da đen trạc tuổi 17 hoặc 18 gì đó nhảy ra khỏi xe và bỏ chạy. Chúng tôi dừng xe ngay phía sau chiếc xe bị đánh cắp. Viên sĩ quan huấn luyện tân binh nhảy ra khỏi ghế và chạy về phía chiếc xe Cadillac bị đánh cắp và bắt tên lái xe, một thanh niên béo phì. Mở cửa bên

ghế lái, tôi chạy ngay khi chân vừa chạm đất.

Tôi đuổi theo tên vừa bỏ trốn. Nhảy qua bụi cây và hàng rào. Trong khi rượt đuổi, chiếc dù cui và bộ đàm của tôi rơi ra lúc nào không biết. Nhưng chiếc kính râm thì không bị rơi. Chúng tôi chạy qua đám đông và chạy vượt sang khu phố bên cạnh. Đột nhiên, tôi mất dấu tên bỏ trốn. Một người đàn ông đang tưới cỏ ở chiếc sân trước chỉ về phía sau nhà của ông. Tôi từ từ tiến về phía sau ngôi nhà, nhưng tên bỏ trốn đã nhìn thấy tôi và tiếp tục bỏ chạy. Cuối cùng, khi hắn đang chạy băng qua đường, bất thành lính tôi xuất hiện, vật hắn ngã xuống đường. Một sĩ quan cảnh sát đang lái chiếc xe zEEP dừng lại giúp tôi. Tôi cảm thấy thật hạnh phúc khi bắt được tên trộm này.

Viên sĩ quan này nói: “Đây là cuộc rượt đuổi dài nhất tôi từng biết.”

Nếu tên trộm không phải vừa chạy vừa kéo quần thì có lẽ hắn đã tuột khỏi tay tôi rồi. Tôi bắt hắn đứng dậy sau khi đã còng hai tay lại, chiếc quần của hắn lại tụt xuống. Tôi lấy chiếc còng khác mắc khuy quần hắn vào chiếc còng trên tay hắn để chiếc quần không tụt xuống.

Viên sĩ quan huấn luyện tân binh đi cùng tôi lái xe tuần tra đến.

Tên trộm quay đầu lại và nhìn vào biển tên của tôi “Ngài sẽ không đánh tôi chứ, Sĩ quan Wasdin?”

“Tất nhiên là không. Tại sao cậu lại hỏi thế?”

“Tôi chỉ nghĩ rằng đó là những gì cảnh sát hay làm. Đánh đập chúng tôi. Đó là lý do tại sao tôi đã bỏ chạy.”

“Này, cậu nghĩ sai về cảnh sát rồi”.

Khi tôi chuẩn bị đưa cậu bé lên xe, một sĩ quan khác đã dùng tay đẩy cậu bé vào xe.

Tôi vội quát lên: “Này, buông tay khỏi tù nhân của tôi. Nhớ đừng có chạm tay vào cậu bé thêm một lần nào nữa.”

Sau này tôi còn tịch thu được một số vũ khí từ vài gã lang thang. Mọi người dặn tôi phải cứng rắn hơn với bọn trẻ. Tôi hiểu điều đó, nhưng tôi không tuân theo nguyên tắc đó. Hóa ra kẻ đánh cắp xe là tên lái xe chứ không phải cậu bé bỏ chạy. Cậu chỉ là trẻ lang thang được chủ thuê khoảng hai mươi hoặc ba mươi đô-la một ngày, có nhiệm vụ đưa xe bị đánh cắp đến người mua và mang tiền về cho chủ. Cậu bé này làm thuê cho ba bốn ông chủ gì đó. Những người chủ chỉ thuê những đứa trẻ tuổi vị thành niên để tránh bị khởi tố như khi thuê những người đã trưởng thành.

Tôi để hai tên này ngồi sau xe của tôi, rồi lái xe đi.

Tên bỏ chạy hỏi tên mập lái xe: “Tại sao mày không chạy?”

Tên mập cãi lý: “Ừ, mày vẫn bị ông cảnh sát da trắng này bắt đó thôi. Mày giải thích sao về điều này?”

“Đây không phải là người đàn ông da trắng bình thường. Mỗi lần tao quay đầu lại, đều nhìn thấy ông ta ở ngay phía sau.”

Tôi mỉm cười.

Tại Đồn Cảnh sát Hallandale, tôi làm một số thủ tục đối với hai nghi can. Sau đó, tôi đưa chúng lên Sở Cảnh sát Broward để giam giữ chúng. Tôi thấy bàn tay và đầu gối của tên bỏ chạy bị rách khi bị tôi vật ngã trên đường. Hắn ta cần được khâu một vài mũi. Tôi đưa hắn đến bệnh viện.

Quá trình làm thủ tục khám bệnh mất tới 45 phút. Đã quá giờ ăn trưa, tôi còng tay hắn vào một hàng rào và đến quán McDonald trong bệnh viện mua đồ ăn. Tôi trở ra với suất ăn sẵn 25 đô-la.

Cậu bé nhìn chăm chăm vào suất ăn của tôi.

Tôi hỏi “Cháu có đói không?”

“Dạ, không đói lắm.”

“Lần cuối cháu nhét một cái gì vào dạ dày là khi nào?”

“Cháu ăn súp từ tối hôm qua.”

Trời đất! Tôi quay trở lại quán ăn McDonald và mua cho cậu bé suất ăn như của tôi. Khi trở ra, tôi hỏi “Nếu bây giờ chú tháo còng tay ra để cháu ăn như một con người, liệu cháu có bỏ chạy nữa không?”

“Không, thưa ngài Sĩ quan Wasdin. Cháu hứa với chú, cháu sẽ không chạy nữa. Cháu hứa đây!”

“Cháu cũng hiểu đây. Chú sợ chạy lắm rồi. Nếu cháu bỏ trốn lần nữa, chú có thể sẽ bắn cháu.”

Chúng tôi cười khúc khích.

Tôi tháo còng tay cho cậu bé. Cậu bé cảm ơn tôi. Cậu ta há miệng rất to ngọam lấy miếng bánh. Sau đó, tôi quay lại quầy bán đồ ăn và mua thêm thức ăn cho cậu bé.

Sau khi ăn xong, chúng tôi ngồi đợi ở phòng cấp cứu. Cậu bé nói “Chú chẳng giống các cảnh sát khác chút nào.”

“Có nhiều cảnh sát như chú hơn là cháu nghĩ đây.”

“Cháu chưa bao giờ nghĩ một sĩ quan cảnh sát sẽ mua cho cháu một cái gì đó để ăn.”

“Cháu biết những gì? Nếu cháu đến bên các nhân viên cảnh sát và xin họ đồ ăn, họ sẽ cho cháu ngay thôi. Họ có thể cho cháu một gói bánh hoặc một đồ ăn gì đó, nhưng chắc chắn họ sẽ không cho cháu tiền đâu.”

“Cảm ơn chú.”

Cậu bé rất lịch sự, không ngớt lời cảm ơn tôi. Có vẻ đó là một cậu bé tốt nhưng bị bạn bè xấu rủ rê. Tôi cảm thấy rất vui khi giúp cậu bé theo cách đó, nhưng tôi vẫn cảm thấy buồn bởi chẳng biết với tình cảnh của cậu thì cậu sẽ ra sao.

Sau này, cứ khi nào tôi nhìn thấy cậu bé trên đường, cho dù đang làm gì chẳng nữa, cậu cũng dừng lại vẫy tay chào tôi. Đôi khi, cậu bé còn chạy đến nói chuyện với tôi nữa.

Khoảng một hai tuần sau, tôi phải trả giá cho lần rượt đuổi bộ đó. Cổ và phần thắt lưng trở xuống đau khủng khiếp. Một cảnh sát ở Bắc bãi biển Miami khuyên tôi nên đến bác sĩ nắn xương khớp chữa trị. Lúc này tôi vô cùng tuyệt vọng. Tôi chợt nhớ đến bác sĩ nắn xương khớp mà ngài Đại sứ Negroponte từng bảo tôi.

Cuối cùng tôi cũng đến gặp người thầy lang nắn xương khớp. Ông bảo tôi “Đề thuận lợi cho đi lại, các bác sĩ phẫu thuật đã lắp thiết bị xoay chân phía ngoài cho anh. Thiết bị này ảnh hưởng đến hông phải của anh. Anh bị đau từ khung xương chậu đến cổ. Đó là lý do tại sao anh ngủ không ngon giấc và những cơn đau đốn liên tục tấn công anh.”

Sau ba lần nắn chỉnh, lần đầu tiên trong nhiều năm qua, tôi ngủ một mạch từ tối đến sáng. Tôi tiếp tục đến nắn xương tại đây hai lần một tháng. Kết quả thật kỳ diệu. Tôi đã trở lại được với cuộc sống trước kia của mình.

Ở thời điểm đó, tôi nghĩ các bác sĩ nắn xương khớp giống như những người trị bệnh bằng mát xa hay tương tự như vậy. Tôi không hề biết, họ đã phải học hành rất nghiêm túc để trở thành bác sĩ chuyên ngành này.

Là một sĩ quan cảnh sát, tôi không còn bắt gặp đứa trẻ nào với những dấu tích của những trận đánh đập như đứa trẻ tôi gặp hồi mới nhận công tác. Mà nếu có gặp, chắc hẳn tôi cũng sẽ chẳng hỏi nhiều. Tôi sẽ chuyển đứa trẻ ngay cho các cơ quan có thẩm quyền và cha của đứa trẻ hẳn sẽ phải vào nhà lao thăm con.

Về mặt tài chính, tôi nhận thấy cũng không thể tiếp tục công việc này được nữa. Với mức thu nhập 45.000 đô-la một năm, hẳn sẽ giàu to nếu sống ở Jesup, Georgia nhưng đây lại là Hallandale, Florida.

Công ty sản xuất áo giáp cá nhân cho quân đội và cảnh sát hàng đầu thế giới Point Blank Body Armor thuộc Tập đoàn PACA ngỏ ý mời tôi về làm

việc cho một chi nhánh của công ty ở Tennessee. Thu nhập 75.000 đô-la một năm quả là một con số vô cùng lớn, đặc biệt là ở Tennessee. Vì vậy, tôi bỏ ngành an ninh và tiếp nhận công việc mới này. Sống trong một thị trấn nhỏ, tôi thấy mình thật giàu có. Blake đã ổn định việc học hành ở trường mới và cuộc sống cứ thế êm ả trôi.

Là một phần trong chương trình quảng cáo sản phẩm áo giáp, Công ty giao cho tôi nhiệm vụ dạy các chiến thuật và vũ khí đặc biệt (SWAT) cho Kane Kosugi, một ngôi sao võ thuật người Mỹ gốc Nhật để vào vai trong chương trình trên truyền hình Nhật Bản mang tên Kinniku Banzuke (Những tài nghệ mới). Kane mặc một chiếc áo của Đội Thực thi Nhiệm vụ Đặc biệt (SMART) do tôi thiết kế. Anh ta là một người luyện tập chăm chỉ và tiếp thu rất nhanh.

Công việc ở Point Blank đòi hỏi tôi phải đi lại khắp thế giới ở: Abu Dhabi, Dubai, Paris và bất cứ nước nào có hợp đồng lớn đối với công ty. Khi tôi đi công tác, Blake ở cùng với bạn bè. Khi Point Blank thay đổi bộ máy lãnh đạo, tôi không thích kiểu quản lý mới này.

Tôi trở lại Jesup để Blake và tôi được gần gũi hơn với con gái tôi, Rachel. Tôi lên kế hoạch huấn luyện cho lực lượng cảnh sát các Tiểu Vương quốc Ả Rập thống nhất chiến thuật và vũ khí đặc biệt (SWAT) theo hợp đồng của Thụy Sĩ. Bạn tôi, Tom McMillan, đã chuẩn bị một sân tập cho tôi ở Folkston, Georgia để tổ chức huấn luyện. Hợp đồng này thật béo bở. Từ trước đến nay, tôi chưa bao giờ kiếm được 5.000 đô-la một tuần. Tôi đang mong đợi đến giây phút này. Ngày 11 tháng Chín năm 2001, chúng tôi đã hoàn tất những khâu cuối cùng của kế hoạch và chuẩn bị bắt đầu tiến hành thì xảy ra vụ khủng bố vào Tòa tháp đôi của Trung tâm Thương mại thế giới. Sự kiện này đã thay đổi tất cả, làm cho kế hoạch huấn luyện phải tạm hoãn. Một giải pháp tạm thời được đưa ra trước khi vấn đề có thể được giải quyết. Ron, anh trai tôi tìm cho tôi công việc làm nhân viên bán hàng cho hãng xe GMC.

Tôi đồng ý nhận việc này để duy trì cuộc sống. Thật ngạc nhiên, số tiền tôi kiếm được từ việc bán xe còn nhiều hơn tất cả những công việc tôi từng trải qua. Khách hàng yêu quý tôi. Thế rồi Blake vào học trung học.

Tôi thậm chí còn bắt đầu hẹn hò trở lại. Cuộc hẹn hò đầu tiên là với một người lúc nào cũng theo dõi tôi. Nghĩ lại thấy thật buồn cười. Cô ta thường gọi điện cho tôi và nói “Anh thường chỉ mất 20 phút để từ nơi làm việc về nhà. Hôm nay anh mất tới 35 phút. Chuyện gì đã xảy ra vậy?”.

“Em nói nghiêm túc đấy chứ?”

Một tối, cậu em họ tôi Sandy vừa cười vừa nói với tôi: “Cô ấy đứng ở bụi cây bên ngoài nhìn vào cửa sổ nhà anh đấy”.

Tôi phì cười vì chuyện đó.

Sandy cũng cười theo.

Cảm thấy khó chịu về việc này, tôi nghĩ mình phải đi kiểm tra mới được. Cô gái hay theo dõi tôi không đứng ở bụi cây bên ngoài nhà mà ngồi trong xe của cô đỗ cách nhà tôi một vài nhà để tiện bề theo dõi tôi. Tôi đã hẹn hò không đúng người. Tôi vô cùng thất vọng.

Một lần khác, tôi hẹn hò với một người phụ nữ rất hấp dẫn. Ngay giây phút gặp mặt, ham muốn trong tôi trỗi dậy, tôi muốn ăn nằm ngay với cô ta. Trong khi ăn tối tại một nhà hàng, tôi hỏi: “Sở thích của em là gì vậy? Gần đây em có đọc cuốn sách hay nào không?”

“Kể từ khi tốt nghiệp trung học phổ thông, em chẳng bao giờ đọc sách cả.”

“Em có sở thích gì không?”

“Em thích nghe chương trình phát thanh của cảnh sát và thích xem chương trình Đô vật thể giới.”

Tôi nghiêm mặt lại và nói “Vậy à”.

“Vâng. Chương trình phát thanh của cảnh sát giúp em gần gũi với cộng đồng hơn. Qua đó, em biết ai đang gặp rắc rối và nơi nào sẽ có cảnh thú vị để xem. Nếu cảnh sát chuẩn bị tiến hành bắt giữ hay diệt một ổ tội phạm lớn, em sẽ đến xem.”

Trời đất. “Và sở thích khác của em là gì?”

“Chương trình Đô vật thể giới. Em thích đô vật Stone Cold Steve Austin.”

Giá như đừng nói gì, thì cô ấy quả là cô gái tuyệt vời. Sau bữa tối, tôi đưa cô ta về nhà nhưng chẳng buồn hôn tạm biệt cô ta.

Cô ta rất buồn.

Tôi tự hứa với bản thân sẽ không có bất kỳ một cuộc hẹn hò nào nữa. Ở hạt County chẳng có cô gái nào phù hợp với tôi cả.

Vào một buổi chiều thứ Bảy, ngày 19 tháng Một năm 2002, tôi về nhà với hai gói thịt gà mua ở Nhà hàng gia đình Sybil. Thịt gà ở nhà hàng này rất ngon. Có những người sẵn sàng lái xe hàng trăm cây số chỉ để đến thưởng thức món thịt gà ở đây. Blake và tôi đang chuẩn bị ăn thịt gà và xem bộ phim *O Brother, Where Art Thou?* tôi vừa thuê về thì cậu em họ Edward gọi điện cho tôi: “Tối nay, Deidre và em sẽ ra ngoài chơi. Cô ta có một người bạn và em muốn anh ra ngoài cùng”. Tôi biết đây hiển nhiên là kiểu sắp xếp cho một cuộc hẹn hò.

Tôi trả lời dứt khoát “Không.”

Hai phút sau, Deidre gọi điện tới nài nỉ “Howard, chiều lòng tụi em đi. Em chưa bao giờ nhờ anh giúp điều gì cả. Debbie đã từng có một cuộc hôn nhân tồi tệ và cô ta sẽ đi cùng với chúng em nhưng cô ta không muốn làm người thừa. Anh chỉ đến với bọn em cho có bạn có bè thôi. Anh là người luôn thích vui vẻ mà. Em sẽ không bao giờ nhờ anh làm bất kỳ điều gì khác nữa đâu. Em hứa, chỉ một lần này thôi.”

Trò gạt người đây mà. Tôi rất tức giận nhưng vẫn bỏ hộp thịt gà xuống và nói “Blake, bố có cuộc hẹn phải ra ngoài đây.”

“Thật vậy à? Con tưởng bố sẽ không bao giờ hẹn hò nữa.”

“Ừ, bố cũng có muốn đâu.”

Edward và Deidre đưa tôi đến căn hộ của Debbie.

Deidre giới thiệu: “Debbie, đây là người tôi từng kể với cậu và tôi muốn cậu gặp.”

Deidre làm cả Debbie và tôi bối rối.

Bốn chúng tôi đi chung một xe. Tôi hành động như kiêu, Này, tôi là Howard Wasdin. Cô em cần phải hạ mình trước tôi. Phải thể hiện sự tôn trọng đúng mực với tôi.

Cô ta tỏ thái độ hoàn toàn ngược lại như kiêu. Này, tôi chẳng thèm quan tâm anh là ai.

Ồ, nhưng thật khác lạ, cô ta ăn nói thật nhã nhặn và lịch sự. Tôi băn khoăn chẳng biết cô ta xuất thân từ đâu?

Hai chúng tôi đã có một bữa tối tuyệt vời, cười nhiều và nói chuyện rất tâm đầu ý hợp.

Tôi vẫn nhớ như in lần đầu tiên tay tôi chạm vào người cô ấy khi chúng tôi đang xem phim cùng Deidra và Edward. Ngay lập tức, tôi cảm nhận một luồng điện chạy qua người cả hai. Chúng tôi tiếp tục cuộc vui thêm vài phút nữa. Sau đó, tôi lái xe đưa Debbie về nhà.

Khi chúng tôi đến nhà cô ấy, chúng tôi tiếp tục trò chuyện trong nhà. Cuộc nói chuyện đầy ắp tiếng cười. Tiếng cười dẫn đến sự kết nối, sự kết nối đưa đến nụ hôn và nụ hôn làm tim tôi muốn nổ tung. Tôi quên cả thời gian, nhưng tôi vẫn nhớ nếu là một quý ông lịch sự thì tốt nhất là nói lời chào rồi ra về. Cả hai chúng tôi đều cảm thấy như đất dưới chân sắp sụp. Cả hai chúng tôi đều không có ý định tìm kiếm một cuộc hẹn hò trong lần gặp này nhưng ông tơ bà nguyệt đã xe duyên chúng tôi.

Cô ấy tiễn tôi ra cửa. Trước khi ra về, tôi không quên nói “Anh đã có một buổi tối thật tuyệt. Cảm ơn em.”

“Em cũng vậy.”

Tôi hỏi: “Tại sao em không gọi cho anh vào ngày mai chứ?” Tôi lớn lên ở Screven, Georgia dưới sự dạy bảo nghiêm khắc của cha mẹ. Cha mẹ tôi luôn dạy tôi phải biết cách cư xử lịch sự như một quý ông. Hành động vừa rồi chẳng ra chất quý ông chút nào cả, mà nó sặc mùi Howard Wasdin. Tôi chưa bao giờ phải cảm điện thoại gọi điện cho một người phụ nữ nào. Họ đều gọi cho tôi trước. Ngay cả người phụ nữ đứng trước mặt tôi này cũng sẽ phải làm vậy cho dù cô ta có được nuôi dạy để trở thành một quý bà.

“Em không biết anh được nuôi dạy như thế nào nhưng mẹ em dạy em không được gọi điện cho đàn ông. Nếu anh muốn nói chuyện với em, anh sẽ phải gọi điện cho em trước.” Nói xong cô ấy đóng sầm cửa lại.

Tôi thực sự bị tổn thương. Trên đường lái xe về nhà, mặc dù giới hạn tốc độ là 90km/h nhưng tôi phóng rất nhanh, có lẽ vượt giới hạn tốc độ khoảng 70 km. Mặc dù, tôi được nuôi dạy để trở thành một quý ông nhưng tôi lại trở thành người quá tự phụ. Cô ấy hoàn toàn đúng. Có chuyện gì đang xảy ra với tôi vậy? Tôi biết, lẽ ra tôi nên nói “Anh là Howard Wasdin, hãy gọi điện cho anh nhé!” Sau này, tôi càng tôn trọng Debbie hơn.

Cả ngày Chủ nhật tôi ngồi đợi điện thoại từ Debbie. Nhiều lúc, tôi đã cầm máy lên định gọi điện cho cô ấy nhưng rồi lại không, bụng thăm bảo, cô ấy sẽ gọi cho mình ngay thôi mà.

Cô ấy đã không gọi điện.

Sáng thứ Hai, tôi gọi điện cho Debbie. Chúng tôi đi ăn trưa cùng nhau. Vào cuối tuần, chúng tôi hẹn hò nhau. Tuần nào cũng vậy, chúng tôi đều hẹn hò cho tới khi kết hôn. Mặc dù, tôi từng thề sẽ không bao giờ chui đầu vào rọ lần nữa nhưng ngày 17 tháng Một năm 2003, anh trai Ron đã đứng ra tổ chức lễ cưới cho Debbie và tôi. Giờ đây, mỗi khi gặp Ron ở nơi công cộng, anh đều rất vui khi thấy chúng tôi hạnh phúc bên nhau và anh thường đùa “Khi tổ chức lễ cưới cho hai em, anh đã sử dụng loại keo tốt nhất đấy.”

Doanh số bán xe của tôi không đạt yêu cầu mặc dù những người tốt bụng ở Wayne luôn tìm đến tôi mua xe, thể hiện sự yêu mến tôi. Họ biết tôi lớn lên

trong cộng đồng của họ và rất trân trọng thời gian tại ngũ của tôi. Tôi bắt đầu tính đến việc học tập để trở thành bác sĩ nắn xương khớp. Tôi vào làm tại một nhà máy hóa chất. Người bạn cũ trong lực lượng CIA là Kèn Kèn giới thiệu cho tôi một công việc tại một công ty an ninh ở Braxin. Tuy nhiên tôi đã từ chối vì thấy rằng công việc này không thể kéo dài khi tôi có tuổi.

Tháng Mười năm 2004, Debbie và tôi đã nói chuyện với đại diện Bộ Cựu Chiến Binh của tôi. Họ đồng ý trả tiền học phí cho tôi nếu tôi theo học ngành nắn xương khớp. Debbie và tôi đến thăm trường đại học chuyên ngành cột sống, xương, khớp. Trên đường về, tôi thấy có nhiều lý do khiến tôi khó có thể theo học ở đây. “Tôi không thể vừa làm việc vừa đi học trong giờ hành chính. Chúng tôi sẽ phải thắt chặt hầu bao. Khóa học này mất rất nhiều thời gian. Không khéo tôi phải bỏ học dở chừng cũng nên. Lúc này tôi rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan.”

Debbie tức giận nói: “Nửa phần đời còn lại của anh sẽ trong khốn khổ – không bao giờ cảm thấy mãn nguyện, không bao giờ tìm được công việc mà anh yêu thích nữa. Nhưng nếu anh theo học ngành này. Càng bắt đầu sớm bao nhiêu, anh càng hoàn thành sớm bấy nhiêu. Anh sẽ cảm thấy hạnh phúc với công việc của mình. Còn nếu không, bốn năm nữa khi nhìn lại, anh sẽ nói: ‘Nếu hồi đó mình đi học thì giờ mình đã tốt nghiệp rồi.’” Ôi, tôi đã lấy được người vợ tuyệt vời.

Tháng Một năm 2005, tôi bắt đầu học ngành nắn xương khớp tại trường Life University ở Marietta, Georgia. Mặc dù tôi rất thích chuyên ngành nghiên cứu của mình nhưng một phần nhỏ trong số bạn cùng lớp của tôi có lối suy nghĩ rất lập dị. Số người này luôn phản đối bác sĩ y tế, kim tiêm và thuốc men. Thậm chí một giáo sư của trường còn nói với chúng tôi “Tôi sẽ không bao giờ tiến hành hồi sức cấp cứu hay hà hơi tiếp sức cho những người đang sắp chết.” Ông sẽ chỉ nắn xương cho những bệnh nhân sắp chết và tất cả chỉ có vậy thôi. Có một cặp vợ chồng, cả hai đều là bác sĩ nắn xương khớp, đã quen nhau và kết hôn khi còn đang học. Ba năm sau khi tốt nghiệp, người vợ qua đời vì bị nhiễm trùng tai do họ từ chối chữa trị theo y học hiện đại. Đối với trường hợp này, chỉ một liều kháng sinh là đã đủ để cứu sống người vợ rồi. Họ luôn giữ quan điểm rằng bác sĩ nắn xương khớp chỉ có một phương châm duy nhất là trị bệnh cứu người và dựa vào sức

manh nội sinh của mỗi người. Họ làm tôi nhớ đến thầy mo, người không chữa được bệnh cho cậu bé tôi từng giúp đỡ ở Somali. Đa số bạn cùng lớp và các giáo sư đều không có lối suy nghĩ này và đa số các bác sĩ nắn xương khớp cũng không có lối suy nghĩ trên. Đó chỉ là một phần trăm nhỏ bé mang lại tiếng xấu cho những người hành nghề bằng liệu pháp nắn xương khớp.

Khi tôi đang học năm cuối, bố dượng tôi mắc bệnh xơ gan cổ trướng. Bụng của ông cứ phình to lên như một quả bóng.

Chương 17. Chữa bệnh cứu người

Tôi lái xe vượt qua chặng đường dài khoảng 430 km đến thăm cha tại bệnh viện ở thành phố Savannah, Georgia. Về bề ngoài của ông đã đánh lừa tôi. Khi tôi đến, ông vẫn đang thức và cười đùa với các chị gái của tôi. Bác sĩ phẫu thuật nói với tôi: “Cha của anh sẽ không sao đâu. Ông đang trong quá trình bình phục.” Do vậy, ngay tối hôm đó, tôi chào ông để quay về trường chuẩn bị cho kỳ thi tốt nghiệp.

Vài giờ sau khi tôi trở về nhà, em gái út Sue Anne gọi điện báo cho biết bố dưỡng tôi bị một cơn đau tim. Đến chừng nửa đêm, người anh em họ của tôi Greg thông báo cho tôi biết ông đã qua đời.

Dù gặp phải biến cố lớn nhưng tôi vẫn tham dự kỳ thi tốt nghiệp. Trong môn thi đầu tiên, Tiến sĩ Marni Capes nói với tôi “Howard, cậu hãy đứng dậy và rời khỏi đây ngay bây giờ.”

“Không, không. Tôi có thể thi được. Tôi có thể làm được điều đó.”

Khi thi, tôi mới thấy nó không khó như tôi tưởng. Từ khi trở thành một đặc nhiệm SEAL, tôi không còn lo lắng chuyện bị cha làm tổn thương nữa. Mỗi quan hệ giữa hai cha con tôi đã cải thiện rất nhiều. Sau khi trở về từ Somali, lần đầu tiên tôi nói với ông “Con yêu bố.” Sau đó, tôi đều lặp lại câu nói này mỗi lần tôi gặp ông. Chúng tôi đã thân ái ôm hôn nhau. Theo dòng thời gian, tính tình cha tôi dịu đi rất nhiều. Trong buổi sum họp gia đình cách đây không lâu trước khi ông qua đời, cha nói với tôi rằng ông rất yêu quý người vợ mới cưới của tôi Debbie. Khi nói về nghề tôi đang theo học, ông bảo: “Khi nào con mở phòng khám tư, bố sẽ là một trong những bệnh nhân đầu tiên của con.” Lời nói từ một người chẳng bao giờ chịu đến bệnh viện khám chữa bệnh cho thấy ông rất tin tưởng vào tay nghề tương lai của tôi. Điều này có ý nghĩa rất lớn đối với tôi. Tôi đã có được sự tôn trọng, tán đồng của cha, một điều tôi hằng mong ước.

Mẹ nói rằng cha dưỡng tôi đã rất buồn khi quan hệ giữa hai cha con tôi không mấy tốt đẹp. Tôi không muốn nói với mẹ tôi rằng khi tôi ở nhà, cha luôn là người quá gia trưởng, độc đoán. Ông không trò chuyện với tôi và

cũng không thể hiện mong muốn xây dựng tình cảm với tôi. Khi cha mất, tôi không khóc nhiều như khi bác Carroll mất. Khi còn là một đứa trẻ, tôi chỉ dám tâm sự những chuyện thầm kín với bác Carroll. Tôi thậm chí có thể hỏi bác: “Mỗi sáng thức dậy, ‘thằng nhỏ’ của cháu cứ ngóc lên là sao? Liệu cháu có bị bệnh gì không?” Bác mỉm cười đáp: “Không, đó là chuyện bình thường cháu ạ.” Tuy nhiên, bố dượng tôi đã nuôi dạy tôi khôn lớn theo cách của ông và tôi rất buồn khi ông qua đời.

Một hôm, khoảng chín tháng sau đó, con trai Blake hỏi tôi “Bố có muốn gặp ông ấy không?”

Tôi hỏi lại “Gặp ai hả con?”

“Cha đẻ của bố ấy.”

Cha đẻ của tôi có thể đã đi qua mặt tôi ở trong quây tạp hóa nào đó và tôi chẳng biết ông là ai. “Này Blake, bố nghĩ là con biết ông ấy phải không”.

Chúng tôi tìm kiếm và cuối cùng cũng tìm ra cha đẻ của tôi. Sau đó, tôi gọi điện cho ông. Vào dịp Lễ Giáng sinh, tôi đến gặp cha đẻ Ben Wilbanks của tôi. Cha đẻ Ben kể rằng mẹ tôi đã mang chúng tôi đi và đến sống ở Georgia với Leon. Trong tâm trí của mình, câu chuyện của cha đẻ tôi giải thích cho tôi hiểu tại sao gia đình tôi lại vội vã rời Florida đến Georgia để sống. Tôi có chiều hướng tin vào câu chuyện này bởi những câu chuyện tôi nghe được từ mẹ và các chị gái của tôi đầy mâu thuẫn. Cha đẻ tôi còn kể, ông đã bỏ ra nhiều năm tìm kiếm tôi nhưng không tìm được. Ông trở thành người tôi yêu quý nhất trong đời. Khi ông ôm tôi, tôi biết tôi đang đón nhận cái ôm chân thành. Ông từng phục vụ trong quân đội và là một nhân viên quân cảnh. Sau khi giải ngũ ông làm nghề lái xe tải cho tới tận bây giờ.

Blake và tôi tiếp tục giữ liên lạc với cha đẻ của tôi. Mẹ tôi không bao giờ tha thứ cho ông và cũng không bao giờ quên những chuyện đã xảy ra giữa bà và ông. Về phần mình, tôi không đưa ra bất kỳ quyết định nào ra chiều bên vực riêng ai.

Khi chuẩn bị tốt nghiệp, tôi nhận được email của Đại úy Bailey, giảng viên Trường huấn luyện các bài cơ bản dưới nước. Ông đã đọc một bài báo viết

về tôi trong phòng chữa trị xương khớp. Trong thư ông gửi lời chúc mừng tôi và hỏi tôi có còn nhớ ông không.

Tôi tốt nghiệp với tấm bằng bác sĩ nắn xương khớp vào ngày 24 tháng Chín năm 2009. Tôi từng là người bảo thủ, kiên quyết không chịu gặp bác sĩ nắn xương khớp để trị bệnh trong một thời gian khá dài mặc dù thuốc men không làm tôi hết đau. Nhưng tôi cũng hiểu một điều là một người hành nghề y không thể làm được mọi điều cho một bệnh nhân và một bác sĩ nắn xương khớp không thể làm được tất cả mọi việc. Làm việc theo nhóm, đây là điều tôi đã đúc rút từ cuộc đời, luôn có hiệu quả. Xuất phát từ ý nghĩ đó, chúng tôi làm việc theo hệ thống. Các bác sĩ địa phương giới thiệu bệnh nhân cho tôi và tôi cũng giới thiệu bệnh nhân cho họ. Với phương thức làm việc này, bệnh nhân là những người hưởng lợi nhiều nhất.

Lần đầu tiên tôi bắt đầu khám bệnh cũng là lúc tôi biết mình đã có quyết định đúng. Bệnh nhân tin tưởng tôi. Tôi chẩn đoán chính xác bệnh cho họ. Tôi giúp họ cảm thấy khỏe hơn và họ yêu quý tôi vì điều này.

Giờ đây, tôi toàn tâm toàn ý vào nghề nghiệp mới của mình. Phòng khám riêng của tôi hoàn thành vào tháng Tư năm 2010. Thật may mắn, ngay từ ngày đầu tiên khai trương đã có nhiều người dân ở khu phố và cộng đồng xung quanh đến khám chữa bệnh. Trong số này, có một bệnh nhân là cháu bé 13 tuổi. Cháu bị đau đầu mãn tính khoảng bốn năm trở lại đây. Sau khi khám bệnh tôi mới biết, nguyên nhân dẫn đến chứng đau đầu kinh niên của cháu bé khởi nguồn từ vụ tai nạn ô tô khi cháu còn bé dẫn đến mất phần hồi thần kinh về bó cơ trong vận động chủ động. Trung bình mỗi tháng cháu đau đầu 12 lần. Sau mười tuần điều trị tại phòng khám của tôi, cháu chỉ còn đau đầu khoảng một đến hai lần hàng tháng. Những ca trị bệnh thành công kiểu này là động lực giúp tôi hiểu mình đã có quyết định đúng. Tôi thực sự cảm thấy rằng đây là con đường Chúa dành cho mình sau khi Ngài đã cứu sống tôi ở Somali.

Một minh chứng khác là khi tôi trị bệnh cho một bé gái 15 tuổi bị liệt tay. Cánh tay của bé gái này có cấu tạo không hoàn chỉnh và có nhiều dây thần kinh bị hỏng. Cô bé chỉ cử động được cánh tay phải. Tôi kết hợp xung điện, chỉnh nắn xương khớp với các kỹ thuật khác trong ngành học của mình để chữa trị cho cô bé. Sau một thời gian, lần đầu tiên trong đời cháu bé chuyển

động được tay tạo với thân người một góc 42 độ. Sau một thời gian nữa, cháu cử động được cả về trước và về sau một góc 45 độ. Người trợ tá của tôi bật khóc. Bé gái òa khóc trong niềm hạnh phúc sau một thời gian kiên trì tập luyện. Cha cháu bé cũng khóc. Tôi buộc phải bỏ ra ngoài trước khi mình cũng không cầm được nước mắt. Tôi lấy khăn giấy lau nước mắt. Sau đó tôi trở lại với bệnh nhân như kiểu không có chuyện gì xảy ra và nói “Được rồi, đây là bài tập dành cho cháu tuần tới”. Cứu giúp những bệnh nhân như cháu bé này làm lòng tôi dịu bớt cảm giác tội lỗi khi tôi vẫn được sống còn những người tốt hơn tôi, như Dan Busch, lại phải chết. Giờ tôi hiểu rõ hơn lý do tại sao Chúa để cho tôi sống. Ngài thực sự đã định sẵn cho tôi con đường tiếp sau cuộc đời của một đặc nhiệm SEAL.

Mặc dù Blake đã 20 tuổi nhưng bất cứ khi nào đến thăm, tôi đều ôm con khi chia tay. Tôi cũng dành sự yêu mến tương tự với con gái riêng của vợ là Eryn. Trong lòng tôi, lúc nào tôi cũng coi Eryn là con đẻ của mình. Riêng với vợ tôi Debbie, bao giờ tôi cũng ôm hôn nàng mỗi khi về nhà và ra khỏi nhà. Debbie và tôi rất mực yêu thương nhau nên bạn bè thường nói chúng tôi là một cặp trời sinh. Trước đó nhiều năm, tôi thường tự hỏi tại sao tôi lại được Chúa cứu vớt. Hôm nay, tôi rất biết ơn Chúa đã để tôi được sống và cảm ơn con đường Ngài đã định sẵn cho tôi đi. Một lần nữa, tôi lại cảm thấy tràn đầy nhiệt huyết. Và một lần nữa, cuộc đời lại mỉm cười với tôi.

Lời kết

Bốn tên cướp biển Somali nhảy lên tàu hàng MV Maersk Alabama của Mỹ đang chạy cách bờ biển Somali 450 km. Đây là chiếc tàu đầu tiên mang cờ Mỹ bị cướp kể từ những năm 1800. Những tên cướp biển đã giữ Thuyền trưởng Richard Phillips làm con tin trong chiếc xuồng cứu sinh.

Tàu khu trục USS Bainbridge (DDG-96) ngay lập tức có mặt đưa ra yêu cầu bọn cướp biển thả Thuyền trưởng Phillips. Máy bay trinh sát P-3 Orion bay phía trên, theo dõi tình hình. Bọn hải tặc chỉ đồng ý thả thuyền trưởng khi đã nhận được khoản tiền chuộc một triệu đô-la.

Lợi dụng bóng tối, một nhóm đặc nhiệm SEAL nhảy dù xuống biển và lên tàu khu trục Bainbridge.

Chiếc xuồng cứu sinh hết nhiên liệu và lúc này gió biển khá to. Lo sợ trước những đợt sóng lớn, hải tặc cho phép tàu Bainbridge kéo xuồng cứu sinh vào vùng biển lặng sóng hơn.

Đêm Chủ nhật ngày 12 tháng Tư năm 2009, tàu Bainbridge và xuồng cứu sinh neo đậu cách nhau chưa đầy 10m trong màn đêm đen kịt. Bên trong tàu Bainbridge, một hải tặc đang thương lượng về số tiền chuộc một triệu đô-la. Ở đuôi tàu, ba lính bắn tỉa SEAL và các đặc nhiệm phát hiện mục tiêu, đều ăn vận đồ màu đen có nhiệm vụ giám sát chiếc xuồng cứu sinh và truyền tải thông tin về cho Chỉ huy SEAL.

Một đặc nhiệm phát hiện mục tiêu thông báo "T đang dí súng AK vào lưng H." Mật hiệu này có nghĩa "Tên khủng bố đang chĩa súng vào lưng con tin."

Hai tên cướp biển khác đang thò đầu lên boong tàu để theo dõi tình hình.

Mỗi lính bắn tỉa đều có một miếng nhám Velcro ở bên thành khẩu súng bắn tỉa Win Mag. Gắn với miếng nhám Velcro là một thiết bị truyền tín hiệu. Khi một lính bắn tỉa đưa tên cướp biển vào thước ngắm của mình, anh ta sẽ ấn nút trên thiết bị này để gửi tín hiệu đến chỉ huy của SEAL.

Trên tai nghe, các lính bắn tỉa nhận được mệnh lệnh của Chỉ huy “Sẵn sàng. Ba, hai, một, bắn.” Từ đuôi tàu Bainbridge, ba lính bắn tỉa đồng thời siết cò. Ba tên cướp biển đổ gục. Một đội xung kích tiếp cận xuống cứu sinh giải cứu Thuyền trưởng Phillips. Các đặc nhiệm SEAL khác bắt sống tên cướp biển đang thương lượng khoản tiền chuộc trên tàu Bainbridge.

Một lần nữa, Đội đặc nhiệm số 6 của SEAL lại chứng tỏ được đẳng cấp của mình. Hầu hết những sứ mệnh do đặc nhiệm SEAL thực hiện đều được giữ kín với công chúng, gia đình và ngay cả với các đồng đội trong SEAL. Thật khó diễn tả những khó khăn và rủi ro các đặc nhiệm gặp phải trong quá trình huấn luyện và thực thi nhiệm vụ. Nói chung, sự tận tụy, sự hy sinh mất mát và lòng yêu nước của họ sẽ vẫn là những điều luôn được giữ kín.

Phụ lục

Seal Team 6: Biệt đội siêu bí mật

Vụ “hành thích” Osama bin Laden của SEAL Team 6 giúp soi rọi một chút ánh sáng vào biệt đội tinh nhuệ số 1 của quân đội Mỹ.

Có 79 biệt kích được giao nhiệm vụ tiêu diệt Osama bin Laden song vào phút cuối chỉ có khoảng hơn 20 người tiến vào dinh thự của thủ lĩnh Al Qaeda, xông vào phòng ngủ và bắn trùm khủng bố này ở cự ly gần.

Tất cả đều biết Tổng thống Mỹ Barack Obama đang theo dõi trực tiếp hoạt động của họ tại Washington. Những người này được ca ngợi như những anh hùng tại Mỹ song sẽ không có cuộc diễu hành mừng chiến thắng nào dành cho họ.

Những biệt kích nói trên phục vụ trong một biệt đội có tên gọi không chính thức là SEAL Team 6 (Biệt đội SEAL số 6 - ST6), một đơn vị bí mật đến nỗi Nhà Trắng và Bộ Quốc phòng Mỹ từ chối thừa nhận trực tiếp sự hiện hữu của nó. Danh tính các thành viên của nó, dĩ nhiên, sẽ không được công bố vì lý do an ninh. Nhân dạng của họ có thể sẽ được giữ bí mật vĩnh viễn.

Thành viên của biệt đội này từng săn lùng những tội phạm chiến tranh ở Bosnia, chiến đấu tại một vài chiến trường đẫm máu nhất ở Afghanistan và từng bắn chết 3 tên cướp biển Somalia trong chiến dịch giải cứu một con tin người Mỹ năm 2009.

Cuộc đột kích vào rạng sáng ngày 2 tháng 5 ở Pakistan cũng có thể xem là điểm son cho biệt đội từng can dự trong một số chiến dịch nguy hiểm nhất của quân đội Mỹ trong vài thập niên qua.

Leon Panetta, Giám đốc Cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ (CIA), nói các biệt kích SEAL lao vào nhiệm vụ với chỉ từ 60 đến 80% khả năng bin Laden có mặt trong ngôi nhà.

Ông Panetta nói các biệt kích phải thực hiện quyết định bắn bin Laden, người không mang vũ khí và có một khẩu súng trường trong tầm với, trong một phần giây, khi họ tìm thấy hắn ở phòng ngủ trên tầng ba.

Không hề có tranh luận giữa các thành viên của ST6 về việc họ có thực hiện quyết định đúng đắn khi bắn bin Laden hay không.

Don Shipley, một cựu thành viên của SEAL, nói: “Trong đêm tối, với đạn bay vèo vèo xung quanh và có nhiều người ngã xuống, nhiệm vụ của bạn là bắt sống hoặc giết chết bin Laden, ai biết được hắn ta giấu gì trong áo? Chuyện đó chỉ xảy ra trong một chớp mắt. Mục tiêu đang ở trước mắt và một cơ hội thứ hai sẽ phải trả giá bằng mạng sống”.

Lalo Roberti, một cựu thành viên SEAL khác từng tham gia vào một chiến dịch giải cứu nguy hiểm ở Afghanistan vào năm 2005, nói: “Với chúng tôi, để trúng đạn đã là dở, đặc biệt với những thành viên ST6”.

Trong hải quân Mỹ, các biệt đội SEAL bình thường được đánh số từ Đội số 1 đến Đội số 5 và Đội số 7 đến Đội số 10. Đội số 6 (ST6) được mô tả là đội “tinh nhuệ của tinh nhuệ” hay theo Roberti là “đội các ngôi sao”.

Tên gọi chính thức của ST6 là Nhóm triển khai chiến tranh đặc biệt của Hải quân Mỹ (US Naval Special Warfare Development Group) hay được gọi tắt là DEVGRU. Các thành viên của SEAL cho biết, ST6 được chọn thực hiện chiến dịch “hành thích” bin Laden, sứ mệnh đình đám nhất trong lịch sử của SEAL, bởi kỹ năng sát thương của họ trong các điều kiện phức tạp và mơ hồ.

Tất cả các thành viên của SEAL đều phải kinh qua những bước chuẩn bị khốc liệt, bao gồm 6 tháng huấn luyện tác chiến cơ bản dưới nước ở Coronado, California. Trong “tuần lễ địa ngục”, các tân binh chỉ được ngủ tổng cộng 4 tiếng trong suốt 5 ngày rưỡi chạy nhảy, bơi lội trong nước lạnh buốt và lội trong bùn lầy. Có khoảng 80% số ứng viên không vượt qua được vòng này và ít nhất có một người chết.

Với những ai thành công, họ sẽ được huấn luyện thêm sau đó. Sau nhiều năm làm thành viên SEAL bình thường, các ứng viên của ST6 được huấn

luyện nhảy dù từ độ cao 9.000m với mặt nạ và chiếm lại một tàu du lịch bị tấn công. Chỉ có một nửa số thành viên của SEAL hoàn thành được khóa huấn luyện này.

Ryan Zinke, một cựu thành viên của ST6 đang là nghị sĩ ở bang Montana, cho biết các thành viên của biệt đội này có một tính cách nhất định. “Tôi sẽ dùng từ tự phụ và kiêu căng”, Zinke nói.

SEAL là từ viết tắt của nhóm từ chỉ phạm vi hoạt động đa dạng của họ gồm Sea (Biển) - Air (Không) - Land (Đất). Đơn vị này được Tổng thống John F. Kenedy thành lập vào năm 1962 như một cách thức để mở rộng chiến tranh không quy ước.

Biệt đội ST6 về sau được thành lập nhằm phản ứng trước chiến dịch giải cứu con tin thất bại ở Iran vào năm 1980, khi Lầu Năm Góc cảm thấy có nhu cầu về một cơ quan mà ngày nay được gọi là Bộ Tư lệnh Chiến dịch Đặc biệt, cùng với một đơn vị đặc biệt của Hải quân chuyên trách chống khủng bố.

ST6 có lịch sử chuyên tác chiến trên biển song trong một thập niên kể từ vụ khủng bố 11.9, đội đã tăng cường chiến đấu trên bộ ở Iraq và Afghanistan. Quy mô của ST6 được giữ bí mật song đội được cho là đã gia tăng quân số gấp hai lần lên thành gần 300 người kể từ đó.

Hiện tại, SEAL có khoảng 3.000 thành viên đang hoạt động, trong đó các đội số lẻ đóng tại Coronado và số chẵn đóng tại Virginia. ST6 trú đóng tại một căn cứ độc lập với các đội khác, tại bờ biển Virginia. “Tôi thường gọi đó là câu lạc bộ của những ông già”, Zinke nói.

Với sự gia tăng mức độ quan trọng của các chiến dịch đặc biệt và kiểu chiến tranh du kích, các thành viên của SEAL cũng đã chiếm giữ nhiều vị trí nổi bật trong quân đội Mỹ.

Quan chức lên kế hoạch và giám sát chiến dịch tiêu diệt bin Laden - Phó đô đốc William H. McRaven, Chỉ huy Bộ Tư lệnh Chiến dịch Đặc biệt (US Special Operations Command), là một thành viên của SEAL.

Ngày 4 tháng 5, Lầu Năm góc cũng thông báo Phó đô đốc Robert S. Harward Jr., một thành viên SEAL khác, sẽ trở thành Phó tư lệnh của Bộ Tư lệnh Trung bộ Mỹ (USCENTCOM, phụ trách Trung Á và Trung Đông), giúp ông trở thành quan chức cao cấp thứ hai của quân đội Mỹ tại Trung Đông.

Eric Greitens, một cựu thành viên SEAL từng viết cuốn sách “Trái tim và quả đấm” về kinh nghiệm của mình, nói các thành viên của SEAL thường bị hiểu nhầm là các biệt kích chết chóc nhất của Mỹ.

Dù theo như mô tả của Nhà Trắng, mức độ bạo lực của những tấm ảnh về bin Laden với lỗ đạn trên đầu có vẻ như góp phần nhấn mạnh tai tiếng này, ông Greitens cho biết thành viên của SEAL là những biệt kích sáng tạo, những người biết cách “thu thập tối đa thông tin tình báo mà họ có thể”.

Bất chấp sự thành công của chiến dịch, các cựu thành viên của SEAL cũng thừa nhận tính hiểm nghèo của cuộc đột kích và mức độ may mắn trong đó. Ông Shipley nói với một phóng viên của tờ New York Times: “Nếu mọi chuyện diễn biến theo chiều hướng xấu, cuộc trò chuyện giữa tôi và anh sẽ hoàn toàn khác biệt. Chỉ có hai chiều hướng trong các chiến dịch như thế – số không hoặc người hùng”.

SƠN DUÂN

(Theo New York Times)

thanhniennews.com

Bật mí về biệt đội siêu đẳng tiêu diệt Bin Laden

Tiêu diệt trùm khủng bố nhanh gọn trong khoảng 40 phút và không để xảy ra thương vong nào cho mình, đội quân siêu đẳng của hải quân Mỹ đã hoàn thành sứ mệnh của mình.

Từ căn cứ không quân Ghazi ở Pakistan, chiếc trực thăng cải tiến MH-60 hướng về pháo đài ở Abbottabad, cách trung tâm thủ đô Islamabad của Pakistan khoảng 50km. Trên trực thăng là đội SEAL của Hải quân Mỹ, đã từ Afghanistan bay qua biên giới cùng với hiệu lệnh chiến thuật, những người thu thập tin tình báo và người chỉ đường dùng ảnh siêu phổ tối mật.

Sau loạt hỏa lực hơn 40 phút, 22 người thiệt mạng hoặc bị bắt. Một trong số

những người đã chết là Osama bin Laden, trúng hai phát đạn vào phía trái mặt. Thi thể của trùm khủng bố được đưa lên trực thăng và máy bay trở lại nơi xuất phát. Một trong hai chiếc máy bay bị trục trặc kỹ thuật và bị quân Mỹ phá hủy, quan chức Nhà Trắng cho hay.

Nếu đó không phải là mục tiêu có giá trị, thì hành động vừa qua chỉ là sứ mệnh thường lệ của đội quân SEAL Team 6 (đội 6), một đơn vị được huấn luyện đặc biệt và bí ẩn. Cũng như các đơn vị đặc nhiệm khác, các thành viên của SEAL Team 6 đội một chiếc mũ len trùm đầu và cổ dày.

Được thành lập sau cuộc giải cứu 52 người Mỹ bị bắt làm con tin trong đại sứ quán Mỹ ở Tehran, Iran năm 1980, đơn vị này có nhiệm vụ thực thi các sứ mệnh tối mật, vốn bị chính phủ và quân đội Mỹ chính thức từ chối đảm nhận. Kết quả là họ thường được nói là "đặc vụ đen" - một thuật ngữ yêu thích của các nhà làm phim hành động Hollywood.

Để bổ sung cho không khí bí mật bao trùm quanh đội quân này, chỉ vài người ngoài quân đội dám chắc về tên gọi của đơn vị siêu đẳng. Tên gọi dài ngoằng đáng tin cậy nhất là NAVSPECWARDEVGRU viết tắt của Đội triển khai chiến tranh đặc biệt của hải quân, hoặc viết ngắn hơn là DEVGRU.

Tháng 3/1997, Tổng thống Mỹ Bill Clinton ký Sắc lệnh 13039 đặt tên cho đơn vị trên là NAVSPECWARDEVGRU. Tên gọi này sau đó được phổ biến cho các nhân viên trong quân đội Mỹ. Tuy nhiên, với vụ tiêu diệt Bin Laden vừa qua, có vẻ như đơn vị siêu đẳng trên sẽ được công chúng nhớ mãi với tên gọi SEAL Team 6.

SEAL là tên viết tắt từ chữ cái đầu của từ Biển (Sea) Không (Air) và Đất (Land), và đội SEAL của Hải quân chuyên trách các chiến dịch đổ bộ. Tuy nhiên, hành động gần đây của lực lượng này ở Pakistan cho thấy, các thành viên của SEAL có thể hoạt động trong bất cứ môi trường nào.

SEAL Team 6 là đơn vị tinh nhuệ trong đội quân tinh nhuệ. Đón ở căn cứ không quân Oceana của hải quân ở Virginia, thành viên của Team 6 còn hơn cả các chiến binh tài giỏi. Hầu hết, họ đều giỏi một hoặc nhiều ngoại ngữ. Trong chiến dịch tiêu diệt Bin Laden vừa qua, một số thành viên của

đội còn có thể nói tiếng Pasto. Các ứng viên được lựa chọn vào SEAL Team 6 có khả năng thích nghi với bất kỳ một môi trường nào.

Không có gì ngạc nhiên, việc huấn luyện đội viên SEAL cực kỳ khắc nghiệt và có một số trường hợp tử vong đã xảy ra, thường là trong quá trình huấn luyện chiến đấu, khi mà đạn thật được sử dụng.

Với một chế độ tập luyện đầy nguy hiểm nhằm chuẩn bị cho các thành viên khả năng tham chiến thật sự nên quân Mỹ không có bất cứ thương vong nào trong cuộc đột kích 40 phút ở Abbottabad. Điều này chứng tỏ sự hữu hiệu của quá trình huấn luyện.

Ngoài thành công trong cuộc tiêu diệt Bin Laden, Team 6 còn đạt được nhiều thắng lợi khác. Dù chúng ta không biết rõ mọi chiến dịch của đội quân siêu đẳng này, nhưng Team 6 có tham gia chiến dịch giải cứu Toàn quyền Grenada khi Mỹ chiếm hòn đảo này năm 1983 để lật ngược tình thế đảo chính. Những năm 1990, Team 6 đã tiêu diệt một số tội phạm chiến tranh ở Bosnia.

Song, cũng như các đơn vị khác, Team 6 cũng có những thất bại. Tháng 3/2002, trên đỉnh núi Takur Ghar ở đông nam Afghanistan, một chiếc trực thăng Chinook chở các thành viên của nhiều đơn vị đặc nhiệm Mỹ đã trúng lựu đạn. Trong khi phi công cố gắng kiểm soát máy bay, thành viên đội SEAL Team 6 Neal Roberts trượt khỏi cầu thang đổ bộ và rơi xuống núi. Dựa trên những bằng chứng pháp y thu thập được sau này cho thấy, Roberts bị một số chiến binh Al Qaeda bao vây và đã trụ được 30 phút cho tới khi bị giết. Tuy nhiên, trong lịch sử của SEAL, những trường hợp như trên rất hiếm.

HOÀI LINH

(Theo National Journal, Mail)

vietnamnet.vn